"Chịu nhịn là chết đấy"

Kết quả từ Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình với phụ nữ ở Việt Nam

2010

"Chị nghĩ là nếu bị bạo lực thì nên lên tiếng và nhờ sự giúp đỡ của tập thể hoặc tư vấn, tùy từng trường hợp chứ không phải ai cũng giống ai, nhưng mà không nên chịu nhịn, bởi vì chịu nhịn là chết đấy".

(Một phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội.)

MỤC LỤC

MỤC LỤC ..... - 5 -
Danh sách hình ..... - 7 -
Danh sách biểu ..... - 9 -
LỜI NÓI ĐẦU ..... - 13 -
LỜI CẢM ƠN ..... - 15 -
BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT VÀ CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ ..... - 17 -
TÓM TẮT ..... - 19 -
CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU ..... - 25 -
1.1. Bối cảnh văn hóa, kinh tế xã hội và nhân khẩu học ..... - 25 -
1.2. Thông tin chung về bạo lực đối với phụ nữ tại Việt Nam ..... - 27 -
1.3. Khung lý thuyết và các định nghĩa về bạo lực đối với phụ nữ ..... - 30 -
1.4. Mục tiêu và tổ chức nghiên cứu ..... - 33 -
CHƯƠNG II. PHƯƠNG PHÁP ..... - 37 -
2.1. Cấu phần định lượng ..... - 37 -
2.2. Phần định tính ..... - 44 -
2.3. Những cân nhắc về đạo đức và an toàn trong nghiên cứu ..... - 46 -
2.4. Tỷ lệ trả lời và mô tả mẫu khảo sát ..... - 48 -
2.5. Nghiên cứu như một hành động xã hội ..... - 48 -
KẾT QUẢ ..... - 50 -
CHƯƠNG III. BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ DO CHỒNG GÂY RA ..... - 51 -
3.1. Bạo lực thể xác ..... - 52 -
3.2. Bạo lực tình dục ..... - 56 -
3.3. Bạo lực tình dục và/hoặc bạo lực thể xác là chỉ số chính của bạo lực do chồng gây ra ..... - 59 -
3.4. Bạo lực tinh thần ..... - 61 -
3.5. Hành vi kiểm soát ..... - 64 -
3.6. Bạo lực về kinh tế ..... - 65 -
3.7. Phụ nữ gây bạo lực đối với nam giới như thế nào? ..... - 66 -
CHƯƠNG IV. BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ DO CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC GÂY RA (KHÔNG PHẢI CHỒNG) ..... - 67 -
4.1. Bạo lực thể xác do người khác kể từ khi 15 tuổi ..... - 68 -
4.2. Bạo lực tình dục bởi người khác kể từ khi 15 tuổi ..... - 69 -
4.3. Lạm dụng tình dục trước khi 15 tuổi ..... - 69 -
4.4. So sánh giữa bạo lực do chồng và bạo lực không phải do chồng gây ra (kể từ khi 15 tuổi) ..... - 69 -
CHƯƠNG V. THÁI ĐỘ VÀ NHẬN THỨC VỀ NHỮNG YẾU TỐ ĐẰNG SAU BẠO LỰC DO CHỒNG GÂY RA ..... - 70 -
5.1. Thái độ của phụ nữ về giới và bạo lực ..... - 70 -
5.2. Những tình huống dẫn tới bạo lực về thể xác ..... - 74 -
5.3. Quan niệm văn hóa về nam tính và nữ tính có liên quan tới bạo lực ..... - 77 -
CHƯƠNG VI. TÁC ĐỘNG CỦA BẠO LỰC DO CHỒNG GÂY RA ĐỐI VỚI SỨC KHỎE VÀ THỂ CHẤT CỦA PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM ..... - 80 -
6.1. Thương tích từ bạo lực do chồng gây ra. ..... - 80 -
6.2 Tác động của bạo lực do chồng gây ra theo trả lời của phụ nữ ..... - 82 -
6.3. Bạo lực do chồng gây ra và tình trạng sức khỏe chung và các triệu chứng thể xác ..... - 83 -

6.4. Bạo lực do chồng gây ra và sức khỏe tâm thần.....- 84 -
6.5. Bạo lực do chồng gây ra và sức khỏe sinh sản .....- 85 -
6.6. Bạo lực gia đình và sức khỏe trẻ em.....- 86 -
CHƯƠNG VII. BẠO LỰC ĐỐI VỚI TRẺ EM, NHỮNG KHÍA CẠNH BẠO LỰC GIỮA CÁC THẾ HỆ.....- 89 -
7.1. Bạo lực đối với trẻ em theo tiết lộ của phụ nữ.....- 89 -
7.2 . Trẻ em chứng kiến bạo lực theo tiết lộ của bà mẹ .....- 91 -
7.3. Bạo lực giữa các thế hệ .....- 91 -
CHƯƠNG VIII. CHIẾN LƯỢC ỨNG PHÓ VÀ XỬ TRÍ CỦA PHỤ NỮ KHI BỊ BẠO LỰC..- 93 -
8.1. Phụ nữ kể với ai về bạo lực và ai là người giúp đỡ họ?.....- 93 -
8.2. Sự hỗ trợ của các tổ chức và chính quyền với phụ nữ .....- 96 -
8.3. Bỏ nhà đi do bạo lực? .....- 100 -
8.4. Đánh lại.....- 102 -
8.5. Kiến thức về luật pháp để bảo vệ phụ nữ.....- 103 -
CHƯƠNG IX. BÀN LUẬN.....- 106 -
9.1. Ưu điểm và hạn chế của Nghiên cứu .....- 106 -
9.2. Bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam so với các nước khác .....- 108 -
9.3. Các lĩnh vực cần phân tích thêm hoặc sâu thêm .....- 112 -
CHƯƠNG X. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....- 113 -
PHỤ LỤC 1. NHÓM NGHIÊN CỨU VÀ CÁC CỘNG TÁC VIÊN .....- 121 -
PHỤ LỤC II-a. BẢNG CÂU HỎI ĐIỀU TRA ĐỊNH LƯỢNG ..... **Error! Bookmark not defined.**
PHỤ LỤC II-b. Sự khác biệt giữa bộ câu hỏi khảo sát của Việt Nam so với bộ câu hỏi của WHO..... **Error! Bookmark not defined.**
PHỤ LỤC III. THIẾT KẾ MẪU ..... **Error! Bookmark not defined.**
PHỤ LỤC IV. BIỂU SỐ LIỆU..... **Error! Bookmark not defined.**

Danh sách hình

Hình 1.1. Hệ thống loại hình bạo lực của Tổ chức Y tế thế giới, 2002.

Hình 1.2. Mô hình lồng ghép các yếu tố liên quan tới bạo lực gây ra bởi chồng.

Hình 2.1. Tấm thẻ miêu tả minh họa bằng tranh cho câu hỏi về việc bị lạm dụng tình dục trước tuổi 15: khuôn mặt buồn, câu trả lời là "có"; khuôn mặt vui, câu trả lời là "không".

Hình 3.1. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực thể xác chia theo độ tuổi, Việt Nam 2010 (N=4561).

Hình 3.2. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực thể xác chia theo trình độ học vấn của người phụ nữ, Việt Nam 2010 (N=4561).

Hình 3.3. Tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực thể xác mức độ trung bình và trầm trọng chia theo độ tuổi, Việt Nam 2010 (N=4561).

Hình 3.4. Tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực thể xác mức độ vừa và trầm trọng chia theo trình độ học vấn của người phụ nữ, Việt Nam 2010 (N=4561).

Hình 3.5. Tỷ lệ phụ nữ từng mang thai bị chồng gây bạo lực thể xác trong thời gian mang thai chia theo trình độ học vấn, Việt Nam 2010 (N=4474).

Hình 3.6. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực tình dục chia theo nhóm tuổi, Việt Nam 2010 (N=4561).

Hình 3.7. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực tình dục chia theo trình độ học vấn, Việt Nam 2010 (N=4561).

Hình 3.8. Tỷ lệ phụ nữ từng bị chồng gây bạo lực thể xác hoặc tình dục chia theo vùng, Việt Nam 2010 (N=4561).

Hình 3.9. Tỷ lệ phụ nữ từng bị chồng gây bạo lực thể xác và tình dục chia theo nhóm dân tộc, Việt Nam 2010 (N=4561).

Hình 3.10. Bạo lực chồng chất trong đời- bạo lực thể xác đi kèm bạo lực tình dục do người chồng gây ra đối với phụ nữ đã lập gia đình ở Việt Nam 2010 (N4561).

Hình 3.11. Bạo lực chồng chất trong đời - bạo lực thể xác và bạo lực tình dục và bạo lực tinh thần do người chồng gây ra đối với phụ nữ đã lập gia đình ở Việt Nam 2010 (N=4561).

Hình 4.1. Tỷ lệ phụ nữ điều tra bị bạo lực do người khác (ngoài chồng) gây ra, Việt Nam 2010 (N=4836).

Hình 6.1. Tần suất bị thương của phụ nữ bị thương tích vì bạo lực thể xác hoặc tình dục do chồng gây ra, Việt Nam 2010 (N=419).

Hình 6.2. Tỷ lệ phụ nữ tự đánh giá về các triệu chứng sức khỏe thể xác và tinh thần chia theo trải nghiệm về bạo lực do chồng gây ra, Việt Nam 2010 (N=4561).

Hình 6.3. Tỷ lệ phụ nữ từng mang thai chịu các hậu quả sức khỏe sinh sản, chia theo trải nghiệm về bạo lực do chồng gây ra, Việt Nam 2010 (N=4474).

Hình 6.4. Tỷ lệ phụ nữ có con từ 6-10 tuổi gặp các vấn đề về hành vi, chia theo trải nghiệm về bạo lực do chồng gây ra, Việt Nam 2010 (N=1571).

Hình 7.1. Tỷ lệ phụ nữ có con dưới 15 tuổi bị chồng ngược đãi, chia theo vùng, Việt Nam 2010 (N=2857).

Hình 7.2. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực về thể xác có con từng chứng kiến bạo lực do chồng gây ra chia theo trải nghiệm bạo lực thể xác của phụ nữ, Việt Nam 2010 (N=1393).

Hình 7.3. Bạo lực trong gia đình của người phụ nữ và người chồng chia theo trả lời về bạo lực của người phụ nữ, Việt Nam 2010 (N=4561).

Hình 8.1. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực thể xác hoặc tình dục từng nói với người khác, Việt Nam 2010 (N=1546).

Hình 8.2. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực thể xác hoặc tình dục từng tìm kiếm sự giúp đỡ từ các cơ quan, tổ chức, Việt Nam 2010 (N=1546).

Hình 8.3. Lý do tìm kiếm sự giúp đỡ của những phụ nữ bị chồng gây bạo lực, Việt Nam 2010 (N=230).

Hình 8.4. Lý do không tìm kiếm sự giúp đỡ của những phụ nữ bị chồng gây bạo lực chưa từng tìm kiếm sự giúp đỡ, Việt Nam 2010 (N=1317).

Hình 9.1. Tỷ lệ bạo lực thân thể và/hoặc tình dục do bạn tình gây ra trên thế giới (nghiên cứu sử dụng phương pháp luận của WHO).

Hình 9.2. Tỷ lệ bạo lực thân thể và/hoặc tình dục và tinh thần do bạn tình gây ra trên thế giới (nghiên cứu sử dụng phương pháp luận của WHO).

Hình 9.3. Tỷ lệ bạo lực tinh thần hiện tại do bạn tình gây ra trên thế giới (nghiên cứu sử dụng phương pháp luận của WHO).

Danh sách biểu

Biểu 1.1. Việt Nam và 6 vùng: Dân số, mật độ dân số, tỷ suất giới tính, thành thị nông thôn và phân bổ lãnh thổ.

Biểu 2.1. Mẫu điều tra và tỷ lệ trả lời.

Biểu 2.2. Đặc trưng của người trả lời (không áp quyền số và áp quyền số).

Biểu 2.3. So sánh đặc trưng của phụ nữ 18-60 tuổi trong mẫu điều tra với dân số trong Tổng Điều tra Dân số.

Biểu 2.4. Tỷ lệ bạo lực do chồng gây ra, kết quả được áp quyền số và không áp quyền số để thấy ảnh hưởng của quyền số.

Biểu 2.5. Phụ nữ hài lòng sau khi hoàn thành phỏng vấn và thời gian phỏng vấn theo trải nghiệm bạo lực do bạn tình.

Biểu 3.1. Tỷ lệ phụ nữ có chồng* bị chồng gây bạo lực thể xác, tình dục và thể xác và/hoặc tình dục.

Biểu 3.2. Tỷ lệ phụ nữ có chồng bị chồng gây các hành vi bạo lực thể xác khác nhau.

Biểu 3.3. Tỷ lệ phụ nữ có chồng bị chồng gây bạo lực thể xác chia theo mức độ trầm trọng (N=4561).

Biểu 3.4. Tỷ lệ các hành vi bạo lực thể xác cụ thể do chồng gây ra trong 12 tháng qua và tần xuất xuất hiện của các hành vi này.

Biểu 3.5. Tỷ lệ phụ nữ từng mang thai trả lời bị chồng gây bạo lực thể xác trong thời gian mang thai.

Biểu 3.6. Đặc trưng của bạo lực trong thời gian mang thai theo trả lời của phụ nữ từng mang thai.

Biểu 3.7. Tỷ lệ các hành vi bạo lực tình dục cụ thể do chồng gây ra theo trả lời của phụ nữ.

Biểu 3.8. Tỷ lệ hành vi bạo lực tình dục cụ thể do chồng gây ra trong 12 tháng qua và tần suất xuất hiện của các hành vi này.

Biểu 3.9. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực thể xác và/ hoặc tình dục chia theo nhóm dân tộc và tình trạng hôn nhân.

Biểu 3.10. Tỷ lệ phụ nữ có chồng bị chồng gây bạo lực tinh thần.

Biểu 3.11. Tỷ lệ các hành vi bạo lực tinh thần cụ thể của người chồng trong 12 tháng qua và tần suất xuất hiện của các hành vi này.

Biểu 3.12. Tỷ lệ phụ nữ có chồng bị chồng kiểm soát chia theo hành vi.

Biểu 3.13. Tỷ lệ phụ nữ có chồng bị chồng lạm dụng kinh tế.

Biểu 3.14. Tỷ lệ phụ nữ có chồng trả lời từng đánh hoặc ngược đãi chồng và tần suất thực hiện.

Biểu 4.1. Tỷ lệ phụ nữ* được phỏng vấn bị bạo lực thể xác do người khác (ngoài chồng) gây ra từ khi 15 tuổi trở lên.

Biểu 4.2. Thủ phạm gây bạo lực thể xác (ngoài chồng) với phụ nữ từ khi 15 tuổi trở lại đây* theo trả lời của phụ nữ.

Biểu 4.3. Tỷ lệ phụ nữ trả lời bị lạm dụng tình dục từ 15 tuổi trở lại đây và trước 15 tuổi.

Biểu 4.4. Thủ phạm lạm dụng tình dục (ngoài chồng), theo trả lời cả người phụ nữ từng bị lạm dụng tình dục*.

Biểu 4.5. Mức độ chồng chất giữa bạo lực do chồng và bạo lực do người khác (ngoài chồng) gây ra đối với phụ nữ.

Biểu 5.1. Các quan điểm về giới và bạo lực của phụ nữ. Tỷ lệ phụ nữ được phỏng vấn trả lời đồng ý với các quan niệm được hỏi (N=4836).

Biểu 5.2. Các quan điểm về giới và bạo lực của phụ nữ có chồng chia theo trải nghiệm bạo lực do chồng gây ra (N=4561).

Biểu 5.3. Tình huống dẫn đến bạo lực theo trả lời của phụ nữ từng bị chồng gây bạo lực thể xác.

Biểu 6.1. Tỷ lệ phụ nữ trả lời bị thương từ bạo lực thể xác và tình dục do chồng gây ra.

Biểu 6.2. Loại, tần xuất và các đặc trưng khác của thương tích từ bạo lực thể xác và tình dục do chồng gây ra, chia theo trải nghiệm loại bạo lực.

Biểu 6.3. Phụ nữ từng bị chồng gây bạo lực thể xác và tình dục tự đánh giá tác động của bạo lực đến bản thân.

Biểu 6.4. Trả lời về các vấn đề sức khỏe chung, sức khỏe tâm thần và thể xác trong số những phụ nữ có chồng chia theo trải nghiệm về bạo lực thân thể và tình dục do chồng gây ra.

Biểu 6.5. Hậu quả sức khỏe sinh sản chia theo các trải nghiệm về bạo lực thể xác và tình dục do chồng gây ra của người phụ nữ.

Biểu 6.6. Những ảnh hưởng đến trẻ từ 6-11 tuổi theo trả lời của phụ nữ chia theo trải nghiệm về bạo lực thể xác và tình dục do chồng gây ra.

Biểu 7.1. Tỷ lệ bạo lực trẻ em bị chồng gây bạo lực theo trả lời của phụ nữ có chồng và có con dưới 15 tuổi.

Biểu 7.2. Hành vi bạo lực của người chồng đối với con theo trả lời của phụ nữ có con dưới 15 tuổi.

Biểu 7.3. Tỷ lệ phụ nữ có con dưới 15 tuổi trả lời chồng từng gây bạo lực với con chia theo trải nghiệm về bạo lực thể xác và tình dục do chồng gây ra (N=2857).

Biểu 7.4. Tỷ lệ phụ nữ từng bị bạo lực thể xác do chồng gây ra trả lời về số lần con họ chứng kiến bạo lực do chồng gây ra.

Biểu 7.5. Tỷ lệ phụ nữ trả lời mẹ đẻ từng bị bố đánh, mẹ chồng từng bị bố chồng đánh và chồng từng bị đánh khi còn nhỏ, chia theo trải nghiệm bạo lực từ chồng.

Biểu 8.1a. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực về thể xác hoặc tình dục từng nói với ai về hành vi bạo lực và người họ chọn để nói.

Biểu 8.1b. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực về thể xác và tình dục từng nhận được giúp đỡ và người giúp đỡ.

Biểu 8.2. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực thể xác hoặc tình dục tìm kiếm hỗ trợ từ các tổ chức và hài lòng với các hỗ trợ.

Biểu 8.3a. Lý do quan trọng nhất của người phụ nữ bị chồng gây bạo lực thể xác hoặc tình dục tìm kiếm sự trợ giúp từ các cơ quan, tổ chức.

Biểu 8.3b. Lý do quan trọng nhất của người phụ nữ bị chồng gây bạo lực thể xác hoặc tình dục không tìm kiếm sự trợ giúp từ các cơ quan, tổ chức.

Biểu 8.4. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực tình dục và thể xác từng rời khỏi nhà do bạo lực.

Biểu 8.5a. Lý do chính của những phụ nữ bị chồng gây bạo lực thể xác và tình dục rời khỏi nhà.

Biểu 8.5b. Lý do chính khi quay trở về nhà của người phụ nữ từng bị chồng gây bạo lực thể xác và tình dục (những người đã đi khỏi nhà và quay trở lại).

Biểu 8.5c. Lý do chính ở lại của những phụ nữ bị chồng gây bạo lực thể xác và tình dục không rời khỏi nhà (trên tổng số những người chưa từng rời khỏi nhà).

Biểu 8.6a. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực về thể xác từng phản ứng/ đánh lại khi bị đánh.

Biểu 8.6b. Tác động của việc đánh lại khi bị đánh của những phụ nữ từng đánh lại chồng khi bị bạo lực thể xác.

Biểu 8.7. Tỷ lệ phụ nữ từng bị chồng gây bạo lực về thể xác và tình dục trả lời biết về các luật cụ thể.

LỜI NÓI ĐẦU

Mỗi quốc gia đều có những câu cách ngôn khác nhau nói về tầm quan trọng của hôn nhân, gia đình và tổ ấm cũng như sự bình yên và cảm giác an toàn khi được sống trong một tổ ấm. Ở Việt Nam có những câu ví dụ như "Gia đình là tổ ấm" và "Thuận vợ, thuận chồng tát biển Đông cũng cạn". Tuy vậy điều đáng buồn là cuộc hôn nhân của một số phụ nữ không được thuận buồm xuôi gió và tổ ấm của họ trở thành nơi chứa chất những nỗi buồn, sự sợ hãi, nỗi đau đớn và sự tủi nhục.

Bạo lực gia đình là một vấn đề với đầy đủ các khía cạnh mang tính giáo dục, kinh tế, pháp lý và sức khỏe. Và nó cũng là một vấn đề có liên quan tới quyền con người – xuyên suốt giữa các nền văn hóa, tôn giáo, ranh giới địa lý và mức độ phát triển kinh tế xã hội khác nhau. Đây là một thực tế tại Việt Nam cũng như nhiều quốc gia khác. Tầm quan trọng của việc xử lý bạo lực gia đình đã được Chính phủ Việt Nam nhìn nhận với bằng chứng cụ thể là việc thông qua Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 và nhiều văn bản pháp luật, chính sách khác. Để ngăn ngừa một cách thành công và giảm tác động của bạo lực gia đình, Luật này cần phải được thực thi, theo dõi và thực hiện một cách hiệu quả.

Cần phải có những nỗ lực không ngừng nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về vấn đề này và nhằm thay đổi thái độ để cho bạo lực gia đình không còn là một vấn đề cần phải che đậy và những người phụ nữ chịu ảnh hưởng của bạo lực gia đình sẽ có khả năng tìm kiếm sự trợ giúp và hỗ trợ. Ở nhiều quốc gia, bạo lực gia đình vẫn được coi như là một "việc riêng của gia đình", mà theo quan điểm đó, xã hội và chính quyền không nên can thiệp. Bạo lực gia đình cũng là một vấn đề mà phụ nữ thường giấu kín, e ngại khi đề cập, chia sẻ hoặc tìm kiếm sự hỗ trợ. Nguyên nhân là do kỳ thị, thiếu cơ chế hỗ trợ và ứng phó nhạy cảm, thiếu sự hỗ trợ từ phía các thành viên gia đình và cơ quan chức năng hoặc lo sợ hậu quả đối với chính bản thân họ và con cái của họ.

Vì những lý do này, mức độ của bạo lực gia đình thường được hiểu một cách không đầy đủ. Những cuộc khảo sát được thiết kế đặc biệt cho mục đích này là cần thiết để xác định mức độ của vấn đề bạo lực gia đình. Chỉ trên cơ sở có được những dữ liệu thì mới có thể đánh giá chính xác thực chất của vấn đề bạo lực gia đình. Sự sẵn có của cơ sở dữ liệu cũng là điều cần thiết để tạo ra sự thay đổi về nhận thức của cộng đồng và nhận thức đúng và sai của cộng đồng về bạo lực gia đình cũng như tạo điều kiện cho công tác lập kế hoạch toàn diện và thực hiện các biện pháp nhằm giải quyết bạo lực gia đình và thông qua đó hỗ trợ việc thực hiện hiệu quả các chính sách, pháp luật hiện hành.

Thông qua khảo sát này, lần đầu tiên Việt Nam có được cơ sở dữ liệu mang tính đại diện quốc gia về tình trạng bạo lực gia đình đối với phụ nữ. Báo cáo "Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình với phụ nữ ở Việt Nam" đã cho thấy, gia đình không phải lúc nào cũng là một môi trường sống an toàn tại Việt Nam bởi vì phụ nữ phải đối mặt với những nguy cơ bị bạo lực do chồng hoặc các thành viên khác trong gia đình hoặc một người nào khác gây ra. Bạo lực gia đình ảnh hưởng tới phụ nữ và diễn ra khắp nơi trên toàn quốc ở các nhóm đối tượng khác nhau về đặc điểm xã hội và chủng tộc, đồng thời nó đã trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng tới trẻ em thông qua những gì mà chúng chứng kiến trong gia đình. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng bạo lực đối với phụ nữ có một tác động sâu hơn so với những tác hại tức thì và dễ nhận biết. Nó gây tác động đáng kể đối với sức khỏe thể chất và tâm thần của người phụ nữ, ảnh hưởng tới năng suất lao động của các thành viên trong gia đình và vấn đề giáo dục, chăm lo sức khỏe cho con cái. Bạo lực đối với phụ nữ cũng làm phát sinh những chi phí mà cộng đồng và quốc gia phải gánh chịu.

Báo cáo này trình bày những phát hiện của Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực gia đình đối với phụ nữ. Trọng tâm phân tích chính trong báo cáo này đề cập đến tỷ lệ bị bạo lực và bản chất của bạo lực gia đình đối với phụ nữ, thái độ và nhận thức về bạo lực, tác động trực tiếp và gián tiếp của bạo lực gia đình; cách thức mà

phụ nữ áp dụng để đối phó khi bị bạo lực. Những dữ liệu hiện có rất phong phú và có thể được phân tích sâu hơn để nghiên cứu các vấn đề khác ví dụ như các yếu tố nguy cơ và bảo vệ. Chúng tôi khuyến khích các nhà nghiên cứu và các nhà thực hành sử dụng bộ dữ liệu đầy đủ của nghiên cứu này để tìm hiểu hơn nữa và đưa ra những khía cạnh quan trọng của bạo lực gia đình đối với phụ nữ.

Báo cáo Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực gia đình tại Việt Nam cùng với những đề xuất, khuyến nghị là một sự đóng góp có giá trị vào trong những nỗ lực nhằm chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái để cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái Việt Nam có thể được hưởng cuộc sống với một gia đình yên ấm, an toàn và hạnh phúc. Những phân tích được trình bày sẽ có ích cho cả các nhà hoạch định chính sách và những người lập kế hoạch ở cấp quốc gia và cấp tỉnh, cho cộng đồng và đại diện cho mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội Việt Nam, các nhà giáo dục, các tổ chức phi chính phủ và cơ quan Chính phủ cung cấp các dịch vụ và hỗ trợ cho người bị bạo lực gia đình ở tất cả các bộ ngành, cơ quan thực thi pháp luật và các đối tác phát triển trong nước và quốc tế. Chúng tôi cũng tin rằng điều quan trọng bây giờ đối với những phụ nữ đã từng bị bạo lực gia đình là họ biết họ sẽ có thể tìm kiếm sự hỗ trợ từ đâu và rằng họ không đơn độc ngay cả khi họ bị ảnh hưởng của vấn đề nghiêm trọng này.

Cuối cùng và cũng không kém phần quan trọng, chúng tôi xin bày tỏ sự biết ơn và ghi nhận sự tham gia của hàng ngàn phụ nữ vào trong nghiên cứu này. Đối với những phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình, đây là lần đầu tiên họ có thể tiết lộ những vấn đề gây tổn thương trong cuộc đời. Đây không phải là một điều dễ dàng và nếu như không có những sự đóng góp quý báu này, chúng tôi đã không thể hoàn thành nghiên cứu. Chúng tôi tôn trọng những đóng góp cá nhân này và đáp lại bằng cách sử dụng đầy đủ những phát hiện mà nghiên cứu mang lại. Chúng ta phải cùng phối hợp để thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình nhằm loại bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái.

Tiến sĩ Đỗ Thức
Quyền Tổng cục Trưởng
Tổng cục Thống kê
Bộ Kế hoạch và Đầu Tư

John Hendra
Điều phối viên thường trú
Liên Hợp Quốc tại Việt Nam

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực đối với phụ nữ tại Việt Nam đã được Tổng cục Thống kê Việt Nam thực hiện với sự hỗ trợ kỹ thuật của Tổ chức Y tế Thế giới, sự hỗ trợ về kinh phí của Quỹ phát triển Mục tiêu thiên niên kỷ do Chính phủ Tây Ban Nha tài trợ (MDG-F) cùng với văn phòng của Cơ quan phát triển và hợp tác quốc tế Tây Ban Nha (AECID) tại Việt Nam. Nghiên cứu này là một phần hoạt động của Chương trình chung giữa Chính phủ Việt Nam và Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới (JPGE).

Một nhóm nghiên cứu nòng cốt đã được hình thành nhằm thực hiện nghiên cứu này bao gồm TS. Henrica A.F.M. Jansen, BS. Nguyễn Đăng Vững, Bà Hoàng Tú Anh, Bà Quách Thu Trang, Bà Nguyễn Thị Việt Nga, Ông Đỗ Anh Kiếm và Bà Marta Arranz Calamita (người tiếp quản công việc của Bà Sarah De Hovre sau phần tập huấn cho cán bộ nghiên cứu và ngay trước khi tiến hành thực địa). Nhóm nghiên cứu cũng chịu trách nhiệm phân tích dữ liệu và viết báo cáo này.

Nghiên cứu và báo cáo sẽ không thể hoàn thành nếu không có sự tham gia của những người được phỏng vấn, sự hỗ trợ quý báu của các tổ chức khác, các cộng tác viên và chuyên gia, những người đã có những cam kết và đóng góp và nỗ lực hết sức để hoàn thành bản báo cáo này. Vì số lượng người tham gia quá nhiều cho nên chúng tôi xin phép chỉ nêu một số cá nhân, tổ chức có những đóng góp chính sau đây:

Đầu tiên và trên hết chúng tôi muốn cám ơn và ghi nhận 4.838 phụ nữ đã đồng ý tham gia phỏng vấn trong phần khảo sát và chia sẻ những trải nghiệm của cá nhân họ. Chúng tôi cũng muốn cám ơn 180 người tham gia thảo luận nhóm trọng tâm và phỏng vấn sâu, những người đã dành thời gian để trả lời các câu hỏi và chia sẻ những trải nghiệm thường là đau buồn trong đời.

Chúng tôi đánh giá cao sự đóng góp của 71 cán bộ nghiên cứu và đội ngũ nhân viên văn phòng và thực địa cùng với 5 cán bộ phỏng vấn từ nhóm nghiên cứu định tính, những người đã cùng nhau tiến hành hàng ngàn buổi phỏng vấn một cách chuyên nghiệp và ý thức trách nhiệm cao nhằm đảm bảo rằng phụ nữ tham gia nghiên cứu được đối xử theo hướng dẫn về những tiêu chuẩn cao nhất về đạo đức và an toàn.

Chúng tôi cũng ghi nhận sự hỗ trợ tích cực của chính quyền địa phương tại 460 xã, đặc biệt là sự hỗ trợ tích cực từ các hội viên Hội phụ nữ địa phương tại những xã này cũng như nhân viên tuyến huyện và tuyến tỉnh tại 63 Cục Thống kê các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, những người đã phối hợp nhịp nhàng với 14 nhóm khảo sát trong suốt quá trình thực địa định lượng. Chúng tôi gửi lời cám ơn Sở Y tế thành phố Hà Nội và Bệnh viện huyện Gia Lâm (Hà Nội), tổ chức Bắc Âu Hỗ trợ Việt Nam (NAV) và Văn phòng Hội phụ nữ tại Huế và thành phố Huế, Chi cục Dân số và kế hoạch hóa gia đình tỉnh Bến Tre cũng như chính quyền địa phương và nhân viên y tế tại 6 xã trong đó có hai xã tại Hà Nội, hai xã tại Huế và hai xã tại Bến Tre vì đã hỗ trợ trong quá trình thực hiện nghiên cứu định tính.

Chúng tôi chân thành cám ơn Bà Ingrid Fitzgerald (Chuyên gia về giới, Văn phòng điều phối thường trú Liên Hợp Quốc), Ông Khamsavath Chanthavysouk (Cán bộ về giới, UNFPA và Trưởng nhóm công tác về Bạo lực trên cơ sở giới của Liên Hợp Quốc, Bà Đỗ Thị Minh Châu (Cán bộ chương trình, UNFPA), Bà Aya Matsuura (Chuyên gia về giới, JPGE); Ông Nguyễn Phong và Ông Đỗ Anh Kiếm (Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường – Tổng cục Thống kê), TS Graham Harrison (Chuyên gia tư vấn hệ thống y tế, WHO); và nhóm Truyền thông Liên Hợp Quốc những người đã có những đóng góp quý báu và liên tục trong suốt toàn bộ quá trình và góp ý cho bản báo cáo này.

Bản báo cáo này cũng nhận được sự góp ý quý báu và những đề xuất của các chuyên gia đến từ các Bộ ngành chủ quản và các cơ quan có liên quan thông qua các hội thảo lập kế hoạch, tư vấn và lấy ý kiến trong suốt toàn bộ quá trình thực hiện nghiên cứu này qua nhiều giai đoạn khác nhau.

BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT VÀ CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ

AECID:	Cơ quan Hợp tác Quốc tế và Phát triển Tây Ban Nha
AIDS:	Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải
ALASTI:	Phần mềm xử lý số liệu định tính
AusAID:	Cơ quan Phát triển Quốc tế Úc
Bộ LĐTBXH:	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
Bộ VHTTDL:	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
CCIHP:	Trung tâm Sáng kiến về Sức khỏe và Dân số
CEDAW:	Hiệp định về loại trừ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ
CIHP:	Trung tâm Tư vấn về Nâng cao sức khỏe
CRC:	Công ước Quốc tế về Quyền của trẻ em
CSAGA:	Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học về Vấn đề Giới, Gia đình và Trẻ vị thành niên
CSPRO:	Phần mềm xử lý số liệu điều tra và tổng điều tra
DV:	Bạo lực gia đình
EA:	Địa bàn khảo sát
FAO:	Tổ chức Nông lương thế giới
FG:	Nhóm tập trung
GBV:	Bạo lực trên cơ sở giới
GE:	Bình đẳng giới
HIV:	Vi rút suy giảm miễn dịch
HMIS:	Hệ thống quản lý thông tin y tế
ICCPR:	Hiệp ước quốc tế về quyền chính trị và công dân
ICESCR:	Hiệp ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội
IDI:	Phỏng vấn sâu
IFGS:	Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới
ILO:	Tổ chức Lao động Quốc tế

IOM:	Tổ chức Di cư Quốc tế về di cư
IPV:	Bạo lực trong các cặp sống chung
ISDS:	Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội
JPGE:	Chương trình Chung về Bình đẳng giới
MDGF:	Quỹ Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ
MDGs:	Các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ
NCFAW:	Ủy ban Quốc gia về Sự Tiến bộ của Phụ nữ
NGOs:	Các tổ chức phi Chính phủ
SES:	Tình trạng Kinh tế, xã hội
STATA:	Phần mềm xử lý số liệu thống kê
STI:	Nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục
TCTK:	Tổng cục Thống kê
UBND:	Ủy ban Nhân dân
UN:	Liên Hợp Quốc
UNAIDS:	Chương trình chung của Liên Hợp Quốc về phòng chống HIV/AIDS
UNDP:	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
UNESCO:	Cơ quan Liên Hợp Quốc về Khoa học, Giáo dục và Văn hóa
UNFPA:	Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc
UNICEF:	Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc
UNIDO:	Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc
UNIFEM:	Quỹ phát triển Phụ nữ Liên Hợp Quốc, 1 phần của Quỹ phụ nữ Liên Hợp Quốc
UNODC:	Cơ quan Liên Hợp Quốc Phòng chống Tội phạm và Ma túy
USAID:	Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ
Viện XHH:	Viện Xã hội học
VAW:	Bạo lực đối với phụ nữ
VCT:	Dịch vụ tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện
WHO:	Tổ chức Y tế Thế giới

TÓM TẮT

Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam nhằm thu thập thông tin chi tiết về tỷ lệ bị bạo lực, tần suất, những yếu tố nguy cơ và hậu quả của bạo lực gia đình đối với phụ nữ. Đây là nghiên cứu lần đầu tiên trên phạm vi toàn quốc cũng như 6 vùng kinh tế xã hội. Ngoài ra, nghiên cứu còn đánh giá các chiến lược đối phó, nhận thức về bạo lực gia đình đối với phụ nữ và kiến thức của phụ nữ về quyền pháp lý của họ. Kết quả của nghiên cứu này tạo điều kiện cho các cơ quan Chính phủ và các tổ chức xã hội dân sự nâng cao nhận thức và xây dựng những chính sách và chương trình nhằm ngăn ngừa và giải quyết vấn đề bạo lực gia đình đối với phụ nữ một cách hiệu quả hơn.

Tổ chức nghiên cứu

Tổng cục Thống kê là đơn vị quản lý và thực hiện nghiên cứu với sự hỗ trợ và điều phối chung của WHO trong việc tuyển dụng một số chuyên gia trong nước (CCIHP và Bộ Y tế) và một chuyên gia quốc tế tham gia trong suốt quá trình lập kế hoạch và chuẩn bị, tập huấn cho cán bộ điều tra thực địa, hội thảo tham vấn với các bên có liên quan, thu thập và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và các hoạt động phổ biến kết quả. Nghiên cứu này là một hoạt động của "Chương trình chung về Bình đẳng giới giữa Chính phủ Việt Nam và Liên Hợp Quốc" (MDGF-1694).
Nghiên cứu bao gồm cấu phần định lượng (khảo sát mẫu) và cấu phần định tính (phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tập trung).

Trong phần định lượng, 4838 phụ nữ, đại diện cho phụ nữ từ 18-60 tuổi trên cả nước được phỏng vấn trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2009 đến đầu tháng 2 năm 2010, sử dụng hình thức phỏng vấn trực tiếp theo Bảng hỏi điều tra, được tiến hành trong môi trường đảm bảo tính riêng tư và sử dụng bảng câu hỏi của *Nghiên cứu đa quốc gia của WHO về Sức khỏe phụ nữ và Bạo lực gia đình đối với Phụ nữ* đã được hiệu chỉnh cho phù hợp với bối cảnh của Việt Nam. 71 điều tra viên nữ đã được chọn lựa một cách kỹ càng trong số các cán bộ của Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê tỉnh/Thành phố trực thuộc TƯ để tham gia điều tra. Các điều tra viên được đào tạo trong hai tuần về kỹ năng thu thập thông tin một cách an toàn đối với các vấn đề nhạy cảm.

Phần định tính được thực hiện vào tháng 4 năm 2010, tại 3 tỉnh: Hà Nội, Huế và Bến Tre, đại diện cho ba miền Bắc, Trung và Nam. Tại mỗi tỉnh tổng số có 30 cuộc phỏng vấn sâu được tiến hành với đối tượng là phụ nữ bị bạo lực, cán bộ Hội phụ nữ, cán bộ y tế, trưởng thôn/bản và lãnh đạo chính quyền địa phương cũng như phụ nữ và nam giới tại cộng đồng. Ngoài ra, 4 thảo luận nhóm tập trung đã được tổ chức ở mỗi tỉnh với sự tham gia của người dân, hai trong số đó dành cho phụ nữ và hai dành cho nam giới ở các độ tuổi khác nhau.

Nghiên cứu tuân thủ những nguyên tắc về an toàn và đạo đức nghiên cứu do WHO xây dựng dành cho các nghiên cứu về bạo lực gia đình đối với phụ nữ. Một tên gọi an toàn được sử dụng trong nghiên cứu để không để lộ ra đây là một nghiên cứu về bạo lực gia đình nhằm giữ an toàn cho người trả lời phỏng vấn và tránh cho nghiên cứu viên khỏi những rủi ro. Tên gọi "Khảo sát quốc gia về Sức khỏe phụ nữ và Kinh nghiệm sống" được sử dụng trong tất cả các tài liệu trong suốt quá trình tập huấn và thực địa. Thông tin về những dịch vụ hỗ trợ sẵn có được phổ biến cho những người trả lời phỏng vấn vào cuối buổi phỏng vấn.

Bạo lực đối với phụ nữ do chồng gây ra

Những hành vi cụ thể đã được xác định nhằm đo lường những hình thức bạo lực khác nhau. Tất cả những phụ nữ đã từng có chồng được hỏi liệu đã có bao giờ họ phải chịu những hành vi cụ thể về bạo lực thể xác, tình dục và tinh thần hay kinh tế. Nếu người phụ nữ xác nhận đã từng trải qua bất cứ hành vi nào, thì sẽ được hỏi tiếp những câu hỏi chi tiết về tần suất mà hành vi đó diễn ra. Liên quan tới việc xác định thời điểm xảy ra hành vi, nghiên cứu đưa ra hai mốc thời gian để xem xét: trong vòng 12 tháng trước khi phỏng vấn ("bạo lực hiện tại") và bất cứ thời điểm nào trong đời ("bạo lực trong đời").

Tại Việt Nam, 99% phụ nữ từng có bạn tình đều thuộc nhóm những phụ nữ 'từng kết hôn' và chỉ có 1% cho biết có hình thức bạn tình khác (hẹn hò/sống chung như vợ chồng). Mặc dù số 1% này được đưa chung vào kết quả của báo cáo, để thuận tiện chúng tôi chọn sử dụng thuật ngữ 'đã từng kết hôn' và 'chồng' để chỉ tất cả phụ nữ có bạn tình trong nghiên cứu.

Bạo lực thể xác do chồng gây ra

Trong toàn bộ nghiên cứu, có 32% phụ nữ từng kết hôn cho biết họ đã phải chịu bạo lực thể xác trong đời và 6% đã từng trải qua bạo lực thể xác trong vòng 12 tháng trở lại đây. Kết quả nghiên cứu cho thấy bạo lực thể xác – được đo lường bởi tỷ lệ bạo lực hiện tại – bắt đầu sớm trong mối quan hệ và giảm dần theo độ tuổi. Có sự khác biệt giữa các khu vực và trình độ học vấn và với phụ nữ có trình độ học vấn thấp hơn thì tỷ lệ bị bạo lực thể xác cao hơn so với phụ nữ có trình độ học vấn cao hơn và trong số những phụ nữ bị bạo lực cao hơn thì mức độ nghiêm trọng của những hành vi bạo lực cũng cao hơn. Trong số những phụ nữ đã từng mang thai, tỷ lệ bị bạo lực thể xác trong ít nhất một lần mang thai là 5% và tỷ lệ bị bạo lực khi đang mang thai cao nhất ở những phụ nữ chưa từng đến trường.

Bạo lực tình dục do chồng gây ra

Phụ nữ gặp khó khăn hơn khi tiết lộ những trải nghiệm bạo lực tình dục so với những trải nghiệm bạo lực thể xác. Tương tự như vậy, việc nói về bạo lực tình dục trong hôn nhân được xem như một chủ đề không phù hợp. Tuy nhiên, trong các buổi phỏng vấn có 10% phụ nữ từng kết hôn cho biết họ đã từng bị bạo lực tình dục trong đời và 4% trong 12 tháng qua. Đáng chú ý là bạo lực tình dục hiện tại không thay đổi nhiều ở những nhóm tuổi khác nhau (tới 50 tuổi) và trình độ học vấn của phụ nữ.

Bạo lực tinh thần và kinh tế do chồng gây ra.

Bạo lực tinh thần và kinh tế cũng không kém phần quan trọng so với bạo lực tình dục và thể xác và thường ảnh hưởng đến phụ nữ nhiều hơn bạo lực tình dục và thể xác. Tuy nhiên, trong khuôn khổ một cuộc khảo sát thì khó có thể xác định những loại hình bạo lực này và câu hỏi đặt ra chỉ bao phủ một số giới hạn các hành vi lạm dụng có thể xảy ra đối với phụ nữ. Tuy vậy, kết quả chỉ ra rằng tỷ lệ bị bạo lực tinh thần rất cao: 54% phụ nữ cho biết đã phải chịu bạo lực tinh thần trong đời và 25% cho biết đã bị bạo lực tinh thần trong 12 tháng qua. Tỷ lệ bị bạo lực về kinh tế trong đời là 9%.

Kết hợp bạo lực thể xác, tình dục và tinh thần do chồng gây ra

Tỷ lệ bạo lực thể xác và tình dục là chỉ tiêu quan trọng về bạo lực do chồng gây ra và được sử dụng để so sánh quốc tế. Các chỉ tiêu về tỷ lệ bạo lực hiện tại và trong cuộc đời tương ứng là 9% và 34%. Tỷ lệ bạo lực trong cuộc đời khác nhau theo vùng và giữa các nhóm dân tộc và thay đổi từ 8% đến 38%.

Khi kết hợp ba loại bạo lực chính: thể xác, tình dục và tinh thần do chồng gây ra đã có hơn nửa phụ nữ (58%) trả lời từng bị ít nhất một trong ba loại bạo lực này trong cuộc đời. Tỷ lệ này trong 12 tháng qua là 27%.

Bạo lực đối với phụ nữ do đối tượng khác không phải là chồng gây ra

Bạo lực thể xác đối với phụ nữ sau tuổi 15 do đối tượng khác không phải là chồng gây ra

Khoảng 10% phụ nữ cho biết đã từng bị bạo lực thể xác bởi một người khác không phải là chồng kể từ khi 15 tuổi, tuy nhiên có sự khác biệt khá lớn giữa các vùng với khoảng dao động từ 3% đến 12%. Người gây bạo lực chủ yếu là các thành viên trong gia đình (65% phụ nữ bị bạo lực là do thành viên trong gia đình gây ra).

Bạo lực tình dục đối với phụ nữ sau tuổi 15 do đối tượng khác không phải là chồng gây ra

Khoảng 2% tổng số phụ nữ cho biết bị bạo lực tình dục kể từ sau 15 tuổi. Hầu hết phụ nữ cho biết rằng người gây bạo lực là người lạ và bạn trai và hiếm khi là các thành viên gia đình.

Lạm dụng tình dục trước tuổi 15

Khoảng 3% tổng số phụ nữ cho biết bị lạm dụng tình dục trước khi đến tuổi 15. Hầu hết phụ nữ nói rằng người lạm dụng là người lạ và một số trường hợp là thành viên gia đình và "người khác".

Khi so sánh bạo lực do chồng gây ra và bạo lực không phải do chồng gây ra, thì điều có thể thấy rõ là phụ nữ tại Việt Nam có khả năng bị bạo lực do chồng cao gấp ba lần so với bạo lực do một người khác gây ra.

Hậu quả của bạo lực đối với phụ nữ

Thương tích do bạo lực

Trong khảo sát, 26% phụ nữ từng bị chồng gây bạo lực thể xác hoặc tình dục cho biết đã bị thương tích do hậu quả trực tiếp từ hành vi bạo lực. Trong số này, 60% cho biết họ bị thương tích hai lần trở lên và 17% bị thương tích 5 lần trở lên.

Mối liên hệ giữa bạo lực thể xác hoặc tình dục với hậu quả về sức khỏe

Tất cả phụ nữ trong khảo sát đã trả lời một số câu hỏi về sức khỏe chung, sức khỏe tâm thần và sức khỏe sinh sản. Trong phần phân tích tình trạng sức khỏe, những hậu quả này được so sánh giữa

những phụ nữ từng bị bạo lực thể xác hoặc tình dục với những phụ nữ chưa bao giờ bị bạo lực thể xác hoặc tình dục. Phụ nữ bị bạo lực do chồng gây ra thường trả lời là tình trạng sức khỏe của họ là 'kém' hoặc 'rất kém' nhiều hơn. Họ cũng gặp phải nhiều hơn những vấn đề về đi lại hoặc thực hiện những hoạt động thường ngày, bị đau và mất trí nhớ, căng thẳng tinh thần và suy nghĩ tiêu cực, sảy thai, nạo thai và thai chết lưu.

Phụ nữ có con từ 6 đến 11 tuổi từng bị bạo lực do chồng gây ra cho biết con cái họ cũng có những vấn đề về hành vi (như ác mộng, đái dầm, hành vi hung hăng và kết quả học tập kém) so với những phụ nữ không bị bạo lực do chồng gây ra.

Bạo lực đối với trẻ em, khía cạnh liên thế hệ của bạo lực

Có khoảng ¼ phụ nữ có con dưới 15 tuổi cho biết con của mình đã từng bị bạo lực về thể xác do chồng gây ra. Hình thức bạo lực thể xác trẻ em phổ biến thường là tát, xô, đẩy trẻ. Khảo sát cũng cho thấy bạo lực đối với trẻ em có mối liên hệ chặt chẽ với bạo lực đối với phụ nữ do cùng một đối tượng gây ra. Phụ nữ có chồng bạo hành có nguy cơ trả lời rằng con của mình cũng bị đánh đập cao gấp hai lần và thậm chí là cao hơn nếu người chồng bạo hành vợ nghiêm trọng.

Hơn nữa, số phụ nữ bị chồng gây bạo lực thể xác cũng cho biết con cái họ đã từng chứng kiến ít nhất một lần cảnh bạo lực này.

Phụ nữ từng bị bạo lực do chồng gây ra có nguy cơ mẹ mình cũng từng bị cha đánh đập cao gấp hai lần so với những phụ nữ khác. Nguy cơ này tăng gấp ba lần nếu họ có mẹ chồng bị bố chồng đánh hoặc bản thân chồng cũng bị đánh đập khi còn nhỏ. Trải nghiệm thơ ấu của người chồng là một yếu tố nguy cơ quan trọng dẫn tới việc anh ta trở thành người gây bạo lực trong đời sống sau này.

Chiến lược đối phó của phụ nữ và phản ứng đối với bạo lực

Một nửa số phụ nữ từng bị chồng gây bạo lực chưa từng nói với bất cứ ai về vấn đề mà mình phải hứng chịu cho tới khi được phỏng vấn. Nếu họ đã từng nói điều này với ai đó thì thường là thành viên trong gia đình. Nhiều phụ nữ nghĩ bạo lực trong quan hệ vợ chồng là chuyện "bình thường" và rằng phụ nữ phải làm quen và chịu đựng những gì đang diễn ra vì hạnh phúc gia đình.

Hầu hết phụ nữ bị bạo lực (87%) chưa bao giờ tìm kiếm sự hỗ trợ từ các dịch vụ chính thống hoặc từ những người có thẩm quyền. Nếu họ có tìm kiếm sự hỗ trợ thì cũng là khi bạo lực đã nghiêm trọng và người họ thường tìm đến là lãnh đạo địa phương.

Khoảng 1/5 số phụ nữ bị bạo lực đã từng rời khỏi nhà ít nhất là một đêm. Thực tế gần như không có một lựa chọn nào cho phụ nữ đi đâu về đâu và người phụ nữ thường quay về nhà vì gia đình.

Trong khảo sát khoảng 60% phụ nữ từng bị bạo lực thể xác và tình dục do chồng gây ra nói rằng họ có nghe về Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Tuy nhiên, phỏng vấn định tính cho thấy phụ nữ không nắm được chi tiết luật và ngay cả các cấp chính quyền địa phương cũng không nắm được Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

Kết luận và khuyến nghị

Kết quả nghiên cứu cho thấy bạo lực gia đình đối với phụ nữ là tương đối phổ biến, đặc biệt là bạo lực tinh thần và những tác động nghiêm trọng của bạo lực đối với trẻ em và phụ nữ. Nghiên cứu cũng cho thấy bạo lực đã được bình thường hóa, người phụ nữ đã phải chịu đựng và chấp nhận bạo lực và phải giữ im lặng về những điều mà họ đang phải hứng chịu. Đây thật sự là một vấn đề xã hội cần được nhìn nhận đúng bản chất của nó.

Báo cáo này cho thấy tính cấp bách của việc phá vỡ sự im lặng, nâng cao nhận thức của người dân về phạm vi của vấn đề và quan điểm rằng bạo lực đối với phụ nữ và bạo lực gia đình là không thể chấp nhận được, đồng thời cần có những hành động cấp bách để ngăn ngừa và đối phó với vấn đề bạo lực đối với phụ nữ.

Bước tiếp theo phụ thuộc vào hành động của các cơ quan Chính phủ, các tổ chức phụ nữ, phương tiện truyền thông, các nhà nghiên cứu, những người làm công tác giáo dục, cộng đồng và tất cả mọi người hoạt động trong lĩnh vực này.

Những đề xuất và gợi ý về chính sách nêu trong báo cáo này cần được xem xét và thể hiện trong khung các biện pháp bình đẳng giới hiện có tại Việt Nam với mục tiêu nhằm đạt được bình đẳng giới. Những đề xuất, gợi ý cụ thể bao gồm những lĩnh vực chính sau:

1. Tăng cường cam kết và hành động quốc gia:

1.1. Tăng cường chính sách quốc gia và các khuôn khổ pháp lý theo các thỏa thuận quốc tế.

1.2 Thiết lập, thực hiện và theo dõi một "gói toàn diện tối thiểu" các giải pháp ngăn ngừa bạo lực trên cơ sở giới, các dịch vụ hỗ trợ, bảo vệ và điều trị sẵn có, dễ tiếp cận và có thể chi trả được cho mọi người dân Việt Nam.

1.3. Tăng cường sự tham gia và huy động chính quyền địa phương và lãnh đạo cộng đồng giải quyết bạo lực đối với phụ nữ và thúc đẩy bình đẳng giới.

2. Tăng cường ngăn ngừa ban đầu

2.1. Xây dựng, thực hiện và theo dõi các chương trình có mục tiêu ngăn ngừa ban đầu bạo lực gia đình và thúc đẩy bình đẳng giới, cụ thể là thông qua việc cải thiện nhận thức của người dân và huy động cộng đồng tham gia, bao gồm cả nam giới kể cả trẻ em trai.

2.2. Đưa bạo lực trên cơ sở giới vào trong hệ thống giáo dục để định hướng thanh niên về bình đẳng giới, bạo lực gia đình và biến trường học thành nơi an toàn.

2.3. Giúp phụ nữ giải quyết bạo lực trong cuộc sống thông qua hoạt động đào tạo kỹ năng, các nhóm tự lực, giáo dục, dạy nghề cũng như hỗ trợ về tài chính và pháp lý.

3. Xây dựng các biện pháp đối phó phù hợp

3.1. Xây dựng biện pháp đối phó về y tế toàn diện để đối phó với những tác động của bạo lực đối với phụ nữ.

3.2. Tăng cường năng lực của đội ngũ công an và hệ thống tư pháp nhằm thực hiện những chính sách và pháp luật về bạo lực trên cơ sở giới.

4. Hỗ trợ nghiên cứu, thu thập dữ liệu và hợp tác

4.1. Xây dựng cơ sở bằng chứng để giải quyết bạo lực trên cơ sở giới dành cho Việt Nam.

4.2. Tăng cường và/hoặc thiết lập một hệ thống thu thập dữ liệu và một khung đánh giá, theo dõi và lập kế hoạch.

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU

1.1. Bối cảnh văn hóa, kinh tế xã hội và nhân khẩu học

Theo số liệu của Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009, Việt Nam có 85.789.573 người. Đơn vị hành chính đông dân nhất là thành phố Hồ Chí Minh, một trong 5 thành phố trực thuộc trung ương và tiếp theo là thủ đô Hà Nội, vừa mới mở rộng, với dân số là 6.448.837 người.

Việt Nam được chia thành 6 vùng địa lý và kinh tế (xem Bản đồ và Biểu 1.1), đó là:

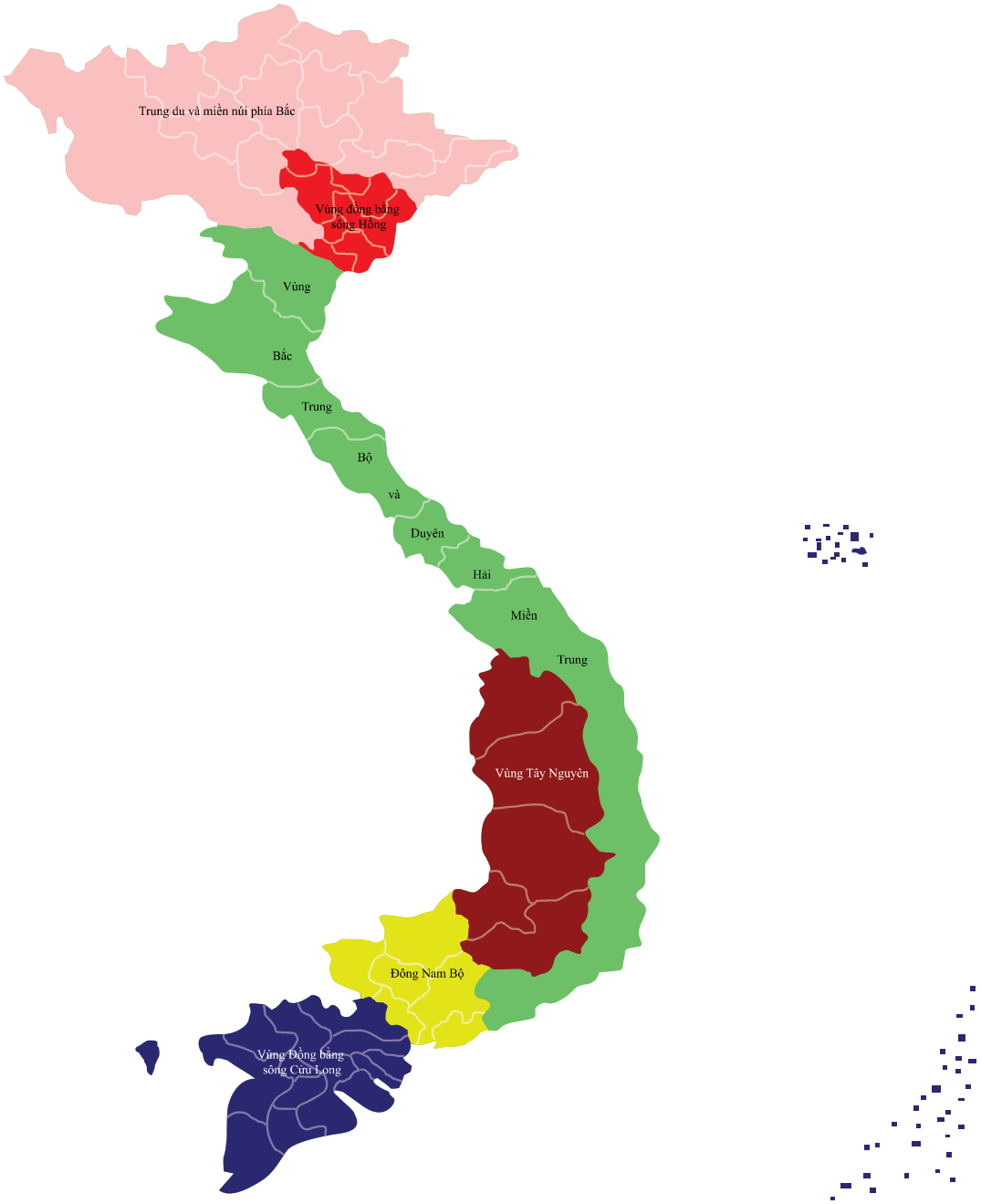

- Vùng Trung du và miền núi phía Bắc: gồm 14 tỉnh thuộc khu vực phía Bắc Việt Nam. Một số tỉnh có đường biên giới với Lào hoặc Trung Quốc. Đây là vùng lớn thứ hai Việt Nam và được coi là vùng tương đối nghèo.

- Vùng Đồng bằng sông Hồng: gồm 11 tỉnh có diện tích nhỏ nhưng đông dân, xung quanh sông Hồng bao gồm cả thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng (hai thành phố trực thuộc trung ương). Đây là vùng có diện tích nhỏ nhất và có mật độ dân cư đông đúc nhất cả nước.
- Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung: gồm 14 tỉnh duyên hải miền Bắc và Nam Trung Bộ. Đây là vùng có diện tích rộng nhất và đông dân thứ hai. Vùng này cũng thường phải hứng chịu thiên tai, điều kiện sống khó khăn.
- Vùng Tây Nguyên: gồm 5 tỉnh (chủ yếu là miền núi) ở Nam Trung Bộ, với dân cư chủ yếu là các dân tộc thiểu số mặc dù người Kinh sinh sống ở đây khá đông.
- Vùng Đông Nam Bộ: gồm 6 tỉnh thuộc vùng đồng bằng phía Nam Việt Nam và phía bắc châu thổ sông Cửu Long. Bao gồm cả thành phố lớn nhất Việt Nam là thành phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn trước đây).
- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Là vùng cực Nam bao gồm 13 tỉnh nhỏ nhưng đông dân của vùng châu thổ sông Cửu Long. Vùng này được coi là vựa lúa của Việt Nam, cung cấp hàng triệu tấn gạo xuất khẩu hàng năm.

Văn hóa, tôn giáo, giá trị truyền thống và đức tin góp phần đáng kể vào việc hình thành những nét đặc thù về giới và các chuẩn mực xã hội. Văn hóa Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi Nho giáo với những đặc điểm của chế độ phụ hệ, đặc quyền nam giới và những mối quan hệ thứ bậc (Bourke-Martignoni, 2001[1]; Mai cs., 2004[2]; Ghuman, 2005[3]). Trong một gia đình truyền thống theo Nho giáo, nam giới phải duy trì một hệ thống theo chế độ phụ hệ giữa các thế hệ, duy trì danh dự của gia đình và giáo dục phụ nữ trong gia đình. Ngược lại, phụ nữ có nhiệm vụ trông coi việc nhà, sinh con, đẻ cái và nuôi dạy con cái, chăm sóc các thành viên khác trong gia đình (Rydstrøm, 2006)[4]. Họ cũng có vai trò trong việc giữ cho gia đình "trong ấm ngoài êm" và "các giá trị gia đình." Vai trò giới được xác địnhh rõ ràng. Quan niệm thông thường cho rằng một người phụ nữ phải theo và tuân lệnh bố và khi đã đi lấy chồng thì phải theo chồng.

Những khái niệm về *Âm* và *Dương*[5] có ảnh hưởng đáng kể đến mối quan hệ về giới tại Việt Nam. Người ta tin rằng nam giới có nhiều năng lượng *dương* mà điều này được liên hệ tới "nóng tính" và "tính hung hăng," trong khi phụ nữ thuộc *âm* được nhìn nhận như là "mát tính" và "bình tĩnh". Quan niệm này được sử dụng để đánh giá hành vi và thái độ bạo lực của nam giới, theo đó hành vi và thái độ bạo lực được coi như là "đặc điểm tự nhiên hoặc đặc thù" của nam giới.

Về mặt kinh tế, Việt Nam là một quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh do có những cải cách về kinh tế cuối những năm 80 thường được biết đến dưới tên gọi công cuộc *Đổi Mới*. Công cuộc *Đổi Mới* đã thay đổi diện mạo đất nước từ một nền kinh tế kế hoạch sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Những cải cách về mặt kinh tế này đã đánh dấu bước khởi đầu của một sự thay đổi về văn hóa có tác động to lớn tới các chuẩn mực về giới và xã hội. Kể từ khi *Đổi*

---

[1] Bourke-Martignoni J. *Bạo lực đối với Phụ nữ tại Việt Nam: Báo cáo chuẩn bị cho Hội đồng về Xóa bỏ phân biệt đối xử đối với Phụ nữ*. Tổ chức thế giới chống lại mọi hình thức tra tấn (OMCT), 2001.

[2] Mai BTT và cs. *"Tại sao lại im lặng? Lý do tại sao phụ nữ bị bạo lực gia đình ở Việt Nam không tìm kiếm sự hỗ trợ từ bên ngoài"*. Công ty Tư vấn Đầu tư Y tế, Việt Nam. Chương trình nghiên cứu Trao quyền cho phụ nữ, Viện Phát triển Giáo dục, Hoa Kỳ, 2004.

[3] Ghuman S. Thái độ đối với Tình dục và Hành vi tình dục trong hôn nhân tại tỉnh Hải Dương, Việt Nam. *Nghiên cứu về Kế hoạch hóa gia đình*, 2005, 36(2):95-106.

[4] Rydstrøm H. *Nam tính và Trừng phạt: Việc giáo dục con trai của nam giới tại nông thôn Việt Nam*. *Thời thơ ấu*, 2006,13(3):329-346. Online access: http://chd.sagepub.com/cgi/content/abstract/13/3/329.

[5] Rydstrom H. Chạm vào sự giận giữ. Bạo lực gia đình ở Việt Nam. *Bạo lực đối với phụ nữ*, 2003, 9 (6): 676-97

Mới, phụ nữ tham gia nhiều hơn vào thị trường lao động. Tuy nhiên phụ nữ tiếp tục gánh vác trách nhiệm truyền thống là chăm sóc và lo toan việc nhà. Điều này đồng nghĩa với việc phụ nữ đang phải thực hiện những trách nhiệm nặng nề cả trong lĩnh vực riêng tư lẫn xã hội.

1.2. Thông tin chung về bạo lực đối với phụ nữ tại Việt Nam

**** Cơ sở pháp lý quốc tế và khung chính sách***

Việt Nam đã chứng tỏ cam kết của mình đối với vấn đề thúc đẩy bình đẳng giới và chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ thông qua việc phê chuẩn một số hiệp định quốc tế cơ bản về quyền con người bao gồm cả những hiệp định về quyền dân sự và chính trị (ICCPR), kinh tế, văn hóa và xã hội (ICESCR), phân biệt chủng tộc (CERD), bình đẳng giới (CEDAW) và công ước quốc tế về quyền trẻ em (CRC)[6]. Những thỏa thuận quốc tế này nêu rõ tầm quan trọng của việc nhận thức, bảo vệ và thực hiện các quyền đối với sức khỏe, cuộc sống, bảo vệ và an ninh cho nam giới, phụ nữ và trẻ em. Những cam kết này đã tạo cơ sở, tiền đề cho việc xây dựng các khung pháp lý và chính sách quốc gia nhằm giải quyết vấn đề bạo lực trên cơ sở giới tại Việt Nam. Các thỏa thuận quốc tế được đưa vào Hiến pháp năm 1995 cũng như các văn bản pháp luật và chính sách. Chính phủ cũng cam kết đạt được các Mục tiêu Phát triển thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc, Chương trình hành động được đưa ra tại Hội nghị quốc tế Phụ nữ tại Bắc Kinh năm 1995 và Chương trình hành động của Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển tại Cairo năm 1994.

**** Cơ sở pháp lý quốc gia và khung chính sách***

Theo quan niệm truyền thống, bạo lực gia đình và bạo lực do chồng gây ra là những vấn đề mang tính riêng tư và nhạy cảm tại Việt Nam (Romedenne & Loi, 2006)[7]. Tuy nhiên, kể từ năm 1992 đã có một số văn bản pháp lý và chính sách đề cập vấn đề này và đưa ra các biện pháp nhằm bảo vệ cho những người bị bạo lực gia đình và thúc đẩy bình đẳng giới.

Hộp 1.1 dưới đây liệt kê những luật, chính sách và các văn bản trong đó qui định rõ về việc cấm các hành vi ngược đãi, hành hạ và bạo lực. Những văn bản này nhấn mạnh nguyên tắc bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới cũng như nghĩa vụ về việc tôn trọng và chăm sóc gia đình.

Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và giảm nghèo năm 2002 đã xác định bất bình đẳng giới và bạo lực gia đình là những trở ngại đối với sự phát triển và một trong những mục tiêu của chiến lược là giảm nguy cơ bị bạo lực gia đình cho phụ nữ. Tiếp theo đó, Trung ương Đảng đã có Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 21/01/2005 về phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa, nêu rõ Chính phủ cần phải "chuẩn bị sẵn những biện pháp và kế hoạch cụ thể để phòng và chống bạo lực gia đình".

---

[6] (1) ICESCR hay là Công ước quốc tế về các quyền Kinh tế, Văn hóa và Xã hội, (2) ICCPR hay là Công ước quốc tế về các quyền Chính trị và Dân sự, (3) CEDAW hay là Công ước Liên hợp quốc về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ, (4) CRC hay Công ước về quyền trẻ em.

[7] Romedenne M, Loi VM. *Bạo lực gia đình: Sự thay đổi của Việt Nam. Phát hiện và đề xuất từ dự án UNFPA/SDC,* 2006.

Hộp 1.1: Khung pháp lý và chính sách quốc gia về bạo lực gia đình tại Việt Nam

LUẬT:

- 1992: Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam
- 1995: Bộ Luật Dân sự
- 2000: Luật Hôn nhân và Gia đình
- 2003: Bộ Luật Hình sự
- 2003: Pháp lệnh về Dân số (03/2003/PL-UBTVQH11)
- 2004: Luật về Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em
- 2004: Bộ Luật Tố tụng Dân sự
- 2006: Luật Bình đẳng giới
- 2007: Luật Phòng, chống bạo lực gia đình
- 2009: Luật Người Cao tuổi (Số 39/2009/QH12)

CHÍNH SÁCH:

- 2005: Chỉ thị số 49-CT/TW về phát triển gia đình Việt Nam
- 2008: Chỉ thị về việc thực hiện Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 16/2008/CT-TTg.
- 2009: Nghị định 08/2009/ND-CP về việc thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.
- 2009: Nghị định 110/2009/CP về xử phạt hành chính vi phạm trong lĩnh vực phòng chống bạo lực gia đình.
- 2009: Thông tư 16/2009/TT-BYT hướng dẫn việc tiếp nhận, chăm sóc y tế và báo cáo đối với người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình tại cơ sở khám bệnh.
- Nghị định 55/2009/NĐ-CP qui định xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới
- 2010: Thông tư về Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2010/TT-BVHTTDL

VĂN BẢN CHIẾN LƯỢC:

- Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và giảm nghèo, 2002
- Chiến lược quốc gia về gia đình, 2005-2010.
- Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2001-2005
- Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2006-2010Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ đến năm 2010
- Kế hoạch hành động về phòng chống bạo lực gia đình của Bộ VHDLTT, 2008-2015.
- Kế hoạch hành động quốc gia về bạo lực gia đình, 2010-2020 (dự thảo)
- Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 (dự thảo)
- Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, 2011-2015 (dự thảo)

Năm 2006, Luật Bình đẳng giới được thông qua quy định vấn đề bình đẳng giới trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống và chi tiết về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân nhằm đảm bảo những nguyên tắc này. Tiếp theo là Luật Phòng, chống bạo lực gia đình được thông qua năm 2007 đưa ra những biện pháp bảo vệ để ngăn không cho bạo lực xảy ra giữa các thành viên trong gia đình và Luật cũng nêu chi tiết một loạt các hành vi bạo lực gia đình. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình là một luật dân sự và bổ sung cho Bộ luật Hình sự và các luật khác đã đề cập những hình thức bạo lực khác.

Để thúc đẩy việc thực hiện Luật Bình đẳng giới và Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Chính phủ đã ban hành một số nghị định, thông tư và kế hoạch hành động quốc gia nêu rõ vai trò và trách nhiệm đối với việc thực hiện, theo dõi, báo cáo, điều phối và dự trù kinh phí của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức quần chúng, cộng đồng và các cá nhân.

Chính phủ cũng đã ban hành một số chiến lược quốc gia, trong đó bao gồm các biện pháp để phòng, chống bạo lực gia đình. Việc giảm bạo lực trên cơ sở giới là một trong những mục tiêu chính của bản dự thảo Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020.

Mặc dù Việt Nam đã thể hiện sự cam kết cao trong việc xây dựng luật và các chính sách nhằm đối phó với bạo lực gia đình, thì vẫn còn tồn tại những khoảng trống giữa lý thuyết và thực tế thực hiện ở tất cả các cấp. Kiến thức và nhận thức về bạo lực gia đình của người dân và những người có trách nhiệm vẫn còn hạn chế. Yếu tố chính góp phần vào tình hình này là do bạo lực gia đình vẫn bị coi là một vấn đề riêng tư mà xã hội không nên can thiệp và bạo lực được chấp nhận như một hành vi bình thường.

Việc thực thi luật và các chính sách đòi hỏi phải có sự đầu tư đáng kể về nhân lực và tài chính. Vấn đề bạo lực trên cơ sở giới cũng phải cân nhắc với các vấn đề phát triển quan trọng, ưu tiên khác trong việc thu hút được sự quan tâm, chú ý của Đảng, Chính phủ và Quốc hội. Môi trường chính trị đã ủng hộ việc phải đưa vấn đề bạo lực gia đình vào chương trình nghị sự của Nhà nước nhưng các hoạt động vận động chính sách vẫn phải tiếp tục được đẩy mạnh cũng như cần nhiều hoạt động để thay đổi thái độ của xã hội từ quan niệm cho rằng bạo lực gia đình là vấn đề nội bộ gia đình sang nhìn nhận bạo lực gia đình như là một sự vi phạm quyền con người và ảnh hưởng tới nhân phẩm con người.

**** Chúng ta đã biết gì về mức độ của bạo lực gia đình đối với phụ nữ?***

Cho đến nay mức độ bạo lực gia đình mà phụ nữ ở Việt Nam đang phải hứng chịu vẫn chưa được biết đến một cách đầy đủ. Một số nghiên cứu định tính và định lượng quy mô nhỏ đã được tiến hành trong vài năm gần đây cho thấy bạo lực gia đình thực sự là một vấn đề ở nước ta. Lãnh đạo các cấp huyện và xã đã ước tính là bạo lực về ngôn từ xảy ra tại 20–50% hộ gia đình, bạo lực thể xác từ 16–33% và 19-55% là bạo lực tinh thần (Lợi và cs 1999)[8], (Vững, 2008)[9], (Luke va cs, 2007)[10]. Họ

[8] Lơi VM và cs. Bạo lực trên cơ sở giới. Ngân hàng thế giới, 1999.

[9] Vững NĐ, Per-Olof Ostergren, Krantz G. Bạo lực do bạn tình gây ra đối với phụ nữ tại Việt Nam – những yếu tố xã hội nhân khẩu học khác nhau có liên quan tới những hình thức bạo lực khác nhau: Nhu cầu đối với những hướng dẫn can thiệp mới? *Tạp chí y tế công cộng BMC*, 2008. 8:55.

cũng phát hiện rằng tất cả các hình thức bạo lực ít xảy ra hơn ở những gia đình mà chồng và vợ có mức thu nhập ngang nhau và bạo lực về ngôn từ phổ biến nhất ở những gia đình mà phụ nữ là người kiếm tiền chính.

Bên cạnh đó, các câu hỏi cơ bản có liên quan tới bạo lực gia đình cũng đã được đưa vào một số khảo sát quốc gia về những vấn đề khác. Cụ thể là Điều tra Gia đình Việt Nam được thực hiện năm 2006 (Bộ VHTTDL, TCTK và UNICEF, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, 2008)[11] đã chỉ ra rằng 21,2% cặp vợ chồng đã từng xẩy ra ít nhất một loại bạo lực gia đình trong vòng 12 tháng trước điều tra bao gồm bạo lực ngôn từ, bạo lực tinh thần, bạo lực thể xác hoặc tình dục. Báo cáo Điều tra Đánh giá Các Mục Tiêu Trẻ em và Phụ nữ[12] năm 2006 đã chỉ ra rằng 64% phụ nữ trong độ tuổi từ 15 đến 49 coi việc bị chồng đối xử bằng bạo lực là bình thường.

Trước nghiên cứu này, chưa có một nghiên cứu nào được thực hiện trên phạm vi toàn quốc về bạo lực gia đình và bạo lực đối với phụ nữ để có một bức tranh toàn cảnh về tình hình bạo lực gia đình đối với phụ nữ của Việt Nam. Nhu cầu cần có thêm những bằng chứng mạnh mẽ là rất thiết thực để giúp đưa ra các đề xuất về chính sách và là cơ sở dữ liệu ban đầu để đo lường hiệu quả việc thực thi Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, các chiến lược và các chương trình có liên quan trong tương lai. Vì vậy một nghiên cứu cụ thể và sâu đã được xác định là việc cần ưu tiên để cung cấp tỷ lệ bị bạo lực, nguyên nhân và hậu quả của các hình thức bạo lực đối với phụ nữ khác nhau trên cả nước. Nghiên cứu này đánh dấu lần đầu tiên một nghiên cứu định tính và định lượng trên diện rộng về chủ đề này đã được tiến hành tại Việt Nam.

1.3. Khung lý thuyết và các định nghĩa về bạo lực đối với phụ nữ

**** Khung lý thuyết***

Hệ thống loại hình bạo lực được thể hiện trong hình 1 dưới đây (WHO 2002)[13] . Những loại hình bạo lực chính được chia thành bạo lực tự thân, bạo lực giữa các cá nhân và bạo lực tập thể. Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam chỉ tập trung vào *bạo lực giữa các cá nhân* và chủ yếu tập trung vào bạo lực gia đình, đặc biệt là bạo lực do chồng gây ra và bạo lực đối với trẻ em theo trả lời của phụ nữ (là loại hình trong khung đỏ ở hình 1.1).

---

[10] Luke N và cs. Tìm hiểu những yếu tố rủi ro và thái độ của các cặp vợ chồng đối với bạo lực do bạn tình gây ra tại Việt Nam. *Tạp chí Bạo lực gia đình đối với phụ nữ*, 2007, 13(1): 5-27.

[11] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, UNICEF, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới. *Điều tra gia đình Việt Nam 2006*, 2008.

12 Báo cáo Điều tra Đánh Giá Các Mục Tiêu Trẻ em và Phụ nữ 2006 - MICS3, Tổng cục Thống kê, UNICEF, Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em Việt Nam, Hà Nội tháng 7 năm 2007.

13 WHO. (2002). Báo cáo toàn cầu về bạo lực và sức khỏe: Tổ chức y tế thế giới.

Hình 1.1. Hệ thống loại hình bạo lực của Tổ chức Y tế thế giới, 2002

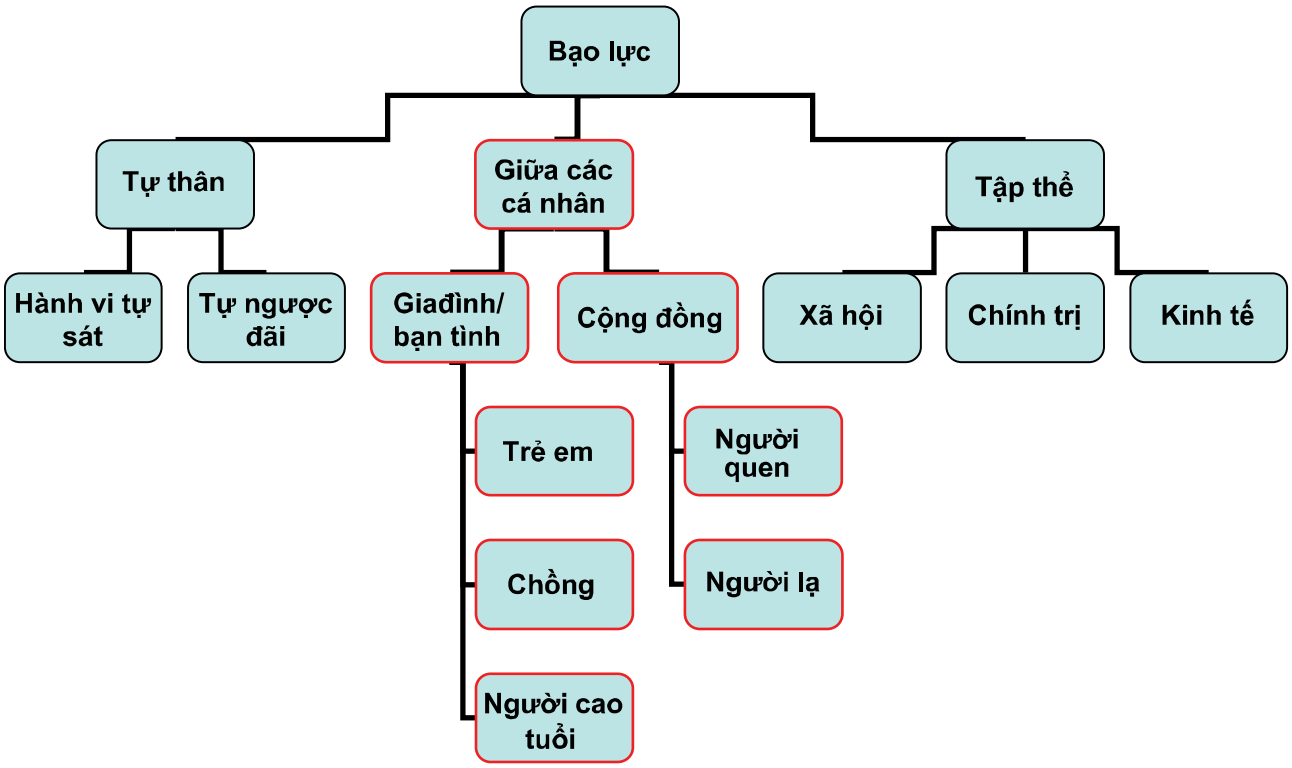

Bạo lực đối với phụ nữ thường liên quan tới mạng lưới các bất bình đẳng về thái độ, về cấu trúc xã hội và mang tính hệ thống. Các bất bình đẳng này là 'bất bình đẳng trên cơ sở giới' vì chúng liên quan đến địa vị thấp kém hơn của người phụ nữ trong mối quan hệ với đàn ông trong xã hội (Krantz & Garcia-Moreno, 2005).[14]

Rõ ràng là không có một nguyên nhân đơn lẻ nào đủ để giải thích cho bạo lực gia đình và bạo lực của chồng đối với phụ nữ. Để hiểu được sự tác động lẫn nhau giữa các yếu tố kết hợp dẫn đến bạo lực của chồng, càng ngày càng có nhiều nhà nghiên sử dụng khung lý thuyết mô hình lồng ghép, trong đó các yếu tố nguy cơ ở cấp độ cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội được thể hiện như những vòng tròn lồng vào nhau (WHO, 2002[15]; Heise, 1999[16]).

Các cấp độ được thể hiện thành những vòng tròn nội tiếp, từ trong ra ngoài gồm: cấp độ cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội, như trình bày trong hình 1.2. Cấp độ cá nhân bao gồm những khía cạnh sinh học hay những đặc tính mang tính cá nhân có thể tác động đến hành vi của các cá nhân, làm tăng khả năng có những hành vi hung hãn đối với người khác. Cấp độ gia đình nói tới những yếu tố ảnh hưởng trong phạm vi các mối quan hệ xã hội gần gũi của người phụ nữ, như trường học, nơi làm việc hay hàng xóm láng giềng. Ở cấp độ cộng đồng thì các yếu tố dự báo tỉ lệ bạo lực cao hơn bao gồm tình trạng bị cô lập và thiếu trợ giúp xã hội của người phụ nữ, những nhóm nam giới chấp nhận và hợp pháp hóa hành vi bạo lực của nam giới và những nhóm phụ nữ bình thường hóa

[14] Krantz, G., & Garcia-Moreno, C. (2005). Bạo lực đối với phụ nữ. *J Epidemiol Community Health, 59* (10), 818-821.
[15] Krug EG cs., eds. *Báo cáo toàn cầu về bạo lực và sức khỏe*. Geneva, WHO, 2002.
[16] Heise L, Ellsberg M, Gottemoeller M. Chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ. *Popul Rep*, 1999, 27:1-43.

bạo lực. Cuối cùng, cấp độ xã hội nói tới các yếu tố nguyên nhân liên quan tới cấu trúc xã hội, luật pháp, chính sách, chuẩn mực văn hóa và thái độ làm tăng thêm tình trạng bạo lực đối với phụ nữ trong xã hội.

Hình 1.2. Mô hình lồng ghép các yếu tố liên quan tới bạo lực gây ra bởi chồng.

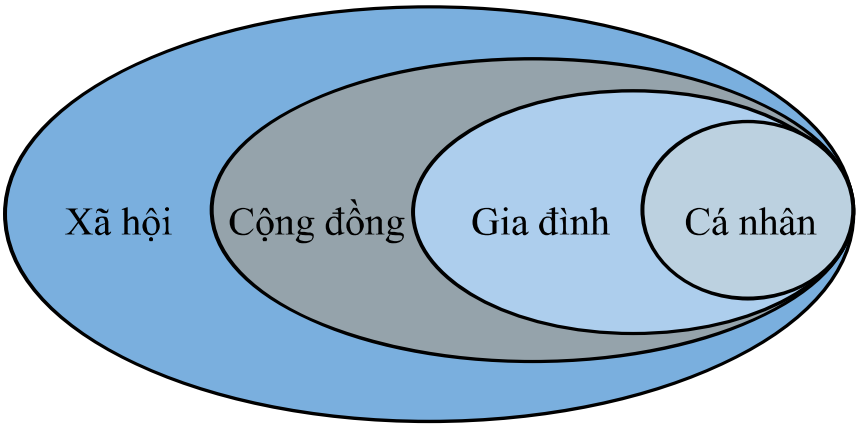

**** Các định nghĩa chung***

Tuyên bố của Liên Hợp Quốc về Xóa bỏ Bạo lực đối với phụ nữ (1993) đã định nghĩa bạo lực đối với phụ nữ là "bất kỳ hành vi bạo lực trên cơ sở giới nào dẫn đến, hoặc có thể dẫn đến tổn hại về thể xác, tình dục hoặc tâm thần hoặc gây đau khổ cho phụ nữ, kể cả việc đe dọa có những hành vi như vậy, áp bức hoặc độc đoán tước bỏ tự do, dù diễn ra ở nơi công cộng hay trong cuộc sống riêng tư".[17]

Tuyên bố của Liên Hợp Quốc và WHO cũng nói rằng bạo lực đối với phụ nữ bao gồm, song không chỉ giới hạn ở ba hình thức bạo lực: tâm lý và tình cảm, thể xác và tình dục (UN, 1995[18]; WHO, 2002[19]). Bạo lực tâm lý và tình cảm được xác định bằng những hành động hoặc đe dọa hành động, như chửi bới, kiểm soát, hăm dọa, làm nhục và đe dọa nạn nhân. Hình thức bạo lực này có thể bao gồm các thủ đoạn cưỡng bức. Bạo lực thể xác được định nghĩa là một hoặc nhiều hành động tấn công có chủ ý về thể xác bao gồm nhưng không chỉ giới hạn trong các hành vi như: xô đẩy, tát, ném, giật tóc, cấu véo, đấm, đá hoặc làm cho bị bỏng, được thực hiện với khả năng gây đau đớn, thương tích hoặc tử vong. Bạo lực tình dục được định nghĩa là việc sử dụng sức mạnh, cưỡng bức hoặc đe dọa về tâm lý để ép buộc người phụ nữ tham gia quan hệ tình dục ngoài ý muốn của mình, cho dù hành vi đó có thực hiện được hay không.

Bạo lực trong gia đình hay bạo lực gia đình là một khái niệm có phần trùng với khái niệm bạo lực đối với phụ nữ, song không hoàn toàn giống nhau. Khái niệm này phản ánh nhiều hình thức bạo lực khác nhau của một thành viên hay một nhóm thành viên gia đình đối với một thành viên hay nhóm thành viên khác trong gia đình (chồng-vợ, cha mẹ-con cái, bạo lực của thành viên gia đình nhà

[17] Liên Hợp quốc. *Tuyên bố về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ.* Nghị quyết của Đại hội đồng Liên Hợp quốc, tài liệu A/RES/48/104. New York, NY, 1993.
[18] UN. *Tuyên bố Bắc Kinh và chương trình hành động*. Tài liệu trình bày tại hội nghị quốc tế về phụ nữ lần thứ tư: Hành động vì bình đẳng, hòa bình và phát triển, 1995.
[19] WHO. *Báo cáo toàn cầu về bạo lực và sức khỏe*. Geneva, WHO, 2002.

chồng/vợ hay bạo lực đối với người cao tuổi) (Romedenne & Lợi, 2006[20]). Theo nhiều nghiên cứu, loại hình bạo lực gia đình phổ biến nhất là bạo lực đối với phụ nữ mà thủ phạm là chồng hay bạn tình (bạo lực do bạn tình gây ra), còn được gọi là 'đánh vợ' hay 'ngược đãi vợ'. Thuật ngữ 'bạo lực gia đình đối với phụ nữ' và 'bạo lực do bạn tình gây ra' thường được dùng lẫn cho nhau (Krantz & Garcia-Moreno, 2005) và đôi khi gây hiểu nhầm bởi vì bạo lực do bạn tình gây ra chỉ là một biểu hiện của bạo lực gia đình.

Bạo lực do bạn tình gây ra (IPV) là các hành vi bạo lực về thể xác hoặc tình dục hoặc tâm lý và tình cảm do vợ/chồng, vợ/chồng cũ hoặc bạn gái/bạn trai hiện tại hoặc trước đây hoặc người đang hẹn hò hiện tại hoặc trước đây gây ra(Krug và cs., 2002).

Bạn tình là đối tượng gây bạo lực gia đình đối với phụ nữ phổ biến nhất (WHO, 1997[21]). Bạn tình có thể là người đang sống chung như vợ chồng hoặc không. Phụ nữ thường bị chi phối về tình cảm và/hoặc phụ thuộc về kinh tế với người gây bạo lực và điều này ảnh hưởng tới việc xảy ra bạo lực và khiến người phụ nữ bị yếu thế hơn trong việc giải quyết tình trạng bạo lực. Phụ nữ là người phải gánh chịu các ảnh hưởng và hậu quả nghiêm trọng của bạo lực do bạn tình gây ra mặc dù nam giới cũng phải đối mặt với bạo lực trong các mối quan hệ và bạo lực cũng xảy ra trong các mối quan hệ đồng giới (Heise và cs., 1999[22]).

**** Định nghĩa về bạo lực gia đình theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình***

Trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, một thành viên gia đình được coi là bị bạo lực gia đình khi bị một trong các hành vi dưới đây do một thành viên khác trong gia đình gây ra:

a) Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khoẻ, tính mạng;
b) Lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;
c) Cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng;
d) Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;
e) Cưỡng ép quan hệ tình dục;
f) Cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ;
g) Chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình;
h) Cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính;
i) Có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.

Các hành vi bạo lực như đã nêu ở trên cũng có thể áp dụng cho những thành viên của gia đình trong những trường hợp ly hôn hoặc sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn.

1.4. Mục tiêu và tổ chức nghiên cứu

Nghiên cứu quốc gia về bạo lực với phụ nữ ở Việt Nam là một hoạt động thuộc Chương trình chung về Bình đẳng giới giữa Chính phủ Việt Nam và Liên Hợp Quốc (do Quỹ Phát triển Mục tiêu Thiên

[20] Romedenne M, Lợi VM. Bạo lực gia đình: Thay đổi của Việt Nam. Phát hiện và khuyến nghị từ dự án *UNFPA/SDC*, 2006.
[21] WHO. *Violence against women: A priority health issue*, 1997.
[22] Heise L, Ellsberg M, Gottemoeller M. Chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ. *Popul Rep*, 1999, 27:1-43.

niên kỷ tài trợ), được phê duyệt ngày 19/03/2009 bởi ba cơ quan thực hiện của Chính phủ[23] và 12 cơ quan tham gia của Liên Hợp Quốc[24].

**** Mục tiêu của nghiên cứu***

Nghiên cứu có bốn mục tiêu trực tiếp:

(1) Ước tính tỷ lệ, tần suất và phân loại các hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em dưới đây:

- Bạo lực thể xác và tình dục, bạo lực tinh thần và kinh tế và các hành vi kiểm soát của chồng đối với vợ.
- Bạo lực thể xác và tình dục đối với phụ nữ từ 15 tuổi trở lên và lạm dụng tình dục với trẻ em gái dưới 15 tuổi gây ra bởi bất kì đối tượng nào[25].
- Bạo lực gia đình đối với trẻ em trai và trẻ em gái dưới 15 tuổi, ví dụ như bạo lực thể xác, tinh thần và tình dục gây ra bởi người cha theo kết quả phỏng vấn các phụ nữ có con trong độ tuổi này.

(2) Đánh giá mức độ ảnh hưởng về sức khỏe và các vấn đề khác có liên quan tới bạo lực gia đình;

(3) Xác định những yếu tố có thể bảo vệ hoặc đặt người phụ nữ vào nguy cơ bị bạo lực gia đình và;

(4) Thu thập thông tin và so sánh những chiến lược và dịch vụ mà người phụ nữ sử dụng để đối phó với bạo lực gia đình, các quan niệm về bạo lực gia đình đối với phụ nữ và kiến thức của phụ nữ về các quyền hợp pháp của họ.

Những mục tiêu gián tiếp gồm:

(1) Nâng cao năng lực quốc gia và sự hợp tác giữa các nhà nghiên cứu và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bạo lực gia đình;

(2) Nâng cao nhận thức và sự nhạy cảm của các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách và người cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế đối với vấn đề bạo lực gia đình; và

(3) Góp phần xây dựng một mạng lưới người dân cam kết tham gia giải quyết bạo lực gia đình.

Số liệu thu thập được từ nghiên cứu này sẽ cung cấp những bằng chứng cần thiết về tỷ lệ bị bạo lực gia đình mà phụ nữ phải hứng chịu tại Việt Nam và cũng sẽ là một công cụ hữu ích trong hoạt động vận động chính sách nhằm thiết lập các dịch vụ dành cho người bị bạo lực, người gây ra bạo lực và gia đình của họ. Thông tin thu thập được sẽ tạo điều kiện cho các cơ quan Chính phủ và các tổ chức xã hội dân sự xây dựng những chính sách và chương trình phù hợp nhằm giải quyết một cách hiệu quả vấn đề bạo lực gia đình đối với phụ nữ.

---

[23] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê.
[24] FAO, ILO, IOM, UNAIDS, UNDP, UNESCO, UNFPA, UNICEF, UNIDO, UNIFEM, UNODC, WHO.
[25] Việc tìm hiểu bạo lực gây ra bởi những người không phải là chồng sẽ giúp xác định các hình thức bạo lực gia đình đối với phụ nữ gây ra bởi những thành viên khác trong gia đình và tạo cơ hội xác định được tầm quan trọng của bạo lực gia đình và bạo lực do bạn tình gây ra so với các bạo lực giữa các cá nhân khác trong cuộc sống của người phụ nữ

**** Tổ chức nghiên cứu***

Nhóm nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu gồm có bảy thành viên chủ chốt bao gồm hai cán bộ từ Tổng cục Thống kê, một từ Bộ Y tế và 2 chuyên gia tư vấn trong nước từ CCIHP; một chuyên gia tư vấn quốc tế; 1 nhân viên của WHO Việt Nam. Xem danh sách các thành viên Nhóm nghiên cứu, chuyên gia và cố vấn trong Phụ lục I.

Tổng cục Thống kê giữ vai trò quản lý chung cuộc Khảo sát và thực hiện khảo sát thực địa. Công việc cụ thể bao gồm các khâu hậu cần và quản lý chung; tổ chức các hội thảo lập kế hoạch, tham vấn và viết báo cáo; điều tra thử nghiệm bộ câu hỏi; tuyển cán bộ tham gia khảo sát thực địa; tổ chức đào tạo; thực hiện cuộc Khảo sát tại thực địa và giám sát; quản lý dữ liệu; tổ chức họp báo và hội thảo công bố kết quả.

Vai trò của WHO là hỗ trợ kỹ thuật và điều phối toàn bộ Nghiên cứu. Công việc cụ thể bao gồm hỗ trợ kỹ thuật cho Tổng cục Thống kê; tuyển dụng chuyên gia trong nước và quốc tế; làm đầu mối giữa các cơ quan Liên Hợp Quốc, đặc biệt với UNFPA là đầu mối quản lý Chương trình chung về bình đẳng giới (JPGE) và với tiểu nhóm công tác về bạo lực trên cơ sở giới; và hỗ trợ thông tin, liên lạc giữa các bên có liên quan.

Các chuyên gia trong nước và quốc tế chịu trách nhiệm về kỹ thuật và chất lượng của nghiên cứu. Công việc cụ thể bao gồm tham gia và trình bày tham luận tại các hội thảo tư vấn và lập kế hoạch; dịch và điều chỉnh bảng câu hỏi và sổ tay hướng dẫn; là giảng viên trong các lớp tập huấn cho nhân viên thực địa; giám sát công việc khảo sát thực địa định lượng; tổ chức và thực hiện phần nghiên cứu định tính; phân tích dữ liệu và viết báo cáo; tham gia trình bày các phát hiện tại hội thảo phổ biến báo cáo. Chuyên gia quốc tế chịu trách nhiệm chung trong việc đảm bảo việc thực hiện các chuẩn mực về đạo đức và khoa học trong quá trình thực hiện nghiên cứu và viết báo cáo.

Tham vấn thường xuyên với các bên có liên quan

Trong suốt quá trình thực hiện nghiên cứu, việc tham vấn với các bên có liên quan được tiến hành định kỳ. Hai hội thảo tham vấn đã được tổ chức. Hội thảo đầu tiên đã trình bày phương pháp, kế hoạch nghiên cứu và bảng câu hỏi nhằm mục đích thu thập các ý kiến góp ý và phản hồi để hoàn thiện. Hội thảo thứ hai đã trình bày các phát hiện ban đầu và dự thảo đầu tiên của báo cáo nghiên cứu, thu thập các ý kiến góp ý và phản hồi để hoàn thiện. Ngoài ra, trước khi chính thức công bố, dự thảo báo cáo đã được trình bày trước các Bộ, ngành có liên quan, đã được sửa và gửi cho các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các Tổ chức chính trị xã hội để góp ý trước khi công bố chính thức.

Những bên có liên quan đại diện cho Chính phủ, các tổ chức xã hội dân sự trong nước và cộng đồng quốc tế gồm có:

- Quốc hội bao gồm Uỷ ban các vấn đề xã hội của Quốc hội và Vụ các vấn đề xã hội thuộc Văn phòng Quốc hội.

- Các Bộ, ngành, bao gồm Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các vụ, cục của BYT, gồm Vụ Sức khỏe bà mẹ và trẻ em, Cục Quản lý khám chữa bệnh, Tổng cục Dân số, Vụ Pháp chế, Vụ Kế hoạch Tài chính; Bộ VHTTDL; Bộ LĐTBXH; Bộ Tư pháp (MOJ); Bộ Công an (MPS) và Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ (NCFAW).
- Các tổ chức chính trị xã hội bao gồm: Ban Dân vận Trung ương Đảng Cộng sản Việt nam, Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng Cộng sản Việt nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên CSHCM, Hội nông dân Việt Nam, Trung tâm Phụ nữ và Phát triển...
- Cơ quan Liên Hợp Quốc và nhóm làm việc của Liên Hợp quốc về bạo lực trên cơ sở giới gồm Tổ chức Di cư Thế giới (IOM), Chương trình chung của Liên Hợp quốc về HIV/AIDS (UNAIDS), Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO), Quĩ Dân số Liên Hợp quốc (UNFPA), Quĩ Trẻ em Liên Hợp Quốc (UNICEF), Quĩ Phát triển Phụ nữ của Liên Hợp Quốc (UNIFEM), Phụ nữ Liên Hợp Quốc (UN WOMEN), Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (UNODC) và Tổ chức Y tế thế giới (WHO).
- Viện nghiên cứu của nhà nước: Viện nghiên cứu Gia đình và Giới (IFGS), Viện xã hội học Việt Nam (VASS).
- Tổ chức phi chính phủ trong nước (NGOs) gồm Trung tâm Ứng dụng Khoa học về Giới, Gia đình, Phụ nữ và Vị thành niên (CSAGA), Công ty Tư vấn Đầu tư Y tế (CIHP), Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIHP), Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội (ISDS).
- Tổ chức phi Chính phủ quốc tế gồm Hòa bình và Phát triển, Oxfam, Cứu trợ Trẻ em, Action Aid và Hội đồng Dân số.
- Các đại sứ quán và các tổ chức hợp tác song phương gồm Cơ quan Hợp tác Phát triển Thụy sĩ (SDC), Đại sứ quán Thụy Sĩ, Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Tây Ban Nha (AECID), Sứ quán Úc và Cơ quan Phát triển Quốc tế Úc (AuSAID).

<u>Ban chỉ đạo điều tra quốc gia</u>

Ban chỉ đạo do Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đứng đầu. Thành viên là đại diện đến từ các Bộ, ngành có liên quan (Bộ VHTTDL, Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế, Bộ Công An) và các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê, gồm Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường, Vụ Tổ chức cán bộ. Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm chung thực hiện khảo sát thực địa theo các mục tiêu, nội dung, quy định và kế hoạch thời gian đã thống nhất. Chuyên viên Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường hỗ trợ Ban chỉ đạo trong công việc hàng ngày.

CHƯƠNG II. PHƯƠNG PHÁP

2.1. Cấu phần định lượng

Cấu phần định lượng được thực hiện theo phương pháp luận của *Nghiên cứu đa quốc gia về Sức khỏe Phụ nữ và Bạo lực gia đình của WHO* với khác biệt duy nhất là cỡ mẫu. Các quốc gia trong nghiên cứu của WHO thường chọn mẫu tại một hoặc hai khu vực, mỗi khu vực có khoảng 1500 người tham gia. Nghiên cứu tại Việt Nam có cỡ mẫu lớn hơn, thực hiện trên phạm vi toàn quốc.

**** Mẫu khảo sát***

Cấu phần định lượng là một cuộc khảo sát hộ gia đình đại diện toàn quốc với sự tham gia của 4838 phụ nữ ở độ tuổi từ 18–60 đại diện cho phụ nữ trong các nhóm tuổi này trên cả nước. Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường phối hợp với Vụ Thống kê Dân số và Lao động thuộc Tổng cục Thống kê thực hiện việc chọn mẫu, đưa ra dàn mẫu, danh sách địa bàn khảo sát (EA) và danh sách thành viên hộ gia đình được lựa chọn tham gia khảo sát, trên cơ sở tham vấn với chuyên gia quốc tế.

Mục đích của cuộc khảo sát nhằm phỏng vấn 5520 người trong mẫu đại diện cho 6 vùng địa lý và kinh tế của Việt Nam. Những người được phỏng vấn là thành viên của các hộ gia đình được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu đa tầng thuộc 460 địa bàn khảo sát (chọn từ danh sách mẫu 15% của Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009). Mỗi hộ gia đình chỉ chọn phỏng vấn một phụ nữ.

Với độ chính xác được xác định trong khoảng tin cậy 95%, phương án chọn mẫu như vậy cho phép đưa ra các ước lượng đáng tin cậy về tỉ lệ bạo lực đối với phụ nữ dưới các hình thức khác nhau cho toàn quốc, 6 vùng địa lý và thành thị/nông thôn. Xem Phụ lục III để có thêm thông tin chi tiết về phương pháp chọn mẫu.

**** Phụ nữ đủ tiêu chuẩn tham gia***

Trong *Nghiên cứu đa quốc gia của WHO về Sức khỏe phụ nữ và Bạo lực gia đình*[26], đa số các nước đưa phụ nữ ở độ tuổi 15-49 vào nhóm đối tượng nghiên cứu. Nhóm tuổi này được lựa chọn do Nghiên cứu của WHO đặc biệt quan tâm tới hậu quả của bạo lực đối với sức khỏe sinh sản và để so sánh giữa các quốc gia và với kết quả của các nghiên cứu khác.

Tại Việt Nam nhóm nghiên cứu quyết định chọn toàn bộ phụ nữ trong độ tuổi từ 18 đến 60 tuổi vào diện đối tượng nghiên cứu. Độ tuổi tối thiểu được chọn là 18 vì những đối tượng dưới 18 tuổi cần được sự chấp thuận của cha mẹ mới được tham gia khảo sát và như vậy qui trình khảo sát thực địa sẽ phức tạp hơn. Hơn nữa, đây cũng là độ tuổi bắt đầu được phép kết hôn theo qui định của pháp luật[27].

[26] Có trên trang web: www.who.int/gender/violence/en/

[27] Chỉ có phụ nữ có chồng/ bạn tình được hỏi các câu hỏi về bạo lực do chồng/ bạn tình gây ra. Những phụ nữ dưới 18 tuổi ít khi lập gia đình hoặc có bạn tình

Tuổi tối đa được chọn trong khảo sát này (60 tuổi) [28] có nhiều lợi thế đối với Việt Nam. Thứ nhất, tỉ lệ hộ gia đình có thành viên là phụ nữ phù hợp để khảo sát trong những hộ gia đình chọn trong mẫu sẽ cao hơn so với nhóm tuổi giới hạn thấp hơn. Thứ hai, chọn tuổi tối đa như vậy sẽ cho phép lấy thông tin về trải nghiệm của những phụ nữ trên 49 tuổi. Điều này rất quan trọng, vì những phụ nữ lớn tuổi đó cũng là một phần của gia đình, có nguy cơ bị bạo lực gia đình và họ cũng thuộc diện đối tượng qui định trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007. Do đặc thù về độ tuổi nên những phụ nữ này có thể đã từng phải chịu đựng nhiều kiểu bạo lực gia đình khác nhau.

Khảo sát này không chỉ tập trung vào những phụ nữ hiện đang có chồng hay những người đã từng kết hôn, mà chọn mẫu từ tất cả phụ nữ trong nhóm tuổi nêu trên, do đó mẫu bao gồm cả những phụ nữ đã từng ly dị, góa và cả những người chưa từng có bạn tình hoặc những phụ nữ đang có quan hệ tạm thời hay đang hẹn hò. Mặc dù Khảo sát tập trung vào tình trạng bạo lực do người chồng gây ra, nhưng Bảng câu hỏi cũng thu thập thông tin về mức độ bạo lực thể xác, tình dục và tinh thần do các đối tượng khác nhau gây ra trong các giai đoạn khác nhau trong cuộc đời của những người phụ nữ này như được giải thích trong mục tiêu của nghiên cứu (mục 1.4).

**** Bảng câu hỏi***

Bảng câu hỏi khảo sát sử dụng ở Việt Nam dựa trên bảng câu hỏi định lượng phiên bản 10 (chỉnh sửa ngày 26/01/2005) của Nghiên cứu đa quốc gia của WHO. Trước hết bảng câu hỏi được nhóm nghiên cứu xem xét lại, dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và gửi cho các cơ quan hữu quan, chuyên gia và các bên có liên quan khác trong lĩnh vực giới ở Việt Nam thảo luận góp ý.

Bảng câu hỏi bao gồm các chủ đề sau đây:

Thông tin chung của hộ gia đình

Mục 1: Thông tin về người trả lời và nơi ở
Mục 2: Tình hình sức khỏe
Mục 3: Sức khỏe sinh sản
Mục 4: Trẻ em
Mục 5: Bạn đời hiện tại hoặc gần đây nhất
Mục 6: Thái độ, quan điểm
Mục 7: Người trả lời và chồng
Mục 8: Thương tích
Mục 9: Ảnh hưởng và cách xử trí khi bị bạo hành
Mục 10: Những sự kiện khác
Mục 11: Tự chủ về tài chính
Mục 12: Kết thúc phỏng vấn
Xem chi tiết đầy đủ về Bảng câu hỏi tại Phụ lục Ia.

Những khác biệt chính giữa Bảng câu hỏi sử dụng trong Khảo sát này và bảng câu hỏi gốc của WHO gồm: Bổ sung 5 câu hỏi mới liên quan đến HIV, 4 câu hỏi mới về lạm dụng trẻ em và 1 câu

[28] Tuổi không được xác định chính xác theo ngày điều tra, việc chọn phụ nữ thuộc diện điều tra được tiến hành trước nhằm gửi thư mời đến phụ nữ được chọn thường tuổi được xác định theo năm sinh, một số người trả lời sẽ trả lời năm sinh của mình theo tuổi âm, chênh vài tháng với lịch dương lịch.

hỏi về Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và một số sửa đổi nhỏ khác nữa được đưa vào Bảng câu hỏi (xem Phụ lục II-b Danh sách những nội dung đã điều chỉnh).

Bảng câu hỏi được áp dụng cho tất cả phụ nữ thuộc diện phỏng vấn, cho dù có chồng hay không. Tuy nhiên, những câu hỏi về bạo lực do chồng gây ra chỉ được hỏi đối với những phụ nữ cho biết là họ đã từng có bạn tình hoặc chồng.

Bảng câu hỏi đã được thí điểm ở Hà Nội và Tiền Giang trước khi hoàn thiện lần cuối cùng. Trong giai đoạn thí điểm những người được phỏng vấn không chỉ trả lời các câu hỏi trong Bảng câu hỏi, mà còn được yêu cầu nhận xét về sự rõ ràng và khả năng có thể chấp nhận được của các câu hỏi và cách thức thực hiện Bảng câu hỏi.

**** Định nghĩa bạo lực***

Định nghĩa sử dụng được nêu trong Chương 1. Nhằm xác định mức độ bạo lực của chồng gây ra và các loại hình bạo lực khác trong Khảo sát, các hình thức và khía cạnh của bạo lực được thu thập bằng một loạt những câu hỏi về hành vi cụ thể có liên quan tới từng loại bạo lực như sau:

A. Câu hỏi về người chồng, dành cho những phụ nữ đã từng có chồng

Bạo lực thể xác do người chồng gây ra (các hành vi từ c đến f được coi là "nghiêm trọng")

a) Tát hoặc ném vật gì đó vào chị làm tổn thương chị?
b) Đẩy hoặc xô thứ gì vào chị, kéo tóc chị?
c) Đánh, đấm chị hoặc đánh bằng vật có thể làm chị tổn thương?
d) Đá, kéo lê chị, đánh đập chị tàn nhẫn?
e) Bóp cổ, làm nghẹt thở, làm bỏng chị bằng cách nào đó?
f) Đe doạ sử dụng hoặc đã sử dụng súng, dao, hoặc các vũ khí khác làm hại chị?

Bạo lực tình dục do chồng gây ra

a) Dùng vũ lực cưỡng ép chị phải quan hệ tình dục khi chị không muốn.
b) Chị đã từng phải có quan hệ tình dục cưỡng ép bởi vì chị sợ những gì xấu do anh ta gây ra
c) Anh ta đã từng ép chị làm điều có tính kích dục mà chị cảm thấy nhục nhã, hạ thấp nhân phẩm
d) Ép chị phải quan hệ tình dục với một người khác [29]

Ngược đãi về tình cảm do chồng gây ra

a) Sỉ nhục chị/lăng mạ chị hoặc làm cho chị cảm thấy rất tồi tệ
b) Coi thường hoặc làm chị bẽ mặt trước mặt người khác
c) Đe dọa hay dọa nạt chị bằng bất cứ cách nào như quắc mắt, quát mắng, đập phá đồ đạc
d) Dọa gây tổn thương người chị yêu quý
e) Dọa/đuổi chị ra khỏi nhà[30]

[29] Hành vi này ban đầu không có trong bảng hỏi của WHO nhưng được bổ sung trong bảng hỏi của Việt Nam
[30] Hành vi này ban đầu không có trong bảng hỏi của WHO nhưng được bổ sung trong bảng hỏi của Việt Nam.

Các hành vi kiểm soát vợ của người chồng

a) Không để chị gặp gỡ, thăm nom bạn bè
b) Hạn chế chị tiếp xúc với gia đình đẻ/ruột của chị
c) Muốn kiểm soát chị ở bất cứ đâu vào bất cứ lúc nào
d) Phớt lờ chị và đối xử lãnh đạm với chị
e) Tức giận nếu thấy chị nói chuyện với người đàn ông khác
f) Thường nghi ngờ chị về lòng chung thủy
g) Kiểm soát chị, ngay cả khi đi khám chữa bệnh cũng phải được phép của anh ta

Bạo lực thể xác trong thời gian mang thai

Tát, đấm hay đánh khi chị đang mang thai
Đấm hay đá vào bụng khi chị đang mang thai

B. Câu hỏi về những người khác ngoài chồng dành cho tất cả phụ nữ

Bạo lực thể xác từ năm 15 tuổi đến nay, do người khác trừ chồng gây ra

Từ khi 15 tuổi đến nay, có một ai (trừ chồng hay bạn tình) đã từng đánh đập hoặc ngược đãi/xâm phạm thể xác chị bằng bất kỳ hình thức nào không?

Bạo lực tình dục từ năm 15 tuổi đến nay, do người khác trừ chồng gây ra

Từ khi 15 tuổi đến nay, có ai (trừ chồng) bắt chị phải quan hệ tình dục hoặc bắt chị phải thể hiện những hành vi tình dục trong khi chị không muốn không?

Bị lạm dụng tình dục thời thiếu niên bởi người khác (yêu cầu nhớ lại thời kỳ trước năm 15 tuổi)

Trước khi chị 15 tuổi, chị nhớ có ai đó chạm vào người chị với ẩn ý dâm ô/tình dục, hoặc khiến chị thực hiện những hành vi tình dục mà chị không muốn không?

Cuối buổi phỏng vấn, người được phỏng vấn có cơ hội để trả lời bằng hình thức "bỏ phiếu kín" về chuyện bị lạm dụng tình dục ở tuổi niên thiếu (xem Hình 2.1) và câu trả lời được niêm phong trong phong bì.

Hình 2.1. Tấm thẻ minh họa bằng tranh cho câu hỏi về việc bị lạm dụng tình dục trước tuổi 15: khuôn mặt buồn, câu trả lời là "có"; khuôn mặt vui, câu trả lời là "không"

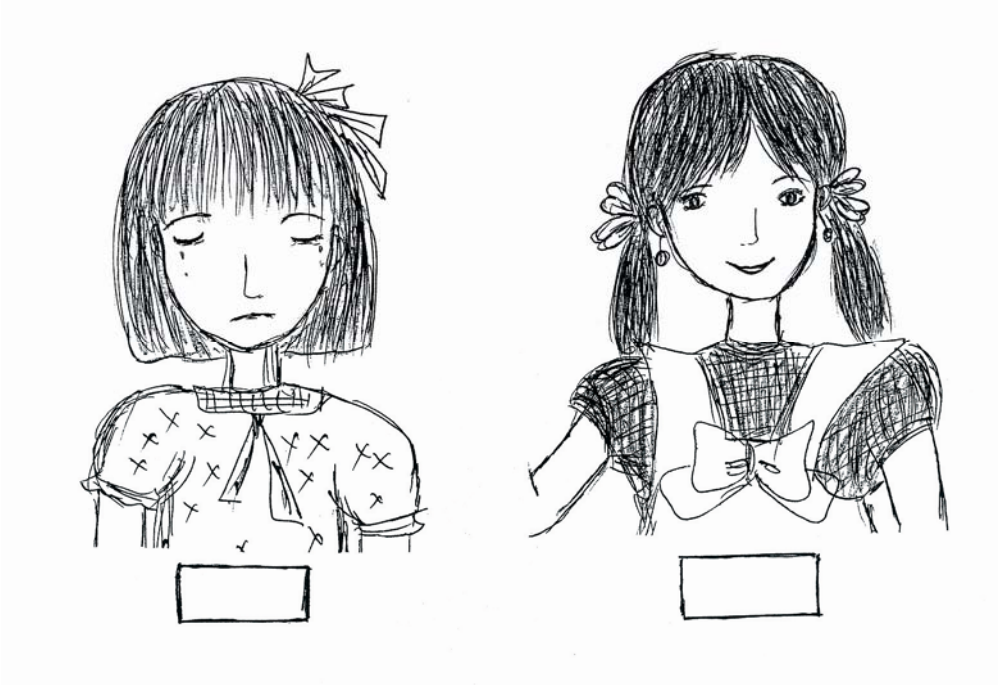

C. Câu hỏi dành cho phụ nữ có con nhỏ dưới 15 tuổi về những trải nghiệm của những đứa trẻ này với bất kỳ hành vi bạo lực của người chồng (các hành vi từ b đến e được coi là 'ngược đãi trẻ em'')

Những hành vi của người chồng đối với con

a) Đe doạ/dọa nạt hay lăng mạ con chị bằng bất cứ cách nào (như quắc mắt, quát mắng, đập phá đồ đạc, dọa nạt)?
b) Tát, đẩy, xô hoặc ném vật gì đó vào con chị làm tổn thương cháu?
c) Đánh, đấm cháu bằng tay, đá hoặc đập làm cháu tổn thương?
d) Lắc người, bóp cổ, làm nghẹt thở, làm bỏng hoặc sử dụng dụng cụ (súng, dao, kéo hoặc các vũ khí khác) làm hại cháu?
e) Chạm vào người cháu với ẩn ý dâm ô/tình dục, hoặc khiến cháu thực hiện những hành vi tình dục mà cháu không muốn không?

**** Giai đoạn tham chiếu***

Đối với mỗi hành vi lạm dụng tình cảm, tình dục và thể xác mà người trả lời phỏng vấn cho biết là họ đã trải qua, người đó sẽ được hỏi đó là hành vi đã từng xảy ra trong suốt cuộc đời họ hay mới xảy ra trong 12 tháng gần đây và tần suất xảy ra hành vi đó là bao nhiêu (một lần, 2-5 lần hoặc nhiều hơn 5 lần). Hai giai đoạn tham chiếu được dùng để tính thời gian bị bạo lực trong đời hoặc bị bạo lực hiện tại.

Cả hai tham chiếu về thời gian đều quan trọng, cho ta biết về những khía cạnh khác nhau của vấn đề. Bạo lực trong cuộc đời (hoặc nói khác đi là bạo lực đã từng trải qua) xác định xem trong suốt cuộc đời mình một người phụ nữ nào đó đã từng phải chịu đựng bất kỳ một hành vi bạo lực nào hay

không ngay cả khi nó chỉ xảy ra có một lần duy nhất. Theo góc độ này thì tần suất ở đây mang tính tích lũy và theo định nghĩa thì nó sẽ gia tăng theo độ tuổi. Nó cho chúng ta biết có bao nhiêu phần trăm phụ nữ bị bạo lực tại một thời điểm nào đó trong cuộc đời của họ. Điều này đặc biệt quan trọng đối với mục đích vận động chính sách và tạo nhận thức về bạo lực gia đình.

Bạo lực trong vòng 12 tháng trước thời điểm khảo sát (bạo lực hiện tại) phản ánh loại hành vi bạo lực chỉ xảy ra trong vòng 12 tháng trước phỏng vấn. Theo định nghĩa thì tỷ lệ này sẽ thấp hơn tỉ lệ bị bạo lực trong đời vì nó chỉ xác định những hành vi xảy ra gần đây. Tỷ lệ phần trăm bị bạo lực trong vòng 12 tháng qua là một chỉ tiêu quan trọng để nắm bắt tình hình tại một thời điểm nhất định: tình hình hiện tại. Chỉ tiêu này còn có vai trò quan trọng đối với công tác lập kế hoạch can thiệp (ví dụ như có bao nhiêu phụ nữ hiện cần các dịch vụ hỗ trợ). Khoảng thời gian 12 tháng cũng đủ để theo dõi tác động của những chương trình can thiệp[31].

**** Định nghĩa về mối quan hệ bạn tình***

Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình tại Việt nam, phụ nữ bị bạo lực gia đình chỉ từ người chồng hiện tại hoặc trước đây, hoặc với người cùng chung sống như vợ chồng mà không có ràng buộc về hôn nhân. Trong nghiên cứu này, phụ nữ được coi là có bạn tình nếu họ đã từng kết hôn, từng chung sống như vợ chồng hoặc đã từng hẹn hò với một người bạn tình (bạn trai). Trên thực tế, khảo sát định lượng cho thấy gần 100% phụ nữ đã từng có bạn tình là những người phụ nữ đã kết hôn (xem phần 2.4). Điều này cho thấy nếu phụ nữ từng trải qua bạo lực do bạn tình cũng tương ứng với định nghĩa của bạo lực gia đình trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

**** Tuyển chọn và tập huấn cán bộ điều tra***

Một trong các bước đảm bảo tính so sánh giữa các nước là việc tuyển chọn cẩn thận và tập huấn chuẩn ở cấp quốc gia cho các cán bộ điều tra (Jansen, et al.,2004)[32]. Nhóm nghiên cứu dự kiến tuyển chọn 70 cán bộ điều tra và tập huấn thêm khoảng 20% số lượng đó để dự bị và để có thể chọn được những điều tra viên tốt nhất trong số học viên đó. Tổng số có 82 người dự tập huấn và vào ngày cuối cùng của đợt tập huấn danh sách cán bộ điều tra được chốt lại ở con số 71. Số dự bị là 11 người.

Tiêu chí lựa chọn cán bộ điều tra bao gồm cán bộ điều tra phải là phụ nữ và ở lứa tuổi từ 30 đến 60. Cán bộ điều tra cần có kinh nghiệm về thực hiện khảo sát, do vậy họ được chọn từ các cán bộ của các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ (75 người) và cộng tác viên của Tổng cục Thống kê (7 người). Những kỹ năng cần có gồm: khả năng tiếp xúc với mọi loại người; không định kiến, chín chắn và có kinh nghiệm sống; kỹ năng giao tiếp tốt để tạo niềm tin với người được phỏng vấn và kinh nghiệm xử lý những vấn đề nhạy cảm
Vì các cán bộ điều tra đã có kinh nghiệm điều tra định lượng nên có thể điều chỉnh và xây dựng chương trình tập huấn là 2 tuần, ngắn hơn so với chương trình tập huấn của WHO (thường là 3 tuần). Tập huấn đã diễn ra trong vòng hai tuần của tháng 11 năm 2009. Hai ngày được dành cho tập

[31] Cần lưu ý khi diễn giải sự thay đổi tỷ lệ bị bạo lực: đôi khi, khi nhận thức được nâng cao, sẽ có thêm nhiều phụ nữ tiết lộ về tình trạng bạo lực của mình và tỷ lệ bị bạo lực sẽ tăng – điều này không nhất thiết đồng nghĩa với việc bạo lực gia tăng.
[32] Jansen HAFM và cs. Tập huấn điều tra viên trong Nghiên cúu đa quốc gia của WHO về Sức khỏe phụ nữ và Bạo lực gia đình. *Bạo lực đối với gia đình, 2004,* 10(7):831-849.

huấn về nhạy cảm giới, tiếp đó là tập huấn về kỹ thuật phỏng vấn, thảo luận bảng câu hỏi (giải thích từng câu hỏi) và thực hành đóng vai, một ngày dành cho thực hành khảo sát tại thực địa (nghiên cứu thí điểm) ở tuần thứ 2.

**** Qui trình khảo sát***

Để tránh tình trạng kiệt sức trong các điều tra về Bạo lực đối với phụ nữ (VAW), theo khuyến nghị, mỗi điều tra viên không nên phỏng vấn nhiều hơn 100 người trong suốt đợt khảo sát. Hơn nữa, theo kinh nghiệm từ những nghiên cứu khác đã cho thấy mỗi ngày chỉ nên hoàn thành việc khảo sát một địa bàn khảo sát để không ảnh hưởng đến vấn đề an toàn và bảo đảm cho công tác bảo mật. Những khuyến nghị này đã được áp dụng cho Nghiên cứu tại Việt Nam.

Dự kiến mỗi điều tra viên sẽ phỏng vấn ba bảng câu hỏi mỗi ngày, mỗi địa bàn khảo sát có 12 hộ gia đình, nên nhóm nghiên cứu quyết định tổ chức các đội gồm 3 điều tra viên, một đội trưởng và một hiệu đính viên. Để hoàn thành công việc khảo sát trong 2 tháng, 14 đội điều tra được thành lập với mỗi đội gồm 5 người. Đội trưởng chịu trách nhiệm đôn đốc mọi hoạt động của đội ở mỗi địa bàn khảo sát. Hiệu đính viên (kiêm đội phó và điều tra viên) sẽ đảm bảo sao cho các bảng hỏi được trả lời đầy đủ, điền thông tin đúng và điều tra viên thực hiện phỏng vấn trực tiếp.

Phụ nữ tham gia không được phỏng vấn tại nhà mà nhận được giấy mời từ trước và cuộc phỏng vấn được tiến hành tại một địa điểm tập trung, thường là trung tâm xã. Ý tưởng của việc tổ chức phỏng vấn tại một địa điểm tập trung là nhằm đảm bảo hơn về an toàn và sự riêng tư cho người được phỏng vấn và theo cách này phụ nữ sẽ không bị những người khác trong gia đình vây quanh và nghe lỏm, kể cả người chồng. Cách bố trí này được cho là sẽ giúp tiết kiệm hơn thời gian dành cho việc xác định hộ gia đình và xác định thời gian phù hợp để gặp người phụ nữ (có thể phải đi lại nhiều lần).

Khảo sát thực địa diễn ra từ tháng 12 năm 2009 đến đầu tháng 2 năm 2010 trong khoảng thời gian hai tháng. Các cân nhắc về an toàn và đạo đức nghiên cứu được áp dụng trong suốt quá trình thực hiện khảo sát, như giải thích chi tiết trong Phần 2.3 dưới đây.

**** Cơ chế kiểm soát chất lượng***

Có bốn cấp kiểm soát chất lượng được đặt ra nhằm đảm bảo chất lượng cao trong thu thập số liệu. Trước hết, ngay khi kết thúc phỏng vấn, trong khi mời người được phỏng vấn uống nước, hiệu đính viên trong mỗi đội kiểm tra ngay toàn bộ các bản câu hỏi vừa hoàn thành, phòng khi cần người đó giúp làm rõ hoặc hoàn chỉnh một vài câu hỏi. Nếu phát hiện sai sót hoặc nhầm lẫn, điều tra viên sẽ được yêu cầu sửa lại trong khi người được phỏng vấn vẫn có mặt gần đó. Cấp kiểm soát thứ hai là báo cáo điều tra do đội trưởng và hiệu đính viên chuẩn bị cho mỗi địa bàn khảo sát vừa hoàn thành khảo sát sau mỗi ngày. Những báo cáo này giúp người giám sát kiểm tra và kịp thời điều chỉnh bất kỳ vấn đề nào nảy sinh trong quá trình khảo sát. Cấp kiểm soát thứ ba là cả 14 đội điều tra đều được các thành viên của nhóm nghiên cứu nòng cốt, bao gồm chuyên viên tư vấn quốc gia, chuyên viên của Tổng cục Thống kê và các cán bộ Liên Hợp Quốc trực tiếp giám sát tại thực địa ít nhất hai lần trong quá trình thu thập dữ liệu. Các đợt giám sát này đặc biệt chặt chẽ trong những tuần đầu tiến hành khảo sát để có thể trực tiếp hỗ trợ kỹ thuật tại chỗ và đảm bảo áp dụng đúng các yêu cầu về an

toàn và đạo đức. Cuối cùng, bất kỳ vấn đề nào nảy sinh trong quá trình thực hiện khảo sát đều được báo cáo trực tiếp và nhận được ý kiến phản hồi của nhóm nghiên cứu nòng cốt dưới sự chỉ đạo và giám sát của chuyên gia tư vấn quốc tế.

**** Xử lý và phân tích số liệu***

Hệ thống nhập số liệu được xây dựng sử dụng phần mềm CSPRO 2.5 với chương trình kiểm tra sai sót diện rộng. Toàn bộ thông tin thu thập bằng bảng hỏi được nhập vào hệ thống thiết kế từ trung ương này ở Hà Nội. Toàn bộ số liệu được nhập hai lần nhằm giảm thiểu sai sót trong khâu nhập số liệu. Các bảng biểu, từ điển biến và lệnh phân tích trong phần mềm phân tích dữ liệu STATA được xây dựng và điều chỉnh để xây dựng đề cương phân tích sơ bộ tiến hành ở Việt Nam

Việc áp quyền số chọn mẫu được thực hiện để hiệu chỉnh tác động của việc chọn mẫu nhằm đạt được các ước lượng suy rộng cho tổng thể dân số. Quyền số mẫu được tính toán đối với xác suất chọn các địa bàn khảo sát, các hộ gia đình trong địa bàn khảo sát và người phụ nữ đủ tiêu chuẩn trong số những người phụ nữ trong gia đình. Nếu không áp quyền số từ số phụ nữ trong hộ gia đình (bước 3), thì phụ nữ tại các hộ gia đình ít người sẽ đại diện cao hơn trong mẫu vì xác suất được chọn của họ cao hơn so với những phụ nữ tại các hộ gia đình đông người (nghĩa là trong gia đình có thể có hai hoặc nhiều hơn hai phụ nữ thuộc diện khảo sát).

Trong báo cáo này, phân tích đơn biến, phân tích thăm dò và phân tích mô tả từ các bảng hỏi được thực hiện. Tất cả những kết quả trong nghiên cứu này phản ánh các tính toán đã được áp quyền số chọn mẫu.

2.2. Phần định tính

Nghiên cứu định tính được thực hiện để giải thích thêm cho kết quả định lượng và bổ sung những thông tin còn thiếu mà do tính chất của nó, không thể trả lời qua số liệu định lượng được. Cụ thể hơn, mục đích của nghiên cứu định tính là: mô tả các bối cảnh của bạo lực và tìm hiểu các quan niệm và vai trò liên quan của nam giới và phụ nữ trong hoàn cảnh xung đột và bạo lực; cung cấp hiểu biết đầy đủ hơn liên quan đến quan niệm của mọi người về các nguyên nhân của bạo lực, các yếu tố nguy cơ và hậu quả của bạo lực; mô tả những hoàn cảnh mà các thành viên khác trong gia đình, hàng xóm và mọi người có thể can thiệp; tìm hiểu nhận thức về bạo lực của các thành viên cộng đồng và các cán bộ địa phương; và cuối cùng, nghiên cứu định tính cho phép thực hiện so sánh, đối chiếu các phát hiện từ điều tra định lượng.

**** Nhóm nghiên cứu và địa bàn nghiên cứu***

Nhóm nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện bởi một nhóm bảy cán bộ nghiên cứu có kinh nghiệm và một trợ lý nghiên cứu. Ba trong số các cán bộ nghiên cứu có kinh nghiệm là thành viên của nhóm nghiên cứu nòng cốt. Tại mỗi điểm nghiên cứu, việc tổ chức và thu thập thông tin được thực hiện bởi nhóm bốn cán bộ nghiên cứu có kinh nghiệm và một trợ lý nghiên cứu.

Địa bàn nghiên cứu: Ba tỉnh thành đại diện cho ba miền Bắc, Trung, Nam đã được chọn làm địa bàn khảo sát: Hà Nội (miền Bắc), Huế (miền Trung) và Bến Tre (miền Nam).

Lý do lựa chọn ba tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ trên là:

- Ba tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ này đại diện cho ba miền của Việt Nam và hơn nữa cho phép kết hợp đại diện của cả thành thị và nông thôn.

- Ở cả ba tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ được chọn đều có các dự án can thiệp dành cho người bị bạo lực giới. Điều này tạo thuận lợi cho việc xác định và lựa chọn những phụ nữ bị bạo lực để phỏng vấn với mức nguy cơ thấp nhất cho họ. Bên cạnh đó, những dịch vụ của dự án cũng sẽ cung cấp hỗ trợ tinh thần cho chị em sau khi được phỏng vấn nếu cần thiết. Các dự án này do Sở Y tế Hà Nội, Hội phụ nữ Hương Thủy và Phòng Dân số và Kế hoạch hóa gia đình Bến Tre quản lý.

**** Hướng dẫn phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm***

Hướng dẫn cụ thể dành cho nghiên cứu viên được nhóm nghiên cứu nòng cốt phát triển trên cơ sở các hướng dẫn phỏng vấn và thảo luận nhóm của WHO. Nhóm nghiên cứu cũng thực hiện tham vấn với các chuyên gia đến từ Liên Hợp Quốc, Tổng cục Thống kê và một số chuyên gia quốc tế khác. Bộ công cụ được thử nghiệm trước khi tiến hành tại thực địa. Để đảm bảo tính thuần nhất trong ứng dụng, tất cả các nghiên cứu viên đã tham gia hội thảo chuẩn bị diễn ra trong một ngày.

**** Chọn mẫu và thực hiện.***

Dữ liệu định tính được thu thập vào tháng 4 năm 2010. 30 cuộc phỏng vấn sâu (IDI) và 4 thảo luận nhóm tập trung (FGD) đã được thực hiện ở mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ. Như vậy tổng cộng có 90 cuộc phỏng vấn sâu và 12 thảo luận nhóm tập trung đã được thực hiện. Trong thử nghiệm bộ công cụ, 6 phỏng vấn sâu và 2 thảo luận nhóm tập trung đã được thực hiện. Để đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cá nhân cho các phụ nữ tham gia nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã thận trọng tránh không tiến hành nghiên cứu định tính ở những xã đã được chọn để thu thập số liệu định lượng.

<u>Đối tượng tham gia phỏng vấn sâu ở mỗi địa điểm nghiên cứu gồm</u>:

- 5 phụ nữ bị bạo lực
- 5 người cung cấp thông tin chính (gồm 1 người của Hội phụ nữ, 1 cơ sở y tế, 1 công an, 1 trưởng thôn, 1 bí thư/phó bí thư Đảng ủy),
- 10 phụ nữ và 10 nam giới trong cộng đồng.

Những phụ nữ bị bạo lực gia đình có thể từ nhiều xã khác nhau và là khách hàng của trung tâm tư vấn trong 6 tháng trước nghiên cứu. Việc lựa chọn đối tượng tham gia nghiên cứu được thực hiện nhằm đảm bảo trong đó có 2 trường hợp bị bạo lực thể xác, 1 trường hợp bị bạo lực tình dục và 2 trường hợp bị bạo lực tinh thần. Trong những người được lựa chọn có những phụ nữ từng bị bạo lực trong thời gian gần đây (dưới 5 năm) và những người từng bị bạo lực trong thời gian kéo dài hơn 10 năm. Những phụ nữ này thuộc nhiều nhóm tuổi khác nhau, từ 20-30, 30-40, 40-50 tuổi.

Những đối tượng khác tham gia phỏng vấn và thảo luận nhóm tập trung được chọn thông qua Ủy ban nhân dân xã. Những người tham gia phỏng vấn sâu được chọn từ nhiều thôn khác nhau, nơi

thảo luận nhóm tập trung được tổ chức, để đảm bảo tính bảo mật cao hơn và những người này được chọn từ các nhóm kinh tế - xã hội khác nhau (nghèo, trung lưu, giàu) nếu có thể.

Phụ nữ và nam giới được chọn từ cộng đồng là những người đã kết hôn, gồm ba nam giới và ba phụ nữ ở độ tuổi từ 20-30, 4 nam giới và 4 phụ nữ ở nhóm tuổi 30-40 và 3 nam giới và 3 phụ nữ tuổi 40-50. Những người tham gia phỏng vấn này không được là vợ hoặc chồng của nhau.

Người tham gia thảo luận nhóm tập trung:

4 thảo luận nhóm tập trung tại mỗi địa điểm nghiên cứu gồm 02 với phụ nữ và 02 với nam giới. Mỗi nhóm thảo luận gồm từ 5 đến 7 người. Người tham gia thảo luận nhóm được chọn từ người dân trong các thôn trung bình (về tình hình xã hội và kinh tế) của xã và để đảm bảo tính đồng đều cao hơn, những người tham gia thảo luận nhóm được chia theo giới (nam và nữ) và nhóm tuổi (20-30 và 40-50).

**** Phân tích và xử lý dữ liệu***

Tất cả các buổi phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tập trung đều được ghi âm và chép ra để phân tích theo chủ đề. Một bảng mã được xây dựng dựa trên khung báo cáo và các bản rải băng được mã hóa bằng phần mềm ALASTI 5.0.

2.3. Những cân nhắc về đạo đức và an toàn trong nghiên cứu

Do tính chất nhạy cảm của vấn đề nghiên cứu nên các khuyến cáo về đạo đức và an toàn cho nghiên cứu về Bạo lực gia đình với Phụ nữ[33] được áp dụng nghiêm ngặt trong tất cả các khâu khảo sát.

Tên gọi an toàn: Đối với những phụ nữ từng bị bạo lực, việc tham gia vào cuộc Khảo sát có thể khiến họ bị hành hạ thêm, hoặc gây nguy hiểm cho bản thân họ hoặc các điều tra viên. Đó là lý do vì sao tên gọi an toàn đặt cho cuộc Khảo sát này (*Khảo sát quốc gia về Sức khỏe Phụ nữ và Kinh nghiệm cuộc sống)* không đề cập đến bạo lực. Tên gọi này cho phép người tham gia Khảo sát giải thích về cuộc khảo sát với những người khác mà không gây nghi ngờ gì. Cách dùng từ đã được cân nhắc kỹ trong các tài liệu/giao dịch cho cuộc Khảo sát (gồm các tài liệu nội bộ của Tổng cục Thống kê, các tài liệu hỗ trợ, Bảng câu hỏi, Sổ tay hướng dẫn…). Tên gọi này cũng được các cán bộ nghiên cứu/điều tra viên sử dụng để mô tả cuộc Khảo sát, từ trong nội bộ Tổng cục Thống kê tới các đối tác bên ngoài và các cấp chính quyền địa phương.

Thỏa thuận bảo mật thông tin: Vào ngày cuối cùng của đợt tập huấn, tất cả cán bộ tham gia khảo sát đều ký một thỏa thuận được coi như một phần của hợp đồng công việc.

Đồng thuận tham gia: Trong thư mời tham gia khảo sát gửi đến những phụ nữ được lựa chọn có giải thích rõ các yếu tố đồng thuận tham gia khảo sát, gồm bảo mật thông tin, tự nguyện tham gia, quyền từ chối trả lời câu hỏi, v.v.. Khi người được phỏng vấn và điều tra viên ngồi riêng với nhau, các

---

[33] WHO. *Đưa phụ nữ lên trước: Khuyến nghị về an toàn và đạo đức với các nghiên cứu về bạo lực đối với phụ nữ.* Geneva, Tổ chức Y tế Thế giới, 2001.
Có sẵn tại http://whqlibdoc.who.int/hq/2001/WHO_FCH_GWH_01.1.pdf

thông tin khác về phạm vi thực sự của nghiên cứu sẽ được cung cấp thêm như một phần của thủ tục chấp thuận tham gia.

Bảo mật: Chỉ có đội trưởng được phép tiếp cận danh sách tên các phụ nữ tham gia khảo sát. Điều tra viên chỉ được nhận một mã số để đánh dấu vào mỗi Bảng câu hỏi, do đó họ không thể phát hiện được tên của người được phỏng vấn.

Hỗ trợ cho điều tra viên: Có hai chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm về nghiên cứu với những phụ nữ từng bị bạo lực luôn sẵn sàng cung cấp hỗ trợ và tư vấn cho điều tra viên khi cần thiết. Hai chuyên gia tư vấn này cũng tham gia các đợt giám sát địa điểm thực hiện Khảo sát.

Hỗ trợ người trả lời: Một cuốn sổ tay bỏ túi trong đó có các thông tin chung về bạo lực gia đình và các dịch vụ hiện có dành cho phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam được biên soạn và in để phát cho chị em sau khi kết thúc phỏng vấn và phát hiện trường hợp bị bạo lực. Để giảm đến mức tối đa những nghi ngờ có thể có và tránh lạc đề, phòng trường hợp tài liệu đó được phát sai đối tượng, nhiều tờ rơi khác với nội dung thông tin về sức khỏe phù hợp vói phụ nữ đã được chuẩn bị và phân phát. Nguy cơ rủi ro đối với những người tham gia phỏng vấn khi họ mang tài liệu về nhà cũng được đề cập khi phát tài liệu này vì trong một số trường hợp bản thân chị em có thể không nhận thức được nguy cơ đó.

Mỗi hộ gia đình chỉ chọn một phụ nữ: Ở những hộ gia đình có nhiều hơn một phụ nữ phù hợp để tham gia khảo sát, sẽ chỉ chọn ngẫu nhiên một người, do đó không người nào khác trong hộ gia đình đó có thể biết về nội dung của các cuộc phỏng vấn.

Địa điểm thực hiện phỏng vấn: trong hội thảo tư vấn đầu tiên có ý kiến đề xuất là cần thực hiện phỏng vấn ở phòng riêng trong một địa điểm công cộng của xã (như Trạm Y tế, Nhà văn hóa hay trụ sở Hội đồng nhân dân xã), chứ không phỏng vấn tại hộ gia đình như ở một số nước khác. Ở Việt Nam có thể khó có được sự riêng tư và duy trì bảo mật, việc yêu cầu phụ nữ rời khỏi nhà để đến địa điểm phỏng vấn có thể đảm bảo an toàn cho cả cán bộ điều tra và người được phỏng vấn, tránh bị chen ngang ngoài ý muốn và những câu hỏi khó chịu. Tất cả chị em được lựa chọn tham gia nghiên cứu đều nhận được giấy mời đến một trụ sở của xã như Trạm Y tế hay Nhà văn hóa để phỏng vấn vào những thời gian cụ thể để tránh trùng lặp. Khi đang tiến hành phỏng vấn, đội trưởng đội điều tra cũng đảm bảo là không có ai đến gần hoặc làm gián đoạn cuộc phỏng vấn, thậm chí cả cán bộ xã, vì những cán bộ này đôi khi quá 'sốt sắng' và thường loanh quanh gần đó phòng khi cán bộ khảo sát cần sự giúp đỡ của mình.

Tập huấn điều tra viên: Các cán bộ điều tra được tập huấn để kết thúc phỏng vấn hoặc chuyển đề tài thảo luận khi cuộc phỏng vấn bị một ai đó – kể cả trẻ em, làm gián đoạn. Ngoài ra, điều tra viên còn được thực hành cách làm vơi bớt đau buồn mà cuộc phỏng vấn có thể gây ra cho người được phỏng vấn và tạo ra môi trường an toàn, yên bình và tin cậy để chị em được phỏng vấn có thể cảm thấy dễ chịu.

Mỗi ngày một địa bàn: Để bảo mật thông tin, các đội khảo sát không được phép nghỉ đêm ở xã đã thực hiện phỏng vấn, nhất là ở khu vực nông thôn. Người địa phương có thể hỏi họ nhiều điều về phạm vi của cuộc nghiên cứu và việc đó có thể tạo ra tình huống căng thẳng.

2.4. Tỷ lệ trả lời và mô tả mẫu khảo sát

Tỷ lệ tham gia trả lời cuộc khảo sát tương đối cao: 78% số phụ nữ được mời đến địa điểm phỏng vấn và hoàn tất buổi phỏng vấn. Để có thêm thông tin về tỷ lệ tham gia trả lời, xem Biểu 2.1.

Biểu 2.2 mô tả mẫu theo phân bố độ tuổi, trình độ học vấn, phân bố địa lý, dân tộc và tình trạng hôn nhân. Điều đáng nói là có tới 91% phụ nữ đã từng có kết hôn và một tỷ lệ rất nhỏ, 9% phụ nữ chưa từng lập gia đình trả lời có quan hệ khác so với hôn nhân[34], bao gồm 0.2% hiện đang có quan hệ hẹn hò mà không có hôn thú. Tỷ lệ này không đáng kể nên trong báo cáo này thuật ngữ đã từng có chồng và đã từng kết hôn có nghĩa như nhau.

Biểu 2.3. so sánh cách phân bố về độ tuổi, khu vực, nhóm dân tộc giữa mẫu khảo sát với phân bố của phụ nữ trong cùng độ tuổi theo kết quả của cuộc Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009.

Biểu 2.4. chỉ ra tác động của việc áp quyền số qua việc trình bày dữ liệu về tỷ lệ bị bạo lực trong cuộc đời và hiện tại đối với các hình thức bạo lực thể xác, tình dục và thể xác hoặc tình dục do người chồng gây ra như sau:

(1) không áp quyền số (giống như mẫu đơn giản ngẫu nhiên);

(2) áp quyền số chọn mẫu cho địa bàn khảo sát và hộ gia đình;

(3) áp quyền số chọn mẫu cho các yếu tố trên và thêm quyền số cho số phụ nữ đủ tiêu chuẩn tham gia trong các hộ gia đình.

Kết quả cho thấy việc áp quyền số cho số phụ nữ trong gia đình (bước 3) là quan trọng, các tỷ lệ sẽ nhất quán hơi giảm một chút. Giải thích cho sự dịch chuyển nhất quán này có thể là phụ nữ ở những gia đình đông người (đại diện thấp hơn trong mẫu) được bảo vệ hơn khỏi bạo lực do chồng so với những phụ nữ ở những gia đình ít người. Với cách áp quyền số lần cuối sự thiên lệch này đã được khắc phục (đại diện thấp hơn từ những phụ nữ trong những gia đình đông người).

2.5. Nghiên cứu như một hành động xã hội

Nghiên cứu này tạo ra nhiều thông tin phục vụ cho công tác nâng cao nhận thực và phát triển các chính sách hướng dẫn và các biện pháp can thiệp. Sự khác biệt lớn so với những nghiên cứu về các chủ đề khác là lần này nghiên cứu không chỉ về mặt kỹ thuật thu thập dữ liệu và "chụp ảnh" tình hình thực tế. Do nghiên cứu được tiến hành về một chủ đề nhạy cảm, một chủ đề thường được giấu kín và giữ trong im lặng nên những phương pháp mới và khác nhau đã được sử dụng, khiến cho nghiên cứu có thể tạo ra những tác động khi thực hiện.
Với những cuộc phỏng vấn trực tiếp, các điều tra viên đã được đào tạo cẩn thận hơn bình thường, các dịch vụ hỗ trợ và chuyên gia từ bên ngoài được huy động tham gia, công tác chuẩn bị và thực hiện đã được tiến hành kèm theo các cân nhắc về sự an toàn và tính đạo đức. Hơn bao giờ hết TCTK đã nhận thức được rằng Người tham gia nghiên cứu không chỉ đơn thuần là các con số mà

[34] Trong 4561 phụ nữ được phỏng vấn, khoảng 1% trả lời có quan hệ khác (không phải quan hệ hôn thú): 8 người đang sống với người đàn ông khác, 17 người từng sống như vợ chồng, 13 người đang hẹ hò và 21 người từng hẹn hò (không có trong biểu 2.2)

lần này họ phải xử trí những tình huống mang nhiều cảm xúc của cả người tham gia trả lời lẫn cán bộ điều tra.

Những trăn trở và tình cảm của các điều tra viên của Tổng cục Thống kê, những người thu thập những kết quả trong báo cáo này có thể được minh họa qua những lời tâm sự sau của một điều tra viên trong phần phản hồi[35] về kinh nghiệm của mình khi thực địa:

> *'Gặp trường hợp bị ngược đãi, đôi lúc tôi thấy thần kinh mình căng thẳng, tôi đành tạm dừng phỏng vấn bằng việc mời người phụ nữ uống nước, đưa khăn lau và cùng lúc tôi uống một ngụm nước để cân bằng tâm lý'.*

Những buổi phỏng vấn thường là một chặng đường dài và khó khăn đối với cả người thực hiện phỏng vẫn lẫn người trả lời phỏng vấn. Nhưng có bằng chứng từ số liệu khảo sát cho thấy khi làm việc với những phụ nữ tiết lộ về tình trạng bị bạo lực của mình thì điều tra viên không hẳn là đã khó khăn hơn so với những phụ nữ không tiết lộ về bạo lực của mình. Ví dụ, thời lượng mỗi cuộc phỏng vấn khá dài: thời lượng trung vị cho tất các phụ nữ là 85 phút. Tuy nhiên thời lượng trung vị giữa những người tiết lộ và những người không tiết lộ về bạo lực chỉ chênh nhau 10 phút (xem Biểu 2.5).

Một điều rất có ý nghĩa nữa là sự hài lòng về buổi phỏng vấn. Cuối cuộc phỏng vấn, phụ nữ được hỏi cảm giác của họ thế nào: tốt hơn, vẫn thế hoặc tồi hơn so với trước buổi phỏng vấn. Hầu hết những người được phỏng vấn cảm thấy việc tham gia phỏng vấn là một trải nghiệm tích cực. Trong số những phụ nữ hoàn tất buổi phỏng vấn có tới 80% cảm thấy tốt hơn sau khi phỏng vấn. Vấn đề mấu chốt là ở chỗ những người phụ nữ bị bạo lực bởi chồng của mình cảm thấy tình hình khá hơn so với những người không bị bạo lực và điều này càng đúng đối với những phụ nự bị bạo lực nặng nề. Trong số những người cho biết bị cả bạo lực thể xác và tình dục, gần 90% cho rằng họ cảm thấy thoải mái hơn sau khi phỏng vấn.

Người tham gia trả lời phỏng vấn thường cảm thấy mình vẫn còn giá trị và cám ơn vì đã lắng nghe câu chuyện của họ và nhận thức của họ cũng thay đổi nhờ có việc tham gia và cuộc Khảo sát này:

> *"Con thấy nhẹ nhõm hơn khi nói chuyện với cô, không hiểu sao con lại kể được cô nghe những bí mật của đời con mà cả mẹ con còn chưa biết. Con cảm ơn cô nhiều lắm vì đã lắng nghe chuyện buồn của con. Giờ thì con nghe cô, con không chết nữa".*

Nhiều điều tra viên cũng ghi lại trong phiếu tổng kết rằng mình cũng thay đổi qua tham gia nghiên cứu này, khiến họ nghĩ lại cuộc sống của chính mình:

> *'Tôi đã có thêm kinh nghiệm và hiểu biết hơn về cuộc sống và xã hội, có trách nhiệm hơn đối với bản thân mình và cộng đồng nơi tôi sinh sống để đối phó với những tình huống bạo lực gia đình. Tôi thấy mình tự tin hơn về bản thân, giúp tôi thêm bản lĩnh…'*

Tác động này đối với cuộc sống của những người tham gia thực địa và những người trả lời khảo sát cho thấy ngay cả trước khi những kết quả khảo sát được công bố, nghiên cứu này bản thân nó được xem như là một hành động xã hội quan trọng.

---

[35] Một bảng hỏi tổng kết được phát cho tất cả nhân viên thực địa ba tháng sau khi hoạt động thực đia kết thúc.

KẾT QUẢ

Giới thiệu

Từ Chương 3 đến Chương 8 trình bày các kết quả của cả phần nghiên cứu định tính và định lượng. Mỗi chương đề cập một chủ đề khác nhau. Chương 3 trình bày mô hình và phạm vi của bạo lực đối với phụ nữ do chồng. Chương 4 trình bày về các hình thức bạo lực khác và đối tượng gây bạo lực đối với phụ nữ. Chương 5 mô tả thái độ và nhận thức về vấn đề bạo lực đối với phụ nữ của cả nam giới và nữ giới. Chương 6 mô tả những tác động trực tiếp và gián tiếp của bạo lực đối với phụ nữ do chồng gây ra, cụ thể là đối với sức khỏe của phụ nữ và tinh thần của trẻ và các khía cạnh khác của cuộc sống hàng ngày. Chương 7 mô tả bạo lực đối với trẻ em, do các bà mẹ khai báo trong quá trình phỏng vấn cũng như những khía cạnh của bạo lực ở các thế hệ. Cuối cùng, Chương 8 đề cập đến những biện pháp đối phó mà phụ nữ áp dụng: ai là người mà họ chọn để kể về bạo lực, họ có tìm kiếm sự hỗ trợ không, họ để mặc cho điều đó xảy ra hay phản kháng lại và họ có biết được quyền pháp lý của mình không.

Phần lớn thông tin thu thập được qua quá trình khảo sát được trình bày trong các biểu ở Phụ lục IV. Phân tích mô tả số liệu khảo sát thường được trình bày trong các biểu phân theo số liệu toàn quốc, theo nông thôn và thành thị, theo các khu vực, theo nhóm tuổi và theo trình độ học vấn. Số liệu không được trình bày theo mức sống vì điều này đòi hỏi phải có một phân tích ở mức độ phức tạp hơn không thể hoàn thành kịp cho báo cáo này và dự kiến sẽ được thực hiện ở giai đoạn tiếp theo (trong một số trường hợp trình độ học vấn và khu vực có thể xem như là mang tính đại diện). Hầu hết các biểu số liệu được mô tả ngắn trong các chương kết quả nhưng không phải tất cả các thông tin trong biểu đều được mô tả. Nếu ai quan tâm tìm hiểu chi tiết không có trong phần lời văn, thì có thể tham khảo những biểu số liệu này.

Trong các chương kết quả, với mỗi chủ đề, kết quả của phần định tính và định lượng được trình bày cùng nhau, cái này bổ sung cái kia. Phần mô tả các kết quả khảo sát được trình bày sử dụng phông chữ màu đen và phần mô tả các kết quả định tính và phần trích dẫn được trình bày trên phông chữ màu xanh.

CHƯƠNG III. BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ DO CHỒNG GÂY RA

Những phát hiện chính:

- **Tỷ lệ bị bạo lực thể xác do người chồng gây ra cho phụ nữ Việt Nam từng kết hôn như sau: 32% bị bạo lực thể xác trong cuộc đời và 6% bị bạo lực thể xác trong vòng 12 tháng trước điều tra (bạo lực hiện tại).**
- **Đối với bạo lực tình dục: trong số những phụ nữ từng kết hôn, tỷ lệ bạo lực trong cuộc đời và trong vòng 12 tháng trước điều tra lần lượt là 10% và 4%.**
- **Đối với bạo lực tinh thần trong số những phụ nữ từng kết hôn, tỷ lệ bạo lực trong cuộc đời và trong vòng 12 tháng trước điều tra lần lượt là 54% và 25%.**
- **Kết hợp hai loại bạo lực thể xác và bạo lực tình dục, 34% phụ nữ từng kết hôn cho biết họ đã bị bạo lực thể xác hoặc bạo lực tình dục do chồng gây ra ít nhất một lần trong đời, trong khi đó 9% cho biết bị bạo lực thể xác hoặc bạo lực tình dục trong vòng 12 tháng trước điều tra.**
- **Kết hợp ba loại bạo lực thể xác, tình dục và tinh thần: 58% phụ nữ từng kết hôn cho biết rằng họ đã từng bị ít nhất 1 trong 3 loại bạo lực trong cuộc đời và 27% cho biết họ từng bị cả ba loại bạo lực trên trong vòng 12 tháng trước điều tra.**
- **Việc phụ nữ bị đồng thời cả bạo lực thể xác và tình dục là phổ biến: hầu hết phụ nữ bị bạo lực tình dục cũng bị bạo lực thể xác và những người bị cả bạo lực thể xác và bạo lực tình dục thì thường họ bị bạo lực thể xác nghiêm trọng hơn.**
- **Các hành vi bạo lực thường không phải là mới bị mà là những hành vi lặp đi lặp lại. Bạo lực tình dục và thể xác đối với phụ nữ thường bắt đầu sớm trong một mối quan hệ của người phụ nữ. Bạo lực tình dục và bạo lực tinh thần có xu hướng tiếp diễn trong nhiều năm trong suốt mối quan hệ hơn là bạo lực thể xác.**
- **Phụ nữ thường cho rằng bạo lực tinh thần có ảnh hưởng đến họ nhiều hơn so với bạo lực thể xác hay tình dục.**
- **Phụ nữ thường không nhận biết được điều đang xảy ra với họ về khía cạnh 'bạo lực'.**

Chương này trình bày kết quả về tỷ lệ và mô hình các hình thức bạo lực đối với phụ nữ do chồng gây ra: bạo lực thể xác và tình dục, bạo lực tinh thần, kinh tế và các hành vi kiểm soát. Chương này cũng mô tả ngắn gọn bạo lực mà phụ nữ gây ra cho chồng của mình.

Trong khảo sát, (cấu phần định lượng) trải nghiệm bạo lực của phụ nữ được xác định bằng việc sử dụng một số câu hỏi hành vi cụ thể xem chồng của họ từng có những hành vi bạo lực tinh thần, tình dục và thể xác khác nhau đối với họ không (xem Phần 2.1 định nghĩa bạo lực). Đối với mỗi hành vi được đề cập, người trả lời sẽ được hỏi xem họ có từng bị hành vi đó trong vòng 12 tháng trước khảo sát và về số lần mà hành vi đó diễn ra. Kết quả được trình bày dưới đây theo hình thức bạo lực và mức độ nghiêm trọng của bạo lực và mức độ chồng chất (bị nhiều loại bạo lực cùng một lúc) của các loại hình bạo lực khác nhau.

Mặc dù chúng tôi đã phỏng vấn tất cả phụ nữ có chồng và chưa có chồng trong độ tuổi từ 18-60, kết quả trình bày trong Chương này là cho "phụ nữ từng có chồng", bởi vì chỉ có những phụ nữ này mới được hỏi về bạo lực do chồng gây ra. Tại Việt Nam, gần như 100% phụ nữ đã từng có chồng là những phụ nữ đã từng kết hôn (xem Chương 2 phần mô tả mẫu). Do đó, trong báo cáo này, thuật ngữ 'bạn tình' và 'người chồng' được sử dụng thay nhau. Khi thuật ngữ "đã từng kết hôn" hoặc "người chồng" được sử dụng, nó bao hàm cho cả thiểu số phụ nữ chưa từng kết hôn và có bạn tình và bạn tình của họ.

Những thông tin từ phụ nữ và nam giới được phỏng vấn trong phần nghiên cứu định tính được sử dụng trong suốt Chương này nhằm minh họa cho những gì mà họ trải nghiệm do họ nói ra.

3.1. Bạo lực thể xác

**** Tỷ lệ bạo lực hiện tại (12 tháng trước khảo sát) và trong đời***

Tỷ lệ bị bạo lực thể xác do chồng gây ra trong đời được định nghĩa là tỷ lệ phụ nữ từng kết hôn trả lời đã từng bị ít nhất một hành vi bạo lực thể xác do chồng hiện tại hoặc chồng cũ gây ra tại bất cứ thời điểm nào trong đời. Tỷ lệ bạo lực hiện tại là tỷ lệ phụ nữ đã từng có chồng cho biết phải hứng chịu ít nhất một hành vi bạo lực thể xác xảy ra trong vòng 12 tháng trước thời điểm phỏng vấn.

Tỷ lệ bị bạo lực trong đời do chồng gây ra đối với phụ nữ Việt Nam là 31,5% và tỷ lệ này ở nông thông cao hơn so với thành thị (32,6% so với 28,7%). Tỷ lệ bạo lực khác biệt đáng kể giữa các vùng. Tỷ lệ bị bạo lực thể xác trong đời do chồng dao động từ 23,6% tại khu vực duyên hải Nam Trung bộ và Bắc bộ cho đến 37,6% tại khu vực Đông Nam bộ (Biểu đồ 3.1.).

Tỷ lệ bị bạo lực thể xác hiện tại của Việt Nam là 6,4% (nông thôn 6,8% và thành thị là 5,6%). Tỷ lệ này dao động từ 5% (Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc và Vùng Đồng bằng sông Cửu Long) đến 10,3% (Vùng Tây Nguyên).

Tỷ lệ bạo lực thể xác trong đời do chồng gây ra tăng theo tuổi. Vấn đề này theo đúng dự kiến vì khi xác định tỷ lệ bạo lực trong đời, chúng ta xác định trải nghiệm mang tính tích lũy: bao gồm những trải nghiệm xảy ra khi phụ nữ còn trẻ, ngay từ đầu khi có mối quan hệ cho đến thời điểm khảo sát.

Tuy nhiên, tỷ lệ bị bạo lực thể xác hiện tại cao nhất ở độ tuổi trẻ nhất (12,2%) và giảm dần theo tuổi và điều này cho thấy rằng bạo lực thể xác xảy ra sớm và có thể giảm dần sau nhiều năm (Hình 3.1.)

Hình 3.1. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực thể xác chia theo độ tuổi, Việt Nam 2010 (N=4561)

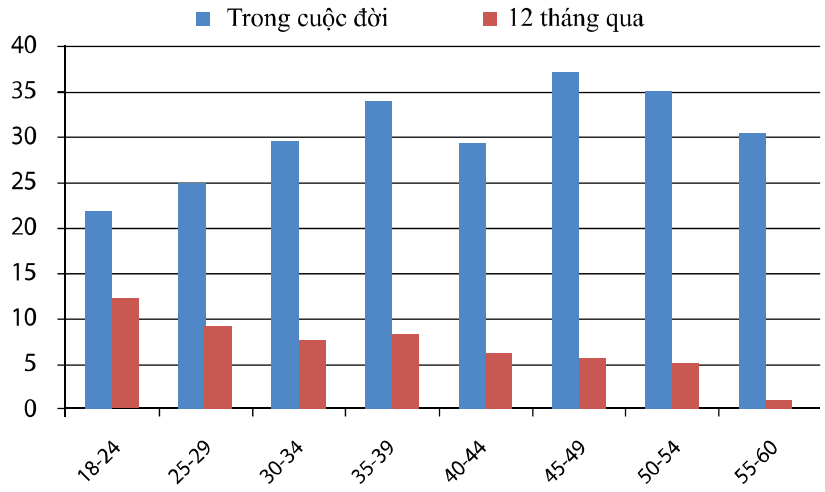

Tỷ lệ bạo lực thể xác trong đời ở những phụ nữ có trình độ học vấn thấp (chưa học hết lớp 1, tiểu học và trung học cơ sở) chiếm khoảng hơn 30% (lần lượt là 31,2%, 36,9% và 33,9%), cao hơn so với tỷ lệ này ở những phụ nữ có trình độ học vấn cao hơn như trung học phổ thông hoặc cao hơn, mặc dù vẫn còn ở mức cao khoảng 20% (21,6% và 17,7%). Tình trạng tương tự cũng được xác định ở những phụ nữ bị bạo lực thể xác hiện tại (Hình 3.2.)

Hình 3.2. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực thể xác chia theo trình độ học vấn của người phụ nữ Việt Nam 2010 (N=4561)

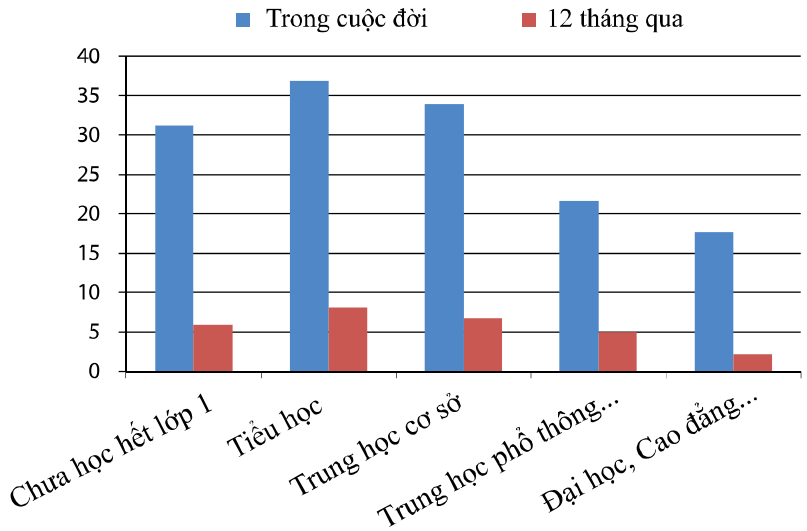

**** Hành vi bạo lực thể xác***

Hành vi bạo lực thể xác mà phụ nữ thường gặp là tát hoặc ném vật gì đó về phía họ. Tỷ lệ hành vi bạo lực trong đời tại Việt Nam là 28,6% và tỷ lệ hiện tại của hành vi này là 5,3%. Tỷ lệ phụ nữ Việt Nam bị chồng đánh/ đấm trong đời là 11,8%.

Phụ nữ bị tát, xô hoặc đẩy (không có những hành vi nghiêm trọng hơn) được xếp vào nhóm bị bạo lực ở mức độ nhẹ và những người bị đấm, đá, kéo lê hoặc đe dọa bằng vũ khí được coi là bị bạo lực ở mức độ nghiêm trọng. Con số thống kê về mức độ bạo lực thể xác nặng hoặc nhẹ được dựa trên khả năng gây thương tích nhưng không có ý nghĩa gì về tác động của hành vi đối với cá nhân người phụ nữ (Biểu 3.2 và 3.3).

Nhìn chung, tỷ lệ phụ nữ trải nghiệm một hành vi cụ thể giảm bởi vì tính trầm trọng của hành vi tăng. Tỷ lệ phần trăm phụ nữ bị dọa hoặc sử dụng dao hoặc vũ khí và những người bị bóp cổ hoặc làm bỏng một cách cố ý lần lượt là 2,5% và 2,4% trong đời và 0,8% và 0,7% trong vòng 12 tháng trước khảo sát. Tuy nhiên, điểm nổi bật là trong những phụ nữ từng bị bạo lực thể xác, phần lớn trả lời họ bị bạo lực trầm trọng ít nhất một lần và các nhóm phụ nữ có tỷ lệ bị bạo lực thể xác cao hơn cũng cho biết là họ bị bạo lực trầm trọng nhiều hơn (Hình 3.3. và 3.4.).

Hình 3.3 Tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực thể xác mức độ trung bình và trầm trọng chia theo độ tuổi, Việt Nam 2010 (N=4561)

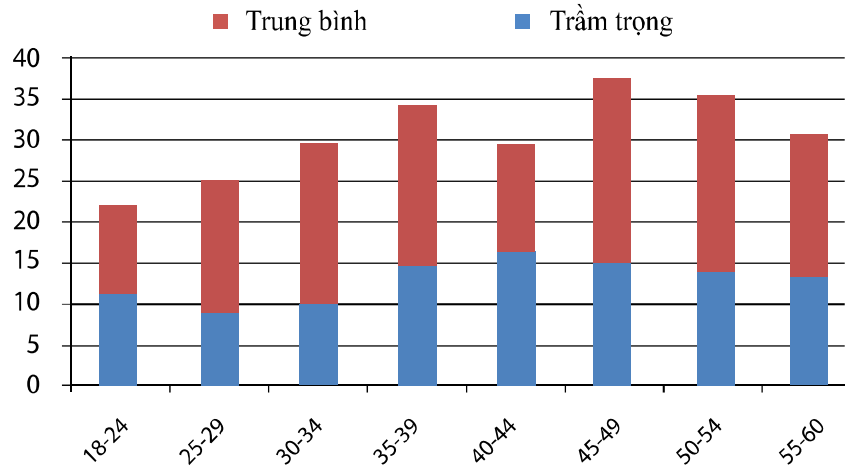

Hình 3.4. Tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực thể xác mức độ vừa và trầm trọng chia theo trình độ học vấn của người phụ nữ, Việt Nam 2010 (N=4561)

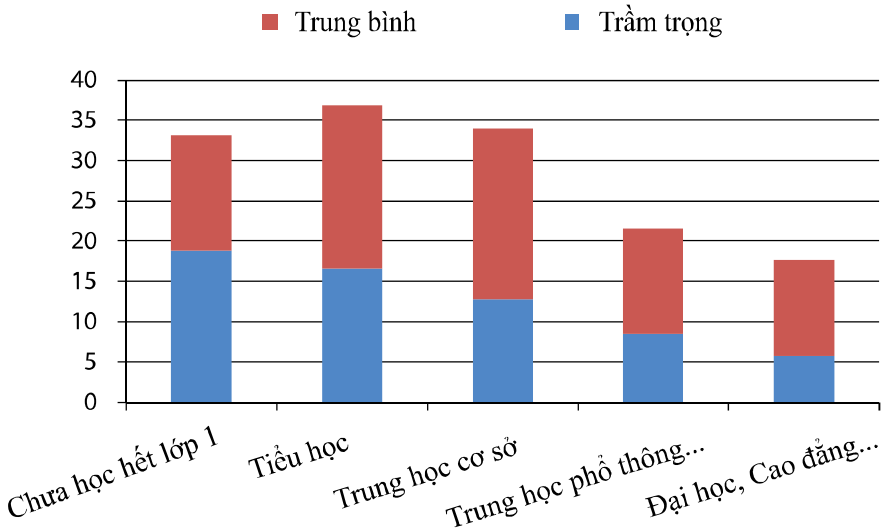

Trong nghiên cứu định tính, phỏng vấn sâu với người bị bạo lực đã cho thấy rằng phụ nữ thường phải hứng chịu cùng một lúc nhiều hành vi bạo lực thể xác. Ví dụ, người chồng có thể bắt đầu bằng việc tát vợ và khi hai vợ chồng bắt đầu cãi cọ, người chồng sử dụng thêm các hành vi nguy hiểm khác như đấm, ném vật dụng vào người, kéo tóc, ấn đầu, bóp cổ và xé quần áo.

Một điều rõ ràng là bất cứ thứ gì cũng có thể được sử dụng như là "vũ khí" để gây thương tích về thể xác cho người vợ. Người phụ nữ bị bạo lực nói rằng họ bị đánh bằng gậy, điếu cày, ghế, gạch, giầy dép v.v..., nghĩa là bất cứ thứ gì trong tầm với của người chồng. Và đương nhiên là những vật dụng quen thuộc hàng ngày của đàn ông như đã kể ở trên thường được sử dụng làm công cụ để đánh phụ nữ. Một số vật dụng không phải là 'vũ khí' theo chức năng sử dụng nhưng trên thực tế lại có thể gây thương tích nghiêm trọng. Ví dụ cái điếu cày là một vật dụng rất quen thuộc của đàn ông; nó có một đầu nhọn bịt bằng bạc hoặc kim loại. Khi người chồng dùng điếu cày đánh vợ hoặc ném vào vợ, vật này có thể gây bầm tím trên cơ thể phải mất nhiều ngày mới tan và thậm chí là thương tích nghiêm trọng hơn.

Phụ nữ bị bạo lực gia đình trong các buổi phỏng vấn định tính tiết lộ rằng những hành vi bạo lực hiếm gặp hơn, ví dụ như bóp cổ hoặc kéo tóc thường xảy ra cùng lúc với những hành vi khác và do vậy làm tăng mức độ nặng/nghiêm trọng của bạo lực. Sự kết hợp các hành vi bạo lực cũng có những tác động về mặt tinh thần đối với phụ nữ. Nhiều phụ nữ chia sẻ rằng chồng của họ thường túm tóc hoặc ấn đầu để họ không thể chạy trốn được khi bị đánh và người chồng thường bóp cổ vợ không phải "chỉ để dọa". Một phụ nữ kể ''bóp cổ cho đến khi nào em không thở được thì lại thả tay ra' (người bị bạo lực tại Hà Nội) và lý do là ''nó đâu dám bóp cho chết, bóp vừa vừa, nếu chết thì nó sợ ở tù' (người bị bạo lực tại Bến Tre). Phụ nữ cũng đồng ý với nhau rằng bóp cổ và kéo tóc là 'bạo lực thô bạo', mặc dù những hành vi này có thể không để lại những thương tích như những hành vi khác nhưng chúng ảnh hưởng mạnh đối với sức khỏe tâm thần của người bị bạo lực.

"Chồng tôi đánh tôi thâm tím cả chân, cả tháng trời vẫn chưa hết tím. Chồng tôi đang cầm điếu cày, ông ngồi hút thuốc, thế là ông ấy phang luôn một cái vào mông, một cái vào ngang vú... Đánh mình xong, ông ấy lôi mình như một con chó, tóc tai rũ rượi, lôi từ ngõ lôi vào... Ôi giời, ông ấy cầm ghế - cái ghế con để ngồi ăn cơm, hoặc là ông ấy cầm gạch (để đánh)... Ông ấy rút ngay cái dép phang vào mặt, đau ơi là đau. Tôi chạy nhưng không chạy kịp, ông ấy mới cầm cái ghế ông ấy quăng vào tôi. Tôi nấp sau cửa nhà thì cái ghế nó đập vào cửa rơi bụp xuống, thế là hàng xóm người ta nghe thấy, người ta chạy sang. Họ giữ tay ông ấy lại, rồi bảo tôi là 'mày chạy đi'. Tôi lách người qua cửa chạy đi thì ông ấy ném gạch theo...". Phụ nữ bị bạo lực tại Hà Nội.

**** Tần suất của các hành vi bạo lực thể xác***

Đối với những hành vi bạo lực hiện tại, người trả lời phỏng vấn được hỏi về số lần mà các sự kiện đó xảy ra: một lần, 2-5 lần hoặc nhiều hơn 5 lần. Hầu hết các hành vi, nếu xảy ra trong phần lớn các trường hợp, xảy ra nhiều hơn một lần (thường là 2-5 lần), thậm chí cả những hành vi nặng/nghiêm trọng mà nhiều phụ nữ không đề cập (Biểu 3.4)

Kết quả định tính cũng chỉ ra rằng khi tần suất các sự kiện bạo lực thể xác cao thì mức độ nặng/nghiêm trọng cũng gia tăng. Một người bị bạo lực tại Hà Nội nói rằng '*điều đó xảy ra rất nhiều lần đến mức tôi không nhớ nổi là bao nhiêu'*.

**** Bạo lực thể xác khi mang thai***

*(*Biểu 3.5 và 3.6). Bạo lực đối với phụ nữ đang mang thai được coi là bạo lực nghiêm trọng không những chỉ tác động tới người phụ nữ mà còn gây nguy nhiễm cho bào thai. Tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực thể xác ít nhất một lần trong khi mang thai là 4,7 % (nông thôn 4,9% và thành thị là 4,2%). Bạo lực đối với phụ nữ đang mang thai phổ biến ở những phụ nữ chưa học hết lớp 1 (Hình 3.5.) Hơn nữa, 22% phụ nữ đã từng bị đánh trong khi mang thai, bị đấm và đá vào bụng. Có tới 99,4% phụ nữ bị đánh trong lần mang thai gần đây nhất bởi chính bố đứa trẻ. Mang thai là giai đoạn nguy cơ đối với bạo lực: khoảng ¼ phụ nữ nói rằng bị bạo lực trong suốt thời kỳ mang thai

"Đứa này bị đánh nên sanh non này. Còn đứa trước ổng đánh đến ngày sinh luôn."

(Phụ nữ tại Bến Tre)

Hình 3.5 Tỷ lệ phụ nữ từng mang thai bị chồng gây bạo lực thể xác trong thời gian mang thai chia theo trình độ học vấn, Việt Nam 2010 (N=4474)

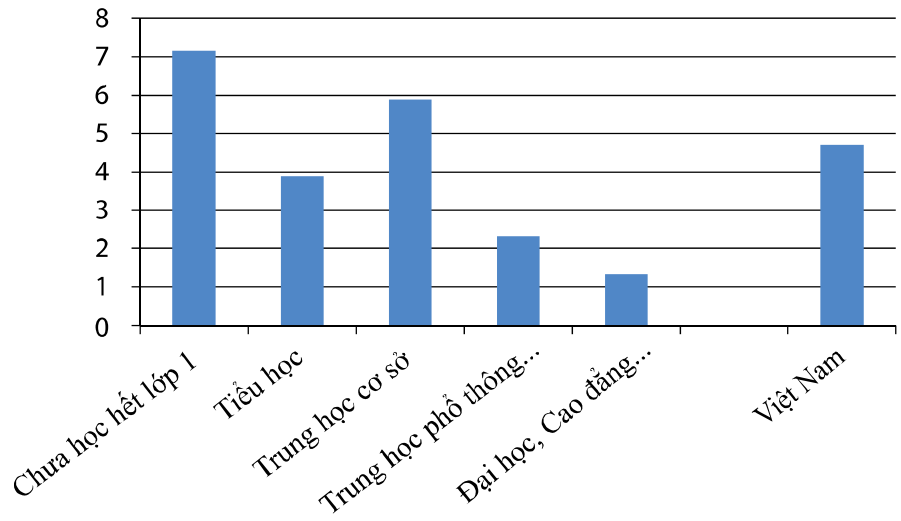

3.2. Bạo lực tình dục

**** Tỷ lệ bị bạo lực tình dục***

Số liệu khảo sát cho thấy khoảng 1/10 (9,9%) phụ nữ từng kết hôn tại Việt Nam bị bạo lực tình dục trong đời do chồng gây ra. Ở nông thôn, tỷ lệ này cao hơn so với thành thị (10,1% so với 9,5%). Tỷ lệ này dao động từ 7,4% tại Vùng Đồng bằng sông Hồng cho đến 15,8% tại vùng Đông Nam bộ. Liên quan tới tỷ lệ bạo lực hiện tại, con số chung của Việt Nam là 4,2%, dao động từ 3% tại Tây Nguyên tới 7% tại Đông Nam bộ (Biểu 3.1. và 3.7).

Điểm nổi bật là – khác với bạo lực thể xác hiện tại – bạo lực tình dục hiện tại duy trì ở mức gần giống nhau ở nhiều nhóm tuổi cho tới tận tuổi 50, nhìn chung khoảng 4%, cho thấy rằng khi bạo lực tình dục bắt đầu xảy ra, nó sẽ tiếp diễn trong toàn bộ cuộc hôn nhân/mối quan hệ. Tỷ lệ bạo lực tình dục trong đời thấp hơn ở những phụ nữ có trình độ học vấn cao hơn trong khi tỷ lệ bạo lực tình dục trong 12 tháng trước khi phỏng vấn không cho thấy có sự khác biệt theo trình độ học vấn của người trả lời (Hình 3.6 và 3.7)

Hình 3.6. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực tình dục chia theo nhóm tuổi, Việt Nam 2010 (N=4561)

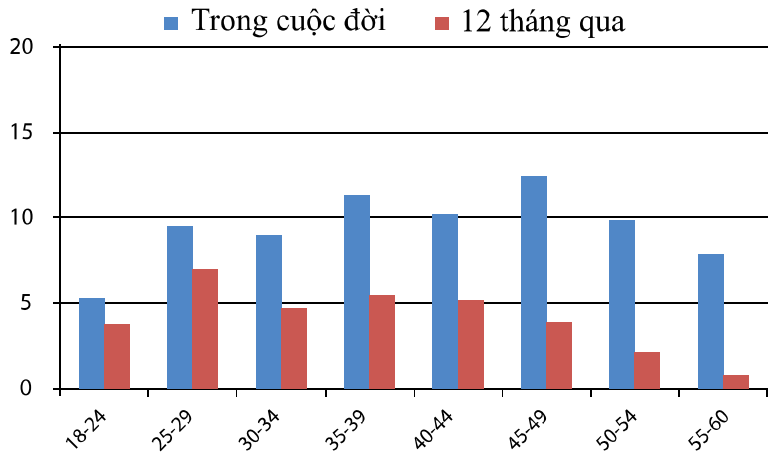

Hình 3.7 Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực tình dục chia theo trình độ học vấn, Việt Nam 2010 (N=4561)

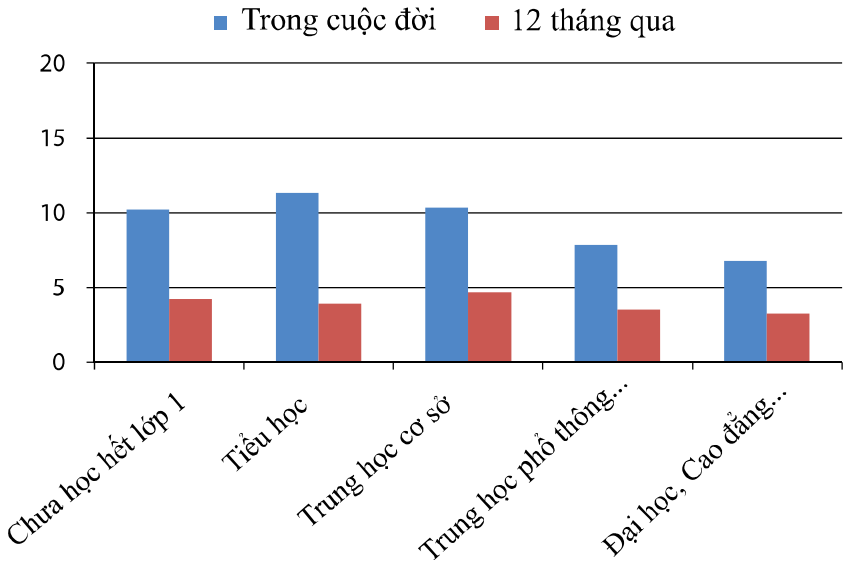

"Bọn chị đi gặt phải 1 tuần mới xong, mà trong 1 tuần ngày nào anh cũng đòi hỏi, hôm nay không được thì mai anh lại đòi, liên tục như vậy. Thôi thì mình phải nhắm mắt xuôi tay để chiều anh ấy, vì là vợ chồng thì cũng phải chiều. Những ngày nhàn rỗi thì anh ấy không thích, những ngày vất vả anh ấy lại đòi hỏi thì thôi mình cũng phải chiều, mình phải đáp ứng vì đấy là chồng mình rồi… Đấy, mình biết tính chồng mình, không đáp ứng mà ngày mai vẫn vui vẻ thì có khả năng mình vẫn từ chối được; nhưng hôm nay mình không đáp ứng được mà ngày mai công việc đình trệ, hoặc là ăn uống không vui vẻ thì tốt nhất là ta cứ làm cho nó xong". (Phụ nữ tại Huế).

**** Hành vi bạo lực tình dục***

Có ba loại hành vi khác nhau được xác định trong khảo sát này: bị dùng sức mạnh thể lực để ép quan hệ tình dục ngoài ý muốn; phải quan hệ tình dục vì sợ rằng có điều xấu xảy ra và bị ép làm những việc có liên quan tới tình dục mà người vợ cảm thấy bị nhục nhã hoặc hạ thấp nhân phẩm.

Tỷ lệ phụ nữ đã từng bị chồng ép quan hệ tình dục trên cả nước là 5,2%. Trong vòng 12 tháng trước khảo sát, tỷ lệ này là 1,8 %. Tỷ lệ phụ nữ có chồng quan hệ tình dục do lo ngại chồng có thể gây sự cao hơn ở mức 7,8 % và con số này cho 12 tháng trước khảo sát là 3,4%. Chỉ có dưới 1% phụ nữ Việt Nam bị ép làm những điều mà họ thấy nhục nhã hoặc hạ thấp nhân phẩm trong cuộc đời và trong 12 tháng trước khảo sát. Thông thường những tỷ lệ này ở nông thôn cao hơn một chút so với thành thị (Biểu 3.7).

**** Tần suất hành vi bạo lực***

Đối với những hành vi bạo lực tình dục xảy ra trong vòng 12 tháng trước khảo sát, người trả lời phỏng vấn được hỏi về số lần mà các sự kiện đó xảy ra: một lần, 2-5 lần hoặc nhiều hơn 5 lần. Phần lớn các hành vi nếu xảy ra với số đông người trả lời (60-70% tùy theo từng hành vi) cho rằng những hành vi đó diễn ra nhiều hơn một lần (thường là 2-5 lần) trong vòng 12 tháng trước khảo sát (Biểu 3.8).

Trong phần kết quả nghiên cứu định tính cho thấy thường thì phụ nữ trả lời là 'không' đối với những câu hỏi như 'chồng chị có bao giờ sử dụng bạo lực để ép chị quan hệ tình dục' hoặc 'chị đã bao giờ phải quan hệ tình dục vì sợ rằng có điều xấu xảy ra nếu không làm theo' thì điều đó không có nghĩa là họ chưa từng bao giờ phải quan hệ tình dục ngoài ý muốn. Bạo lực tình dục bị che dấu vì phụ nữ cảm thấy xấu hổ khi nói ra chuyện này và trên thực tế họ rất ít khi thổ lộ trong khi bạo lực thể xác có thể được những người xung quanh phát hiện.

Mặt khác, phỏng vấn sâu với người bị bạo lực cho thấy rằng một số hành vi bạo lực mà họ đang phải hứng chịu không có trong Bảng câu hỏi. Ví dụ, họ bị ép quan hệ tình dục trước sự có mặt của người khác hoặc người chồng đút vật gì đó vào trong âm đạo. Một số phụ nữ cho rằng họ bị ép quan hệ tình dục vì họ sợ, vì nghĩ tới lần quan hệ sau, chuyện này sẽ tiếp diễn. Tình dục cưỡng ép không chỉ xảy ra một lần mà nó sẽ tiếp tục lặp đi lặp lại nhiều lần.

Cũng cần phải lưu ý rằng trong khảo sát, khái niệm 'bạo lực tình dục' được xác định bởi những hành vi. Như đã đề cập ở trên, điều này không có nghĩa rằng nhìn chung phụ nữ sẽ cho rằng những hành vi tương tự là 'bạo lực tình dục'. Nhận thức có liên quan tới bản chất của "con đực" và "con cái" trong quan hệ tình dục có tác động đáng kể đối với quan điểm của phụ nữ về tình dục cưỡng ép và tình dục đồng thuận căn cứ vào các kết quả phỏng vấn. Nhận thức phổ biến thường là nam giới có nhu cầu tình dục cao và nhu cầu đó phải được đáp ứng, '*nếu hôm nay tôi không đồng ý thì ngày mai thế nào anh ấy cũng đòi'; nếu nhu cầu tình dục của đàn ông không được đáp ứng chắc chắn sẽ có việc không hay xảy ra;* cho nên một khi đã là vợ chồng, nhiều phụ nữ Việt Nam cho rằng một người phụ nữ đương nhiên phải có trách nhiệm thỏa mãn nhu cầu tình dục của chồng cho dù mình có muốn hay không. Và bởi vì những phụ nữ cho rằng tình dục là trách nhiệm và là phương thức để giữ chồng và hạnh phúc gia đình cho dù họ có muốn hay không, họ không nhận ra rằng thực tế họ quan hệ tình dục là bởi vì họ sợ có điều gì không tốt xảy ra.

Phụ nữ không có khả năng nhận dạng các hình thức bạo lực tình dục khác nhau trong các cuộc phỏng vấn định tính. Họ không biết mình có quyền từ chối quan hệ tình dục mà thay vào đó họ nhìn nhận một số hành vi bạo lực tinh thần và thể xác tùy theo hoàn cảnh và tác động về tinh thần và thể xác của những hành vi đó. Ví dụ '*ép vợ quan hệ tình dục khi người vợ không muốn'* được coi là bạo lực thể xác bởi vì có sử dụng sức lực' trong khi hành vi '*ép vợ làm những việc có liên quan tới tình dục mà người vợ cảm thấy nhục nhã hoặc hạ thấp nhân phẩm'* được coi là bạo lực tinh thần vì người vợ bị tổn thương về mặt tinh thần và bị sang chấn bởi điều này. Có thể nói rằng những trường hợp người vợ chịu áp lực phải quan hệ hoặc người vợ phải chấp nhận quan hệ dù không muốn để tránh phải chịu các hình thức bạo lực khác, sẽ không được phản ánh đầy đủ bởi vì những hành vi này được coi như là 'một phần của hôn nhân'; hơn là một hình thức bạo lực. Chương 5 sẽ đi sâu vào mô tả nhận thức của người trả lời phỏng vấn.

3.3. Bạo lực tình dục và/hoặc bạo lực thể xác là chỉ số chính của bạo lực do chồng gây ra

Tỷ lệ bị "bạo lực tình dục và/hoặc thể xác" thường được sử dụng như là chỉ số về bạo lực do chồng gây ra. Nó có ý nghĩa khi kết hợp giữa bạo lực thể xác và tình dục bởi vì cả hai loại bạo lực này thường song hành và do cùng một người gây ra. Kinh nghiệm từ những cuộc khảo sát trên thế giới đối với những câu hỏi đã được kiểm chứng nhằm cho phép xác định chỉ số này đảm bảo tính tin cậy và có giá trị. Bạo lực tinh thần không bị cho là kém quan trọng nhưng lại là phương pháp xác định lại rất khó. Hơn nữa, các nhà nghiên cứu thường muốn đánh giá một cách dè dặt, thận trọng, để tránh bị chỉ trích là thổi phồng vấn đề.

Theo Biểu 3.1, tỷ lệ bạo lực tình dục hoặc bạo lực thể xác, hoặc cả hai đối với phụ nữ do chồng gây ra tại Việt Nam là 34,4%. Ở nông thôn con số này cao hơn thành thị: 35,4% so với 32,2%. Tỷ lệ phụ nữ hứng chịu cả bạo lực tình dục lẫn thể xác trong đời do chồng gây ra dao động từ 27,2% tại Trung du và Miền núi phía Bắc tới 42,5% tại Vùng Đông Nam bộ (Hình 3.8).

Tỷ lệ bạo lực tình dục hoặc bạo lực thể xác hiện tại ở Việt Nam là 9,0% (nông thôn là 9,4% và 8,2% ở thành thị). Con số này dao động từ 6,9% (Vùng Đồng bằng sông Cửu Long) đến 12% (Vùng Đông Nam bộ). Con số thống kê theo nhóm dân tộc và tình trạng kết hôn được trình bày trong Biểu 3.9[36]. Điểm nổi bật ở đây chính là tỷ lệ bạo lực tình dục và thể xác thấp nhất trong nhóm dân tộc H'mông (Hình 3.9 và Biểu 3.9.)

[36] Lưu ý là mẫu điều tra và cuộc Khảo sát ban đầu được thiết kế không nhằm mục đích đưa ra các số liệu theo nhóm dân tộc và tình trạng hôn nhân, tuy nhiên mẫu này đủ lớn để trình bày các chỉ tiêu về bạo lực chia theo các phân tổ.

Hình 3.8. Tỷ lệ phụ nữ từng bị chồng gây bạo lực thể xác hoặc tình dục chia theo vùng, Việt Nam 2010 (N=4561)

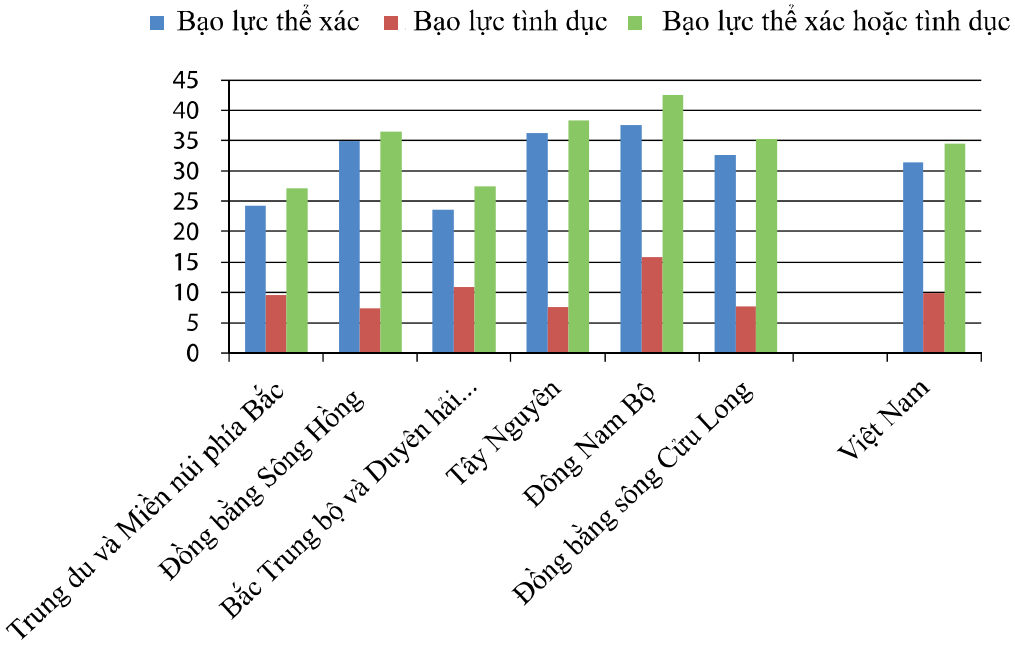

Hình 3.9. Tỷ lệ phụ nữ từng bị chồng gây bạo lực thể xác và tình dục chia thành nhóm dân tộc, Việt Nam 2010 (N=4561)

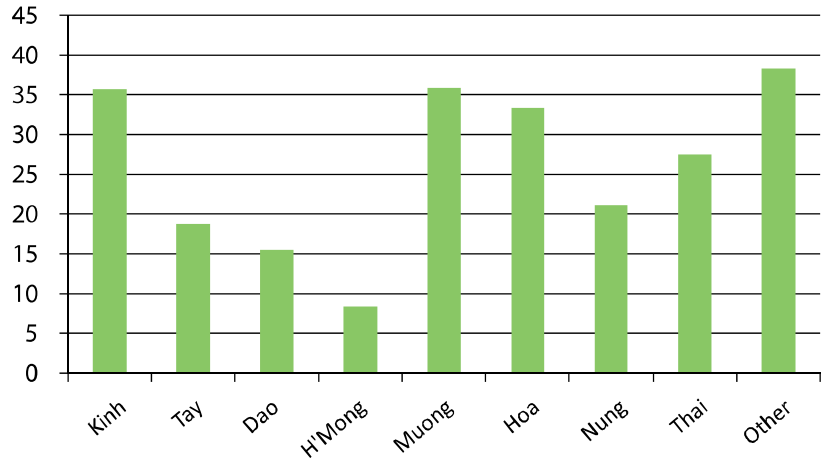

Hơn nữa phụ nữ đã ly dị hoặc ly thân có xu hướng cao gấp hai lần khi cho biết về bạo lực thể xác hoặc tình dục trong đời so với những phụ nữ hiện vẫn đang có gia đình hoặc phụ nữ góa chồng. Có thể lý do mà họ ly dị là vì bạo lực gia đình. Điều này có thể đúng nếu như một vài người trong số những phụ nữ này cảm thấy dễ dàng hơn khi tiết lộ về bạo lực bởi vì giờ đây họ không còn phải chịu đựng người chồng bạo lực của mình.

Hình 3.10. Bạo lực chồng chất trong đời - bao lực thể xác đi kèm bao lực tình dục do người chồng gây ra đối với phụ nữ đã lập gia đình ở Việt Nam 2010 (N+4561)

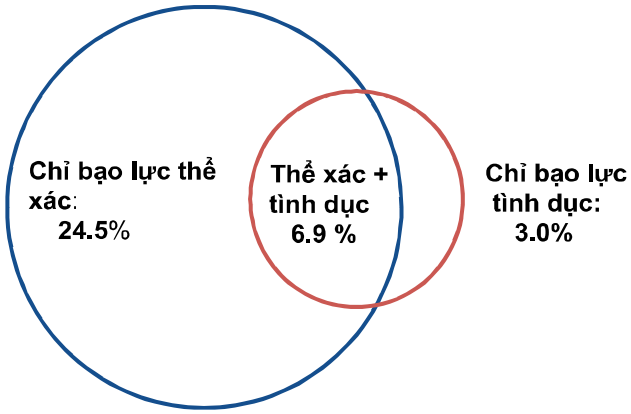

Như đã nói ở trên, một phụ nữ có thể bị đồng thời cả bạo lực thể xác và bạo lực tình dục do chồng gây ra (Hình 3.10). Trên toàn quốc, có 3% phụ nữ chỉ bị bạo lực tình dục và 24,5% phụ nữ cho biết họ chỉ bị bạo lực thể xác và khoảng 7% phụ nữ bị cả hai loại bạo lực cùng lúc. Kết quả nghiên cứu định tính bổ sung cho những phát hiện của khảo sát định lượng về sự trùng lắp (một phụ nữ có thể bị đồng thời hai hoặc 3 loại bạo lực) cả bạo lực thể xác và tinh thần. Người bị bạo lực tiết lộ rằng bạo lực tình dục xảy ra cùng với bạo lực thể xác. Đặc biệt là trong trường hợp bạo lực tình dục kéo dài và nghiêm trọng, chồng thường sử dụng bạo lực thể xác để gây sức ép và đe dọa người phụ nữ và ép họ quan hệ tình dục. Và họ chấp nhận để tránh bị bạo lực thể xác.

> *"Có lần anh ta đánh tôi và ngay sau đó anh ta lại ép tôi quan hệ tình dục. Tôi từ chối và anh ta chửi tôi: mẹ mày, mày không muốn ngủ với tao vậy mày muốn ngủ với thằng nào hả?"* (Người bị bạo lực tại Bến Tre)

Bạo lực thể xác không tách rời khỏi bạo lực tinh thần. Cùng với hành vi đánh đập là chửi mắng và các hành vi đe dọa khác - bạo lực này dẫn tới bạo lực khác và chúng thường đi cùng nhau. Nhiều người nghĩ về bạo lực tinh thần như là hậu quả của bạo lực thể xác và tình dục. Một số nêu bật những hậu quả tiêu cực của bạo lực tinh thần và nói rằng chúng thậm chí nghiêm trọng hơn. Thông tin thêm về sự trùng lắp giữa ba hình thức bạo lực – thể xác, tình dục và tinh thần sẽ được cung cấp trong phần dưới đây.

3.4. Bạo lực tinh thần

Biểu 3.10. Bạo lực tinh thần không kém phần nghiêm trọng so với bạo lực tình dục hay thể xác và phụ nữ thường cho biết rằng ảnh hưởng của bạo lực tinh thần nặng nề hơn so với bạo lực tình dục hay thể xác. Liên quan tới vấn đề này cũng cần phải nhấn mạnh là trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình có nêu một số hành vi bạo lực tinh thần. Tuy nhiên việc xác định bạo lực tinh thần không dễ dàng trong phạm vi một cuộc khảo sát và phần lớn những biểu hiện không được nêu trong luật hình sự hoặc luật về bạo lực gia đình. Ở đây cũng tương tự như với bạo lực tình dục hay thể xác, một loạt các câu hỏi về các hành vi bạo lực được dùng để xác định mức độ bạo lực tinh thần. Các hành vi cụ thể bao gồm: bị sỉ nhục, lăng mạ hoặc làm cho cảm thấy tồi tệ, coi thường hoặc làm bẽ

mặt trước mặt những người khác; bị đe doạ hoặc dọa nạt chị bằng bất cứ cách nào (ví dụ như quắc mắt, quát mắng hay đập phá đồ đạc); bị hăm dọa đánh đập hoặc đánh đập người yêu quý); dọa đuổi ra khỏi nhà vì bất cứ lý do gì.

Con số chung cho tỷ lệ bị bạo lực tinh thần đối với phụ nữ do chồng gây ra tại Việt Nam là 53,6% trong cuộc đời, trong đó nông thôn cao hơn thành thị (56,2% so với 47,2%). Tỷ lệ bị bạo lực tinh thần trong đời do chồng gây ra dao động từ 42,4% tại Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung tới 70,1% tại Vùng Tây Nguyên.

Tỷ lệ của bạo lực tinh thần hiện tại của Việt Nam là 25,4% (nông thôn là 27,5% và 20,4% tại thành thị). Nó dao động từ 22% tại Vùng Đồng bằng sông Hồng đến 32,6% tại Vùng Tây Nguyên.

Thông thường tỷ lệ bạo lực tinh thần cao hơn ở đối tượng phụ nữ có học vấn thấp hơn (trung học cơ sở hoặc thấp hơn) và ít gặp hơn ở những phụ nữ có trình độ học vấn cao hơn (cấp ba hoặc cao hơn) mặc dù tỷ lệ ở những đối tượng có trình độ này cũng vẫn ở mức cao.

Qua phỏng vấn sâu trong nghiên cứu định tính với người bị bạo lực cho thấy sự khác biệt trong nhận thức của phụ nữ về bạo lực tinh thần vì trong khảo sát định lượng, bạo lực tinh thần được khái quát bằng các hành vi. Những câu hỏi trong khảo sát là rất cụ thể, ví dụ như có bị chồng sỉ nhục hoặc làm cho cảm thấy tồi tệ, tiêu cực về bản thân không; có bị lăng mạ hoặc biêu riếu trước đám đông; có hành vi đe dọa hoặc dọa dẫm không, hoặc đe dọa gây tổn thương một người nào đó mà người trả lời phỏng vấn yêu quý. Tuy nhiên trong các cuộc phỏng vấn định tính, một số hành vi không được cho là bạo lực bởi vì người trả lời cho rằng những hành vi đó là một phần của mối quan hệ và là biểu hiện của sự 'nóng tính' và do vậy có thể chấp nhận, ví dụ như trừng mắt hoặc đập phá đồ đạc. Một số hành vi tương tự có thể xác định một cách khác nhau phụ thuộc vào bối cảnh và mức độ chấp nhận của người bị bạo lực. Có những trường hợp các nghiên cứu viên cho rằng đó là bạo lực tinh thần nhưng người bị bạo lực chỉ cho rằng đó là hành vi 'nói qua nói lại' và 'chưa phải là bạo lực'. Tuy nhiên có sự đồng thuận rõ ràng giữa những người tham gia rằng bạo lực tinh thần gây tổn hại nghiêm trọng và làm hại phụ nữ bị bạo lực. Một số người còn cho rằng 'thà bị tát vài cái còn hơn'.

Nhận thức cho rằng những hành vi cụ thể không phải là bạo lực được phản ánh trong đoạn trích sau:

> *"Anh có tức lên anh chửi, giận chuyện chi là anh chửi thôi. Mà chửi thì mình nói lại, thành thử ra là lại chửi lại mình, mình bực quá mình nói lại thì anh có vô anh tát một cái vào tai. Rứa thôi chứ bạo lực là không có".* (Người bị bạo lực tại Huế)

**** Tần suất của các hành vi bạo lực***

Đối với tất cả các hành vi diễn ra trong vòng 12 tháng trước khảo sát, phụ nữ được hỏi về số lần mà những hành vi đó xảy ra. Hầu hết cho biết là các hành vi xảy ra nhiều hơn một lần: thường dao động trong khoảng 2-5 lần và điều này cho thấy rằng những hành vi đó không phải là "mới bị" và là một phần của một hành vi đang tiếp diễn. (Biểu 3.11)..

Kết quả định tính chỉ ra rằng nhận thức về bạo lực tinh thần có mối liên hệ rõ ràng với việc tiếp cận với những dịch vụ và hỗ trợ. Những người tham gia đã sử dụng dịch vụ trở nên nhạy cảm hơn với những hình thức bạo lực khác nhau, bao gồm cả bạo lực tinh thần. Ví dụ họ hiểu rằng sự đe dọa hoặc những áp lực về mặt tinh thần có thể được xem như là bạo lực và không cần phải chờ đến khi có bạo lực thể xác xảy ra mới nói rằng 'đó là bạo lực'.

Trong đoạn trích dưới đây, việc người chồng dọa bán chiếc TV có thể là "chuyện nhỏ" đối với nhiều người. Đối với người bị bạo lực này, sự đe dọa là 'bạo lực tinh thần' bởi vì người chồng muốn gây tổn thương bằng cách lấy đi những gì mà chị ta quý, đặc biệt là vào thời điểm trước thềm năm mới – thời khắc mà mọi người muốn làm những gì mà họ muốn.

> *"Nhà có mỗi cái tivi thì ông ấy dọa ông ấy bán. Gần Tết vừa rồi, ông ấy nói với con ông ấy là, 'bố con mình đi bán cái tivi để tiêu'. Tôi cũng nghĩ (đây là) cái bạo lực tinh thần, vì tôi đi làm về, tôi đi cấy về, tôi cũng mệt lắm chứ. Mà chiều 30 Tết rồi ông ấy còn dọa mình là bán tivi".* (Người bị bạo lực tại Hà Nội).

Sự chồng chất (một phụ nữ bị đồng thời 2 hoặc 3 loại bạo lực) giữa bạo lực thể xác, tình dục và tinh thần đối với phụ nữ do chồng gây ra

Số liệu cho thấy có hơn một nửa (58,3%) số phụ nữ tại Việt Nam trong đời đã từng bị một loại hình bạo lực (tinh thần, thể xác, tình dục). Tỷ lệ này trong 12 tháng trước khảo sát là 27 %. Tỷ lệ này ở nông thôn cao hơn so với thành thị cho cả hai mốc thời gian là trong đời và trong vòng 12 tháng trước phỏng vấn.

Có sự trùng lắp giữa ba loại bạo lực và việc đánh giá sự trùng lắp này cho thấy một người phụ nữ thường phải hứng chịu cùng lúc cả ba loại bạo lực nếu đã từng bị bạo lực thể xác hoặc tình dục trước đó (Hình 3.11).

Hình 3.11 Bạo lực chồng chất trong đời - bạo lực thể xác và bạo lực tình dục và bạo lực tinh thần do người chồng gây ra đối với phụ nữ đã lập gia đình ở Việt Nam 2010 (N=4561)

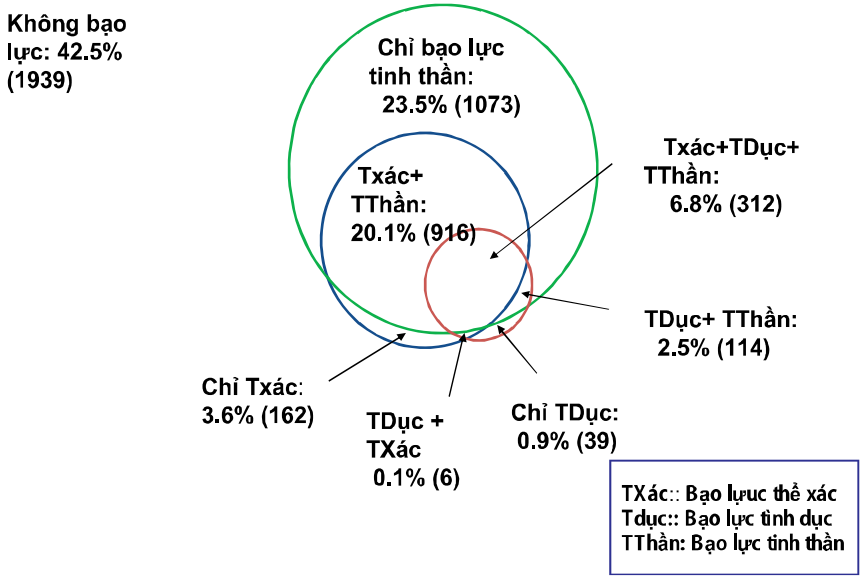

'Thường mình nghĩ rằng đã là bạo lực thì rất khó bóc tách giữa bạo lực về thể xác và về tinh thần. Rất khó bóc tách ra vì hai cái đó bao giờ cũng đi kèm với nhau. Khi người ta đã bị tổn thương về thể xác thì ít nhiều người ta cũng có những tổn thương về tinh thần, tùy từng mức độ nặng nhẹ. Thường đã là bạo lực thì mình nghĩ nó gắn vào cả hai phần thể xác và tinh thần. (Nam giới tại Hà Nội)

3.5. Hành vi kiểm soát

Khảo sát này cũng thu thập những thông tin về một loạt các hành vi kiểm soát của người chồng đối với phụ nữ. Trong số những hành vi đã được xác định gồm có: liệu người chồng thường cố tình hạn chế người phụ nữ liên lạc với bạn bè và gia đình và liệu anh ta có luôn đòi hỏi phải được biết chị ấy đang ở đâu, liệu anh ta có phớt lờ hoặc đối xử thờ ơ với vợ, liệu anh ta có kiểm soát việc vợ tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe (phải xin phép khi đi khám bệnh), liệu anh ta có thường xuyên buộc tội vợ không chung thủy và liệu anh ta có tức giận khi nhìn thấy vợ nói chuyện với người đàn ông khác.

Biểu 3.12 cho thấy tỷ lệ phụ nữ cho biết đã bị một hoặc nhiều hơn các hành vi kiểm soát của chồng là 33,3% trên toàn quốc. Nó dao động từ 23,3% tại Vùng Trung du và miền Núi phía Bắc đến 39,7% tại Vùng Đông Nam bộ. Ở thành thị, tỷ lệ này cao hơn so với nông thôn (35% so với 32,6%). Hành vi thường thấy nhất là đàn ông trở nên tức giận nếu vợ nói chuyện với người đàn ông khác (18,8%), chồng phớt lờ và đối xử thờ ơ với vợ (15,5%). Những tỷ lệ này không phụ thuộc nhiều vào trình độ học vấn.

Trong nghiên cứu định tính, những hành vi được nghiên cứu viên cho là "hành vi kiểm soát" thường những phụ nữ bị bạo lực bào chữa và biện hộ. Nhiều người cho rằng 'đàn ông nào chẳng ghen tuông' hoặc 'phụ nữ không nên tiếp xúc với đàn ông khác' hoặc 'đàn ông là trụ cột gia đình', như là 'biểu hiện bình thường của tình yêu' hoặc ghen tuông vô hại hoặc cùng lắm thì cho đó là một 'người chồng khó tính', 'người chồng ích kỷ', hoặc 'người chồng có quyền kiểm soát và vợ không được phép làm gì mà không hỏi ý kiến chồng'. Bên cạnh đó, người tham gia phỏng vấn thường gắn hành vi kiểm soát vào những bối cảnh cụ thể và có xu hướng viện những 'lý do' giải thích cho hành vi kiểm soát, ví dụ như 'vợ có lẽ đã làm gì sai khiến chồng nghi ngờ'. Do vậy hành vi như 'chồng muốn kiểm soát vợ mọi lúc, mọi nơi', 'chồng tức giận nếu vợ nói chuyện với người đàn ông khác' hoặc 'chồng thường nghi vợ không chung thủy' thường được bình thường hóa và không xem đó như là những hành vi bạo lực.

Có một điều thú vị là nhiều người nhìn nhận hành vi bạo lực từ khía cạnh 'đạo đức' chứ không phải xuất phát từ quan điểm về 'quyền'. Ví dụ, họ không chấp nhận hành vi như 'chồng hạn chế vợ tiếp xúc với người trong gia đình nhà vợ' và nói rằng hành vi đó là phi đạo đức và thô lỗ vì nó chia cắt mối quan hệ của người phụ nữ với gia đình mình. Trong khi đó những hành vi kiểm soát khác được coi là 'không nghiêm trọng', 'không để lại hậu quả nghiêm trọng', do vậy những hành vi kiểm soát vợ nhưng nếu có thì đó cũng không phải là những bạo lực bởi vì chúng không gây ra những thương tích về mặt thực thể.

(Hỏi: Thường xuyên nghi ngờ vợ về lòng chung thủy? Đáp: Cái này thì mới là nghi ngờ thôi, chưa tìm ra nguyên nhân nên chưa có bạo lực được. Nếu tìm ra nguyên nhân rồi mà không phải (vợ không chung thủy) thì thôi, vẫn còn tình cảm vợ chồng. Nghi ngờ thì nó chỉ là cái tính hẹp hòi, nếu

không tìm ra nguyên nhân mà anh vẫn hẹp hòi thì có thể dẫn đến mâu thuẫn đánh nhau. Nhưng mà đây mới là tư duy - suy nghĩ nghi ngờ thôi chứ chưa phải là bạo lực. (Nam cán bộ xã tại Hà Nội)

Mặc dù vậy, người bị bạo lực có những quan điểm khác nhau đối với các hành vi kiểm soát so với những 'người ngoài cuộc'. Đối với những phụ nữ này hành vi kiểm soát không chỉ là 'kiểm soát' mà là 'bạo lực tinh thần' và ngay sau đó người chồng sẽ có lý do để thực hiện hành vi bạo lực thể xác hoặc tình dục với họ. Đối với những người bị bạo lực, hành vi kiểm soát của chồng là nhằm đối xử tệ bạc với vợ và tác động của những hành vi kiểm soát này đối với phụ nữ là rất lớn và họ cảm thấy khó chịu đựng hơn so với bạo lực về thể xác.

"Mình thì mình không có bậy thế (đi lăng nhăng), nhưng nếu mình đi làm cùng với người đàn ông khác thì ông này (chồng) lại tra hỏi mình là đi đâu, mình sinh ra buồn bực lắm, không chịu được. Mình nói ra thì ông lại thượng cẳng chân hạ cẳng tay đánh mình. Ông nghiêm cấm mình không được đi làm với những người đàn ông, trong khi đó mình không làm việc thì con nó đói. Mà ông không phải là người kiếm tiền chính thì bắt buộc mình phải xông ra (đi làm), mà xông ra thì suốt ngày bị nói không thể chịu được. Quá là chán. Chồng tôi còn nói với tôi một câu như thế này: chị ra khỏi nhà tức là nghe người ta nói đấy, ý là nghe dân làng nói chị ra khỏi nhà thì chị là con nọ con kia đây. Tôi cũng nói với mẹ chồng tôi khi có cả mặt chồng tôi ở nhà: trước khi con về nhà mẹ thì con là con nhà ngoan ngoãn tử tế (khóc...) (Người bị bạo lực tại Hà Nội)

3.6. Bạo lực về kinh tế

Khảo sát cũng thu thập những thông tin về việc liệu có chuyện người chồng đã bao giờ chiếm đoạt những khoản thu nhập và tiền tiết kiệm của vợ và liệu có bao giờ anh ta từ chối đưa tiền cho vợ để trang trải các chi phí chung trong gia đình ngay cả khi anh ta có tiền để tiêu vào những mục đích khác. Nếu như người chồng làm ít nhất một trong hai việc kể trên với vợ của mình thì đó được coi là bạo lực kinh tế cho dù chúng tôi cũng đã thận trọng khi diễn giải những dữ liệu này bởi vì có thể có những dạng bạo lực kinh tế khác mà chúng tôi chưa xem xét trong phạm vi của khảo sát này.
Trong khảo sát, theo định nghĩa bạo lực, 9% phụ nữ bị bạo lực kinh tế (Biểu 3.13). Tỷ lệ phụ nữ ở nông thôn bị bạo lực kinh tế cao hơn so với thành thị (9,6% và 7,4%). Tỷ lệ bạo lực kinh tế cao nhất là ở Vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung (13,2%) và thấp nhất ở Vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 4,7%. Tỷ lệ này ở nhóm phụ nữ có trình độ học vấn tiểu học gấp 5 lần so với chị em có trình độ cao đẳng trở lên (15,0% và 3,2%).

Nghiên cứu định tính cho thấy có nhiều ví dụ về bạo lực kinh tế. Một hành vi phổ biến là người chồng không góp tiền để nuôi con cái và duy trì gia đình và thậm chí còn đòi vợ đưa tiền cho anh ta và nếu như trong trường hợp không có tiền để đưa, anh ta sẽ gây bạo lực thể xác. Những ông chồng này yêu cầu vợ ghi chép từng khoản chi tiêu, thậm chí là những khoản chi thường xuyên hàng ngày cho đồ ăn, thức uống và chửi vợ nếu những chi phí đó không rẻ như họ nghĩ. Cũng có những trường hợp người chồng kiểm soát tất cả các nguồn lực và cấm vợ không được tiếp cận những nguồn lực đó hoặc chồng bắt vợ phải làm việc quá sức. Nhiều người bị bạo lực bị ép phải làm việc quá sức. Họ phải hoàn thành công việc đồng áng hoặc đi làm thuê bên ngoài và cùng lúc họ phải hoàn thành tất cả việc nhà trong khi ông chồng giám sát vợ từng ly từng tí, cố tìm ra lý do để có cớ gây bạo lực tinh thần hoặc thể xác. Một vấn đề là bản thân phụ nữ và những người khác trong cộng đồng nghĩ

rằng việc nhà là việc của người vợ cho nên thay vì phản đối việc phải lao động quá sức họ ra sức làm việc và chấp nhận bị bạo lực.

Trong cái quá trình ăn uống ông ấy bắt ghi sổ cơ, mà ghi sổ ông ấy còn không tin ở sổ. Ví dụ chị ghi 500 tiền hành thì ông ấy bảo là tại sao không sang hàng xóm xin mà lại phải mua hành. (Người bị bạo lực tại Hà Nội)

Thế là cứ năm mười ngày anh lại đuổi, mẹ con em lại cứ ra cầu em ở, ở năm bữa nửa tháng thì em lại về. Lần này đuổi em thì ba mẹ con em vẫn nằm ở ngoài hiên ấy, hai mươi ngày trời, cơm thì chẳng có ăn, thóc gạo thì anh ấy khóa hết, em đi làm (đồng) thu hoạch thóc gạo về nhà thì anh ấy khóa hết, tay anh ấy lại cầm chìa khóa. (Người bị bạo lực tại Hà Nội)

3.7. Phụ nữ gây bạo lực đối với nam giới như thế nào?

(Biểu 3.14 và 8.6) Mặc dù đây là nghiên cứu về bạo lực đối với phụ nữ, trong quá trình khảo sát phụ nữ cũng được hỏi liệu có bao giờ họ tát hoặc đánh chồng của mình và đã có bao giờ đánh chồng trước (không bị chồng đánh) hoặc là phản ứng khi bị chồng đánh. Việc trình bày kết quả của những câu hỏi này rất quan trọng trong tăng cường hiểu biết của chúng ta về các khía cạnh của bạo lực do chồng gây ra. Trong khi kết quả về phần 'phản pháo' sẽ được trao đổi thêm trong phần phản ứng của phụ nữ, tại thời điểm này chỉ có khoảng 2,8% phụ nữ từng kết hôn trong khảo sát cho biết họ đã từng khởi xướng cho việc bạo lực đối với chồng của mình. Trong số những người bị chồng gây bạo lực thể xác, 87,4% cho biết là họ chưa bao giờ phản ứng lại.

Những người tham gia nghiên cứu định tính không đề cập tới bạo lực đối với nam giới mà chủ yếu nói về bạo lực đối với phụ nữ. Tuy nhiên có 1 hoặc 2 người được phỏng vấn đề cập tới việc vợ áp dụng 'lệnh cấm quan hệ tình dục' đối với chồng như là một cách để phạt hoặc trả đũa cho hành vi của người chồng. Phụ nữ trong các cuộc phỏng vấn không coi đó là hành vi bạo lực. Trong khi đó những người trả lời phỏng vấn coi hành vi 'chồng thờ ơ và lạnh lùng đối với vợ" là bạo lực tinh thần, không có liên quan tới quan hệ tình dục. Cuối cùng, hầu hết mọi người trả lời phỏng vấn cho rằng phụ nữ và trẻ em gái có thể là 'nạn nhân' của việc lạm dụng tình dục đặc biệt là những người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và địa vị thấp trong xã hội nhưng họ hiếm khi đề cập thực tế rằng nam giới và trẻ em trai cũng có thể là 'nạn nhân'.

CHƯƠNG IV. BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ DO CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC GÂY RA (KHÔNG PHẢI CHỒNG)

Những phát hiện chính:

- **Khoảng 10% phụ nữ tại Việt Nam cho biết họ đã từng bị một người khác không phải là chồng gây bạo lực kể từ khi họ 15 tuổi, cho dù có khác biệt về vùng khá rõ nét, dao động từ 3% đến 12%. Người gây bạo lực chủ yếu là các thành viên nam trong gia đình, chiếm 65% phụ nữ bị bạo lực thể xác không phải do bạn tình gây ra.**
- **Chỉ có 2,3% tổng số phụ nữ cho biết bị bạo lực tình dục kể từ khi 15 tuổi. Người gây bạo lực chủ yếu là người lạ, bạn trai và rất hiếm trường hợp là người nhà.**
- **2,8% tổng số phụ nữ cho biết bị lạm dụng tình dục trước khi 15 tuổi. Người lạm dụng tình dục chủ yếu là người lạ. Các thành viên nam trong gia đình và "những người khác" cũng được đề cập nhưng mức độ nhẹ hơn.**
- **35% tổng số phụ nữ tại Việt Nam đã từng bị bạo lực thể xác hoặc tình dục trong đời bởi bất kỳ một ai đó bạn tình hoặc không phải bạn tình. Tỷ lệ bạo lực do bạn tình gây ra cao gấp ba lần so với bạo lực do các đối tượng khác không phải là bạn tình gây ra.**

Trong khi trọng tâm chính của nghiên cứu là về bạo lực do chồng hoặc chồng gây ra, trong Bảng câu hỏi khảo sát cũng có những câu hỏi về trải nghiệm bạo lực thể xác và tình dục do các đối tượng khác gây ra cho phụ nữ, ở đây còn được gọi là 'không phải chồng' (có thể là nam hoặc nữ). Những câu hỏi này được dành cho tất cả các phụ nữ, không phân biệt đã từng có chồng hay chưa.

Trong nghiên cứu về bạo lực gia đình, điều được nhiều người quan tâm là cũng phải tìm hiểu về bạo lực do những người khác không phải người chồng gây ra vì điều này giúp ta có thể xác định các hình thức của bạo lực gia đình đối với phụ nữ bởi các thành viên khác trong gia đình. Ở Việt Nam, các hình thức bạo lực gia đình gây ra bởi các thành viên khác cũng được bao hàm các hành vi bạo lực gia đình khác

Ngoài ra, việc tìm hiểu bạo lực không do chồng gây ra sẽ cung cấp cơ hội để xác định bạo lực gia đình và bạo lực bởi chồng đối với phụ nữ quan trọng như thế nào so với các trải nghiệm bạo lực giữa người này với người khác trong cuộc đời người phụ nữ.

Chương này trình bày kết quả về phạm vi bạo lực tình dục và thể xác đối với phụ nữ không phải do chồng gây ra kể từ năm 15 tuổi cùng với những trải nghiệm về lạm dụng tình dục trước tuổi 15 (khai thác hồi cứu) (Hình 4.1.)

Hình 4.1. Tỷ lệ phụ nữ điều tra bị bạo lực do người khác (ngoài chồng) gây ra, Việt Nam 2010 (N=4836)

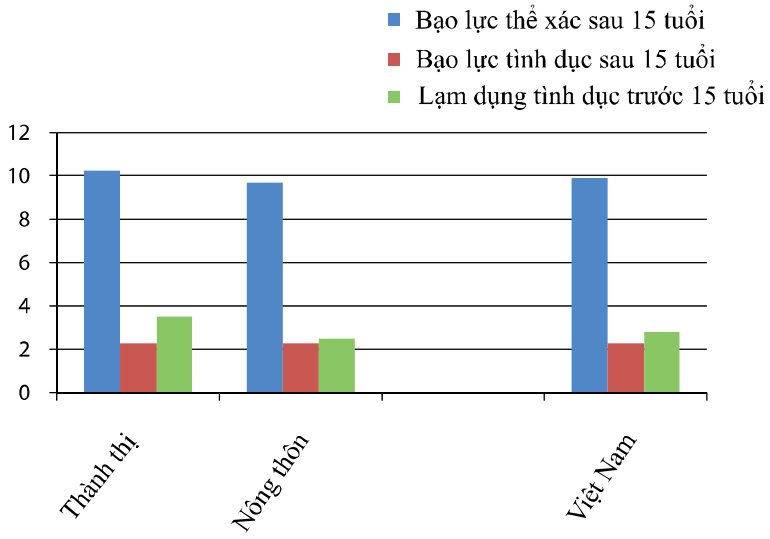

4.1. Bạo lực thể xác do người khác kể từ khi 15 tuổi

**** Tỷ lệ và tần suất bị bạo lực do người không phải là chồng gây ra***

Số liệu cho thấy tại Việt Nam khoảng 1/10 phụ nữ cho biết bị bạo lực thể xác bởi một người khác không phải chồng kể từ khi họ 15 tuổi (Biểu 4.1). Phụ nữ ở nông thôn và thành thị có tỷ lệ bị bạo lực này không khác nhau mấy: 10,2% và 9,7%. Tuy nhiên, sự khác biệt mang tính vùng lại khá rõ nét với 3,0% tại Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc tới 12% ở Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung.

Khảo sát cũng cho thấy có 6,6% phụ nữ tại Việt Nam bị bạo lực thể xác bởi một người nào đó ít nhất hai lần kể từ khi họ 15 tuổi (7,5% ở thành thị và 6,2% ở nông thôn). Tỷ lệ này ở nhóm có trình độ học vấn thấp cao hơn và cao nhất là ở những phụ nữ trong độ tuổi từ 25-29 tuổi (17,4%).

**** Người gây bạo lực thể xác không phải là chồng kể từ tuổi 15***

Hơn một nửa (65,1%) số người trả lời phỏng vấn đã từng bị bạo lực thể xác do người khác gây ra nói rằng người gây ra bạo lực đó là thành viên nam trong gia đình, trong khi có 14,5% nói rằng bị bạo lực bởi các thành viên nữ trong gia đình (Biểu 4.2).

Tỷ lệ thành viên nam trong gia đình là người gây bạo lực theo tiết lộ của phụ nữ bị bạo lực không phải do chồng gây ra là giữa 50% ở Vùng Đông Nam Bộ cho đến 77,8% ở Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung. Tỷ lệ thành viên nữ trong gia đình là người gây bạo lực cao nhất ở Vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 27,5%.

Trong phần nghiên cứu định tính nhiều người bị bạo lực tiết lộ rằng họ bị bạo lực do cả chồng và người bên nhà chồng gây ra. Có những trường hợp người bị bạo lực không được hỗ trợ từ phía người nhà chồng khi họ báo cho công an hoặc hội phụ nữ về tình trạng bạo lực và kết quả là người chồng lại kiếm cớ để gây bạo lực thường xuyên và nghiêm trọng hơn.

"Ông ấy (chồng) uýnh em quá tàn nhẫn, uýnh vô đầu với bụng đó. Em về em viết tấm giấy đưa lên xã, thế là ổng làm ầm ĩ với em. Ổng vô bê nguyên cây dừa ổng uýnh lại...Ba em thấy thế mới bảo em đi về nhà (ngoại), chứ em đâu có định về, em đâu có dám. Bà chị dâu đánh em nữa cho nên ba em mới xuống (đến nhà). Bà chị dâu đánh, mẹ chồng cũng đánh." (Người bị bạo lực ở Bến Tre)

4.2. Bạo lực tình dục bởi người khác kể từ khi 15 tuổi

Những người trả lời cũng được hỏi xem kể từ khi 15 tuổi, họ đã bao giờ bị một người khác không phải là chồng ép buộc quan hệ tình dục hoặc thực hiện một hành vi tình dục ngoài ý muốn chưa và có 2,3% phụ nữ trả lời là "có". Không có sự khác biệt đáng kể giữa nông thôn và thành thị. Tỷ lệ này ở cả hai khu vực là 2,3% (Biểu 4.3.).

Phụ nữ bị lạm dụng nhiều nhất là bởi một người lạ mặt (52/107 phụ nữ), tiếp theo là bạn trai (26/107) (Biểu 4.4).

4.3. Lạm dụng tình dục trước khi 15 tuổi

Phụ nữ được hỏi liệu đã có bao giờ họ bị ai đó sàm sỡ hoặc ép phải thực hiện các hành vi tình dục ngoài ý muốn trước tuổi 15 không. Bên cạnh đó, vào cuối buổi phỏng vấn, phụ nữ lại được hỏi về lạm dụng tình dục trước tuổi 15. Câu hỏi vẫn tương tự nhưng lần này người trả lời không phải trả lời trực tiếp câu hỏi. Thay vào đó họ được phát một tấm thẻ trên đó có hình minh họa cho câu trả lời "có" (= mặt buồn) hoặc "không" (= mặt vui).

Khi hỏi trực tiếp cho thấy rằng tỷ lệ bị lạm dụng tình dục trước tuổi 15 trên toàn quốc là 1,5% (71 phụ nữ) và tại khu vực thành thị là 2,4%; trong khi ở nông thôn chỉ là 1,1% (Biểu 4.3). Hầu hết là do người lạ gây ra. Cũng có trường hợp là do người nhà và 'người khác" nhưng mức độ nhẹ hơn (Biểu 4.4).

Không có gì đáng ngạc nhiên khi kết quả của phần trả lời theo kiểu "bỏ phiếu kín" có kết quả khác, nghĩa là tỷ lệ tiết lộ bị lạm dụng cao hơn: tỷ lệ phần trăm bị lạm dụng tình dục trước tuổi 15 là 2,5%. Sử dụng cả hai phương pháp cho ra một tỷ lệ lạm dụng tình dục trẻ em ở Việt Nam là 2,8% (Biểu 4.3).

4.4. So sánh giữa bạo lực do chồng và bạo lực không phải do chồng gây ra (kể từ khi 15 tuổi)

Quan niệm phổ biến là phụ nữ dễ có nguy cơ bị bạo lực nhất do người lạ chứ không phải là những người mà họ quen biết từ lâu (Biểu 4.5). Để tìm hiểu vấn đề này, việc tính toán định tỷ lệ bị bạo lực thể xác hoặc tình dục hoặc cả hai, kể từ khi 15 tuổi, không phân biệt đối tượng gây bạo lực, được áp cho tất cả các đối tượng trong nghiên cứu cho dù họ đã từng kết hôn hay chưa. Con số của toàn quốc cho thấy có tới 35% phụ nữ Việt Nam đã bị bạo lực thể xác hoặc tình dục trong đời bởi một ai đó, chồng hoặc đối tượng khác. Số liệu có thể dùng để so sánh tỷ lệ tương đối phụ nữ bị bạo lực do chồng và bạo lực do đối tượng khác gây ra. Khi so sánh bạo lực do chồng và không do chồng, điều dễ nhận thấy là tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực do chồng cao gấp ba lần so với tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực bởi một người khác.

CHƯƠNG V. THÁI ĐỘ VÀ NHẬN THỨC VỀ NHỮNG YẾU TỐ ĐẰNG SAU BẠO LỰC DO CHỒNG GÂY RA

Những phát hiện chính:

- **Phụ nữ ở nông thôn thường có xu hướng ủng hộ nhiều hơn so với phụ nữ thành thị đối với nhận định cho rằng, nam giới là người đưa ra quyết định trong gia đình, phụ nữ phải theo chồng và rằng họ không được từ chối quan hệ tình dục.**
- **Những hiểu lầm về lý do dẫn tới bạo lực còn rất phổ biến trong cuộc sống hàng ngày, khiến cho người bị bạo lực tìm cách giải thích cho những hành vi bạo lực.**
- **Nhận thức sai lệch về giới trong quan niệm về bạo lực góp phần đáng kể vào mức độ chấp nhận bạo lực của nam giới và phụ nữ .**
- **Quan niệm mang tính văn hóa truyền thống về nam tính và nữ tính có ảnh hưởng đáng kể đến các cách xử lý nóng giận, từ đó tăng nguy cơ dẫn tới bạo lực.**

Khảo sát sử dụng những câu hỏi nhằm đánh giá quan điểm giới, xác định những tình huống mà phụ nữ cho rằng việc bị chồng đánh đập là chấp nhận được vàxác định những tình huống mà một phụ nữ có thể từ chối quan hệ tình dục với chồng. Chương này trình bày ngắn gọn kết quả đo lường về quan điểm được thu thập trong khảo sát định lượng như đã nêu ở trên. Và một phần lớn chương này dành để trình bày về thái độ và nhận thức của những người tham gia trả lời phỏng vấn trong nghiên cứu định tính.

5.1. Thái độ của phụ nữ về giới và bạo lực

Số liệu trong Biểu 5.1 chỉ ra 27% phụ nữ nói họ đồng ý với nhận định cho rằng "một người vợ tốt phải là người luôn biết vâng lời chồng ngay cả khi chị ta không đồng ý". Tại nông thôn, số phụ nữ đồng ý với câu nói trên cao hơn gấp hai lần so với phụ nữ ở thành thị (32,7% so với 14,7%). Xem xét theo các vùng, tỷ lệ phần trăm phụ nữ cho rằng vợ tốt phải vâng lời chồng cao nhất là ở Vùng Tây Nguyên và thấp nhất ở Vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Phân loại thái độ nói trên theo trình độ học vấn, nhóm phụ nữ có tỷ lệ đồng ý cao nhất là nhóm chưa học hết lớp 1. Tỷ lệ phần trăm đồng ý với câu nói trên trong số những phụ nữ có trình độ học vấn cao (cao đẳng, đại học, cao học) thấp hơn rất nhiều.

Xu hướng tương tự cũng được phát hiện với nhận định cho rằng "tất cả các quyết định quan trọng trong gia đình đều do người đàn ông quyết định".

Không phải tất cả những nhận định về giới đều cho câu trả lời theo cùng một khuôn mẫu. Hầu hết phụ nữ muốn chồng giúp làm việc nhà khi họ đi làm (97,7%) và tỷ lệ này không có sự khác biệt đáng kể giữa nông thôn và thành thị. Cũng không có nhiều khác biệt khi xem xét theo vùng và theo trình độ học vấn.

Phỏng vấn sâu trong phần nghiên cứu định tính với phụ nữ bị bạo lực cho thấy rằng trên thực tế người chồng rất ít khi giúp vợ làm việc nhà, việc người vợ không hoàn thành việc nhà thường là một trong những lý do để người chồng biện minh cho hành vi bạo lực của mình. Quan niệm chung cho rằng nam giới phải là người quyết định trong gia đình góp phần giải thích cho nghịch lý này.

> *"Đàn ông bạo lực dễ được chấp nhận hơn phụ nữ bạo lực. Chồng phải lo toan nhiều thứ, vợ chỉ có ở nhà và trong trường hợp vợ không hoàn thành công việc nhà thì chồng có quyền đánh.* (Người bị bạo lực ở Bến Tre).

Trong bảng câu hỏi khảo sát định lượng, phụ nữ cũng được hỏi xem họ có đồng ý với quan điểm cho rằng "người vợ có nghĩa vụ quan hệ tình dục với chồng mình ngay cả khi chị ấy không muốn ". 1/5 phụ nữ (19,7%) được hỏi đồng ý với quan điểm này. Có sự khác biệt đáng kể về số liệu giữa các vùng địa lý. Khoảng 1/3 phụ nữ ở Tây Nguyên đồng ý rằng phụ nữ cần phải quan hệ tình dục với chồng ngay cả khi không có hứng. Phần đông phụ nữ có trình độ học vấn thấp cũng đồng ý với quan điểm này.

**** Nhận thức về quan hệ tình dục và bạo lực tình dục***

Kết quả nghiên cứu định tính khẳng định thêm những phát hiện từ nghiên cứu định lượng về thái độ về giới và tình dục như nói ở trên. Nhìn chung những người tham gia trả lời phỏng vấn định tính cho rằng việc quan hệ tình dục với chồng là nghĩa vụ hơn là việc làm xuất phát từ cảm hứng tình dục của vợ. Một phụ nữ được phỏng vấn nói rằng chị đã từng nghe thấy từ "bạo lực tình dục" nhưng không hiểu nghĩa của nó là gì trong bối cảnh mối quan hệ giữa vợ và chồng.

Một số người (cả nam và nữ) nói ngay từ đầu rằng họ đã nghe thấy từ này (bạo lực tình dục) nhưng không hiểu nghĩa của nó là gì. Khi được gợi ý, một số đã nhìn nhận bạo lực tình dục như là một điều gì đó xảy ra đối với các cô gái trẻ do những người đàn ông lạ mặt, đàn ông say rượu, người sử dụng ma túy hoặc nói cách khác là những người đàn ông xấu gây ra.

Tuy nhiên nhiều người tham gia trả lời phỏng vấn định tính, gồm cả nam và nữ, lại tin rằng vị thành niên không phải là đối tượng bị bạo lực tình dục vì còn quá nhỏ để quan hệ tình dục. Đối với họ, bạo lực tình dục có nghĩa là 'quan hệ tình dục ngoài ý muốn'. Điều này cho thấy rằng nhiều người đánh giá thấp nguy cơ bị bạo lực tình dục đối với vị thành niên và trẻ em bởi lẽ họ không hình dung được rằng bạo lực tình dục đối với vị thành niên và trẻ em có thể do những người quen, do nam giới có vẻ ngoài tử tế hoặc là đáng kính trọng gây ra.

Cũng có một số người tham gia nghiên cứu bày tỏ quan ngại của họ về nguy cơ bạo lực/lạm dụng tình dục đối với trẻ em từ 13 tuổi trở lên. Nhưng những người này không thể hình dung rằng trẻ trong độ tuổi từ 5 hoặc 10 tuổi cũng có thể là nạn nhân của bạo lực/lạm dụng tình dục.

Nhiều người cho rằng những địa điểm tối và vắng là những nơi thường xảy ra bạo lực tình dục, nhưng dường như họ không ý thức được rằng những nơi vẫn được cho là 'an toàn', ví dụ như ở nhà hoặc ở trường học, cũng có thể là "nơi xảy ra bạo lực tình dục".

Một số người không ý thức được sự giống nhau và khác nhau giữa khái niệm về bạo lực tình dục và hiếp dâm và quấy rối tình dục.[37] Một số người trả lời phỏng vấn sâu tin rằng bạo lực tình dục có nghĩa là "chỉ có hiếp dâm", trong khi một số khác lại hiểu bạo lực tình dục bao gồm cả việc một người bị sờ soạng ngoài ý muốn. Hạn chế này về mặt nhận thức về bạo lực tình dục (đặc biệt nếu chỉ quan tâm tới hiếp dâm) sẽ khiến cho người ta không phát hiện được các loại hình bạo lực tình dục khác.

> *(Câu hỏi: Theo chị thì bạo lực tình dục là gì?)*
>
> *Trả lời: Theo chị nghĩ thì lạm dụng tình dục đa phần là do phía đàn ông gây ra mà đa phần là những con người không hiểu biết về xã hội, những con người du côn cao bồi, những con người chỉ lúc nào cũng nghĩ về tình dục, không chịu làm ăn gì cả. Nhìn thấy con gái là mắt cứ sáng lên, nếu những cô gái hiền lành nào mà đi đêm hôm là xông vào có khả năng làm việc được ngay, mặc dù tiền nong người ta cũng chả cần đâu, người ta chỉ làm xong việc đấy là thôi. Không có tính người mới làm những công việc như thế.* (Phụ nữ ở Hà Nội)

Trả lời: "Theo như tôi hiểu là kể cả là va chạm, sờ soạng đấy cũng đã gọi là lạm dụng tình dục rồi" (Nam nhân viên tại xã phường ở Hà Nội)

> *Trả lời: "Cũng có thể như là bây giờ một em nào đó chưa đến tuổi vị thành niên chẳng hạn, tức là đến cái lứa tuổi chưa trưởng thành thế mà anh cố gọi là cưỡng dâm hoặc là cái gì đấy chẳng hạn đấy thì pháp luật sẽ xử theo pháp luật"* (Nam nhân viên tại xã phường ở Hà Nội)

Một phát hiện quan trọng trong nghiên cứu định tính liên quan đến bạo lực tình dục là hầu hết những người được phỏng vấn nhìn nhận bạo lực tình dục từ khía cạnh đạo đức chứ không phải xuất phát từ quyền của phụ nữ. Ví dụ, khi đề cập đến 'tình dục ép buộc' hầu hết mọi người cho rằng việc một người đàn ông cưỡng ép ai đó, thậm chí là vợ mình quan hệ tình dục là không thể chấp nhận được. Họ có vẻ như hiểu được tình huống này khá rõ. Nhưng khi được hỏi trong trường hợp nào phụ nữ có thể từ chối quan hệ tình dục với chồng, hầu hết mọi người không nêu được ví dụ nào khác ngoài những trường hợp như đang có kinh nguyệt hoặc đang ốm. Điều này có nghĩa là, một lần nữa xét theo khía cạnh đạo đức, phụ nữ không có quyền từ chối quan hệ tình dục với chồng trừ khi người chồng thấy có lý do chính đáng. Thực tế, người chồng không cần phải dùng bạo lực thể xác để ép vợ quan hệ tình dục; phụ nữ được dạy dỗ từ nhỏ rằng họ không có quyền nói "không". Và họ có xu hướng bình thường hóa vấn đề tình dục ngoài ý muốn trong đời sống hôn nhân – 'đàn ông luôn muốn quan hệ tình dục, phụ nữ luôn không muốn quan hệ tình dục".

Một số ít người trong nghiên cứu định tính nhìn nhận bạo lực từ khía cạnh luật pháp, nói rằng bạo lực là tội phạm (nam giới ở Hà Nội). Đây là một tín hiệu mừng về việc thay đổi cách nhìn về bạo lực, từ khía cạnh đạo đức chuyển sang khía cạnh pháp luật. Thay đổi này đồng nghĩa với việc thay đổi quan niệm cho rằng bạo lực là một cái gì đó "phải chấp nhận", hoặc một cái gì đó thuộc "bản

[37] Bạo lực tình dục được định nghĩa là hành vi sử dụng vũ lực, cưỡng bức hoặc trấn áp về tâm lý nhằm ép buộc một người phụ nữ quan hệ tình dục ngoài ý muốn cho dù có đạt mục đích hay không. Bạo lực tình dục bao gồm hiếp dâm, quấy rối tình dục và các hình thức bạo lực tình dục khác trong hôn nhân mà đối tượng gây ra là các thành viên trong gia đình, người quen, cưỡng ép kết hôn và cưỡng ép hành nghề mại dâm v.v.

chất đàn ông", sang tư duy về bạo lực như là "một hành vi vi phạm pháp luật" cần phải được đưa ra tòa xét xử.

**** Mối liên hệ giữa thái độ về bạo lực và bạo lực do chồng gây ra***

Kết quả về thái độ được phân tích ở những phụ nữ từng bị bạo lực thể xác hoặc tình dục so với phụ nữ chưa bao giờ bị bạo lực (Biểu 5.2). Phụ nữ từng bị bạo lực thể xác hoặc tình dục có nhiều xu hướng đồng ý với quan điểm, "vợ phải có nghĩa vụ quan hệ tình dục với chồng ngay cả khi không cảm thấy muốn làm điều đó" hơn so với phụ nữ chưa từng bị bạo lực (23,4% và 19,5%). Tỷ lệ phần trăm phụ nữ đồng ý với quan điểm này cao hơn trong nhóm những người bị bạo lực thể xác nghiêm trọng (27,7%) so với nhóm bị bạo lực ít nghiêm trọng hơn (19,4%).

Căn cứ vào kết quả thì không thể phân biệt được - liệu rằng phụ nữ có thái độ "truyền thống" hơn có xu hướng chấp nhận bạo lực nhiều hơn, hay liệu kết quả này phản ảnh điều hoàn toàn ngược lại, rằng câu trả lời của những phụ nữ này thể hiện chính kinh nghiệm và hoàn cảnh của bản thân họ, đặc biệt là trong những trường hợp phụ nữ không quen bày tỏ quan điểm của mình. Cho dù cách này hay cách khác, kết quả cũng gợi ý rằng phụ nữ bị bạo lực thường bình thường hóa những gì đang xảy ra với họ.

Bằng chứng cho rằng bạo lực đang được bình thường hóa thể hiện chính ở quan niệm cho rằng bạo lực do chồng gây ra là chấp nhận được trong trường hợp vợ làm điều gì đó sai trái. Điểm thú vị là những người tham gia nghiên cứu định tính thường nói rằng bạo lực là không thể chấp nhận được; và quan điểm này có vẻ như là một thứ ngôn ngữ 'cửa miệng', bởi lẽ thái độ của họ thay đổi hoàn toàn khi trả lời câu hỏi 'trong tình huống nào thì bạo lực có thể hiểu và chấp nhận được"?

Một số ví dụ về những việc mà vợ làm sai được sử dụng để giải thích cho bạo lực là cờ bạc, đưa chuyện, nói xấu gia đình chồng với người ngoài, ngoại tình, không nhẹ nhàng, hoặc không biết chăm sóc gia đình v.v... Một số cán bộ chính quyền cơ sở cũng có những nhận thức sai lệch tương tự và họ thường có xu hướng đổ lỗi cho phụ nữ khi xảy ra bạo lực.

> (*Câu hỏi: Trong trường hợp nào hành vi bạo lực thể xác của chồng đối với vợ là có thể hiểu và chấp nhận được?)*
>
> *Trả lời: Em thấy thì cũng có người vợ mình kiểu như là cũng không được đàng hoàng, mà người chồng cũng nói rất là nhiều lần, thì cái hành vi đó người chồng phải nóng, phải uýnh rồi. Em thấy cái đó người chồng uýnh cũng không phải là quá đáng, vì do người đàn bà chứ không có cái gì là bạo lực. Cái đó là không phải là bạo lực gia đình, uýnh là để cho bà thức tỉnh mà lo nuôi tâm dưỡng tánh làm ăn.* (Phụ nữ tại Bến Tre).
>
> *Trả lời: "Tức giận thì ở đây có thể do người phụ nữ không dịu dàng và thứ hai là không biết chăm lo cho gia đình đấy là đứng từ góc độ gia đình. Người ta nói giàu vì bạn sang vì vợ, bạn đến thì vợ cứ tiếp đón niềm nở thì chồng cũng cảm thấy mát lòng đúng không, chứ đây bạn của chồng bây giờ đến mà cứ tỉnh phơ thì cũng dễ ra một cái không hiểu nhau thi cũng dễ sứt mẻ, hoặc là con cái không chăm sóc cứ làm những cái việc đâu đâu đấy thì tự dưng nó cũng dễ sứt mẻ".* (Cán bộ xã phường tại Hà Nội).

5.2. Những tình huống dẫn tới bạo lực về thể xác

**** Lý do được phụ nữ tham gia khảo sát tiết lộ***

Phụ nữ từng bị bạo lực thể xác do chồng gây ra được hỏi về những tình huống dẫn tới bạo lực theo nhận thức của họ. 33,7% trong số những phụ nữ được hỏi cho rằng đó là khi chồng say rượu, khi nảy sinh các vấn đề gia đình và khi có khó khăn tài chính (27,8% và 24,7%), không nghe theo chồng (22,6%). 11% phụ nữ cho biết là chẳng có lý do cụ thể là nguyên nhân dẫn tới hành vi bạo lực của chồng (Biểu 5.3.)

**** Lý do mà nam giới và phụ nữ đưa ra trong nghiên cứu định tính***

Trong nghiên cứu định tính, phụ nữ được hỏi về những lý do và tình huống mà theo nhận thức của họ là có thể dẫn tới bạo lực. Đã có rất nhiều những lầm tưởng xuất hiện trong các câu trả lời của phụ nữ về nguyên nhân gây bạo lực. Hầu hết những lầm tưởng về nguyên nhân dẫn tới bạo lực xuất phát từ những nhận thức sai lệch về giới đã ăn sâu vào tâm thức của nhiều người, ví dụ như nhận thức về nam tính và nữ tính, vai trò và trách nhiệm của vợ và chồng v.v... Ngay cả khi những người tham gia cho rằng "nam nữ bình đẳng" hoặc "phụ nữ có quyền nói lên quan điểm của mình" v.v..., họ sẽ ngay lập tức áp những quan điểm không bình đẳng khi đánh giá những tình huống bạo lực cụ thể.

Phỏng vấn sâu người bị bạo lực chỉ ra rằng những quan điểm của người bị bạo lực và 'người khác' (nam giới và phụ nữ không bị bạo lực do chồng gây ra) là khác nhau, người bị bạo lực có nhiều lý lẽ trái ngược với những lý do giải thích cho hành vi bạo lực của nam giới. Một khi người ta vẫn đang cố tìm ra "lý do" để giải thích cho bạo lực, họ sẽ tiếp tục tìm cách để bào chữa cho hành vi bạo lực với những lý do đó.

Lầm tưởng thứ nhất về nguyên nhân gây bạo lực: Do rượu[38]

Đàn ông cho rằng rượu là lý do khiến họ mất tự chủ và gây bạo lực, tuy nhiên, người phụ nữ bị bạo lực nói rằng đàn ông chỉ 'mượn rượu' (viện cớ say rượu) để giải thích cho hành vi sai trái của mình.

> *"Đôi khi người chồng uống say và khi về nhà vợ nói nhiều nên không chịu nổi và vì thế họ mới đánh vợ".* (Nam giới ở Huế).

> *"Không, đừng có đổ tại say rượu ... Đó là bản chất của họ, đúng là có một số đàn ông uống rất nhiều; nhưng cũng có một số không uống rượu mà vẫn đánh chửi vợ".* (Phụ nữ ở Huế).

[38] Có nhiều nghiên cứu trên thế giới cho thấy có mối liên hệ chặt chẽ giữa việc sử dụng rượu và bạo lực gia đình giữa vợ và chồng. Tuy nhiên, các bằng chứng lại chưa cho thấy mối liên hệ nhân quả giữa hai vấn đề này. Việc tìm thấy tỉ lệ khá cao nam giới có sử dụng rượu trong số những người gây bạo lực, mặc dù có mối liên quan, cũng chỉ dừng ở mức độ nhìn nhận là hai vấn đề khác nhau nhưng là những vấn đề xã hội thường diễn ra cùng nhau. Việc nam giới gây bạo lực cho vợ là hành vi học hỏi từ xã hội, không nhất thiết là do bệnh tâm thần hay là do bản chất con người. Những nam giới gây bạo lực cho vợ thường lấy rượu làm lý do bào chữa cho hành vi bạo lực của mình. Rất cần phải chỉ ra rằng có nhiều nam giới nghiện rượu nhưng không hề bạo lực với vợ và có rất nhiều nam giới gây bạo lực với vợ mà không hề uống rượu. Nam giới có khuynh hướng gây bạo lực thể chất cho vợ và nam giới hay uống rượu thì cũng có xu hướng gây bạo lực nhiều hơn vào những thời điểm họ uống rượu.

Lầm tưởng thứ hai về nguyên nhân gây bạo lực: Bản chất của nam giới là hay ghen tuông và muốn kiểm soát vợ.

Nhiều người tham gia nghiên cứu, xuất phát từ hiểu biết chung của họ về quyền của nam giới trong gia đình, hoặc là không coi hành vi kiểm soát là bạo lực bởi vì họ đánh đồng chúng với "quá yêu" hoặc "quá ghen", hoặc là họ coi hành vi kiểm soát là bạo lực tinh thần nhưng ở mức "không nghiêm trọng". Theo họ, những hành vi (kiểm soát) này đơn giản chỉ khiến phụ nữ buồn mà không gây thương tích về mặt thực thể. Một người chồng nghĩ rằng mình có quyền kiểm soát vợ và mối quan hệ của vợ và người vợ không có quyền tiếp xúc với đàn ông khác sau khi đã lập gia đình. Đặc biệt trong trường hợp chồng kiếm được nhiều tiền hơn cho gia đình, anh ta sẽ là người ra quyết định và người vợ không được làm gì trái ý chồng.

> *"Chồng vừa đánh hôm qua xong mà vẫn phải đạp xe đi cách đây 7 cây số, tôi vẫn kẽo kẹt tôi đạp xe đi làm. Đến tầm 6 giờ tối hôm sau thì anh làm cùng bảo là nếu mà mỏi thì anh chở em về. Nói chung là xe đạp của mình thì không hỏng, thì ông chở mình ngồi đằng sau, vẫn đang đi thì chồng nhìn thấy. Vẫn đang đi trên đường, mình dắt cái xe đạp chứ không dám có hành vi gì đôi bại, có bao nhiêu người đang ở bên đường, làm sao mà mình có cái hành vi nhố nhăng gì đó được. Thế mà ông chồng ông nhìn thấy mình cái là ông quay xe lại, ông đợi mình đến dốc thì ông bảo thôi đi về đi, thế là tôi đi về về đến nhà là cứ thế chồng thượng cẳng chân hạ cẳng tay là đánh mình".* (Người bị bạo lực ở Hà Nội).

> *"Vợ có làm sai điều gì hoặc không làm như tôi yêu cầu thì tôi mới quát cho vào mặt".* (Nam giới ở Huế).

> *"Chồng kiếm được tiền nên có quyền giữ tiền. Nếu vợ làm gì sai, tôi sẽ dạy vợ.* (Bạo lực) *chẳng qua là do làm mình bực mình thôi".* (Nam giới ở Huế).

Lầm tưởng thứ ba về nguyên nhân bạo lực: Nam giới ở vị thế cao hơn cho nên họ có quyền sử dụng bạo lực để "giáo dục" vợ mình.

Có câu nói cổ cho rằng "Dạy con từ thủa còn thơ, dạy vợ từ thủa bơ vơ mới về". Theo quan niệm này, một người đàn ông có quyền đưa vợ vào "khuôn phép", đặc biệt là khi người vợ làm gì đó "sai" với chồng hoặc gia đình nhà chồng. Nhiều người được phỏng vấn cho rằng việc đàn ông sử dụng bạo lực như là một cách để khẳng định vị trí của mình là điều có thể chấp nhận được. Cùng với đó là những "nguyên nhân hợp lý" để giải thích cho bạo lực mà một người chồng gây ra cho vợ mình. Ví dụ một số nguyên nhân là khi mà vợ lên mặt với chồng, hoặc khi vợ không biết dạy con tốt. Vợ không được phép làm bất cứ điều gì ảnh hưởng tới uy tín của chồng, ngay cả khi chồng sai. Nếu vợ cãi lại chồng, thì chồng sẽ bị mất thể diện vàtrong trường hợp đó việc chồng bạo lực vợ là có thể chấp nhận được.

Thêm một nguyên nhân khác là quan niệm "con hư tại mẹ, cháu hư tại bà". Cho nên khi chồng không hài lòng về con, anh ta sẽ đổ lỗi cho vợ "không biết dạy con" và lại gây bạo lực với vợ.

> *"Mỗi khi cờ bạc, anh ta bán cả xe đạp. Tôi kêu ca thì anh ta tát tôi để lên mặt".* (Người bị bạo lực ở Hà Nội).

"Đôi khi bạn tôi đến chơi và tôi không hài lòng với hành vi của vợ. Dù sao thì cũng là vợ tôi, cho nên không được lên giọng với tôi nhất là trước mặt bạn bè. (Nam giới ở Huế).

"Thường nguyên nhân những bất đồng xảy ra thì: Thứ nhất là con cái không bảo được thì ông chồng cứ đổ cho chị là con hư là tại mẹ. Chỉ là con cái, ví dụ hôm nay học không ra gì là vợ chồng về lại nói nhau. Mẹ lại không bảo được con, không dạy con đến nơi đến chốn để con học không ra gì, năm nay nó lại đúp rồi đấy, hay là hôm nay nó lại bị điểm kém. Đấy nhà chị chỉ xảy ra những chuyện đấy thôi". (Phụ nữ ở Hà Nội).

Lầm tưởng thứ tư về nguyên nhân của bạo lực: Bạo lực luôn là do lỗi của phụ nữ.

Theo lầm tưởng này thì một người chồng có thể sử dụng bạo lực vì vợ nói quá nhiều. Một người vợ phải chăm sóc gia đình tốt và biết im lặng khi chồng nổi nóng. Hoặc đàn ông thì hiểu biết nhiều hơn phụ nữ và bạo lực thường là do lỗi của phụ nữ bởi vì phụ nữ thường nhỏ nhen hơn.

"Vợ mà cứ cằn nhằn nhiều là tôi quát. Ví dụ, tôi uống rượu, hút thuốc mà cứ ca cẩm là người tôi hôi hay uống rượu thế này thế nọ. Nếu mà chỉ nói một hai lần thì cũng chẳng sao, nhưng nói nhiều quá làm tôi mất kiên nhẫn". (Nam giới ở Hà Nội).

"Tôi đi làm về thấy vợ đang quát con hoặc gì đó, tôi không chịu được nên tát vợ một cái. Đó là lý do đầu tiên nếu cơm nước chưa có gì thì là lý do thứ hai. Nói chung, làm tôi cáu giận, thì tôi tát cho hả giận, thế thôi". (Nam giới ở Huế).

"Nam giới hiểu biết hơn phụ nữ và phụ nữ thường nhỏ nhen, hay chấp vặt. Đó là lý do tại sao bạo lực xảy ra. Nguyên nhân chính gây mâu thuẫn trong gia đình là từ phụ nữ". (Thảo luận nhóm nam giới ở Hà Nội).

Lầm tưởng thứ năm về nguyên nhân của bạo lực: Bạo lực là do vấn đề sinh học của nam giới, ví dụ, anh ấy "có máu nóng" sau khi chữa bệnh, hoặc anh ấy có gen gây bạo lực.

"Nhiều năm trước anh ấy phải truyền máu và máu anh ấy không được tốt nữa, nên bây giờ máu anh ấy rất nóng. Người ta bảo thế. Cho nên anh ấy thường hay cáu giận và nhiều lúc cáu giận vô cớ, làm tôi không chịu hơn được nữa. Tôi đã chịu đựng bao năm rồi, mình đã làm việc vất vả như thế, giờ tôi không thể chịu đựng thêm nữa". (Phụ nữ bị bạo lực ở Huế).

"Tôi nghĩ có lẽ là do gen, thứ nữa có thể do máu nóng. Người có máu nóng sẽ khó kiềm chế bản thân, nhưng sau khi họ bình tĩnh trở lại, mọi việc sẽ lại bình thường trở lại". (Phụ nữ ở Huế).

Trong khi nhiều người bị thuyết phục bởi những giả thuyết nêu trên, nam giới gây ra bạo lực lại tiết lộ rằng hành vi bạo lực của họ không phải là 'vô tình' mà là 'cố ý'. Điều này có nghĩa là họ cố tình đe dọa vợ của mình để lần sau người vợ không dám làm trái ý chồng.

"Tôi không có ý định bỏ vợ nhưng tôi chỉ đuổi vợ ra khỏi nhà để cô này biết cách cư xử với tôi. Vấn đề là lần sau, làm gì thì làm phải hỏi ý kiến tôi trước". (Thảo luận nhóm nam giới tại Hà Nội).

Bạo lực cũng được một số nam giới giải thích như là một cách để một số đàn ông giành lại quyền lực bởi vì họ cảm thấy họ có vị trí thấp hơn trong gia đình. Đàn ông tự hào là trụ cột trong gia đình và là người chủ chốt làm ra kinh tế trong gia đình. Trong trường hợp phụ nữ là người kiếm tiền chính để chi trả cho cuộc sống gia đình, còn đàn ông lại phụ thuộc vợ về mặt kinh tế, một số nam giới sẽ sử dụng bạo lực như là một cách để tái khẳng định 'vị trí cao hơn' của mình và giành lại quyền lực. Biện giải này có mối liên hệ chặt chẽ với nhận thức về văn hóa đối với nam tính đã được đề cập ở phần trước.

> *"Nếu như trong gia đình, vợ là người làm ra kinh tế cho gia đình, vợ là người kiếm tiền cho cả nhà trong khi chồng không làm được thì anh chồng sẽ cảm thấy anh không có gì để lên mặt. Người Việt mình vẫn có văn hóa coi đàn ông là trụ cột trong gia đình, đàn ông cảm thấy vị trí của mình trong nhà bị hạ thấp thì họ sử dụng bạo lực để mà khẳng định quyền lực trong nhà và để cho vợ thấy rằng có tiền cũng không thể kiểm soát gia đình. Khi đàn ông không thể kiếm tiền thì họ sẽ tìm cách để thể hiện quyền của mình, sẽ sử dụng bạo lực để giành lại quyền".* (Nam giới ở Hà Nội).

5.3. Quan niệm văn hóa về nam tính và nữ tính có liên quan tới bạo lực

Trong phần này chúng tôi chỉ đề cập ngắn gọn đến một số nhận thức sai lệch về giới dẫn tới bạo lực theo tiết lộ của nam giới và nữ giới tham gia phỏng vấn định tính.

**** Nam giới và nữ giới có cách xử trí cơn nóng giận khác nhau***

Trong phần phỏng vấn định tính, những người tham gia nói rõ rằng nam giới và nữ giới có cách biểu hiện cơn giận khác nhau. Một lần nữa nhận thức này lại bị tác động nhiều bởi những quan niệm sai lệch về giới, hay nói cách khác là quan niệm sai lệch về vai trò của phụ nữ và nam giới. Trong khi đàn ông có "quyền" thể hiện cơn giận dữ của mình thì phụ nữ lại được khuyên đừng có nổi nóng làm gì và họ thường phải nuốt giận và khóc thầm sau lưng chồng.

Ví dụ những người trả lời phỏng vấn cá nhân nhận thức rằng nam giới khó kiểm soát cơn nóng giận, cho nên việc của phụ nữ là phải giúp họ bình tĩnh trở lại hoặc chịu đựng cơn giận của họ. Hoặc khi nam giới say hoặc uống rượu, phụ nữ tốt hơn hết là đừng có nói gì cả, bởi vì điều này sẽ làm bùng lên cơn thịnh nộ của chồng. Còn về phía những người phụ nữ thì họ thấy họ phải nén giận hoặc giữ im lặng và họ không phản ứng lại cơn giận của chồng, thường là để tránh bạo lực trước mắt và giữ an toàn cho bản thân.

> *"Khi chồng nói gì thì tôi chỉ im hoặc cười. Tôi không nói một lời… Làm thế thì tránh được xô xát và to tiếng trong nhà. Nếu chồng có phàn nàn điều gì, tôi cũng cứ im, mặc cho ông ấy nói chán thì thôi. Nếu ông ấy bảo tôi là con bò, tôi cũng im. Nếu bảo tôi là con chó hay con mèo, tôi cũng im, mặc dù lúc đấy mình cũng rớm nước mắt… Tôi nghĩ tôi là vợ và làm vợ thì mình không được "hơn chồng"… Tôi chỉ khóc thầm mà không nói lấy một lời. Chờ ông ấy nói xong tôi sẽ đi chỗ khác. Nếu như tôi bỏ đi lúc ông ấy chưa nói xong, ông ấy lại nghĩ là tôi khinh ông ấy*". (Phụ nữ ở Huế).

> *"Tôi nghĩ khi chồng nóng thì tôi im là phải rồi. Ít có đàn bà mà cáu giận hay nói to, trong khi chồng không nói gì. Đàn bà là phải nhẹ nhàng hơn đàn ông*". (Phụ nữ ở Bến Tre).

Một số nam giới xả cơn giận của mình bằng cách đập phá đồ đạc trong nhà. Họ không nghĩ đó là bạo lực bởi vì họ không đánh vợ. Một số nam giới tìm những cách an toàn để xử trí cơn thịnh nộ – họ sẽ bỏ đi một lúc hoặc đi ngủ để tránh cho cơn giận leo thang. Không chỉ nam giới mà cả một số phụ nữ cũng áp dụng phương pháp này và họ thấy nó có tác dụng. Một số phụ nữ khác nói họ sẽ pha trò khi chồng cáu giận để làm cho chồng dịu đi. Tuy nhiên điều thú vị là cả nam giới sử dụng bạo lực và phụ nữ bị bạo lực đều không nhắc đến những cách xử trí cơn nóng giận một cách an toàn mà cứ để mặc cho nó đến đâu thì đến.

> *"Tôi thấy có một số ông đánh vợ, tôi cũng thấy thương cho mấy người phụ nữ đó vì người ta ở xa đến đây lấy chồng, cũng không phải là bị bố mẹ gả bán gì cho nên mấy ông chồng cũng không được đánh họ". (Hỏi: Anh làm gì để lấy lại bình tĩnh và tránh đánh vợ?) "Tôi đi ra ngoài phố uống nước một lúc".* (Nam giới ở Bến Tre).

> *"Ví dụ như nhiều khi hơi ấy một chút là mình nói giỡn qua giỡn lại, thế rồi xong vui vẻ là anh ấy thôi. Cũng như mình thấy mình nóng quá đó thì bắt đầu lặng thinh, đi lòng vòng vậy đó làm cho mình không thấy mặt ông ý chút xíu, rồi để cho hoà đồng lại".* (Phụ nữ ở Bến Tre).

Một số cặp vợ chồng thấy rằng điều quan trọng là phải có sự đồng thuận từ trước về hành vi và thái độ đối với nhau khi một trong hai người không giữ được bình tĩnh. Ví dụ một phụ nữ tiết lộ rằng họ thống nhất không chửi nhau hoặc kêu tên bố mẹ hai bên hoặc nói những gì gây tổn thương cho nhau khi có mâu thuẫn.

> *"Khi cãi nhau chỉ có vợ và chồng, không được lôi bố mẹ hai bên vào cho dù giận đến đâu. Vợ chồng có thể lời qua tiếng lại nhưng không được gây tổn thương cho nhau và không được để thành "thói quen". Chồng tôi cũng có cùng thái độ cho nên nếu tôi nói gì mà anh ấy giận, anh ấy chỉ nói chút xíu thôi, ngày hôm sau mới góp ý, còn tôi cũng ít khi nói. Tôi chỉ nhắc một hoặc hai lần nhưng không nói đi nói lại. Ba má tôi thậm chí còn khen anh ấy hiền, bảo tôi "đừng có bắt nạt nó". Tôi nói với ba má là tụi tôi nhịn lẫn nhau, không ai bắt nạt ai".* (Phụ nữ ở Bến Tre).

**** Phụ nữ cần phải đáp ứng nhu cầu tình dục của chồng***

Nhiều người tham gia nghiên cứu định tính cho rằng nhu cầu tình dục của nam giới cao và phải được thỏa mãn, nếu không phải là vợ thì sẽ là những phụ nữ khác. Cho nên phụ nữ nghĩ thà rằng họ thỏa mãn nhu cầu tình dục của chồng, mặc dù họ không muốn, để tránh việc chồng đi ngoại tình. Phụ nữ chỉ có thể từ chối quan hệ tình dục với chồng trong trường hợp họ mệt, hoặc đang mang thai, hoặc đang có kinh nguyệt. Nếu không, chồng sẽ đặt dấu hỏi về tình cảm của vợ.

> *"Nếu phụ nữ không thỏa mãn (tình dục) cho nam giới thì nam giới sẽ đi tìm phụ nữ khác. Nếu phụ nữ muốn giữ gia đình hạnh phúc thì phải tạo ra không khí vui vẻ thoải mái và cũng phải chiều theo nhu cầu của nam giới để họ không đi ra ngoài tìm người khác".* (Cán bộ nữ cấp xã phường tại Bến Tre).

**** Bản chất của phụ nữ Việt Nam là chịu đựng***

Một nhận thức sai lệch về giới nữa là ý kiến cho rằng bản chất của người phụ nữ Việt Nam là "chịu đựng". Nam và nữ bình đẳng. Nhưng một người phụ nữ khôn ngoan sẽ biết chịu đựng và phụ nữ còn phải chịu đựng người bên nhà chồng, đặc biệt là bố mẹ chồng.

(Hỏi: Giữa việc chồng tát vợ một cái và vợ tát lại chồng một cái thì có gì khác nhau?)

Đáp: "Không có gì khác cả, cả hai đều là bạo lực. Bây giờ nam nữ bình đẳng rồi. Còn trước kia tôi chỉ thấy chồng đánh vợ và chưa bao giờ thấy vợ đánh lại chồng…".

(Hỏi: Chị nghĩ người vợ trong tình huống kể trên nên làm thế nào? Người ta sẽ nói gì về chị ấy? – chị ấy được coi là người khôn ngoan hay dại dột?)

Đáp: "Tôi nghĩ chị ấy là người vợ tốt nếu chị ấy biết nghe lời chồng và chịu nhịn chồng…. Chịu nhịn là tốt, phụ nữ Việt Nam thường chịu nhịn. (Thảo luận nhóm nam giới ở Hà Nội).

CHƯƠNG VI. TÁC ĐỘNG CỦA BẠO LỰC DO CHỒNG GÂY RA ĐỐI VỚI SỨC KHỎE VÀ THỂ CHẤT CỦA PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM

Những phát hiện chính:

- **26% phụ nữ từng bị chồng gây bạo lực tình dục hoặc bạo lực thể xác cho biết họ đã từng bị thương tích do hành vi bạo lực đó gây ra. Trong đó, 60% cho biết rằng họ bị thương tích nhiều hơn một lần và 17% bị thương tích nhiều lần.**
- **Phụ nữ từng bị chồng gây bạo lực thể xác, hoặc bạo lực tình dục, đánh giá tình trạng sức khỏe của mình 'kém' hoặc 'rất kém' nhiều hơn so với những phụ nữ không bị bạo lực. Họ cũng có xu hướng gặp phải những khó khăn trong đi lại và trong thực hiện những hoạt động thường ngày, bị đau và mất trí nhớ, căng thẳng tinh thần và có suy nghĩ muốn tự tử, sảy thai, nạo thai và thai chết lưu .**
- **Phụ nữ có con từ 6 đến 11 tuổi đã từng bị bạo lực do chồng gây ra cho biết rằng con cái họ cũng có những vấn đề về hành vi (ví dụ như ác mộng, đái dầm, hàng vi hung hăng và kết quả học tập kém) so với những con cùng độ tuổi của những phụ nữ không bị bạo lực .**

Trong chương này chúng tôi sẽ mô tả những tác động từ bạo lực do chồng gây ra đối với sức khỏe của phụ nữ và trẻ em, cũng như những khía cạnh khác trong đời sống và thực hiện chức năng thường ngày của người bị bạo lực. Chúng tôi sẽ bắt đầu bằng việc mô tả những ảnh hưởng trực tiếp của bạo lực thể hiện qua các chấn thương. Nhưng bạo lực không phải lúc nào cũng biểu hiện qua những thương tích trực tiếp. Chúng tôi cũng đề cập tới quan điểm của phụ nữ về những tác động của bạo lực tới sức khỏe và các hoạt động tạo thu nhập của họ.

Phần lớn nội dung của chương này sẽ tóm tắt những phát hiện về mối liên hệ giữa việc bị bạo lực thể xác hoặc tình dục do chồng gây ra trong đời của một phụ nữ và một số các chỉ số về sức khỏe tâm thần, thể chất và sinh sản.

Chương này cũng đề cập đến mối liên hệ giữa việc bị bạo lực do chồng gây ra trong đời cho một người phụ nữ với những ảnh hưởng của con cái họ trong độ tuổi từ 6-11.

Kết quả nghiên cứu định tính cũng sẽ được trình bày nhằm củng cố các diễn giải của khảo sát định lượng và cung cấp những bằng chứng từ đời sống thực tế.

6.1. Thương tích từ bạo lực do chồng gây ra.

Những phụ nữ cho biết họ đã từng bị chồng gây bạo lực thể xác hoặc tình dục được hỏi thêm là liệu có bao giờ những hành vi bạo lực đó để lại thương tích hay không. Tiếp theo là những câu hỏi về thời điểm xảy ra sự việc, loại thương tích, tần suất bạo lực, nhu cầu cần điều trị y tế và việc thực tế họ đã tìm đến các dịch vụ y tế hay chưa.

Theo số liệu trong Biểu 6.1, trong số những phụ nữ bị bạo lực thể xác, 25,9% đã từng bị thương tích. Con số này dao động từ mức thấp là 19% ở Đồng bằng sông Hồng đến mức cao là 34,4% ở Vùng Tây Nguyên (Biểu 6.2.). Chúng tôi thấy loại hình bạo lực có mối liên hệ rõ ràng với mức độ nghiêm trọng của bạo lực.Đối với những phụ nữ chỉ bị bạo lực thể xác, tỷ lệ bị thương tích là 21,6%, trong khi con số này là 36,3% đối với phụ nữ bị cả bạo lực thể xác và tình dục.

Có 60% phụ nữ đã từng bị thương tích cho biết họ bị thương tích nhiều hơn một lần và 17% bị thương tích nhiều hơn 5 lần (Hình 6.1.). Phụ nữ bị bạo lực nghiêm trọng ở nhiều hình thức khác nhau cũng cho biết họ bị thương tích nhiều hơn. Ví dụ, trong số những phụ nữ chỉ bị bạo lực thể xác thì tỷ lệ bị thương tích nhiều lần là 10,9%, trong khi đó, với những phụ nữ bị cả bạo lực tình dục và thể xác thì tỷ lệ bị thương tích nhiều lần lên tới 26,8% (Biểu 6.2.).

Hình 6.1 Tần suất bị thương của phụ nữ bị thương tích vì bạo lực thể xác hoặc tình dục do chồng gây ra, Việt Nam 2010 (N=419)

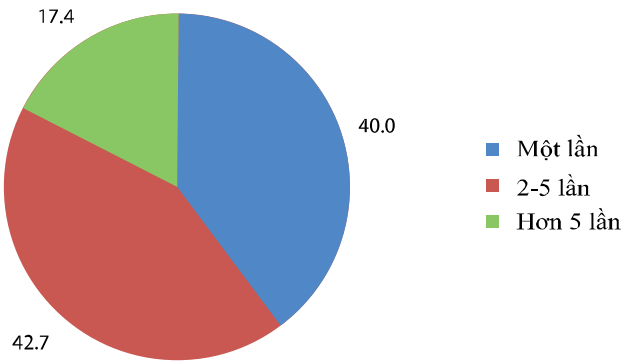

Phần lớn những phụ nữ đã từng bị thương tích cho biết họ có bị những thương tích nhẹ, ví dụ như vết cào cấu, trầy da, bầm tím (88,9% trong số những người đã từng bị thương tích). Hơn nữa, những thương tích nghiêm trọng hơn cũng khá phổ biến (12,9% bị rách màng nhĩ và tổn thương mắt và 7,3 % bị thương tích do các vết cắt sâu hoặc vết thương dài và sâu). Tổng cộng 6,5% trong số những phụ nữ đã từng bị thương tích cho biết họ đã từng bị "bất tỉnh". Tỷ lệ này cao gấp hai lần ở những phụ nữ bị cả bạo lực tình dục lẫn bạo lực thể xác. Đây là chỉ số cho thấy mức độ bạo lực nghiêm trọng hơn ở những người bị nhiều hình thức bạo lực cùng một lúc.

Trong số ít những phụ nữ đi điều trị thương tích, chỉ có khoảng một nửa nói thật với nhân viên y tế về nguyên nhân gây thương tích.

Số liệu nghiên cứu định tính cũng cho thấy rằng trong khi việc bị thương tích là khá phổ biến thì chỉ có một số ít phụ nữ đến các cơ sở y tế để được điều trị. Hầu hết phụ nữ cứ để mặc cho vết thương tự khỏi hoặc đến hiệu thuốc mua thuốc để tự điều trị. 'Xấu hổ' là lý do phổ biến nhất khiến phụ nữ không muốn đến cơ sở y tế để sử dụng dịch vụ. Họ ngại nhân viên y tế sẽ hỏi về lý do khiến họ có vết thương. 'Khó khăn về kinh tế' là một lý do nữa khiến phụ nữ không tiếp cận các dịch vụ y tế.

> *"Bị bầm dập thì không nói làm gì [không cần phải mua thuốc] nhưng anh ta còn đánh vào đầu. Ví dụ, anh ta dùng giầy đánh vào đầu tôi. Mà giầy của anh ta thì rất nặng. Khi anh ta đánh vào đầu tôi, tôi tưởng vỡ óc. Tôi bị đau khắp vùng xương sọ này. Tôi bảo mẹ tôi là sao*

con đau quá. Lúc đó còn có 20 ngày nữa là Tết. Mẹ tôi bảo con nằm mà nghỉ ngơi đi. Nhưng lúc đó là mùa buôn bán cho nên tôi không thể nghỉ được. Mẹ tôi lại bảo hay con đi chụp X-quang. Nhưng chụp X-quang đắt quá nên tôi không làm. Thành ra chỗ vết thương của tôi phải đau mất hơn một tháng, cho mãi tới gần đây nó mới hết đau". (Phụ nữ ở Hà Nội)

Các phỏng vấn cá nhân cũng cho thấy phụ nữ cảm thấy được khuyến khích chia sẻ tình trạng bạo lực của mình cho nhân viên y tế và tư vấn viên, nếu có sẵn các dịch vụ hỗ trợ không mất tiền, như tư vấn hoặc điều trị y tế. Khi các hoạt động can thiệp chưa có mối liên hệ trực tiếp với các dịch vụ tư vấn và điều trị y tế, phụ nữ sẽ ngại nói với nhân viên y tế về thương tích của mình. Tại một bệnh viện được chọn làm địa bàn nghiên cứu, phụ nữ được tư vấn và điều trị y tế có bao cấp viện phí một phần hoặc toàn bộ, họ có xu hướng tiết lộ với nhân viên y tế nhiều hơn về nguyên nhân thực gây thương tích cho mình.

6.2 Tác động của bạo lực do chồng gây ra theo trả lời của phụ nữ

Trong khảo sát định lượng, những phụ nữ trả lời họ từng bị chồng gây bạo lực thể xác hoặc tình dục, sau đó được hỏi thêm về những tác động do các hành vi bạo lực này đến sức khỏe thể chất và tâm thần, đến việc hoàn thành các công việc thường ngày và đến các hoạt động tạo ra thu nhập của họ.

Biểu 6.3. cho thấy nhiều phụ nữ cho rằng bạo lực do chồng gây ra có ảnh hưởng tới sức khỏe và khả năng sinh hoạt một cách bình thường của họ. Hơn 60% trong số những phụ nữ đã từng bị bạo lực do chồng gây ra cho biết bạo lực đã có ảnh hưởng tới sức khỏe của họ. 22,7% cho biết bạo lực có nhiều tác động xấu đối với sức khỏe của họ. Tỷ lệ này ở thành thị cao hơn so với nông thôn, tương đương 25,5% và 21,%.

Gần 1/3 phụ nữ bị bạo lực cho biết chồng của họ làm gián đoạn công việc của họ; 16% phụ nữ cho biết rằng họ không thể tập trung vào công việc do ốm đau và 7% cho biết họ cảm thấy mất tự tin vào bản thân mình.

Các cuộc phỏng vấn định tính cũng xác nhận tác động của bạo lực đối với sức khỏe phụ nữ. Bạo lực tinh thần, tình dục và thể xác để lại những chấn thương và bệnh tật khác nhau cho người phụ nữ. Nhiều người bị bạo lực được phỏng vấn có thể chỉ ra những vết thâm tím và sẹo trên cơ thể họ, từ mặt cho đến đầu, lưng và bụng, tay và đùi. Có cả những trường hợp bị gãy xương. Những bệnh mãn tính như bệnh tim mạch, mất trí nhớ và giảm khả năng tập trung được ghi nhận trong những trường hợp bạo lực nghiêm trọng, kéo dài với nhiều hình thức bạo lực khác nhau.

Phỏng vấn sâu cũng đi vào tìm hiểu những tác động khác của bạo lực đối với sức khỏe và đời sống của người phụ nữ. Hầu hết phụ nữ bị bạo lực trong các phỏng vấn thường gày gò. Họ cho biết lý do bị suy dinh dưỡng là ăn không ngon miệng do căng thẳng và thiếu thức ăn do bị chồng kiểm soát kinh tế; trong một số trường hợp họ không có đủ thức ăn để nuôi sống bản thân và con cái sau khi bị đuổi ra khỏi nhà. Căng thẳng kéo dài và tình trạng không có tiền, thức ăn, nhà ở và quần áo khiến cho những phụ nữ này không để tâm tới ngoại hình của mình và họ cho rằng mình yếu đuối, vô vọng và đầy hổ thẹn.

"Tôi đã mất tự tin đi nhiều. Lúc đó tôi chỉ có 42 kg. Tôi rất yếu. Tóc tôi rối bời. Quần áo tơi tả. Nói chung tôi không quan tâm tới bản thân mình". (Phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội).

"Lúc đó tôi nghĩ rằng mình đã chết. Tôi không giống như tôi bây giờ. Tôi rất gầy và xanh. Tôi chỉ nặng có 33 kg".(Phụ nữ bị bạo lực ở Bến Tre).

Phỏng vấn định tính cũng cho thấy tác động của bạo lực tới công việc của phụ nữ. Trong nhiều trường hợp, phụ nữ ngừng công việc của mình do tác động trực tiếp của các chấn thương và đau ốm. Họ phải nghỉ nhiều ngày để đi chữa bệnh, để hồi phục và đôi khi là để giấu những vết bầm tím trên mặt. Họ cũng không thể làm việc do bị tác động của những tổn thương đến tâm lý, tình cảm và không thể tập trung vào công việc. Một phụ nữ nói chị làm việc như một chiếc máy *'không cảm xúc, không nhiệt tình'*.

"Khả năng lao động của tôi giảm sút. Ví dụ, nếu chồng tôi la mắng hoặc đánh tôi ngày hôm nay, tôi sẽ không muốn đi làm. Tôi sẽ bị đau đầu. Tôi không thể kiếm tiền". (Phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội).

Khả năng lao động của những phụ nữ này cũng bị ảnh hưởng dưới nhiều hình thức khác do bạo lực của chồng gây ra. Các hành vi kiểm soát của nam giới có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới công việc của phụ nữ. Một số phụ nữ được phỏng vấn không được phép tiếp tục công việc của mình vì người chồng không muốn thấy vợ nói chuyện hoặc làm việc chung với đàn ông khác. Phụ nữ cũng phải ngừng công việc bởi vì nam giới kiểm soát thời gian của họ. Họ sẽ bị phàn nàn nếu đi làm về muộn và không chăm sóc con cái và gia đình đầy đủ. Người phụ nữ được trích ý kiến bên dưới đã quyết định ngừng công việc của mình bởi vì người chồng (dù không đánh vợ) đã phá cửa hàng và bán mọi thứ trong đó trái với ý muốn của vợ.

"Tôi rất buồn. Tôi không muốn tiếp tục buôn bán nữa. Tôi không trữ hàng bởi vì nếu tôi làm thế, anh ta sẽ bán hết... Anh ta đập phá cửa hàng của tôi. Nó không phải là một cửa hàng lớn nhưng trong đó có hai tủ kính có giá trị. Anh ta muốn bán chúng đi nhưng bảo vệ ở chợ không cho anh ta làm thế. Do vậy anh ta phá hỏng hai cái tủ kính luôn. Tôi mất vài triệu đồng". (Phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội).

6.3. Bạo lực do chồng gây ra và tình trạng sức khỏe chung và các triệu chứng thể xác

Trong Khảo sát, ngay từ đầu buổi phỏng vấn (trước khi hỏi về bạo lực do chồng gây ra) phụ nữ được hỏi về tình trạng sức khỏe của mình (Biểu 6.4). Đây là những câu hỏi cho mọi phụ nữ trước khi thu thập những thông tin về trải nghiệm bạo lực. Để phân tích mối liên hệ giữa bạo lực và sức khỏe, chúng tôi so sánh những câu trả lời về tình trạng sức khỏe, câu hỏi giữa những phụ nữ (người mà sau đó trong buổi phỏng vấn) cho biết bị bạo lực thể xác và/hoặc tình dục do chồng gây ra với những phụ nữ không bị bất cứ hình thức bạo lực nào. Do bản chất cuộc Khảo sát này là một nghiên cứu cắt ngang cho nên các con số chỉ có thể xác định các "mối liên hệ". Việc chứng minh nhân quả không thể thực hiện được.

Tất cả phụ nữ được hỏi liệu họ thấy sức khỏe chung của họ là rất tốt, tốt, tạm được, xấu hoặc rất xấu. Số liệu thu thập được chỉ ra rằng phụ nữ bị bạo lực tình dục và/hoặc thể xác có sức khỏe kém

hơn so với những người không bị bạo lực. Khoảng 15% phụ nữ bị bạo lực tình dục và/hoặc thể xác trong đời do chồng gây ra cho biết rằng sức khỏe của họ xấu hoặc rất xấu, trong khi chỉ có khoảng 9% phụ nữ không bị bạo lực có tình trạng sức khỏe xấu tương tự. Ở cả nông thôn và thành thị, phụ nữ bị bạo lực tình dục và/hoặc thể xác trong đời có xu hướng nhận xét sức khỏe của họ là kém và rất kém nhiều hơn so với những phụ nữ không bị bạo lực. Ở nông thôn, con số này lần lượt là 15,6% và 10%, trong khi ở thành thị, tỷ lệ này là 12,9% và 7,5%.

Phụ nữ cũng được hỏi liệu họ có bị một số triệu chứng và những vấn đề có liên quan tới việc đi lại, làm các công việc hàng ngày, đau hoặc cảm giác khó chịu, những vấn đề về trí nhớ và khả năng tập trung trong vòng 4 tuần trước khi phỏng vấn. Đối với mỗi triệu chứng, phụ nữ bị bạo lực tình dục và/hoặc thể xác trong đời do chồng gây ra có xu hướng tiết lộ rằng trong vòng 4 tuần trở lại đây họ đã có một số vấn đề nhiều hơn so với phụ nữ chưa từng bị bạo lực (Hình 6.2).

Hình 6.2. Tỷ lệ phụ nữ tự đánh giá về các triệu chứng sức khỏe thể xác và tinh thần chia theo trải nghiệm về bạo lực do chồng gây ra, Việt Nam 2010 (N=4561)

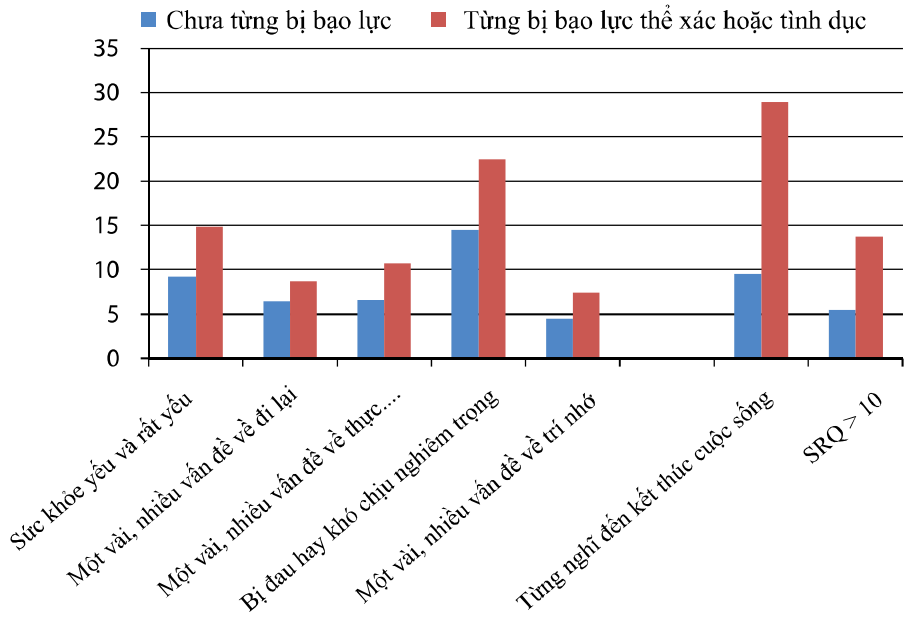

6.4. Bạo lực do chồng gây ra và sức khỏe tâm thần

Phụ nữ từng bị bạo lực tình dục và/hoặc thể xác trong đời do chồng gây ra có xu hướng tiết lộ rằng trong vòng 4 tuần trước khi trả lời phỏng vấn họ đã trải qua tình trạng căng thẳng về tinh thần (Biểu 6.4).

Phụ nữ có trải nghiệm bạo lực tình dục và/hoặc thể xác có xu hướng tiết lộ nhiều hơn gấp 3 lần so với những người không bị bạo lực rằng họ đã từng có ý nghĩ chấm dứt cuộc đời (29% và 9,5%) Sự khác biệt này cũng tương tự ở những phụ nữ đã từng có ý định tự tử (2,7% và 0,6%).

Có một phát hiện tương tự khi chúng tôi so sánh điểm SRQ (câu hỏi tự trả lời). Điểm SRQ20 (câu hỏi tự trả lời) là một công cụ sàng lọc dành cho trầm cảm và bao gồm 20 câu hỏi về những triệu chứng mà một người phụ nữ có thể đã trải qua trong vòng 4 tuần trở lại đây. Câu trả lời "có" càng nhiều thì nguy cơ người trả lời bị căng thẳng thần kinh càng cao. Kết quả cho thấy rằng phụ nữ từng

bị bạo lực do chồng gây ra có nguy cơ đạt điểm 10 hoặc trên 10 đối với thang điểm SRQ cao gấp ba lần so với phụ nữ không bị bạo lực (Hình 6.2.)

Trong suốt quá trình nghiên cứu định tính, một số phụ nữ chia sẻ rằng khi đối phó với bạo lực họ cảm thấy vô vọng và căng thẳng, điều đó gây hại và tổn thương cho họ ở những mức độ khác nhau. Không phải hiếm những trường hợp phỏng vấn mà phụ nữ cho thấy họ đã có ý nghĩ hoặc thậm chí lập kế hoạch tự sát như là một cách để thoát khỏi bạo lực. Nhiều phụ nữ nói rằng họ tiếp tục chịu đựng chỉ là vì con cái.

> "[*Mẹ chồng tôi nói*].. *Mẹ không thể cho con gì được, mẹ không thể ở đây với con và mẹ phải đi thôi'. Con trai lớn tôi hỏi bà: 'bà sẽ đi đâu'? Bà trả lời 'Bà đi đây, cháu không được theo bà'...Bà đã uống thuốc chuột để tự vẫn. Bà đã nói trước với tôi mà tôi không thể làm gì được... Bà đã quá chán nản và quyết định tự tử. Cô em chồng cũng ra sông tự vẫn".* (Phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội).

Hình 6.3. Tỷ lệ phụ nữ từng mang thai chịu các hậu quả sức khỏe sinh sản, chia theo trải nghiệm về bạo lực do chồng gây ra, Việt Nam 2010 (N=4474)

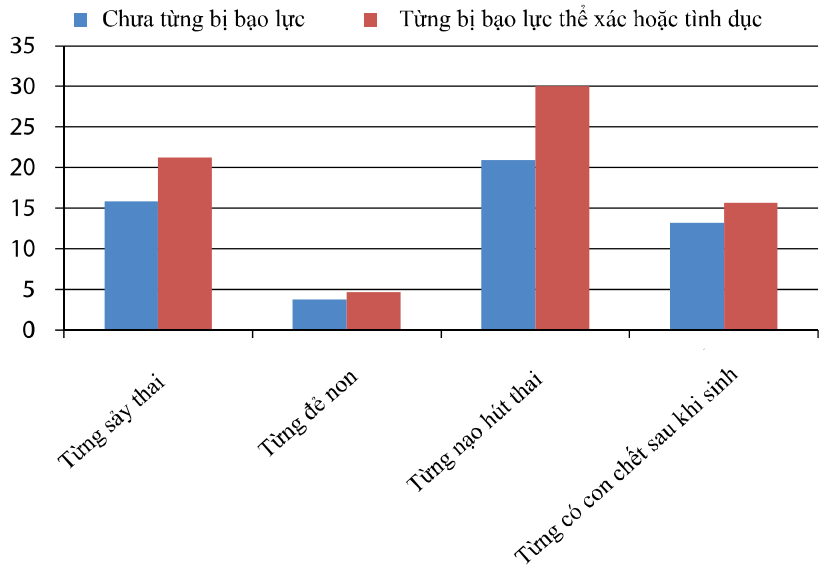

6.5. Bạo lực do chồng gây ra và sức khỏe sinh sản

Kết quả Khảo sát cũng cho thấy phụ nữ bị bạo lực thường xuyên có nguy cơ cao bị sảy thai, nạo thai và thai chết lưu so với phụ nữ chưa bao giờ bị bạo lực (Biểu 6.5).

Số liệu thu thập được chỉ ra rằng 21,3% phụ nữ bị bạo lực thể xác đã từng bị sảy thai, trong khi đó tỷ lệ này ở những phụ nữ không bị bạo lực là 15,9%. Tỷ lệ phần trăm phụ nữ bị bạo lực thể xác đã từng nạo hút thai là 30,1%, trong khi tỷ lệ này ở phụ nữ không bị bạo lực chỉ có 21%.

Có 15, 7% phụ nữ bị bạo lực thể xác cho biết là con của họ chết sau khi sinh. Tỷ lệ thai chết lưu ở phụ nữ bị bạo lực thể xác là 4,7% (Hình 6.3).

Phỏng vấn định tính cho thấy bạo lực tình dục không chỉ gây tổn thương về mặt tinh thần của phụ nữ mà có còn có mối liên quan chặt chẽ với những hậu quả tiêu cực về sức khỏe sinh sản. Phỏng vấn cho thấy phụ nữ thường không ý thức được nguy cơ nhiễm HIV và các bệnh lây truyền qua đường tình dục khi sống trong môi trường bạo lực. Thậm chí nếu như họ có ý thức được nguy cơ đi chăng nữa, họ cũng không có khả năng thương thuyết để thực hiện tình dục an toàn. Họ phải chấp nhận quan hệ tình dục và thừa nhận rằng họ chỉ đơn giản là cố quên đi các nguy cơ đối với bản thân mình. Hơn nữa, bạo lực tình dục có mối quan hệ chặt chẽ với những vấn đề "đạo đức" khiến cho phụ nữ cảm thấy quá xấu hổ để có thể giãi bày vấn đề của mình. Một người bị bạo lực tình dục giải thích rằng do tình hình kinh tế khó khăn cho nên chị không thể đi khám bệnh cho đến khi có các triệu chứng của bệnh. Mặc dù một số phụ nữ bị bạo lực có nói rằng họ sợ bị nhiễm HIV nhưng không ai trong số họ làm xét nghiệm HIV. Hơn nữa, thông tin về xét nghiệm HIV không có trong các hoạt động tư vấn và hỗ trợ mà những người phụ nữ này được nhận. Dịch vụ tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện (VCT) cũng không bao gồm trong gói hoạt động can thiệp sẵn có dành cho các trường hợp bạo lực gia đình hoặc bạo lực trên cơ sở giới.

> *"*(Chồng) *có nhiều mối quan hệ (tình dục) cho nên tôi lo là mình có thể đã bị nhiễm gì đó rồi. Tôi lo lắng nhưng đời tôi chẳng còn gì tốt đẹp để mà giữ. Bởi vì tôi sống với một người như thế cho nên tôi không sợ gì cả, tôi thà chết còn hơn… Hơn nữa tôi không có tiền, nếu tôi có tiền thì tôi có thể nghĩ tới việc đi kiểm tra sức khỏe. Thực tế, tôi không có tiền nên đành kệ vậy. Nếu tôi ốm, tôi sẽ tự chữa trị và chỉ khi tôi không còn làm được gì nữa, tôi mới đến bệnh viện".* (Phụ nữ bị bạo lực tại Hà Nội).

6.6. Bạo lực gia đình và sức khỏe trẻ em

Hậu quả của bạo lực đối với trẻ em trong độ tuổi từ 6-11

Khoảng 1/3 phụ nữ bị bạo lực do chồng gây ra đang sống với con trong độ tuổi từ 6-11 tuổi. Phụ nữ có con trong độ tuổi này được hỏi về những vấn đề hành vi của con mình: liệu trẻ có bị ác mộng thường xuyên, mút tay, thường đái dầm, đặc biệt nhút nhát hoặc quá hung hăng. Thông tin đi học và bỏ học của những đứa trẻ này cũng được thu thập qua những câu hỏi (Biểu 6.6. và Hình 6.4.).

Phụ nữ bị bạo lực do chồng gây ra cũng thường có xu hướng cho biết rằng con của họ có những vấn đề về hành vi và gặp khó khăn trong việc học tập ở trường. Ví dụ, tỷ lệ phần trăm phụ nữ có con không đi học trong số những phụ nữ bị bạo lực thể xác hoặc tình dục cao gấp gần hai lần so với cùng tỷ lệ của những phụ nữ không bị bạo lực (4,7% và 2,5%).

Hình 6.4. Tỷ lệ phụ nữ có con từ 6-10 tuổi gặp các vấn đề về hành vi, chia theo trải nghiệm về bạo lực do chồng gây ra, Việt Nam 2010 (N=1571)

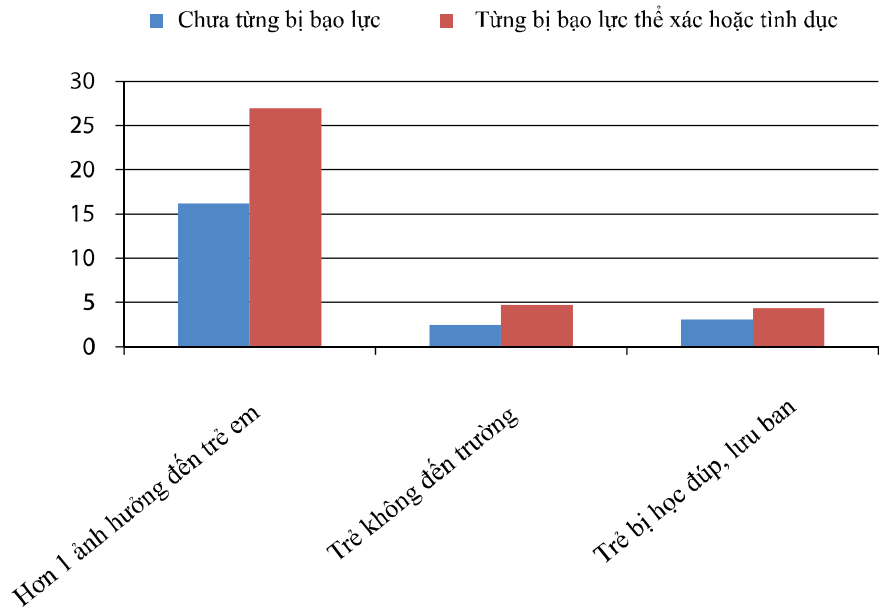

Trong các cuộc phỏng vấn sâu, phụ nữ bị bạo lực cũng xác nhận rằng trẻ em trong độ tuổi này (6-11) phải chịu những tác động tiêu cực do bạo lực gia đình gây ra, ví dụ như buồn bã, hay thiếu động cơ học tập. Nhiều phụ nữ lo ngại rằng con trai họ có thể bắt chước những hành vi bạo lực của người bố.

> *"Các con tôi không muốn đến trường. Chúng nó bị điểm kém ở trường. Mặc dù thế, tôi không biết phải làm gì để khuyến khích con học tập... Khi tôi đòi ly dị, đứa con trai thứ hai nói rằng nếu tôi ly dị nó sẽ rất xấu hổ với bạn bè. Vì con nó nói thế nên tôi không dám ly dị. Tôi đành bỏ cuộc".* (Phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội).

Phụ nữ trong các cuộc phỏng vấn định tính đồng ý rằng trẻ em chịu tác động tiêu cực do bạo lực gây ra. Tuy nhiên, hầu hết họ có nhận thức sai lầm rằng những ảnh hưởng đó chỉ xảy ra khi trẻ đến tuổi có thể nhận thức được về bạo lực, ví dụ khi trẻ được 3-5 tuổi
Những ảnh hưởng tiêu cực đối với trẻ trong độ tuổi đi nhà trẻ được mô tả trong các cuộc phỏng vấn, bao gồm cảm giác buồn chán, tách mình ra khỏi những người khác trong trường, vệ sinh kém và cả suy dinh dưỡng. Bên dưới là trích dẫn về trải nghiệm của một phụ nữ về đứa con trai ba tuổi, tự cô lập bản thân ở lớp mẫu giáo:

> *"Khi tôi đến nhà trẻ đón con, tôi nhận thấy cháu tách riêng một mình. Cháu nó chỉ ngồi im ở một chỗ, không chơi với trẻ khác. Nhìn con thấy nó khổ thân quá. Trong trường hợp của tôi thì cháu nó cũng là nạn nhân".* (Phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội, Chồng mang con đi và không cho vợ đến thăm).

Phụ nữ thường cho rằng đứa trẻ xa mẹ có nguy cơ bị suy dinh dưỡng. Có những minh chứng về những trường hợp phụ nữ và con cái họ không có đủ thức ăn do bị chồng kiểm soát và phụ nữ và trẻ em bị đuổi ra khỏi nhà và không thể kiếm đủ thức ăn cho cả mẹ lẫn con. Trẻ cũng có thể không có đủ thức ăn bởi mẹ chúng đã quá mệt mỏi vì bạo lực và không thể chăm sóc chúng.

"Nếu tôi buồn, tôi không muốn ăn, tôi sẽ không có đủ sữa cho con. Thường thì một ngày tôi cho con ăn ngày ba bữa. Bây giờ vì tôi buồn quá, tôi không muốn làm gì. Tôi chỉ cho cháu ăn ngày hai bữa. Nếu cháu không muốn ăn, tôi cũng không cố hoặc ép nó ăn. Tôi cho cháu ăn vài thìa. Nếu nó không muốn ăn, thì tôi cũng đành thôi". (Phụ nữ bị bạo lực ở Huế)

Nghiên cứu định tính cũng tìm hiểu nhận thức và hành động của mọi người khi trao đổi với trẻ về bạo lực. Hầu hết những người trả lời phỏng vấn tỏ ý ngạc nhiên khi vấn đề này được nêu ra, bởi vì họ nghĩ không nên trao đổi với trẻ về bạo lực. Hầu hết mọi người nói rằng tốt nhất là đừng để cho trẻ biết rằng bạo lực đang xảy ra trong nhà. Điều này, theo họ là nhằm bảo vệ trẻ khỏi những tác động tiêu cực của bạo lực.

"Tôi nghĩ chúng ta không nên cho bọn trẻ biết [về bạo lực]. Khi có bạo lực giữa chồng và vợ, điều quan trọng là phải giấu không cho con cái biết. Nếu con cái nhìn thấy, chúng nó sẽ cảm thấy buồn. Chúng nó sẽ nhìn nhận cha mẹ khác đi". (Nam giới tại Hà Nội).

Tuy nhiên, phỏng vấn cho thấy rằng việc giấu không cho trẻ biết về bạo lực không phải là một biện pháp hiệu quả trong thực tế. Tất cả những người bị bạo lực nói rằng con họ biết tình hình bạo lực trong nhà. Chúng thường phải chứng kiến bạo lực và đã bị ảnh hưởng bởi bạo lực.

CHƯƠNG VII. Bạo lực đối với trẻ em, những khía cạnh bạo lực giữa các thế hệ

Những phát hiện chính:

- **Cứ 4 phụ nữ có con dưới 15 tuổi thì 1 người cho biết rằng con họ đã từng bị bạo lực thể xác do chồng của họ gây ra. Bạo lực đối với trẻ em có mối liên hệ chặt chẽ với bạo lực đối với phụ nữ do cùng một người (chồng) gây ra.**
- **Hơn một nửa trong số phụ nữ bị bạo lực thể xác do chồng gây ra cũng cho biết rằng con cái họ đã từng chứng kiến ít nhất một lần cảnh họ bị bạo lực.**
- **Phụ nữ bị bạo lực do chồng gây ra có xu hướng có mẹ đẻ cũng từng bị đánh đập cao hơn so với những phụ nữ khác. Những người chồng gây bạo lực cho những phụ nữ được phỏng vấn có xu hướng có mẹ đã từng bị bạo lực trong quá khứ hoặc bản thân họ (những người chồng) cũng đã từng bị bạo lực khi còn nhỏ. Trải nghiệm thơ ấu của người chồng là một yếu tố nguy cơ quan trọng dẫn tới việc anh ta trở thành người gây bạo lực trong đời sống sau này.**

7.1. Bạo lực đối với trẻ em theo tiết lộ của phụ nữ

Trong Khảo sát, phụ nữ có con dưới 15 tuổi được hỏi một số câu hỏi về những hành vi bạo lực cụ thể mà chồng của mình đã từng gây ra cho những đứa con, từ làm cho sợ hãi đến đe dọa, đánh đập, xô đẩy, bóp cổ hoặc hăm dọa sử dụng vũ khí, cho tới đụng chạm vào người mang ẩn ý dâm ô. Khi có bất cứ một hành vi bạo lực thể xác hoặc tình dục nào đối với trẻ em được phụ nữ trả lời phỏng vấn xác nhận, thì người gây ra bạo lực thường chính là cha đứa trẻ.

Biểu 7.1 cho thấy gần 1/4 người trả lời (23,7%) có con dưới 15 tuổi cho biết những đứa trẻ này cũng phải hứng chịu bạo lực do chồng của họ gây ra ít nhất một lần trong đời và 1/5 (20%) cho biết điều này đã từng xảy ra trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm trước khi phỏng vấn. Ở khu vực nông thôn, tỷ lệ này cao hơn so với thành thị đối với cả hai khoảng thời gian là trong suốt cuộc đời và trong 12 tháng gần nhất tính đến thời điểm phỏng vấn (25,9% và 18,2% đối với trong suốt cuộc đời, 22,1% và 14,9% trong vòng 12 tháng trước khảo sát). Hình 7.1 chỉ ra sự thay đổi mang tính vùng trong vấn đề bạo lực đối với trẻ em.

Tỷ lệ bạo lực đối với trẻ em trong vòng 12 tháng trở lại đây do người mẹ trả lời không thấp hơn nhiều so với tỷ lệ bị bạo lực trong suốt cuộc đời. Điều này có thể được giải thích do thực tế khi các bậc cha mẹ dùng roi vọt để giáo dục con cái thì họ làm điều này cả trước đây và bây giờ. Nếu bạo lực đối với trẻ em đã từng xảy ra đâu đó trong quá khứ thì nó cũng có thể xảy ra trong vòng 12 tháng trở lại đây, vì những đứa trẻ này vẫn đang sống ở nhà cùng với bố mẹ.[39]

[39] Việc so sánh tỷ lệ bạo lực đối với trẻ em hiện tại (trong vòng 12 tháng gần nhất tính đến thời điểm trả lời phỏng vấn) với tỷ lệ bạo lực đối với phụ nữ là không thích hợp, vì tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực là bao gồm cả những người phụ nữ không phải là mẹ của những đứa trẻ có bị bạo lực. Trong chương 3, những phụ nữ lớn tuổi cho biết tình trạng bị bạo lực trong thời điểm hiện tại (trong vòng 12 tháng gần nhất) ở tỷ lệ thấp, điều này làm cho tỷ lệ bị bạo lực trong thời điểm hiện tại của phụ nữ nói chung bị giảm xuống.

Hành vi bạo lực đối với trẻ dưới 15 tuổi, theo tiết lộ của bà mẹ, phổ biến nhất là làm cho sợ hãi hoặc dọa nạt (56,6%), tiếp đến là tát, xô đẩy, ném đồ đạc vào người (15,7%). Chỉ có một người trả lời đề cập đến một hành vi lạm dụng tình dục (Biểu 7,2).

Cũng cần lưu ý rằng đối với việc tính toán tỷ lệ bạo lực đối với trẻ em như đã nêu ở trên (ví dụ 23% bị bạo lực trong suốt cuộc đời) chỉ bao gồm những hành vi bạo lực tình dục và thể xác. Mục đích của điều này là nhằm thống nhất cách đo đếm, xác định những hành vi bạo lực đối với trẻ em và những hành vi bạo lực đối với phụ nữ.[40]

Số liệu thu thập được cũng cho thấy có sự liên hệ rõ ràng giữa loại hình và mức độ nghiêm trọng của bạo lực do chồng gây ra và bạo lực đối với trẻ em trong cùng một gia đình. Bạo lực đối với trẻ em được so sánh giữa nhóm phụ nữ bị bạo lực bởi chồng dưới các hình thức khác nhau và phụ nữ không bị bạo lực. Những phụ nữ phải hứng chịu cả bạo lực thể xác và tình dục có xu hướng cho biết chồng của mình đã từng bạo lực với con ở mức cao hơn (48%) so với phụ nữ chỉ bị bạo lực thể xác (33,6%) hoặc tình dục (26,3%). Có sự thay đổi tương tự theo mức độ nghiêm trọng của bạo lực thể xác. Tuy nhiên, vẫn có 17,5% phụ nữ trong số những người nói là họ chưa bị bạo lực, cho biết con cái của họ đã từng bị bạo lực (Biểu 7.3).

Hình 7.1. Tỷ lệ phụ nữ có con dưới 15 tuổi bị chồng ngược đãi, chia theo vùng, Việt Nam 2010 (M=2857)

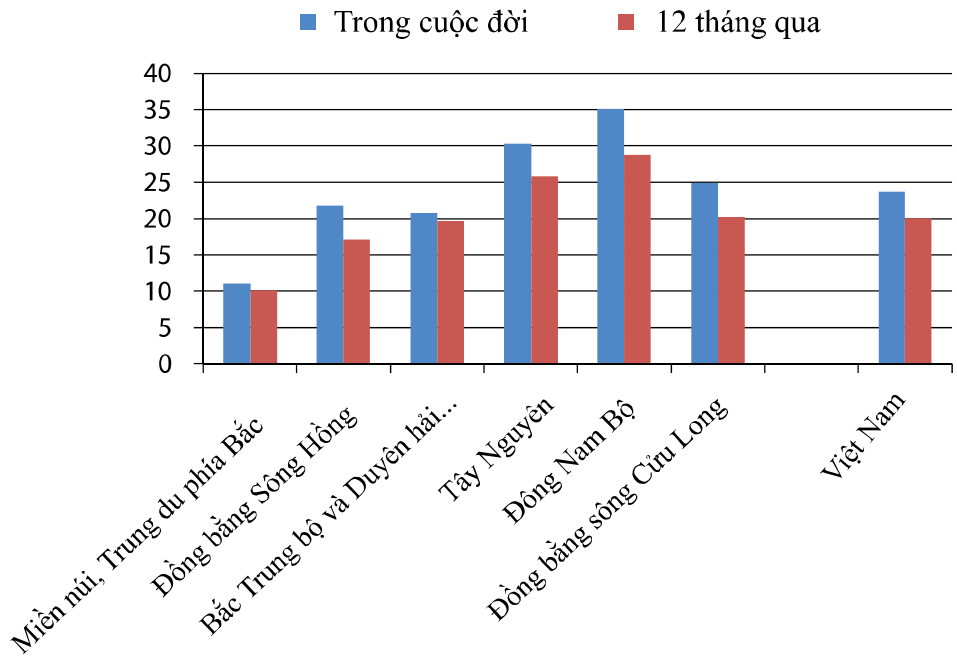

[40] Các nhà nghiên cứu cho rằng tốt hơn là nên chấp nhận sai số ở mức độ 'an toàn' bằng cách không đưa vào những hành vi bạo lực về tinh thần rất phổ biến đối với trẻ em do bố của chúng gây ra, ví dụ như làm cho sợ hãi hay dọa nạt. Nếu gộp cả những hành vi như thế thì tỷ lệ trẻ em bị bạo lực có thể làm phức tạp hóa việc diễn giải số liệu và có khả năng bị phê bình là thổi phồng tỷ lệ bạo lực đối với trẻ em (mặc dù trong Luật phòng, chống bạo lực gia đình của Việt Nam có tính đến những hành vi bạo lực về tâm lý)

7.2 . Trẻ em chứng kiến bạo lực theo tiết lộ của bà mẹ

Phụ nữ bị bạo lực do chồng gây ra được hỏi liệu có bao giờ con cái họ đã từng chứng kiến bạo lực và đã chứng kiến bạo lực bao nhiêu lần.

Số liệu thu thập được (Biểu 7.4) cho thấy rằng hơn một nửa số phụ nữ từng bị bạo lực thể xác do chồng gây ra cho biết, con cái họ đã chứng kiến cảnh bạo lực diễn ra. 22,3% trong số này nói rằng con cái đã từng chứng kiến bạo lực thể xác giữa bố mẹ 1 lần; 23,0% cho biết việc đó xảy ra khoảng 2-5 lần và 8,8% cho biết điều đó xảy ra nhiều hơn 5 lần (Hình 7.2). Ở khu vực thành thị, việc trẻ em phải chứng kiến bạo lực xảy ra thường xuyên hơn so với khu vực nông thôn. Tỷ lệ trên thực tế có thể còn cao hơn nhiều bởi vì không phải lúc nào bà mẹ cũng biết là con mình đang phải chứng kiến cảnh mẹ bị bạo lực thể xác.

Trong Chương 6 chúng tôi đã mô tả việc sống trong một gia đình có mẹ bị bạo lực gây ảnh hưởng như thế nào đến đời sống của trẻ em. Trong khi bản thân việc sống trong một gia đình có mẹ bị bạo lực đã có ảnh hưởng xấu đến trẻ, thì việc trực tiếp chứng kiến bạo lực xảy với mẹ có ảnh hưởng nhiều hơn đến đời sống của trẻ. Cũng cần nhận thấy rằng những đứa trẻ đã chứng kiến bạo lực có thể sao chép những hành vi của bố mẹ bởi vì đứa trẻ có thể hiểu rằng những gì đang diễn ra là cách mà người lớn đối xử với nhau.

Hình 7.2 Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực về thể xác có con từng chứng kiến bạo lực do chồng gây ra chia theo trải nghiệm bạo lực thể xác của phụ nữ, Việt Nam 2010 (N=1393)

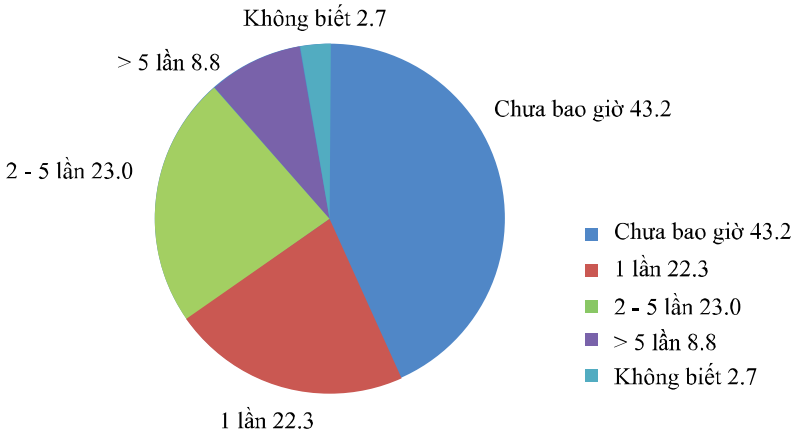

7.3. Bạo lực giữa các thế hệ

Giả thiết trên (trẻ em học và sao chép hành vi từ bố mẹ) có thể khai thác thêm bằng cách xem xét trải nghiệm của người trả lời phỏng vấn và chồng của họ khi họ còn là trẻ con. Trong Khảo sát phụ nữ được hỏi liệu mẹ của họ đã từng bị bố đánh khi họ còn bé không, liệu mẹ của chồng có bị đánh khi anh ta còn nhỏ không và liệu chính bản thân chồng của họ có bị đánh khi còn nhỏ hay không.

Trong Khảo sát, 18,6% phụ nữ cho biết rằng họ đã từng nghe nói hoặc thấy mẹ của mình bị bố đánh, 11% phụ nữ cho biết rằng mẹ của chồng cũng bị bố chồng đánh và 8,3% cho biết chồng cũng là đối tượng bị roi vọt khi còn bé.

Phụ nữ bị bạo lực do chồng gây ra dưới nhiều hình thức khác nhau được so sánh với phụ nữ không bị bạo lực. Một người phụ nữ bị bạo lực do chồng gây ra có khả năng có mẹ đẻ bị bạo lực cao gấp hai lần và có khả năng có mẹ chồng bị bạo lực hoặc bản thân chồng bị bạo lực khi còn nhỏ cao gấp ba lần so với những phụ nữ không bị bạo lực. Đối với những phụ nữ bị bạo lực thể xác nghiêm trọng, mối quan hệ này càng rõ nét hơn (Hình 7.3). Khả năng họ có chồng đã từng chứng kiến bạo lực hoặc bị bạo lực khi còn nhỏ cao gấp 4 lần so với những phụ nữ không bị bạo lực.

Đây là bằng chứng cho thấy tầm quan trọng của những trải nghiệm thời thơ ấu. Nếu nam giới bị bạo lực trong gia đình khi còn nhỏ, thì anh ta không chỉ phải đối mặt với những nguy cơ đối với đời sống của bản thân khi còn nhỏ, mà còn có nguy cơ cao hơn đối với khả năng trở thành một người gây bạo lực đối với phụ nữ khi anh ta lớn lên.

Hình 7.3. Bạo lực trong gia đình của người phụ nữ và người chồng chia theo trả lời về bạo lực của người phụ nữ, Việt Nam 2010 (N=4561)

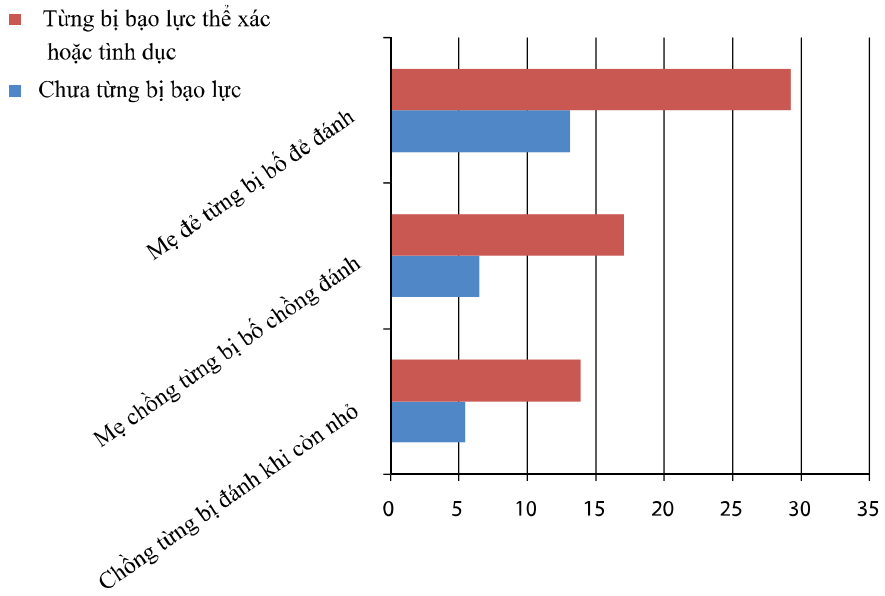

"Ngày hay đêm, hễ anh ta về nhà là trống ngực tôi lại dồn dập và kéo dài hàng giờ. Cô con gái tôi (10 tuổi) đang chơi ở nhà và đôi khi có cả bạn của nó ở đấy nữa, nhưng anh ta không quan tâm; mỗi khi về nhà là anh ta đè nghiến tôi xuống và giật tung quần áo tôi ra. Tôi không thể chống cự hoặc làm gì khác. Tay anh ta to thế giữ chặt người tôi khiến tôi chẳng thể làm gì, ngay cả khi có mặt con gái tôi ở đó. (Câu hỏi: Anh ta làm thế trước mặt con gái chị??) Vâng, ngay trước mắt con gái tôi. Nó thấy xấu hổ và nó không thích những gì mà nó chứng kiến, nó chạy đến và bật đèn lên. Anh ta tát cho nó mấy cái thật đau; nên nó sợ và im luôn. Con trai lớn của tôi (20 tuổi) chạy ra khỏi nhà khi chứng kiến cảnh này nhưng con gái tôi không hiểu điều gì đang xảy ra, nó chỉ không thích hành vi mà nó thấy giữa hai vợ và chồng và nó khóc. Nhưng rồi cũng phải nín sau khi bị chồng tôi tát cho mấy cái, nó sợ không dám nói một lời. Tôi đành phải chịu đựng." (Phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội).

CHƯƠNG VIII. CHIẾN LƯỢC ỨNG PHÓ VÀ XỬ TRÍ CỦA PHỤ NỮ KHI BỊ BẠO LỰC

Kết quả chính:

- **Một nửa số phụ nữ từng bị bạo lực thể xác hoặc tình dục do chồng gây ra chưa từng bao giờ nói với bất cứ ai về vấn đề mà mình phải chịu đựng cho tới khi tham gia phỏng vấn trong Khảo sát. Trường hợp họ nói điều này với ai đó thì thường là thành viên trong gia đình**.
- **87% phụ nữ bị bạo lực chưa bao giờ tìm kiếm sự hỗ trợ từ các dịch vụ chính thống hoặc những người có thẩm quyền. Nếu có tìm kiếm sự hỗ trợ thì cũng thường là khi bạo lực đã nghiêm trọng và những trường hợp này phụ nữ thường tìm đến trưởng thôn/ấp/bản.**
- **Khoảng 1/5 số phụ nữ bị bạo lực đã từng rời khỏi nhà ít nhất là một đêm. Gia đình thường là lý do khiến người phụ nữ quay về.**
- **Trong Khảo sát khoảng 60% phụ nữ từng bị bạo lực thể xác hoặc tình dục do chồng gây ra nói rằng họ có nghe về Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Tuy nhiên những cuộc phỏng vấn định tính cho thấy phụ nữ thường không nắm được các nội dung chi tiết của Luật và ngay cả các cán bộ địa phương cũng không có đủ kiến thức về Luật cũng như về bạo lực gia đình nói chung.**

Tại Việt Nam, nhìn chung có rất ít thông tin ở cấp quốc gia về cách phụ nữ ứng phó với bạo lực do chồng gây ra, bao gồm sự giúp đỡ mà phụ nữ tìm kiếm và nhận được từ mạng lưới trợ giúp không chính thức như gia đình và bạn bè, cũng như từ các nguồn chính thống hơn như từ các cơ quan nhà nước và tổ chức phi chính phủ. Trong nghiên cứu này, để tìm hiểu thêm những vấn đề đó, những phụ nữ bị bạo lực thể xác hoặc tình dục do chồng gây ra được phỏng vấn bằng các câu hỏi như họ đã kể với ai về hành vi bạo lực của chồng, họ tìm sự trợ giúp ở đâu, ai đã giúp đỡ họ và họ đã bao giờ đánh trả hoặc bỏ chồng vì họ bạo lực hay chưa. Nếu một phụ nữ bị bạo lực bởi nhiều người, phỏng vấn chỉ xoay quanh người chồng hiện tại hoặc chồng gần đây nhất của chị ấy mà có những hành vi bạo lực đối với chị.

8.1. Phụ nữ kể với ai về bạo lực và ai là người giúp đỡ họ?

Phụ nữ kể với ai về bạo lực?

Trong một câu hỏi có nhiều phương án lựa chọn trả lời phụ nữ được hỏi họ có bao giờ kể với ai về hành vi bạo lực của chồng không.

Số liệu cho thấy (Biểu 8.1a) ở Việt Nam có gần một nửa phụ nữ (49,6%) trên toàn quốc nói là họ chưa từng kể với bất kỳ ai về hành vi bạo lực của chồng. Phụ nữ ở nông thôn ít tiết lộ hơn về chuyện này so với phụ nữ thành thị (51,5% so với 44,5%). Điều này cho thấy là trong nhiều trường hợp chính điều tra viên là người đầu tiên được nghe họ kể về hành vi bạo lực của chồng mình (Hình 8.1).

Nếu phụ nữ có kể với ai đó về hành vi bạo lực của chồng thì đó chủ yếu là các thành viên trong gia đình (42,7%). Không có nhiều sự khác biệt giữa phụ nữ thành thị và nông thôn về điểm này. Trong một số trường hợp chị em cũng kể với hàng xóm hoặc bạn bè về hành vi bạo lực của chồng mình: 20% kể với hàng xóm và 16,8% kể với bạn bè. Điểm khác biệt ở đây là có tới 23,1% phụ nữ bị bạo lực ở khu vực thành thị tâm sự với bạn bè, trong khi ở khu vực nông thôn chỉ có 14,5% chia sẻ chuyện này với bạn bè.

Hình 8.1. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực thể xác hoặc tình dục từng nói với người khác, Việt Nam 2010 (N=1546)

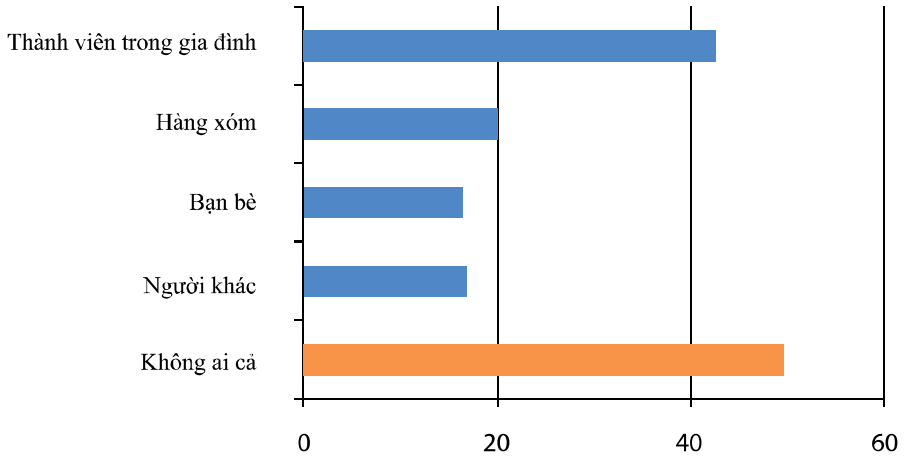

Thông tin thu được từ các cuộc phỏng vấn định tính cũng cho thấy việc giữ im lặng khi bị bạo lực là khá phổ biến ở phụ nữ. Các phỏng vấn sâu đã phần nào lý giải được những lý do khiến phụ nữ im lặng. Lý do đầu tiên là để giữ thể diện cho gia đình. Tục ngữ Việt Nam có câu "Xấu chàng hổ ai". Điều này đặc biệt đúng ở những tình huống bạo lực được coi là đáng xấu hổ đối với cả phụ nữ và nam giới, ví dụ như bạo lực tình dục, bạo lực tinh thần và bạo lực kinh tế. Phụ nữ khó có thể nói về bạo lực tình dục bởi vì bất cứ thứ gì liên quan tới tình dục và quan hệ tình dục đều được coi là chủ đề cấm kỵ tại Việt Nam. Một lý do khác nữa là hầu hết phụ nữ được phỏng vấn đều tin rằng họ không thể làm gì khác trong trường hợp bạo lực tình dục trong hôn nhân. Họ cho rằng phụ nữ phải thỏa mãn nhu cầu tình dục của chồng. Họ phải là người giúp cho chồng đạt được khoái cảm bởi vì không ai khác có thể làm điều đó. Nhiều người tin rằng nếu như họ không thỏa mãn nhu cầu tình dục của chồng thì chồng sẽ tìm gái mại dâm để giải quyết nhu cầu.

Phụ nữ cũng không muốn nói khi họ bị bạo lực kinh tế và bạo lực tinh thần vì những hình thức bạo lực này mâu thuẫn với những giá trị và hình ảnh truyền thống về nam tính quy định rằng nam giới phải thoáng, hào phóng và rộng lượng. Trong nghiên cứu, chúng tôi đã gặp một phụ nữ đã giữ kín câu chuyện của mình trong suốt 20 năm.

> *"Ngại cái là sợ xấu chồng. Tôi ngại thế thôi chứ không ngại cái gì".* (Phụ nữ bị bạo lực ở Huế).

> *"còn cái quan hệ tình dục ấy, mà ép em như thế thì em không kể cho mọi người ta nghe... em nghĩ rằng là những cái câu chuyện như thế mình kể ra em thấy nó xấu hổ lắm, thế em không muốn kể, có ai hỏi thì em mới nói ra thôi, còn đâu người ta không hỏi tự nhiên mình cứ kể những cái ý ra em thấy nó ngượng lắm, em không dám nói".* (Một phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội).

Phỏng vấn sâu cũng cho thấy một số phụ nữ bị bạo lực không muốn giữ im lặng. Trái lại, họ muốn nói với người khác để chia sẻ cảm xúc, để được khuyên nhủ và giúp đỡ. Tuy nhiên, họ chọn người để chia sẻ một cách cẩn trọng; bất cứ khi nào họ nói, họ muốn nói với những người có thể bảo vệ, chăm sóc và khuyên nhủ họ.

Trong nghiên cứu định tính, những phụ nữ này cho biết phản ứng đầu tiên của họ thường là quay sang bố mẹ chồng và anh chồng bởi họ nghĩ những người bên chồng có thể can thiệp và giúp họ bảo ban người chồng. Mặt khác những phụ nữ này thường không kể chuyện mình bị bạo hành với bố mẹ đẻ. Theo họ, bố mẹ đẻ không có nhiều quyền can thiệp vào chuyện gia đình mình và không thể tác động tới người chồng. Đó là vì theo quan niệm truyền thống của Việt Nam "thuyền theo lái, gái theo chồng" và "dâu con, rể khách". Hơn nữa, những phụ nữ này không muốn làm bố mẹ mình phải buồn lòng khi thấy con mình không hạnh phúc. Một số phụ nữ còn cho biết sở dĩ họ không nói với bố mẹ đẻ là để giữ thể diện cho chồng (cũng là thể diện của chính họ).

> *"Chị nói với ông bà già chứ không kể với bố mẹ nhà chị. Chị không muốn làm cho bố mẹ chị buồn. Chị chỉ nói với ông bà già để các cụ bảo ban chồng chị không được làm như vậy nữa"*. (Một phụ nữ ở Huế).

Thái độ của cộng đồng đối với bạo lực gia đình cũng là một yếu tố quan trọng có thể khuyến khích hoặc ngăn cản phụ nữ tìm kiếm sự trợ giúp khi bị bạo lực. Phụ nữ sẽ không nhờ người dân trong cộng đồng giúp đỡ nếu họ cảm thấy rằng những người này không ủng hộ họ. Họ rút ra cảm nhận dựa trên những trải nghiệm của chính bản thân họ hoặc từ những quan sát thực tế hoặc những gì họ biết từ những phụ nữ bị bạo lực khác.

> *"Em cũng không la, la có ai tới đâu mà la, tại ở dưới đó ghét mình, làm hại mình cho thằng chồng về đánh mình, họ đâu có ngó ngàng tới mình"*. (Một phụ nữ ở Bến Tre).

**** Ai là người giúp?***

Những phụ nữ từng bị bạo lực thể xác cũng được hỏi là đã có ai từng tìm cách giúp đỡ họ chưa (Biểu 8.1b). Có khoảng 44,2% phụ nữ ở khu vực thành thị và 47,5% phụ nữ ở nông thôn nói rằng chẳng có ai tìm cách giúp họ cả. Tỉ lệ phụ nữ trả lời là có người từng tìm cách giúp đỡ mình tương tự như tỉ lệ trả lời về vấn đề họ đã kể chuyện bị bạo lực với ai. Tỉ lệ người tìm cách giúp đỡ họ cao nhất là thành viên trong gia đình (43.8% phụ nữ bị bạo lực). Số liệu cho thấy khoảng 1/5 (19,9%) nói rằng hàng xóm cố giúp đỡ khi họ bị bạo lực. Ở khu vực thành thị có nhiều bạn bè tìm cách giúp đỡ chị em bị chồng bạo lực hơn là ở nông thôn (16,2% ở thành thị và 11,3% ở nông thôn). Trong khi đó ở nông thôn có nhiều hàng xóm tìm cách giúp đỡ những phụ nữ bị bạo hành hơn ở thành phố (21,7% ở nông thôn và 15,2 % ở thành thị).

Nghiên cứu định tính cũng cho thấy mô hình tương tự về những người đã tìm cách giúp chị em phụ nữ. Các phỏng vấn sâu cung cấp thêm thông tin về hiệu quả của những trợ giúp này. Đáng buồn là kết quả phỏng vấn cho thấy can thiệp của bố mẹ chồng, các thành viên khác trong gia đình và hàng xóm thường không mấy hiệu quả. Ở Việt Nam, việc chấp nhận quan niệm cho rằng bạo lực gia đình là một vấn đề riêng tư chính là lý do để người ngoài không can thiệp vào. Bên cạnh đó, kết quả phỏng vấn cũng cho thấy, trong một số trường hợp có vẻ như mọi người không muốn can thiệp, đặc

biệt khi tình huống có thể gây nguy hiểm cho họ, ví dụ nếu như người đàn ông đang say hoặc chửi bới tục tĩu.

> *"Hàng xóm lại thì nó nói chuyện vợ chồng của nó, để nó giải quyết, đừng có ai xen vô nên người ta đâu có dám, lúc trước người ta còn mời công an chứ lúc này người ta không có dám, nó nhậu về nó muốn làm gì thì làm, người ta cũng không có can thiệp vô nữa, can thiệp vô nó nói, nó chửi luôn người ta thì sao, nó vậy đó nên người ta kệ nó".* (Một phụ nữ bị bạo lực ở Bến Tre).

Như đã giải thích ở trên, nhiều phụ nữ không nói với bố mẹ đẻ về tình hình bạo lực. Một số trường hợp phụ nữ có kể thì bố mẹ cũng không giúp được gì. Thêm vào đó họ còn bị đổ lỗi là đã để xảy ra bạo lực và được khuyên là phải chấp nhận bạo lực.

> *"Chị có nói với bố mẹ nhưng bố mẹ chị lại chửi chị. Bố chị bảo là trên đời có bao nhiêu người đi làm dâu chứ đâu phải chỉ mình chị. Ai người ta cũng có gia đình hạnh phúc mần răng mà con không làm dâu tốt được. Rồi bố mẹ nghi ngờ là hay vì chị không chung thủy với chồng hay không biết cách cư xử? Bố me chị bảo chị cần phải biết ý chồng và biết chiều theo ý chồng. Nếu chị biết chiều theo ý chồng thì gia đình đã không xảy ra chuyện lục đục".* (Một phụ nữ ở Huế bị bạo lực ở Huế).

> *"Bố mẹ chị là người đầu tiên khuyên chị nên chịu đựng. Mẹ chị bảo 'đồng nát thì về cầu Lôm, con gái nỏ mồm về ở với cha".* (Một phụ nữ ở Hà Nội).

Những ví dụ trên cho thấy phụ nữ cũng đã cố tìm kiếm sự hỗ trợ từ những nguồn khác nhau chủ yếu là từ các mạng lưới xã hội không chính thức bao gồm cả các thành viên trong gia đình, bạn bè, hàng xóm nhưng cũng nhiều lần phụ nữ bị đẩy quay trở lại với bạo lực bởi chính những người mà họ tìm đến để nhờ giúp đỡ.

8.2. Sự hỗ trợ của các tổ chức và chính quyền với phụ nữ

Phụ nữ tìm ai để được hỗ trợ?

Những phụ nữ tham gia khảo sát được hỏi họ có bao giờ tìm đến các dịch vụ chính thức hoặc những người ở vị trí có thẩm quyền, gồm công an, Ủy ban nhân dân xã, cơ sở y tế, tư vấn pháp luật, tổ chức xã hội, Hội phụ nữ, lãnh đạo địa phương, v.v... để được giúp đỡ hay không. 87.1% phụ nữ từng bị chồng bạo hành chưa bao giờ tìm đến bất kỳ cơ quan/tổ chức nào để được giúp đỡ (Biểu 8.2a). Chỉ có từ 1,7% đến 6,3% phụ nữ bị bạo hành đã đến các cơ quan khác nhau để được giúp đỡ. Cơ quan/cá nhân có thẩm quyền mà phụ nữ thường tìm đến để nhờ giúp đỡ nhất là lãnh đạo địa phương/trưởng thôn/tổ trưởng dân phố (6,3%), tiếp đó là công an/hội đồng nhân dân và cơ sở y tế, rồi sau nữa là các tổ chức xã hội (Hình 8.2). Chỉ có 4 phụ nữ (khoảng 0.3%) trả lời đã từng đến nhà tạm lánh/mái ấm.

Hình 8.2. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng gây bạo lực thể xác hoặc tình dục từng tìm kiếm sự giúp đỡ từ các cơ quan, tổ chức, Việt Nam 2010 (N=1546)

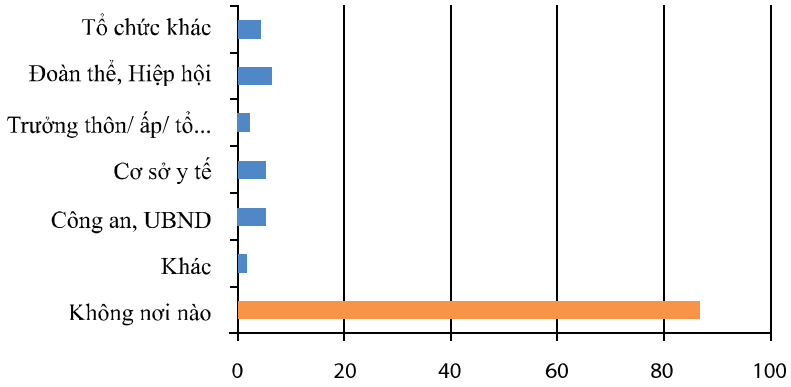

Phỏng vấn định tính cho thấy nhiều phụ nữ bị bạo lực không muốn tìm đến sự giúp đỡ của chính quyền địa phương. Một vài người coi đó là lựa chọn cuối cùng, khi không còn lựa chọn nào khác hoặc khi họ quyết định ly hôn. Theo những phụ nữ này, khi họ tìm sự hỗ trợ từ những nguồn không chính thức như các thành viên gia đình hoặc bạn bè, bạo lực lúc này vẫn được coi như là một vấn đề gia đình. Tuy nhiên nếu họ báo cho chính quyền địa phương thì điều này có nghĩa là tình hình đã trở nên nghiêm trọng và người chồng có thể bị tù. Tương tự như vậy, họ muốn giải quyết ở cấp thôn xóm hơn là đưa lên phường xã hay cấp cao hơn. Dường như phụ nữ cũng muốn nhờ sự giúp đỡ của các trung tâm tư vấn hơn so với những cơ quan khác bởi vì những trung tâm này được coi là trung tính.

> *"Có một lần chị đang nấu cơm, kiểu mong ước bấy lâu nay của mình là đấy [được tư vấn] thì chị mới thấy đài tiếng nói Việt Nam nói là trung tâm này đầy, với lại chị cũng hay đọc báo thì có một bài báo nói về trung tâm. Chị bảo thế này thì may quá, rất may. Thế rồi chị mới tìm sang trung tâm. Chị mới đạp xe từ bên đấy mấy chục cây số sang đây".* (Một phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội).

Mặc dù còn e ngại khi tìm kiếm sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương, phụ nữ sẽ tìm kiếm sự hỗ trợ từ nguồn này khi họ không còn lựa chọn nào khác hoặc khi họ biết rằng chính quyền địa phương có thể giúp họ.

> *"Chị chỉ có một mình ở đó. Chồng thì như vậy. Giữa đêm ông ấy có thể tỉnh dậy bất kỳ lúc nào và giết chị. Vì thế chị phải nói với ông ấy [trưởng thôn] nếu có chuyện gì xảy ra với chị thì đến giúp. Chị chỉ đơn độc một mình ở đấy, chẳng có anh chị em hay họ hàng nào cả". (Phụ nữ bị bạo lực ở Bến Tre)*

> *"Trước đây chị không dám nhờ đến [chính quyền địa phương]. Chị không muốn báo chuyện này với xã. Chị không biết liệu họ có phạt hay không. Chị không dám. Thế rồi chị biết là có dự án phòng chống bạo lực giới. Một lần chị bị chồng đánh. Rồi chị thấy người ta viết lên báo. Sau có mấy người tìm đến hỏi chuyện nữa. Thế là bây giờ có chuyện gì thì chị báo với họ".* (Một phụ nữ ở Bến Tre).

**** Mức độ hài lòng của người trả lời phỏng với những hỗ trợ nhận được***

Mặc dù trên thực tế có rất ít phụ nữ đã từng tìm đến sự hỗ trợ của các cơ quan chính thức hoặc chính quyền thì hầu hết phụ nữ đã từng làm việc này cho biết rằng họ hài lòng với kết quả hỗ trợ (Biểu 8.2b). Tỷ lệ hài lòng cao nhất là đối với những hỗ trợ từ bệnh viện và cơ sở y tế (93%), tiếp theo là các tổ chức xã hội (85,8%), sau đó là lãnh đạo địa phương và thấp nhất là công an hoặc Ủy ban nhân dân (chỉ có 66% cho biết họ hài lòng). Mức độ hài lòng đối với tất cả các nguồn hỗ trợ ở khu vực nông thôn thấp hơn so với thành thị.

Phỏng vấn định tính cho ra kết quả tương tự. Phụ nữ đánh giá cao sự hỗ trợ từ các trung tâm tư vấn và bệnh viện. Phụ nữ thấy rằng những kỹ năng và kiến thức mà họ thu được từ các trung tâm tư vấn là rất hữu ích. Họ có mối quan hệ chặt chẽ với tư vấn viên. Họ cảm thấy như được sinh ra lần thứ hai và quan niệm của họ đã thay đổi.

> *"Người ta quan tâm đến rồi là người ta nhắc nhở em, rồi là người ta hướng dẫn em hết, đầy đủ mà không có cái gì là cái, mà tự nhiên mình thấy nó quí hóa mình lắm, không có cái gì là cái chê trách người ta cả, cảm thấy tự nhiên nó cứ ngận ngận, nghĩ nó lại còn muốn sống, còn đâu cứ nghĩ cái lúc mình lên trình báo với các cơ quan pháp luật, người ta cứ không quan tâm đến mình, cứ nghĩ là lại muốn chết, nghĩ không thiết sống lắm (sụt sùi), thế nhưng mà mình cứ bị thất vọng thì ra đây lại được các bác sỹ chăm sóc thì nghe người ta nói mình lại nghĩ mình lại muốn sống để nhìn thấy con".* (Một phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội).

> *"Chị nghĩ là nếu bị bạo lực thì nên lên tiếng và nhờ sự giúp đỡ của tập thể hoặc tư vấn, tùy từng trường hợp chứ không phải ai cũng giống ai, những mà không nên chịu nhịn, bởi vì chịu nhịn là bị chết đấy".* (Một phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội).

Khi hỏi về hỗ trợ của các nguồn khác như công an, chính quyền, một số phụ nữ được phỏng vấn cho biết họ cảm thấy ít hài lòng với hỗ trợ từ những nguồn này hơn so với trung tâm tư vấn. Họ phàn nàn rằng hỗ trợ còn chậm và những người trong hệ thống hỗ trợ của chính quyền địa phương (trưởng thôn, ủy ban nhân dân, công an xã) còn có thái độ thờ ơ và thiếu tôn trọng.

> *"Còn một cái ảnh ở nhà, khi đó chị chụp 6 cái cơ, gửi đi các nơi nhưng mà gửi đến tòa nó xé luôn. Tòa án Huyện* A *đấy".* (Một phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội).

Phỏng vấn sâu cho thấy nhiều cán bộ địa phương vẫn quan niệm rằng 'bạo lực gia đình là vấn đề riêng của gia đình'. Bên cạnh đó họ thường khuyên phụ nữ chịu đựng. Quan niệm này giúp giải thích thái độ không hỗ trợ của các cơ quan địa phương đối với vấn đề bạo lực gia đình.
Có một điều quan trọng cần lưu ý nữa là khi phụ nữ không cảm thấy được hỗ trợ bởi chính quyền địa phương, họ sẽ không thông báo về tình trạng bị bạo lực của họ.

> *"Khi mà bị anh hăm dọa mình thấy chịu không nổi phải nhờ ấp can thiệp thì cũng có báo trưởng ấp thì ổng cũng không nghe mình, ông ấy nói: 'Chuyện gia đình mày, mày làm gì thì làm'".* (Một phụ nữ bị bạo lực ở Bến Tre).

"Tôi cũng biết mấy ông công an xã. Các ông không giúp người ta lúc người ta khó khăn đâu. Người ta chỉ biết là hời hợt không xông thẳng vào và giằng tôi ra đâu. Tôi nghĩ là như thế cho nên tôi cũng không gần các người ấy đâu". (Một phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội).

**** Lý do tìm kiếm sự hỗ trợ từ các cơ quan***

Việc tìm kiếm sự hỗ trợ của phụ nữ có liên quan mật thiết tới mức độ nghiêm trọng của bạo lực mà họ bị. Phụ nữ từng bị bạo lực nghiêm trọng có xu hướng tìm kiếm hỗ trợ nhiều hơn so với phụ nữ bị bạo lực ít nghiêm trọng.

Phụ nữ thường đưa ra lý do tìm kiếm sự hỗ trợ là bởi mức độ nghiêm trọng hoặc tác động của bạo lực. Số liệu cho thấy có 79,5% phụ nữ ở thành thị và 72,7% ở nông thôn bị bạo lực nói lý do họ tìm kiếm sự giúp đỡ của các cơ quan là vì họ không thể chịu đựng bạo lực thêm được nữa. Các lý do khác gồm bị thương tích nặng (28,7%), được bạn bè khuyến khích (25,6%), bị dọa đuổi ra khỏi nhà (21,7%) và con cái bị nguy hiểm (17,6%). 14% phụ nữ nói họ bị chồng dọa giết (Biểu 8.3a và Hình 8.3).

Hình 8.3. Lý do tìm kiếm sự giúp đỡ của những phụ nữ bị chồng gây bạo lực, Việt Nam 2010 (N=230)

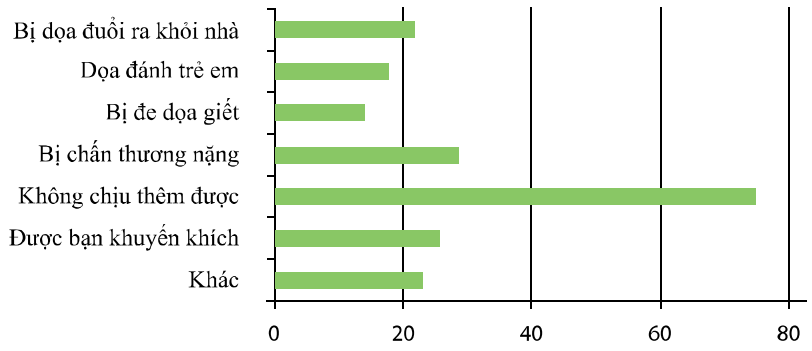

**** Lý do không tìm kiếm sự hỗ trợ từ các cơ quan***

Những phụ nữ chưa từng tìm kiếm sự hỗ trợ từ bất cứ nguồn chính thống nào được hỏi về lý do khiến họ làm như vậy. Lý do phổ biến mà họ đưa ra là do quan niệm rằng những gì đang xảy ra là "bình thường và không nghiêm trọng" đối với họ. Những lý do khác liên quan đến kỳ thị của xã hội về bạo lực do chồng gây ra và lo ngại về hậu quả.

Số liệu cho thấy 60,5% phụ nữ bị bạo lực thể xác/tình dục nói lý do họ không tìm kiếm sự giúp đỡ của các cơ quan hay người có trách nhiệm là vì họ coi chuyện bạo lực là bình thường và không nghiêm trọng. Số chị em có quan niệm như vậy ở nông thôn cao hơn thành thị (63% so với 53,5%). Lý do khác nữa là họ sợ gia đình mang tiếng (41,3%), xấu hổ (22,8%), sợ vợ chồng bỏ nhau (6,2%) và sợ hậu quả (5,5%) (Biểu 8.3b và Hình 8.4).

Hình 8.4. Lý do không tìm kiếm sự giúp đỡ của những phụ nữ bị chồng gây bạo lực chưa từng tìm kiếm sự giúp đỡ, Việt Nam 2010 (N=1317)

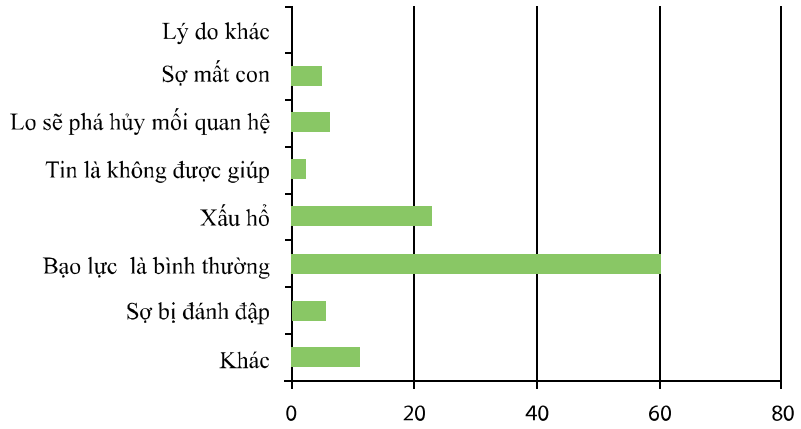

Kết quả từ nghiên cứu định tính cũng cho kết quả tương tự. Kết quả phỏng vấn cho thấy việc phụ nữ đến các cơ quan chức năng là không dễ dàng. Phụ nữ cho rằng họ thường không quen với những nơi này và một số còn nói rằng họ sợ bị tiết lộ tình trạng của mình.

> *"Em muốn đến [ủy ban nhân dân xã] nhiều lần nhưng sợ. Em ít khi đến những nơi này. Em sợ, em không dám đi".* (Phụ nữ bị bạo lực ở Huế).

8.3. Bỏ nhà đi do bạo lực?

**** Phụ nữ có bỏ nhà đi không?***

Trong Khảo sát định lượng, những phụ nữ trả lời từng bị chồng bạo lực thể xác cũng được hỏi là họ đã bao giờ bỏ nhà đi vì bị bạo lực, thậm chí chỉ bỏ nhà qua một đêm không.

Có khoảng 1/5 phụ nữ từng bị bạo lực (20%) đã từng bỏ nhà vì bị bạo lực do chồng gây ra. 10,5% phụ nữ từng bị bạo lực do chồng gây ra nói rằng họ đã bỏ nhà đi từ 2-5 lần và 9.3% từng bỏ nhà đi 1 lần (Biểu 8.4).

Trung bình số ngày bỏ đi khỏi nhà là 4 ngày (ở khu vực thành thị là 5 ngày và ở khu vực nông thôn là 3 ngày).

**** Lý do bỏ đi khỏi nhà***

Những phụ nữ đã từng bỏ nhà đi được hỏi về lý do họ làm như vậy. Tương tự như việc tìm kiếm hỗ trợ, lý do bỏ nhà đi có liên quan tới mức độ nghiêm trọng của bạo lực. Số liệu cho thấy có 76,3% phụ nữ từng bỏ nhà ra đi nói họ đi vì không thể chịu đựng bạo lực lâu hơn nữa; 37,5% phụ nữ nói họ bị đe dọa đuổi ra khỏi nhà; 19% nói bị chồng dọa giết và 7,6% nói phải bỏ đi vì bị thương tích nặng (Biểu 8.5a).

**** Lý do quay trở về***

Những phụ nữ bỏ nhà rồi lại quay về được hỏi về lý do họ làm như vậy. Các lý do phổ biến nhất cho việc lại quay về mà những phụ nữ được phỏng vấn đưa ra trong cuộc Khảo sát là phụ nữ không thể bỏ con cái, họ muốn bảo vệ các con (63,5%), tha thứ cho chồng (39,9%), chồng họ gọi về (37,5%), vì gia đình (31,3%), gia đình khuyên họ quay về (30,1%) và có 21% nghĩ chồng sẽ thay đổi cách cư xử. Những lý do này chủ yếu là do tâm lý muốn giữ gìn gia đình, bảo vệ con cái và dính dáng về tình cảm (Biểu 8.5b)

**** Lý do ở lại***

Những phụ nữ từng bị bạo lực mà chưa bao giờ bỏ nhà đi cũng đưa ra những lý do tương tự cho việc không bỏ đi khỏi nhà của mình. Họ ở lại vì không muốn xa rời con cái (49,3%), vì gia đình (32,6%), tha thứ cho chồng (16,6%), vì sự thiêng liêng của hôn nhân (14,1%), vì yêu chồng (14,4%), nghĩ là chồng sẽ thay đổi (8,1%), không muốn sống độc thân (5,6%) và chẳng có chỗ nào để đi (3,7%).

Lý do không bỏ nhà ra đi của phụ nữ tương đối nhất quán trên cả nước và không khác biệt nhiều ở thành thị so với nông thôn (Biểu 8.5c).

Trong số những phụ nữ tham gia phỏng vấn sâu, những người đã từng tạm thời bỏ nhà ra đi hầu hết đều quay về. Hầu hết phụ nữ trong các phỏng vấn sâu nói rằng họ không muốn ly dị, chỉ muốn chấm dứt bạo lực. Khi tìm kiếm sự hỗ trợ, phụ nữ hy vọng rằng can thiệp có thể giúp chồng của họ thay đổi.

> *"Mình nói ra để nói chung là mình nhờ người ta để mà khuyên anh, để mà anh sửa đổi lại, để mà kéo dài cái cuộc hôn nhân chứ mình đâu muốn là sẽ ly hôn".* (Phụ nữ bị bạo lực tại Bến Tre).

Đối với hầu hết phụ nữ trong phỏng vấn sâu, lý do đầu tiên mà họ ở lại là vì con cái. Họ lo lắng cho sức khỏe của con mình và họ nghĩ sẽ tốt hơn cho trẻ nếu như có cả bố và mẹ. Họ hy sinh bản thân vì con cái để duy trì hình ảnh truyền thống gia đình có cả bố cả mẹ, để con cái tập trung học hành và có tương lai sáng sủa hơn và tránh bị kỳ thị và phân biệt đối xử.

> *"Có những thời điểm đầu ấy là chị chưa tìm được đến đây là chị nghĩ kiểu này là sẽ ly hôn, không có lý do gì nữa, sống như thế này thì thôi. Đấy nhưng vì là hai đứa con, cảm tưởng mình có hai đứa con mình cũng ảnh hưởng mang tiếng đấy. Nó níu kéo mình thấy thương con mà tự dưng trong đầu óc mình, mình cứ nghĩ là nếu mình bỏ nhau thì hai đứa con, đứa chỗ bố, đứa chỗ mẹ... Chị mà bỏ đi thì có khi con chị nó không đỗ đại học".* (Một phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội).

Những người tham gia phỏng vấn định tính cũng đồng ý rằng nếu không có sự hỗ trợ phù hợp về nhà cửa, đất đai và vay vốn thì rất khó cho phụ nữ bị bạo lực khi cân nhắc phương án ly hôn. Nhiều phụ nữ trong nghiên cứu không độc lập về mặt tài chính, có trình độ học vấn hạn chế, không có nghề nghiệp ổn định và sống trên đất của bố mẹ chồng. Do vậy nếu ly dị, họ sẽ gần như trắng tay. Tuy nhiên, những phụ nữ này cũng nói rằng mối ưu tiên hàng đầu của họ không phải là tiền để sống và nuôi con mà là tìm một ngôi nhà, một chỗ ở. Hầu hết nói rằng họ không thể về nhà bố mẹ đẻ sau

khi ly dị. Họ không muốn bố mẹ phải xấu hổ vì con. Bên cạnh đó, trong một số trường hợp, họ không có chỗ để ở nhà bố mẹ đẻ. Thông thường bố mẹ của họ đã chia nhà cho con trai khi lập gia đình và nếu họ về họ phải sống chung với vợ và con của anh, em trai mình. Do vậy những phụ nữ này cảm thấy không thoải mái khi về nhà bố mẹ đẻ.

> *"Nếu mà ly hôn, nói thật với em là nếu ly hôn mà được có nhà cửa, có miếng đất ở thì cũng ly hôn. Không được thì thôi cứ để thế mà chịu vậy, chứ ly hôn mà không được tí đất ở thì ly hôn làm gì".* (Phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội)

Trong một số trường hợp, phụ nữ cho biết họ ở lại do áp lực từ người chồng. Chồng họ đánh con thậm tệ để dọa họ hoặc chồng dọa giữ con nếu vợ đòi ly dị hoặc quay về nhà bố mẹ đẻ. Trao đổi với phụ nữ bị bạo lực cho thấy một trong những lý do khiến họ phải chịu đựng bạo lực thể xác và/hoặc tình dục là vì họ muốn giữ cho con cái được an toàn và tránh cho con khỏi những nguy cơ bị bạo lực khi chồng nổi cơn giận.

> *"Anh ta nói, 'mẹ kiếp, mày có thể ly dị hoặc đi đâu tùy thích nhưng phải để con lại đây với tao'. Anh ta lo cho thân anh ta còn chưa xong thì lo được cho ai?Chị rất lo cho các con và chị cứ phải nghĩ về chúng suốt".* (Phụ nữ bị bạo lực ở Huế) .

8.4. Đánh lại

**** Phụ nữ có đánh lại không?***

Những người trả lời phỏng vấn đã từng bị chồng gây bạo lực được hỏi có bao giờ họ đánh lại chồng như là một hình thức tự vệ hoặc trả thù không. Số liệu cho thấy có khoảng từ 10,4% phụ nữ ở nông thôn và 18,8% phụ nữ ở thành thị đã từng đánh lại chồng ít nhất một lần và 7,6% phụ nữ thành thị và 5% phụ nữ nông thôn đã từng đánh lại chồng từ 2-5 lần (Biểu 8.6a).

Phỏng vấn định tính cho thấy với nhiều phụ nữ việc đánh trả chưa từng xuất hiện trong ý nghĩ của họ. Hầu hết phụ nữ nghĩ rằng họ có thể cãi lại nhưng không phải là đánh lại. Lý do các phụ nữ đưa ra là nam giới thường khỏe hơn nữ. Một lý do nữa ảnh hưởng đến quan điểm này của phụ nữ đó là nhận thức của phụ nữ về vai trò giới và và mối quan hệ quyền lực.

> *"Làm sao mà đánh lại được, mình yếu, nó béo lắm, đánh lại bằng mát-xa cho nó. Chỉ có chạy thôi chứ làm sao đánh lại được chồng. Bây giờ chị nói thế này, người phụ nữ là cái thanh xương sườn thứ bảy của người chồng, nói như thế cho dễ hiểu thì người ta rút một thanh xương sườn ra mình yếu chứ người ta là cả một con người, mình chỉ là như thế thôi, yếu như thế làm sao đánh lại được. Không đánh lại được đâu".* (Phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội)

> *Nhiều lúc tôi nói với mẹ tôi là "con nói thật với mẹ không đấm được vào mồm [*CHỒNG*] con phải chịu chứ nếu mà để con sinh ra là người đàn ông thì con sẽ đấm thẳng vào mồm [*CHỒNG*] luôn để con đòi lại cái độc lập của con chứ con không thể nào mà bị ép một cách vô lý như vậy được". Tôi thì như thế chứ mẹ đẻ tôi thì rất lành chứ không chỉ xui con là nhịn đi nhưng mà tôi kiên quyết là tôi không nhịn, tôi đấu tranh đến tận cùng luôn. Tôi nói thật với chị là tôi thắng là tôi đứng lên tôi làm chồng luôn đấy.* (Phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội)

Mặc dù không phổ biến lắm nhưng có vẻ những phụ nữ đã được tập huấn nâng cao nhận thức và tập huấn về bạo lực trên cơ sở giới và những phụ nữ tự chủ về kinh tế có thái độ quả quyết hơn, mạnh mẽ hơn và sẵn sàng nói lại hoặc đánh lại chồng khi họ buộc phải làm thế. Có một điều quan trọng nữa là một số phụ nữ được phỏng vấn đã dám đứng lên bởi vì họ có được sự hậu thuẫn từ các trung tâm tư vấn nơi mà họ từng đến để được tư vấn.

> *"Lúc bấy giờ là thiếu kiến thức, tôi chưa có, tôi chỉ biết nó đánh, nó đuổi là phải ra cổng thôi, còn bây giờ tôi thách thức ở chỗ là ông bảo là "mày bước mẹ mày đi" thì tôi bảo là" tôi nói cho ông biết cái đấy chỉ là ngày xưa thôi, còn bây giờ không bao giờ có, tôi bước ra khỏi đất này thì anh cũng phải bước chứ anh có quyền gì mà anh dám đuổi tôi". Tôi nói thế thế là chồng cũng không dám nói lại nữa"*. (Một phụ nữ ở Hà Nội).

Phụ nữ giống như trong ví dụ trên đây chỉ là ngoại lệ. Hầu hết phụ nữ phỏng vấn chọn phương án chịu đựng. Một số phải chấp nhận bởi vì họ không được gia đình và chính quyền địa phương ủng hộ. Những người khác chấp nhận bởi vì họ không biết liệu mình có lựa chọn nào khác không. Cũng có những người chấp nhận bởi vì họ tin rằng làm như vậy có thể chấm dứt bạo lực. Tuy nhiên kinh nghiệm của những phụ nữ được phỏng vấn cho thấy việc chịu đựng hoặc chấp nhận không chấm dứt được bạo lực. Phụ nữ thường tránh bạo lực thể xác bằng cách chạy trốn hoặc tránh những tình huống làm nảy sinh bạo lực. Dù vậy, họ vẫn bị bạo lực bởi vì mối quan hệ bạo lực của họ không thay đổi gì.

**** Tác động của việc đánh lại***

Trong Khảo sát, hơn một phần ba phụ nữ (35,5%) nói chẳng có gì thay đổi sau khi họ chống trả lại chồng. Chỉ có 8,6% phụ nữ nói là tình hình trở nên tồi tệ hơn nhưng hơn một nửa nói rằng việc đánh trả có tác động tích cực, tình hình bạo lực giảm hoặc chấm dứt tạm thời. Ở khu vực thành thị, tỉ lệ chị em nói rằng tình hình bạo lực giảm hoặc chấm dứt khá cao (67,6%) (Biểu 8.6b).

Cũng cần phải chỉ ra rằng trong khi có khoảng 1/10 phụ nữ đã từng chống trả dưới hình thức tự vệ hoặc trả thù, dưới 3% phụ nữ từng kết hôn cho biết họ là người gây bạo lực trước đối với chồng.

Một số phụ nữ trong các phỏng vấn sâu nói rằng khi việc đánh lại mang tính phản kháng cá nhân, chồng thường gây bạo lực nhiều hơn. Tuy nhiên, khi họ có được sự hậu thuẫn từ các cơ quan, tổ chức hay những người khác, kết quả tốt hơn một cách đáng kể.

8.5. Kiến thức về luật pháp để bảo vệ phụ nữ

Những phụ nữ bị chồng gây bạo lực được hỏi họ có biết gì về Luật bình đẳng giới và Luật Phòng, chống bạo lực gia đình tại Việt Nam không. Người phỏng vấn sẽ đọc tên hai luật này và người được phỏng vấn có thể trả lời 'có' hoặc 'không'. Số liệu cho thấy 60% phụ nữ từng bị bạo lực đã biết về Luật bình đẳng giới. Tỷ lệ phần trăm những người biết về Luật Phòng, chống bạo lực gia đình đối với phụ nữ cao hơn tỉ lệ biết về Luật bình đẳng giới (63% so với 60%) (Biểu 8.7).

Hầu hết những người được phỏng vấn đều biết về Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Nhiều người trong số họ cho rằng Luật đó là hữu ích. Luật này giúp họ tự tin hơn để tự vệ và trình báo vụ việc

của mình. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình cũng là điều kiện để phụ nữ yêu cầu chính quyền địa phương giúp đỡ và qua đó họ cảm thấy mình có quyền.

> *"Có, rất có ích. Nó sẽ sợ, nó nghe đến nó sẽ sợ. Nếu như trưởng thôn hoặc xã hoặc là có người khác đến nói với nó là bây giờ có Luật Phòng, chống bạo lực gia đình thì thằng chồng nó sẽ sợ và giả sử nó có lấy con vợ sau thì đỡ hơn. Cũng tác động đến rất nhiều người đấy chứ không phải là một người đâu em ạ. Nếu như luật này ra đời bởi vì nó chống được bạo lực gia đình thì sẽ xây dựng được xã hội, quá tốt chứ...* ". (Phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội).

Có người nói rằng nhờ có Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, nam giới sẽ có cơ hội để học cách cư xử với vợ và không dùng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn gia đình.

> *"Là giống như kiểu khi mà ra luật ni là có những cái kích thích để cho ông chồng ông có đi học ở bên hội Nông dân đó là ông hiểu được nhiều. Về cái cư xử với vợ này, con cái này, về vấn đề xã hội này là ông hiểu được nhiều là ông ấy về ông ấy bỏ được bảy mươi, tám mươi phần trăm rồi đó". (*Một phụ nữ ở Huế).

Tuy nhiên, một thách thức lớn khi thực hiện Luật Phòng, chống bạo lực gia đình là hầu hết những người được phỏng vấn, bao gồm cả phụ nữ, nhân viên y tế, lãnh đạo phường xã không nắm được nội dung chi tiết của luật. Họ thường không rõ khi nào thì phải xử lý một tình huống bằng hòa giải và khi nào thì cần các biện pháp khác. Chỉ ở những nơi có những dự án cụ thể do các tổ chức quốc tế hỗ trợ, người chịu trách nhiệm thực hiện dự án (ví dụ như tư vấn viên hoặc cán bộ dự án) có kiến thức tốt hơn về Luật và các văn băn dưới luật có liên quan. Tuy nhiên, các cán bộ xã khác trong địa bàn dự án cũng không biết nhiều về Luật. Điều này có thể là lý do giải thích vì sao việc giải quyết các trường hợp bạo lực lại không hiệu quả như đã mô tả trong các phần trước.

Kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy có những thách thức to lớn đối với việc triển khai Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Phụ nữ bị bạo lực cho rằng việc phạt tiền những đối tượng bạo lực không có hiệu quả, vì tiền nộp phạt lại từ túi của vợ. Do vậy, trong thực tế hệ thống xử phạt đang phạt chính phụ nữ chứ không phải phạt người đàn ông gây bạo lực.

> *"Đối với người khác thì dì không biết nhưng đối với dì thì thấy có hại vì phạt ông tiền là tiền dì đưa ra nên dì có nói với mấy chú công an như vậy mấy chú đừng phạt ông giùm, phạt ông cũng dì lo tiền thôi à , tội nghiệp lắm, nhẹ tay dì nhờ... Tại vì ông cũng làm quá đáng nhiều lần lắm nên ý dì muốn mấy chú công an phạt ông lao động hoặc đi giáo dục ông 1, 2 tháng cũng được".* (Một phụ nữ ở Bến Tre).

Luật qui định là phụ nữ phải có đơn trình báo để được giúp đỡ khi bị bạo lực. Tuy nhiên trong bối cảnh bạo lực gia đình rất khó cho phụ nữ khi trình báo là bị người trong gia đình chồng và chồng bạo lực. Thêm nữa, người dân đặc biệt là nam giới gây bạo lực và chính quyền địa phương thường có những mối quan hệ từ trước khiến cho việc nộp đơn theo quy định của pháp luật khó thực hiện được.

> *"Khi gia đình không giúp hòa giải mâu thuẫn [đánh nhau] của chị được chị tức lắm. Nhưng chị cũng nghĩ hắn là chồng chị, làm sao chị có thể kiện hắn lên xã được. Chị thấy thương hắn. Vì thế chị tha thứ tất cả… Dù gì hắn và chị cũng là vợ chồng ăn cùng mâm ngủ cùng giường.... dù hắn làm gì đi chăng nữa thì hắn cũng vẫn là chồng chị".* (Một phụ nữ ở Bến Tre).

Một khó khăn nữa được nêu trong các phỏng vấn sâu là khó áp dụng theo luật bởi vì yêu cầu về bằng chứng. Phần lớn phụ nữ nông thôn không biết cách giữ lại bằng chứng. Hơn nữa với một số hình thức bạo lực như bạo lực tình dục và tinh thần, chị em rất khó có thể chứng minh.

> *"Nhưng bên công an có nói là ông uýnh Tư chưa có trầm trọng lắm với mấy lần Tư xin không phạt, nên đâu có đủ văn bản đâu mà cải tạo ông. Bây giờ chỉ năn nỉ ông thôi chứ không làm gì được ông, lúc ông làm dữ thì công an không thấy tận mắt, chỉ một bên nói không à chứ bên ông làm thì không thấy".* (Một phụ nữ bị bạo lực ở Bến Tre).

Phỏng vấn cũng cho thấy trong bối cảnh bất bình đẳng giới được chấp nhận rộng rãi ở Việt Nam, ngay cả chính quyền địa phương và công an cũng bị các chuẩn mực mang tính phân biệt nam nữ tác động.

> *"Đang lúc vừa đánh chị xong thế mà công an đến lại không giúp chị... chị mới bảo đấy, chồng chị nhiều năm nay cất giấu tiền và bạo hành trong gia đình, thế công an bảo "thời đại này ai mà chả có tiền riêng, ai mà chả gái".(*Một phụ nữ bị bạo lực ở Hà Nội).

Phụ nữ cho rằng rất khó áp dụng luật trong những trường hợp lạm dụng tình dục hay bạo lực tinh thần. Trong những tình huống này Luật và các hướng dẫn hiện hành không được hiệu quả và rõ ràng với mọi người, kể cả người bị bạo lực và chính quyền địa phương. Ngoài ra, nghiên cứu còn cho thấy là những trường hợp bạo lực nghiêm trọng thường liên quan đến nhiều vấn đề như nhà cửa, sở hữu đất đai, quyền nuôi con, v.v... mà một mình Luật Phòng, chống bạo lực gia đình không thể giải quyết được, cho nên cần phải cân nhắc áp dụng các quy định pháp luật khác có liên quan để xử lý.

> *"Chị phải đi thuê nhà, nên ông ta không đánh chị nữa. Nếu ông ta đánh chị, có thể dùng luật pháp để can thiệp dễ dàng hơn. Thế nhưng ông ta không đánh chị, cho nên rất khó xử lý. Rõ ràng ông ta vi phạm pháp luật nhưng bây giờ nếu chị muốn chứng minh điều này chị phải đợi. Chị phải chờ đến khi ông ta đánh chị. Nếu ông ta đánh chị sẽ trình báo ngay… Nhưng bây giờ ông ta không đánh chị nữa nên Luật pháp không can thiệp được".* (Một phụ nữ ở Hà Nội).

Trong khi phỏng vấn một số phụ nữ phàn nàn về các thủ tục pháp lý và quy trình trình báo bạo lực gia đình và xử lý người gây bạo lực. Những quy trình và thủ tục này thường phức tạp và chậm chạp. Do đó phụ nữ rất khó theo được qui trình này nếu không được hỗ trợ đầy đủ về mặt chuyên môn và tài chính.

> *"Anh ấy giúp em thứ nhất là em làm lá đơn em gửi tòa, cái thứ hai nữa là bây giờ em đợi tòa giải quyết, thế nhưng mà em khó khăn ở cái chỗ là bây giờ đi lên tòa thì người ta bảo em là đã khổ rồi, hai mươi năm thì chồng đã đánh vợ rồi, tiền em cũng không có, nhà em cũng không có ở thì bây giờ người ta bảo em nộp tiền lên tòa, nộp án phí lên thì người ta mới giải quyết cho... em phải nộp 10 triệu hay mười mấy triệu..., là em nghe bác luật sư..., các bác ấy bảo là phải ngữ tiền ấy người ta mới chia cho mẹ con em nhà ở".* (Một phụ nữ ở Hà Nội).

CHƯƠNG IX. BÀN LUẬN

9.1. Ưu điểm và hạn chế của Nghiên cứu

Cuộc khảo sát quốc gia về bạo lực gia đình tại Việt Nam này đã tạo ra cơ sở dữ liệu phong phú về bạo lực gia đình, bạo lực đối với phụ nữ trên phạm vi toàn quốc. Báo cáo này trình bày những kết quả mô tả chính về tần xuất, các loại hình và phạm vi của bạo lực gia đình đối với phụ nữ, thái độ và nhận thức về bạo lực, những tác động trực tiếp và gián tiếp của bạo lực do chồng gây ra và cách phụ nữ phản ứng khi họ phải hứng chịu bạo lực do chồng gây ra.

Ưu tiên hàng đầu và quan trọng nhất hiện nay là làm sao để sử dụng rộng rãi những kết quả nêu trong báo cáo này nhằm nâng cao nhận thức, mức độ và phạm vi của vấn đề để định hướng và làm cơ sở cho những chính sách, chiến lược và chương trình mục tiêu nhằm đạt được mục đích chung, đó là bảo vệ người phụ nữ khỏi bạo lực gia đình. Những đề xuất cụ thể và những gợi ý về chính sách được trình bày trong Chương 10.

Liên quan tới những hạn chế của nghiên cứu, điều đầu tiên cần phải đề cập đến là việc xác định tỷ lệ bạo lực đối với phụ nữ, cũng giống như các chủ đề nhạy cảm khác, là một vấn đề nhạy cảm thuộc về phương pháp. Các câu hỏi khác nhau cho ra kết quả thu được khác nhau và điều này còn phụ thuộc vào chuyên môn và kiến thức của điều tra viên (Jansen và CS, 2004[41]) và liệu rằng nghiên cứu này có phải là một nghiên cứu thuần túy bạo lực gia đình đối với phụ nữ hay là một nghiên cứu về một vấn đề khác có bao hàm các vấn đề của bạo lực gia đình/bạo lực đối với phụ nữ (Ellsberg và CS, 2001[42]). Do vậy không có gì lạ khi mà kết quả về tỷ lệ bị bạo lực gia đình được xác định trong cuộc Điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006[43] có điểm khác biệt. Trong nghiên cứu đó, tỷ lệ ngược đãi vợ/chồng là 21,2% trong vòng 12 tháng trước khảo sát. Tỷ lệ này cần được diễn giải và hiểu trong bối cảnh của phương pháp đã áp dụng và các câu hỏi đã hỏi (Xem Hộp 9.1).

Hộp 9.1. Những điểm khác biệt chính giữa phương pháp điều tra năm 2006 và phương pháp của cuộc Khảo sát này

Nghiên cứu về bạo lực gia đình tại Việt Nam năm 2010	**Điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006**
3 tuần đào tạo đặc biệt dành cho các nghiên cứu viên, nhạy cảm hóa với các vấn đề về giới và bạo lực gia đình và các đối phó trong những trường hợp khó và được cung cấp thông tin về dịch vụ hỗ trợ.	10 ngày tập huấn cho Cán bộ điều tra

[41] Jansen HAFM và CS. Tập huấn nghiên cứu viên trong Nghiên cứu đa quốc gia của WHO về sức khỏe phụ nữ và bạo lực gia đình. *Bạo lực đối với phụ nữ, 2004,* 10(7):831-849.
[42] Ellsberg M và CS. Nghiên cứu bạo lực gia đình đối với phụ nữ: cânh nhắc phương pháp luận và đạo đức. *Những nghiên cứu trong kế hoạch hóa gia đình*, 2001, 32(1):1–16.
[43] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục thống kê, UNICEF, Viện Nghiên cứu gia đình và giới. *Kết quả Khảo sát quốc gia về gia đình tại Việt Nam – Những phát hiện chính*. 2006.

Nghiên cứu về bạo lực gia đình tại Việt Nam năm 2010	Điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006
Nghiên cứu tập trung vào chủ đề bạo lực gia đình đối với phụ nữ.	Nghiên cứu không tập trung vào chủ để bạo lực gia đình đối với phụ nữ mà có những mục tiêu rộng và dàn trải hơn, tập trung vào các mối quan hệ gia đình, giá trị và chuẩn mực gia đình, kinh tế và phúc lợi gia đình.
Chỉ sử dụng điều tra viên là phụ nữ.	Điều tra gồm cả nam và nữ, .
Chỉ chọn ngẫu nhiên một phụ nữ trong một hộ gia đình và mời đến phỏng vấn, không có thành viên khác trong hộ gia đình đó được phỏng vấn hoặc được biết về chủ đề của cuộc khảo sát.	Những câu hỏi về bạo lực được đặt ra cho cả cặp (cả nam và nữ) trong độ tuổi từ 18-60. Những người ngoài độ tuổi này trong nhà cũng được phỏng vấn.
Phụ nữ được phỏng vấn tại một địa điểm đảm bảo tính riêng tư, cách xa nơi ở.	Phỏng vấn các cặp tại nhà của họ. Không có các biện pháp đặc biệt đảm bảo tính riêng tư và bảo mật thông tin.
Câu hỏi được đưa ra bằng cách liệt kê một loạt các hành vi cá nhân mà người phụ nữ có thể đã từng phải hứng chịu: chỉ số thực hành chính về bạo lực do chồng gây ra được xác định ở những câu hỏi về 6 hành vi bạo lực thể xác và 4 hành vi bạo lực tình dục. Bạo lực tinh thần và các hành vi kiểm soát cũng được thu thập sử dụng danh sách các hành vi.	Bạo lực được xác định nhờ 3 câu hỏi về những nội dụng sau: một hành vi bạo lực thể xác (đánh đập), một hành vi bạo lực tình dục (quan hệ tình dục ngoài ý muốn) và một hành vi bạo lực tinh thần (chửi bới). Thêm một câu hỏi về 'dỗi hờn' (giận nhưng không nói ra) đây là câu hỏi không có liên quan tới việc xác định bạo lực.

Quyết định chọn và chỉ phỏng vấn một phụ nữ trong một hộ gia đình có thể thiếu đại diện cho những phụ nữ trong những gia đình có hai phụ nữ trở lên. Tuy nhiên, quyền số phụ nữ đạt tiêu chuẩn tham gia đã được sử dụng trong phần phân tích số liệu đã khắc phục những thiên lệch do các tiêu chuẩn lựa chọn gây ra.

Tỷ lệ bị bạo lực trong 12 tháng trước thời điểm khảo sát thường được cho là một chỉ số đánh giá đáng tin cậy hơn về tình hình bạo lực do chồng gây ra bởi giả thuyết cho rằng nó ít bị sai lệch hơn do sự việc mới xảy ra gần đây, không phụ thuộc nhiều vào trí nhớ (Gil-Gonzales *và* CS, 2007)[44]. Tuy nhiên, những sự kiện bạo lực gần đây có thể khó tiết lộ hơn do cảm giác xấu hổ hoặc sợ bị trả thù do tiết lộ những vấn đề gia đình tế nhị kiểu này, đặc biệt là trong các sự kiện bạo lực tình dục.

Ưu điểm của việc khai thác tình trạng bạo lực trong đời và trong vòng 12 tháng trước khảo sát là chúng cho thấy những góc độ khác nhau về thời gian và những khía cạnh khác nhau của vấn đề, như đã giải thích trong Chương 2. Sai lệch trong hồi tưởng trong những nghiên cứu về những trải nghiệm đau buồn như bạo lực do chồng gây ra thường ít xảy ra hơn là khi hỏi về những vấn đề ít nhạy cảm hơn. Có sự tương tự cho lập luận này trong một nghiên cứu ở Tanzania (Moshiro *và CS*,

[44] Gil-Gonzales D và CS. Childhood experiences of violence in perpetrators as a risk factor of intimate partner violence: a systematic review. *Journal of Public Health*, 2008, 30(1):14-22.

2005)[45]. Nhưng bạo lực là một vấn đề mà phụ nữ nói chung và phụ nữ ở Việt Nam nói riêng không sẵn sàng thổ lộ ngay, do vậy luôn có nguy cơ không được tiết lộ đầy đủ. Một sai lệch tiềm ẩn quan trọng khác về rủi ro trong đời tất nhiên là sai lệch do trí nhớ, có thể dẫn tới việc đánh giá thấp những rủi ro tìm được. Do đó kết quả của chúng tôi có thể là những ước lượng thấp hơn thực tế.

Một hạn chế khác là đây là một nghiên cứu cắt ngang và việc xác định mối liên quan của các biến số chưa được thiết lập. Tuy nhiên những nhận định về nhân quả có thể được hình thành theo trình tự thời gian. Điều này gắn với ví dụ như trải nghiệm thời niên thiếu và mối liên quan với tình trạng bị bạo lực khi trưởng thành hoặc đối với bạo lực trong đời và những vấn đề sức khỏe gần đây trong khi đối với những yếu tố khác sự xác định các mối liên quan chỉ có thể được bàn luận theo tính lôgíc.

Còn một hạn chế nữa là nghiên cứu đã không thể tiến hành khảo sát định lượng đối với nam giới. Quan điểm của nam giới được ghi nhận trong phần nghiên cứu định tính.

Liên quan tới ưu điểm của số liệu, ở đây chúng tôi muốn nhấn mạnh thêm rằng số liệu được thu thập bằng những phương pháp tối ưu và đã được điều tra thử cẩn thận cộng với những công cụ chuẩn trên cơ sở cân nhắc đầy đủ các vấn đề về an toàn và đạo đức do các nghiên cứu viên được đào tạo và có cam kết thực hiện và điều này đã góp phần vào kết quả đã công bố. Tương tự, các biện pháp kiểm soát chất lượng cũng được thực hiện triệt để. Do vậy chúng tôi tin rằng số liệu từ cuộc Khảo sát là có cơ sở khoa học tin cậy. Các kết quả này rất giống và nhất quán với kết quả trong một nghiên cứu đã được công bố (Nguyễn Đăng Vững, 2008)[46], sử dụng bảng câu hỏi với những câu hỏi tương tự của WHO, với cùng mối quan tâm tới tiêu chuẩn về đạo đức và an toàn, đã được thực hiện trên một quần thể mẫu nhỏ hơn trong một nghiên cứu tại huyện Ba Vì, Hà Nội. Đây là bằng chứng bổ sung khẳng định tính thuyết phục của phương pháp nghiên cứu.

Một ưu điểm nữa của nghiên cứu là sử dụng cả hai phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, làm phong phú những phát hiện và bổ sung cho nhau.

Cuối cùng áp dụng một phương pháp được phát triển để sử dụng trong bối cảnh các nền văn hóa khác nhau có một lợi thế to lớn là tạo ra được dữ liệu có thể sử dụng cho mục đích so sánh quốc tế và theo dõi xu hướng theo thời gian.

9.2. Bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam so với các nước khác

Việc xây dựng phương pháp nghiên cứu cho Nghiên cứu đa quốc gia của WHO được bắt đầu từ năm 1997 để giải quyết tình trạng thiếu dữ liệu đáng tin cậy và có thể so sánh được về bạo lực đối với phụ nữ, về hậu quả và nguyên nhân sâu xa của bạo lực đối với phụ nữ ở các quốc gia khác biệt về văn hóa và địa lý. Nghiên cứu được triển khai chính thức từ năm 2000 đến 2005 ở 11 quốc gia (Bangladesh, Brazil, Ethiopia, Nhật Bản, Namibia, New Zealand, Peru, Samoa, Serbia, Thái Lan và Cộng hòa Tanzania) và 17 địa điểm. Ở hầu hết các nước, nghiên cứu được tiến hành tại hai địa

[45] Moshiro C và CS. Effect of recall in estimation of non-fatal injury rates: a community based study in Tanzania. *Inj Prev,* 2005, 11(1):48-25.
[46] Vung ND. *Intimate partner violence against women in rural Viet Nam. Prevalence, risk factors, health effects and suggestions for interventions* [thesis]. Stockholm, Karolinska Institutet, 2008.

điểm: một thành phố lớn và một tỉnh. Namibia và Serbia chỉ nghiên cứu ở một thành phố, Ethiopia nghiên cứu ở một tỉnh và Samoa tiến hành ở cấp quốc gia (Garcia-Moreno và CS, 2005).[47]

Trong những năm gần đây các nghiên cứu/điều tra quốc gia áp dụng phương pháp của Nghiên cứu đa quốc gia của WHO đã được tiến hành ở nhiều nước, trong đó có Kiribati[48], Maldives[49], Đảo Solomon[50] và Thổ Nhĩ Kỳ[51].

Hình 9.1 cho thấy tỷ lệ bị bạo lực thể xác và/hoặc bạo lực tình dục do chồng gây ra trong cuộc đời và 12 tháng trước khảo sát trên toàn thế giới đối với những nước và các địa điểm nghiên cứu có áp dụng phương pháp của WHO và có đưa ra các kết quả so sánh.

Tỉ lệ phụ nữ từng bị bạo lực thể xác hay tình dục do chồng trong cuộc đời chiếm từ 15 đến 71% ở các quốc gia tham gia nghiên cứu của WHO. Có từ 4% đến 54% người được phỏng vấn nói từng bị bạo lực thể xác hay tình dục do chồng trong 12 tháng trước khảo sát (Garcia-Moreno và CS 2006).[52]

Mặc dù sử dụng cùng một phương pháp nhưng cần lưu ý rằng vẫn luôn tồn tại những khía cạnh không so sánh được một cách chính xác. Một trong những khía cạnh đó là định nghĩa về quan hệ bạn tình. Định nghĩa này có ý nghĩa cốt yếu để xác định nhóm đối tượng cho các câu hỏi về bạo lực do bạn tình gây ra. Mặc dù nghiên cứu của WHO đã cố gắng duy trì chuẩn hóa ở mức cao nhất giữa các nước, nhưng người ta cũng phải thừa nhận rằng cùng một định nghĩa không thể áp dụng cho tất cả các nước bởi vì khái niệm "bạn tình" được định nghĩa theo văn hóa hoặc theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình phát triển định nghĩa "phụ nữ đã từng có bạn tình" theo từng quốc gia , các nhà nghiên cứu ý thức được nhu cầu sử dụng một định nghĩa rộng về quan hệ bạn tình bởi vì bất cứ một người phụ nữ nào có quan hệ với bạn tình, dù có kết hôn hay không, cũng có thể phải đối mặt với nguy cơ bị bạo lực. Người ta cũng ghi nhận định nghĩa về khái niệm phụ nữ đã từng có bạn tình cần phải được thu hẹp trong một số bối cảnh này so với một số bối cảnh khác. Do vậy tại Bangladesh và Thổ Nhĩ Kỳ chỉ đưa những phụ nữ đã kết hôn vào đối tượng nghiên cứu, các nước khác lại đưa cả những phụ nữ ăn ở như vợ chồng hoặc hẹn hò với bạn tình. Trong nghiên cứu ở Việt Nam, phụ nữ có bạn tình bao gồm hầu như 100% phụ nữ đã kết hôn và chỉ có một tỷ lệ nhỏ là không kết hôn một cách hợp pháp.

---

[47] Garcia-Moreno C và CS. Nghiên cứu đa quốc gia của WHO về sức khỏe phụ nữ và bạo lực gia đình đối với phụ nữ. *Kết quả ban đầu về tỷ lệ bạo lực, kết quả sức khỏe và phản ứng của phụ nữ*. Geneva, WHO, 2005. Có tại địa chỉ http://www.who.int/gender/violence/who_multicountry_study/en/index.html .

[48] Chính phủ Cộng hòa Kiribati. *Nghiên cứu về Hỗ trợ và Y tế gia đình: Một nghiên cứu về bạo lực đối với trẻ em và phụ nữ,* 2010. Có tại địa chỉ http://www.spc.int/hdp/index.php?option=com_docman&task=cat_view&gid=89&dir=ASC&order=name&Itemid=44&limit=5&limitstart=0 .

[49] UNFPA, UNICEF and WHO. *Nghiên cứu Maldives về Sức khỏe phụ nữ và Trải nghiệm cuộc sống. Kết quả ban đầu về tỷ lệ bạo lực, kết quả sức khỏe và phản ứng của phụ nữ*, 2007.

[50] Ban thư ký Cộng đồng Thái bình dương của Bộ công tác phụ nữ, thanh niên và trẻ em. N*ghiên cứu đảo Solomon về an toàn và sức khỏe gia đình: Một nghiên cứu về bạo lực đối với trẻ em và phụ nữ*, 2009. Có sẵn tại: http://www.spc.int/hdp/index.php?option=com_docman&task=cat_view&gid=39&Itemid=44 .

[51] Ban Tình trạng phụ nữ của Chính phủ Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ, Viện nghiên cứu Dân số của Đại học Hacettepe, , ICON-Institut Public Sector GmbH và tư vấn BNB (2009) Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực gia đình với Phụ nữ tại Thổ Nhĩ Kỳ năm 2008. Có sẵn tại: http://www.ksgm.gov.tr/tdvaw/Documents.htmtora

[52] Garcia-Moreno C và CS. Tỷ lệ bạo lực do bạn tình gây ra: phát hiện từ Nghiên cứu đa quốc gia của WHO về sức khỏe phụ nữ và bạo lực gia đình đối với phụ nữ. *Lancet,* 2006, 368:1260-69.

Một khía cạnh khác là độ tuổi (đa số các nước điều tra phụ nữ ở độ tuổi từ 15-49, với một số ngoại lệ như Nhật Bản: 18-49, Niu Di-lân: 18-64, Thổ Nhĩ Kỳ: 15- 59 và Việt Nam 18-60). Nhóm tuổi khác nhau sẽ ảnh hưởng đến tỉ lệ bị bạo lực trong kết quả nghiên cứu. Với trường hợp của Việt Nam, đã có kiểm tra xem tỉ lệ các loại hình bạo lực do chồng sẽ thay đổi ra sao nếu được ghi nhận ở phụ nữ thuộc nhóm tuổi 18-49 chứ không phải là nhóm tuổi 18-60 (tỉ lệ ở nhóm tuổi sau được nêu trong biểu đồ). Con số nêu trong bảng sau cho thấy tỉ lệ phụ nữ từng bị bạo lực trong đời hơn kém nhau không đáng kể, trong khi tỉ lệ bị bạo lực trong 12 tháng gần đây ở nhóm tuổi 18-49 cao hơn khoảng 1% và nguyên nhân là tình trạng bị bạo lực do chồng có thể không được phụ nữ có độ tuổi trên 50 tiết lộ nhiều.

Bảng 9.2. Tỷ lệ các hình thức khác nhau của bạo lực chồng đối với phụ nữ đã từng kết hôn tuổi từ 18-49 tuổi và phụ nữ đã từng kết hôn độ tuổi từ 18-60 tuổi ở Việt Nam

	Đã từng bị bạo lực thể xác trong đời	Hiện đang bị bạo lực thể xác	Đã từng bị bạo lực tình dục trong đời	Hiện đang bị bạo lực tình dục	Đã từng bị bạo lực thể xác hoặc tình dục trong đời	Hiện đang bị bạo lực thể xác hoặc tình dục
18-60 tuổi	31,5	6,4	9,9	4,2	34,4	9,0
18-49 tuổi	30,9	7,6	10,3	5,1	34,1	10,8

Khi so sánh các nước và các địa điểm nghiên cứu, cần hiểu rằng khi thể hiện dữ liệu quốc gia thì sẽ không thấy được sự khác biệt giữa các vùng miền (thường là rất rộng). Hơn nữa, luôn luôn có những khác biệt về mức độ không muốn tiết lộ chuyện riêng tùy theo hoàn cảnh cụ thể, mà khác biệt đến mức nào thì chúng ta không bao giờ biết được.

Một điều nữa cũng cần phải lưu ý là hầu hết các nước khi trình bày tỷ lệ bị 'bạo lực do chồng gây ra' họ thường báo cáo về 'bạo lực thể xác hoặc tình dục' như đã thực hiện ở đây. Đây là thông tin đầu tiên bởi vì công cụ xác định tỷ lệ bị bạo lực thể xác và tình dục được phát triển nhiều nhất và đã chứng minh được độ tin cậy và thông tin này có giá trị cho so sánh quốc tế. So với Thái Lan là nước gần Việt Nam nhất về địa lý (trong số các nước áp dụng cùng một phương pháp nghiên cứu của WHO), Việt Nam có tỉ lệ bị bạo lực thể xác tương tự. Những kết quả tổng hợp này có thể ẩn đi những sự khác biệt. Khi chúng ta xem xét kỹ hơn, Việt Nam và Thái Lan không giống nhau như được thể hiện qua tỷ lệ kết hợp này. Tỷ lệ bạo lực tình dục ở Việt Nam thấp hơn nhiều so với Thái Lan (con số không chỉ ra điều này). Điều này cho thấy là thứ tự trong Hình 9.1 cần phải được xem xét một cách thận trọng.

Cũng cần lưu ý rằng so với bạo lực tình dục và thể xác, việc đo lường bạo lực tinh thần thống nhất giữa các nền văn hóa khác nhau là một việc làm khó khăn hơn nhiều và các công việc mang tính phương pháp luận về nội dung này cần phải được tiến hành nhiều hơn. Vì lý do này nhiều nghiên cứu báo cáo riêng các hành vi bạo lực tinh thần, giống như chúng tôi làm trong báo cáo này. Một lý do khác mà chúng ta cần phải thận trọng khi gộp bạo lực tinh thần vào tỷ lệ bạo lực chung do bạn tình gây ra vì các nhà nghiên cứu thường muốn sử dụng một độ đo thận trọng (đã loại bỏ các hành vi bạo lực tinh thần) để tránh ý kiến chỉ trích cho rằng kết quả bị thổi phồng thái quá.

Như đã nói ở trên, để minh họa cho việc 'xếp hạng' trong Hình 9.1 chỉ có giá trị tương đối, chúng tôi đã đưa vào Hình 9.2 về tỷ lệ bạo lực tinh thần trong đời do bạn tình gây ra của cùng các quốc gia. Đối với Việt Nam thì đây là một điều quan trọng vì nhiều hình thức bạo lực tinh thần đã được nêu trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Điều đáng nói ở đây là tỷ lệ bị bạo lực tinh thần diễn biến theo những mô hình khác so với tỷ lệ bạo lực thể xác hoặc tình dục. Việt Nam có vị trí rất khác trong Hình 9.3 nếu xếp hạng các nước theo bạo lực tinh thần. Điều này cho thấy rằng nói chung việc xếp hạng các nước theo mức độ bạo lực phải hết sức thận trọng.

Hình 9.1 Tỷ lệ bạo lực thể xác và/hoặc tình dục do bạn tình gây ra trên thế giới (nghiên cứu sử dụng phương pháp luận của WHO).

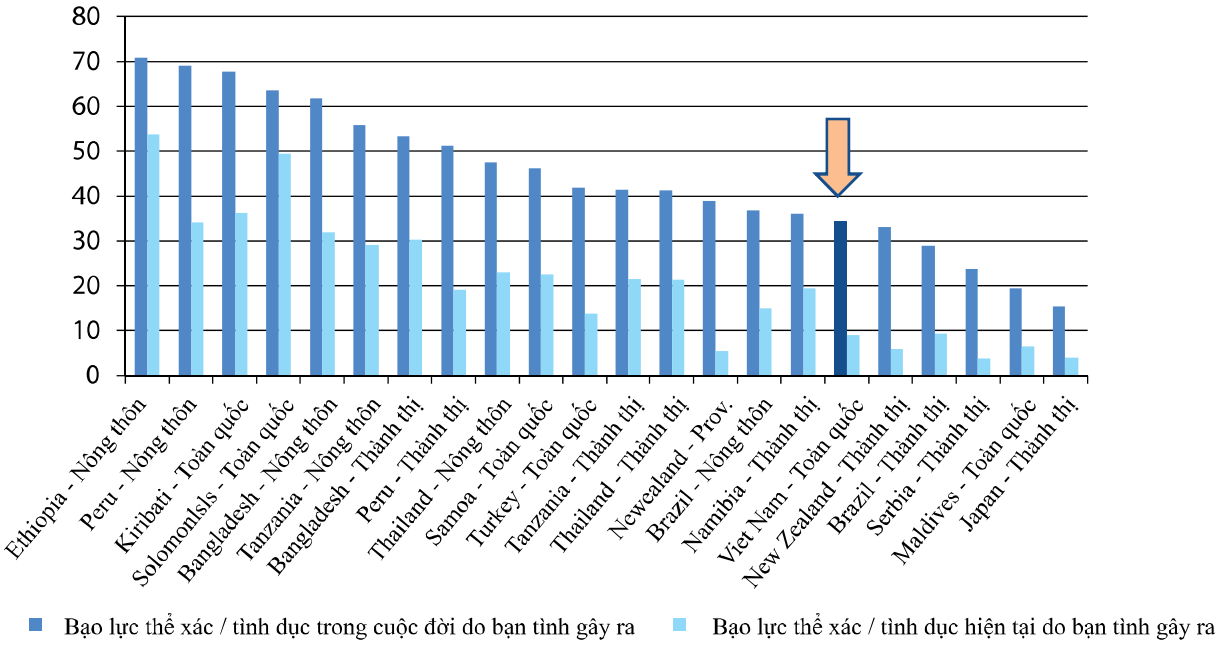

Hình 9.2 Tỷ lệ bạo lực thể xác và/hoặc tình dục và tinh thần do bạn tình gây ra trên thế giới (nghiên cứu sử dụng phương pháp luận của WHO)

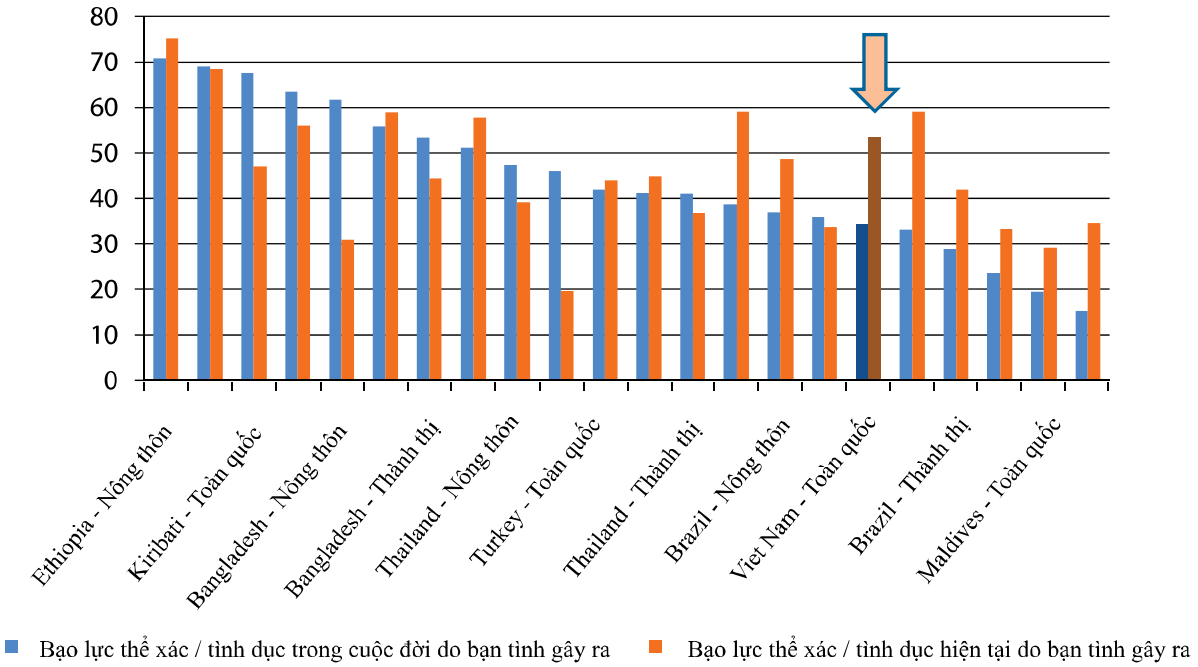

Hình 9.3 Tỷ lệ bạo lực tinh thần hiện tại do bạn tình gây ra trên thế giới (nghiên cứu sử dụng phương pháp luận của WHO)

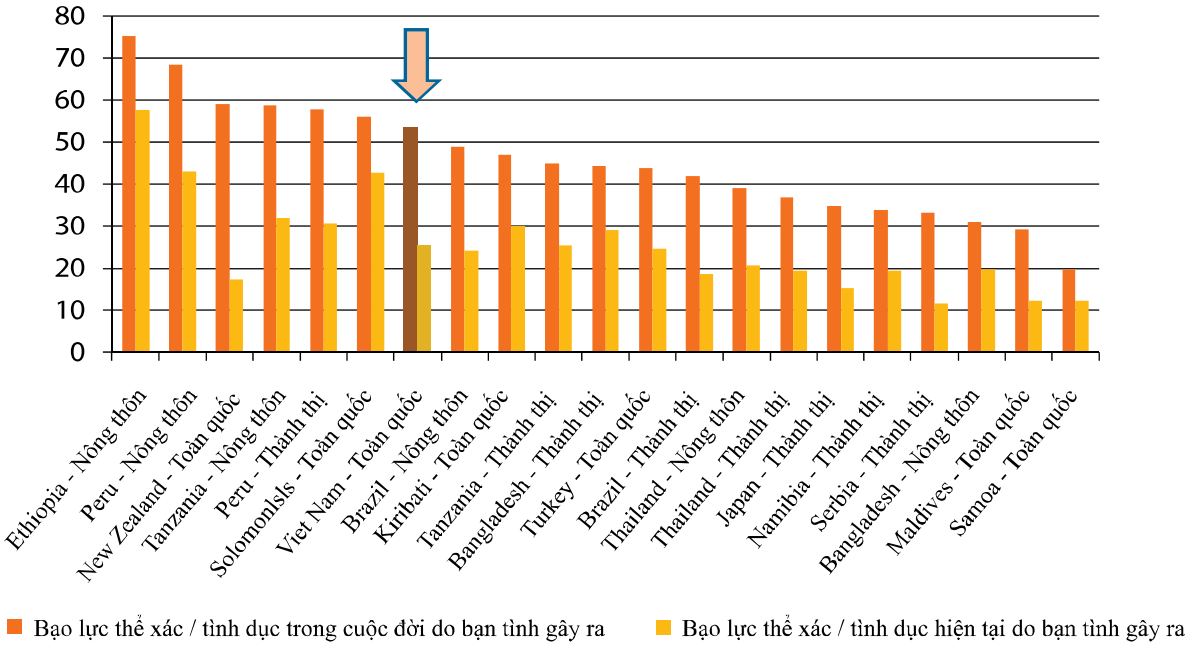

9.3. Các lĩnh vực cần phân tích thêm hoặc sâu thêm

Sự phong phú của số liệu thu được qua Nghiên cứu này còn liên quan tới nhiều vấn đề khác về bạo lực đối với phụ nữ và bạo lực gia đình ở Việt Nam. Việc khai thác sẽ giúp chúng ta hiểu được sâu hơn bản chất, nguyên nhân, yếu tố nguy cơ và hậu quả của bạo lực gia đình và những giải pháp can thiệp tốt nhất. Trong phạm vi dự án nghiên cứu này chúng tôi đang tìm kiếm các nguồn lực để tiến hành phân tích sâu thêm số liệu đã thu thập được. Một số chủ đề cần phân tích thêm theo ưu tiên đã được xác định là:

- Phân tích bạo lực theo nhóm mức sống, ví dụ 5 nhóm mức sống (ngũ phân vị SES - quintiles),
- Phân tích các yếu tố nguy cơ và các yếu tố bảo vệ (phân tích đa biến và phân tích tầng),
- Phân thích theo khu vực địa lý nhằm xác định thêm chi tiết về nguy cơ và các yếu tố bảo vệ có thể làm cơ sở hình thành các mối ưu tiên khu vực,
- Phân tích mối quan hệ giữa các đặc thù/đặc điểm của người chồng và trải nghiệm bạo lực do chồng gây ra,
- Phân tích sâu dữ liệu định tính từ nam giới về động cơ của nam giới,
- Phân tích mối quan hệ giữa bạo lực với nguy cơ HIV,
- Phân tích sâu mối quan hệ giữa bạo lực và sức khỏe,
- Mô hình phản ứng của phụ nữ đối với bạo lực do chồng gây ra,
- Phân tích mối quan hệ giữa tuổi kết hôn và bạo lực,
- Phân tích tuổi quan hệ tình dục lần đầu và bản chất của trải nghiệm tình dục và mối liên hệ với bạo lực trong đời sống sau này,
- Ước tính chi phí của bạo lực,
- Phân tích những nhận xét, phản hồi của nghiên cứu viên.

CHƯƠNG X. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Khi đánh giá và phân tích kết quả nghiên cứu của Nghiên cứu này về bạo lực gia đình tại Việt Nam, có hai phát hiện đáng chú ý nhất là:

1. Hiện tượng bạo lực gia đình đối với phụ nữ là khá phổ biến và một số hành vi dường như được coi là bình thường trong xã hội Việt Nam. Bạo lực gia đình đối với phụ nữ đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và cuộc sống của phụ nữ và trẻ em.

2. Mặc dù phạm vi và tác động của bạo lực gia đình là rất đáng kể nhưng người phụ nữ lại âm thầm chịu đựng. Họ đơn độc khi bị bạo lực và đơn độc trong cuộc chiến chống lại bạo lực.

Mặc dù bạo lực đối với phụ nữ là phổ biến nhưng chỉ có một nửa số phụ nữ bị chồng gây bạo lực từng tiết lộ chuyện này với một người nào đó trong cộng đồng nơi họ sinh sống và rất hiếm khi phụ nữ tìm kiếm sự hỗ trợ từ một cơ quan hay người có thẩm quyền. Bây giờ là lúc chúng ta cần nói ra sự thật đằng sau sự im lặng của phụ nữ, cách thức chấp nhận bạo lực của họ cũng như cách mà họ đang bình thường hóa vấn đề bạo lực.

Kể cả khi chưa xác định đầy đủ các nguyên nhân cũng như các yếu tố góp phần gây ra bạo lực gia đình đối với phụ nữ, kết quả nghiên cứu vẫn cho thấy sự cấp bách phải phá vỡ sự im lặng, nâng cao nhận thức của người dân và thực hiện những hành động cần thiết để chống lại bạo lực gia đình đối với phụ nữ. Nhu cầu cần phải có hành động tổng thể, lồng ghép là rất rõ ràng. Để giải quyết vấn đề bạo lực gia đình một cách hiệu quả và triệt để, cách tiếp cận liên ngành có hệ thống với sự tham gia của tất cả các cơ quan và tổ chức có liên quan là điều hết sức cần thiết. Bạo lực đối với phụ nữ là sự vi phạm các quyền cơ bản của con người bao gồm quyền được sống, quyền toàn vẹn thân thể, quyền có sức khỏe, quyền được bảo vệ và quyền được an toàn. Những cơ quan và cá nhân có trách nhiệm cần phải nỗ lực hơn nữa để thúc đẩy, bảo vệ và thực hiện các quyền con người đặc biệt là quyền của những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm phụ nữ bị bạo lực.

Những khuyến nghị và gợi ý cho hoạch định chính sách sau đây là dựa trên những bằng chứng từ các phát hiện và được đưa ra nhằm hỗ trợ việc thiết lập một chương trình điều phối ở cấp quốc gia để ngăn ngừa và giải quyết bạo lực gia đình, bạo lực đối với phụ nữ, bạo lực trên cơ sở giới. Chương trình này sẽ sử dụng chung một khung vận động chính sách, lập kế hoạch, điều phối, theo dõi và đánh giá. Khung hành động này cũng phải được đặt cùng khung của những cơ chế hiện có về bình đẳng giới tại Việt Nam với mục tiêu chung là đạt được bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Tăng cường việc thực thi và triển khai các chính sách và khung pháp lý hiện hành liên quan tới việc ngăn ngừa và đối phó với bạo lực là vô cùng quan trọng. Việc này cần được thực hiện thông qua việc nâng cao năng lực cho những cá nhân và tổ chức liên quan ở các cấp (Quốc hội, Chính phủ Việt Nam và các tổ chức quần chúng) và xây dựng một cơ chế điều phối đa ngành có hệ thống nhằm cải thiện tính gắn kết của các luật, chính sách và chương trình có liên quan tới bạo lực gia đình.

Các khuyến nghị được trình bày theo bốn mảng chiến lược chính là: 1. Tăng cường hành động và cam kết quốc gia; 2. Đẩy mạnh phòng ngừa ban đầu; 3. Thiết lập những đáp ứng phù hợp (dịch vụ, chương trình v.v..); và 4. Hỗ trợ nghiên cứu, thu thập số liệu và hợp tác.

10.1. Tăng cường hành động và cam kết quốc gia

10.1.1. Tăng cường các khung pháp lý và chính sách quốc gia theo các thỏa thuận quốc tế

Chính phủ Việt Nam đã được ghi nhận có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng các chính sách và khung pháp lý nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ. Việt Nam là một trong những nước đầu tiên phê chuẩn CEDAW, là thành viên của nhiều hiệp định quốc tế khác về quyền con người[53] và đang nỗ lực nhằm đạt được Mục tiêu thiên niên kỷ số 3 "thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ." Bình đẳng giới được thể hiện trân trọng trong Hiến pháp, Luật Bình Đẳng Giới và Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Bạo lực trên cơ sở giới được nhìn nhận như là một vấn đề giới nghiêm trọng trong dự thảo Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020.

Mặc dù đã có một số khung pháp lý và chính sách nhằm giải quyết vấn đề bạo lực, những thách thức vẫn còn tồn tại liên quan tới việc triển khai, thực thi, theo dõi và đánh giá, sự sẵn có của các dịch vụ, hỗ trợ và điều phối.

10.1.2. Thiết lập, thực hiện và theo dõi để đảm bảo "gói giải pháp toàn diện tối thiểu" liên quan đến phòng, xử trí, bảo vệ và các dịch vụ hỗ trợ về bạo lực trên cơ sở giới sẵn có, dễ tiếp cận và phù hợp với điều kiện kinh tế của mọi người dân Việt Nam

Báo cáo cho thấy phụ nữ thường im lặng khi bị bạo lực. Họ ít khi tìm kiếm sự trợ giúp do nhiều nguyên nhân khác nhau. Sự kỳ thị, các chuẩn mực xã hội về sự hòa hợp trong gia đình đã tạo áp lực khiến cho người phụ nữ phải nín nhịn và chấp nhận bạo lực. Ngoài ra còn là các nguyên nhân về nhận thức hạn chế, về các mạng lưới hỗ trợ và các dịch vụ điều trị, bảo vệ và hỗ trợ thiếu nhạy cảm giới. Nghiên cứu cũng cho thấy nếu có can thiệp hiệu quả hoặc có hỗ trợ, phụ nữ sẽ tiết lộ tình trạng bạo lực. Tuy nhiên, chúng ta vẫn cần phải thận trọng để đảm bảo an toàn cho họ sau khi tiết lộ về tình trạng của mình.

Mức độ nghiêm trọng về phạm vi và tác động của bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em, gia đình, xã hội và cả quốc gia khiến cho việc đảm bảo phụ nữ được tiếp cận với một "gói giải pháp toàn diện tối thiểu" các dịch vụ và đáp ứng đảm bảo các quyền của họ được bảo vệ và thực hiện trở nên cấp bách. Các dịch vụ cần bao gồm các biện pháp an toàn và bảo vệ, nơi tạm lánh khẩn cấp, các dịch vụ tư vấn và các nhóm tự lực, điều trị y tế và dịch vụ chuyển gửi kèm theo các hỗ trợ về kinh tế và pháp lý. Những dịch vụ này phải sẵn có, dễ tiếp cận và phù hợp với điều kiện kinh tế của mọi người dân.

Hiện tại đã có một số mô hình can thiệp thí điểm về bạo lực trên cơ sở giới tại Việt Nam. Những bài học rút ra từ những mô hình này cần phải được thu thập lại và chia sẻ và những mô hình tốt phải được nhân rộng trên phạm vi cả nước. Để cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho người bị bạo lực gia đình trên phạm vi toàn quốc, báo cáo này kêu gọi tăng cường hơn nữa những cam kết về chính trị và tài chính từ trung ương cho đến địa phương.

---

[53] Chi tiết xin xem phần về khung chính sách và pháp lý quốc tế, phần 1.2 của báo cáo này.

10.1.3. Tăng cường việc huy động và tham gia của lãnh đạo cộng đồng và chính quyền địa phương trong việc giải quyết bạo lực đối với phụ nữ và thúc đẩy bình đẳng giới

Những phát hiện chỉ ra rằng trong những trường hợp xấu nhất của bạo lực gia đình, khi một người phụ nữ cảm thấy không thể chịu đựng thêm nữa hoặc khi cảm thấy con cái mình đang gặp nguy hiểm, họ sẽ tìm đến chính quyền địa phương nhờ giúp đỡ. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy rằng phụ nữ ít được chính quyền địa phương giúp đỡ hoặc hỗ trợ đầy đủ. Nhiều lần người phụ nữ được khuyên giữ im lặng và tiếp tục chịu đựng bạo lực và lạm dụng nhằm giữ gìn sự hòa thuận trong gia đình.

Lãnh đạo cộng đồng và chính quyền địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức về những vấn đề bạo lực trên cơ sở giới và các qui định của pháp luật, thách thức các khuôn mẫu và định kiến, cung cấp tư vấn hỗ trợ, ngăn ngừa bạo lực thông qua các biện pháp can thiệp và xử lý người gây ra bạo lực. Các hoạt động và các biện pháp can thiệp ở cấp cộng đồng cần lôi kéo được các lãnh đạo địa phương để có sự cho phép cũng như huy động được sự ủng hộ của họ. Các lãnh đạo địa phương cũng cần phải được nâng cao nhận thức và được cung cấp các thông tin về thực trạng bạo lực gia đình, chính sách và khung pháp lý có liên quan tới bạo lực trên cơ sở giới. Lãnh đạo từ các ban ngành khác nhau cũng cần hợp tác với nhau để đưa ra các biện pháp tổng thể và phù hợp với các vấn đề về bạo lực trên cơ sở giới.

10.2. Đẩy mạnh phòng ngừa ban đầu

10.2.1. Xây dựng, thực hiện và theo dõi các chương trình phòng ngừa bạo lực ban đầu và thúc đẩy bình đẳng giới, đặc biệt là các chương trình nâng cao nhận thức người dân và huy động sự tham gia của cộng đồng

Một số phát hiện nổi bật của Nghiên cứu cho thấy phần lớn phụ nữ cho rằng hành vi bạo lực của chồng là "bình thường" và việc kỷ luật con cái bằng bạo lực cũng là "bình thường". Những nỗ lực quốc gia nhằm giảm thiểu tình trạng chấp nhận và dung túng cho các hình thức bạo lực với phụ nữ và trẻ em đang rất phổ biến này là cần thiết để thay đổi những quan niệm đã ăn sâu trong xã hội về hành vi bạo lực trong gia đình. Nhận thức về bình đẳng giới và bạo lực trên cơ sở giới, các luật và chính sách có liên quan, sự sẵn có của dịch vụ và các nhu cầu hỗ trợ cần phải được nâng cao ở cấp quốc gia và đặc biệt là tại cộng đồng.

Việt Nam đã có nhiều sáng kiến trong việc thúc đẩy bình đẳng giới và quyền của phụ nữ thông qua các chương trình truyền thông và phổ biến kiến thức. Ở cấp độ chính sách, kế hoạch về phổ biến Luật bình đẳng giới đã được Chính phủ ban hành tháng 5 năm 2010 với mục tiêu là nâng cao nhận thức của người dân và cán bộ về những vấn đề có liên quan tới giới. Dự thảo Chiến lược truyền thông dành cho gia đình cũng có trọng tâm cụ thể về ngăn ngừa bạo lực gia đình.

Nhiều hoạt động truyền thông thay đổi hành vi và các chiến dịch nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và chấm dứt bạo lực đã được khởi xướng. Các tổ chức chính trị xã hội, ví dụ như Hội LHPNVN, Hội nông dân Việt Nam và Đoàn Thanh niên CSHCM đã bắt đầu lồng ghép các thông điệp về bình đẳng giới và bạo lực trên cơ sở giới vào các câu lạc bộ truyền thông ở cấp tỉnh và cơ sở. Một chiến dịch truyền thông chung của các tổ chức quốc tế và Việt Nam về phòng chống bạo lực gia đình đã được

khởi động năm 2008 và sẽ được thực hiện trong 5 năm. Chiến dịch này nhằm nâng cao nhận thức của nam giới ở Việt Nam về bạo lực gia đình và khuyến khích họ tham gia tích cực vào các hoạt động phòng chống bạo lực gia đình. Những nỗ lực này cần phải được tăng cường, mở rộng và kéo dài, bởi vì từ thay đổi về nhận thức đến thay đổi về hành vi cần có sự đầu tư lâu dài thì mới có thể thành công.

Cũng cần phải nhấn mạnh rằng hoạt động phòng chống bạo lực đối với phụ nữ đòi hỏi phải có sự thay đổi về thái độ, niềm tin, chuẩn mực, khuôn mẫu và các giá trị có liên quan đến giới của cả nam và nữ. Cụ thể là, những nỗ lực phòng chống bạo lực gia đình cần phải có sự tham gia của truyền thông đa phương tiện và các hoạt động nâng cao nhận thức khác. Mục tiêu các hoạt động này cần hướng tới là nhằm thay đổi sự phụ thuộc của phụ nữ và các thái độ và hành vi của nam giới; phản bác lại những thái độ và niềm tin vốn dung túng cho bạo lực đối với phụ nữ, cho rằng đó là bình thường và có thể chấp nhận được; và để giảm kỳ thị, xấu hổ và sự phủ nhận về hành vi bạo lực do chồng gây ra.

Những hoạt động nâng cao nhận thức của cộng đồng này cần phải bao gồm cả các thảo luận về tác động của bạo lực gia đình đến trẻ em, gia đình, xã hội và cả quốc gia. Các chiến lược truyền thông đại chúng và các phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng cần được khai thác thêm (ví dụ, các chương trình phổ biến pháp luật, các sáng kiến truyền thông ở cấp địa phương), đồng thời cần tổ chức thêm các hoạt động hướng tới các yếu tố nguy cơ đặc biệt đối với hiện trạng bạo lực gia đình, ví dụ như uống rượu. Để truyền thông đạt hiệu quả cao nhất thì cần phối hợp thực hiện nhiều loại hình truyền thông và nhiều chiến lược nâng cao nhận thức cùng một lúc, ví dụ như tiếp cận cộng đồng, huy động sự cùng tham gia của cộng đồng vào các chiến dịch truyền thông trên các phương tiện truyền thông đại chúng, giáo dục trực diện và giáo dục đồng đẳng.

Cần tăng cường sự tham gia của nam giới và trẻ em trai vào trong các hoạt động ngăn ngừa bạo lực đối với phụ nữ ngay từ ban đầu. Nam giới có thể đóng vai trò làm tác nhân để thay đổi các bạn đồng đẳng và có thể giúp những nam giới khác hiểu được tác động của bạo lực đến chính gia đình và những người thân yêu của họ, cũng như đối với cuộc sống và sức khỏe của chính bản thân họ. Các chiến lược truyền thông khuyến khích những nam giới không có hành vi bạo lực, nói về bạo lực và lên án việc chấp nhận bạo lực, sẽ giúp thay đổi quan niệm rằng tất cả nam giới đều dung túng cho hành vi bạo lực.

Rất cần thiết phải có các chiến dịch truyền thông lồng ghép và có tính bền vững, được thực hiện ở cả cấp quốc gia và cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và bạo lực trên cơ sở giới. Ngoài ra, một điều quan trọng là phải lồng ghép những chuẩn mực giới đã thay đổi theo chiều hướng tích cực vào các hệ thống và thể chế có khả năng tiếp cận tới các cá nhân, gia đình và cộng đồng. Việc lồng ghép này bao gồm đưa các chuẩn mực về công bằng giới vào trong hương ước, nội quy của làng xã, cơ cấu và sự vận hành của Ủy ban nhân dân các cấp và đảm bảo có sự đại diện của phụ nữ ở các vị trí có thể ra quyết định ở cấp cơ sở.

Cuối cùng, các tập huấn xây dựng năng lực chuyên sâu và hỗ trợ kỹ thuật đối với các hoạt động truyền thông đại chúng về bạo lực trên cơ sở giới và đối với giới truyền thông cũng đóng vai trò tối quan trọng.

10.2.2. Lồng ghép bạo lực trên cơ sở giới vào hệ thống giáo dục nhằm thay đổi nhận thức của thanh niên về bình đẳng giới, bạo lực gia đình và làm cho trường học thành nơi an toàn hơn

Kết quả nghiên cứu cho thấy bạo lực là một hành vi có được do "học hỏi". Để chặt đứt một mắt xích trong chu kỳ bạo lực được học hỏi từ thế hệ này đến thế hệ khác, những người trẻ tuổi cần phải được giáo dục để có sự nhạy cảm về giới và phòng chống bạo lực từ rất sớm. Việc giáo dục này có thể được thực hiện ở các trường học. Hoạt động phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực đối với phụ nữ có bền vững hay không phụ thuộc vào việc thay đổi nhận thức của thanh niên về vai trò giới, giáo dục cho họ cách giao tiếp hiệu quả về những khó khăn, vấn đề gặp phải trong mối quan hệ và cách giải quyết những mâu thuẫn mà không sử dụng bạo lực. Ngành Giáo dục cần tạo ra những cơ hội để giúp cho học sinh, sinh viên và giáo viên nhạy cảm hơn với những vấn đề này, giúp thúc đẩy công bằng giới và ngăn ngừa bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực đối với phụ nữ.

Hệ thống giáo dục ở Việt Nam đã bắt đầu thực hiện những dự án lồng ghép bình đẳng giới và ngăn ngừa bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực đối với phụ nữ vào trong chương trình giảng dạy. Những nỗ lực này cần phải được nhân rộng, hỗ trợ và đánh giá hiệu quả, đồng thời giới thiệu những mô hình mới nhiều hứa hẹn. Bên cạnh đó, những hình thức bạo lực trên cơ sở giới khác có ảnh hưởng tới học sinh, sinh viên (bao gồm lạm dụng tình dục trẻ em, quấy rối tình dục, bạo lực trong mối quan hệ yêu đương, hẹn hò v.v...) cũng phải được đề cập. Cán bộ, giáo viên trong các nhà trường và học sinh phải được tập huấn về những cách ngăn chặn và đối phó với các hành vi lạm dục tình dục trong trường học. Cuối cùng cần phải có các dịch vụ hỗ trợ trong trường học và ngoài cộng đồng dành cho thanh thiếu niên về bạo lực trên cơ sở giới. Ví dụ, cán bộ y tế hay cán bộ nhân viên khác trong nhà trường đã được đào tạo cần có khả năng phát hiện và can thiệp khi xảy ra các trường hợp bạo lực đối với trẻ em, lạm dụng tình dục đối với trẻ em, hiếp dâm trong mối quan hệ yêu đương, hò hẹn và các hình thức bạo lực khác.

10.2.3. Nâng quyền cho phụ nữ nhằm giải quyết mối quan hệ bạo lực trong cuộc sống của họ, thông qua đào tạo kỹ năng sống, các nhóm tự lực, đào tạo, việc làm và các hỗ trợ về tài chính và pháp lý

Nâng quyền của phụ nữ và trẻ em gái, nhằm giúp họ kiểm soát các quyết định của chính bản thân mình, là một khía cạnh quan trọng trong ngăn ngừa và đối phó với bạo lực. Các hoạt động hậu thuẫn cho việc nâng quyền của phụ nữ bao gồm vận hành các nhóm tự lực và hệ thống hỗ trợ, đào tạo kỹ năng sống, giáo dục và dạy nghề, hỗ trợ pháp lý và tài chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi để phụ nữ thực hiện được hành động mà họ mong muốn.

Bên cạnh đó, việc xây dựng năng lực cho phụ nữ và trẻ em gái để họ hiểu được các quyền của mình và có các kỹ năng cần thiết để xử trí bạo lực, là rất quan trọng. Tất cả những việc làm này cần được thực hiện đồng bộ với những nỗ lực cải thiện sự tham gia của phụ nữ và trẻ em gái vào quá trình ra các quyết định, kể cả ở nơi công cộng và trong cuộc sống riêng tư.

Việt Nam đã có những cố gắng nhằm thu hẹp khoảng cách giới trong giáo dục và cải thiện sự tham gia của phụ nữ trong lực lượng lao động. Chuẩn mực kép về vai trò của phụ nữ - vừa là người chăm sóc gia đình, vừa là người lao động, có thể là rào cản để phụ nữ tham gia vào làm các công việc thuộc khu vực chính thức và cản trở họ ra quyết định ở mọi cấp độ. Cần có nhiều nỗ lực hơn nữa tập trung vào xóa bỏ phân biệt đối xử dựa trên cơ sở giới, tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào

quá trình ra quyết định, đảm bảo sự tiếp cận công bằng đến các cơ hội tạo ra thu nhập và bảo trợ xã hội và giải quyết bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái.

10.3. Xây dựng những hành động đáp ứng phù hợp đối với hiện trạng bạo lực dựa trên cơ sở giới

10.3.1. Xây dựng chiến lược đáp ứng toàn diện của ngành y tế để đối phó với các tác động của bạo lực đối với phụ nữ

Kết quả nghiên cứu cho thấy bạo lực gia đình có những tác động đa dạng và nặng nề đối với sức khỏe thể chất, sức khỏe tâm thần và đời sống tinh thần lành mạnh của phụ nữ và trẻ em. Và như vậy, rất cần phải có chiến lược đáp ứng toàn diện của Ngành Y tế để đối phó với các loại hình khác nhau của bạo lực đối với phụ nữ.

Ở cấp độ dịch vụ, những đáp ứng đối với bạo lực đối với phụ nữ phải được lồng ghép vào tất cả những lĩnh vực chăm sóc y tế, ví dụ như dịch vụ cấp cứu, dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản (chăm sóc khi mang thai, trước khi sinh, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sau nạo hút thai), các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần và các dịch vụ chăm sóc và điều trị liên quan tới HIV và AIDS. Trong nhiều tình huống, cán bộ y tế là người đầu tiên phát hiện trường hợp bạo lực gia đình, mặc dù nghiên cứu cho thấy nhiều phụ nữ vẫn ngại ngần khi phải kể những gì đã xảy ra với mình, thậm chí ngay cả khi họ phải đến các dịch vụ y tế vì chính các vấn đề sức khỏe do bạo lực gây ra.

Chính vì vậy, nhân viên y tế cần được đào tạo để có thể sàng lọc hiệu quả nhằm phát hiện ra các trường hợp bạo lực và cung cấp các dịch vụ thân thiện cũng như các thông tin cần thiết cho người bị bạo lực. Việc điều trị cũng cần phải được kết hợp với dịch vụ tư vấn và các dịch vụ khác. Nhân viên y tế cũng phải được trang bị những kỹ năng và kiến thức về cách hợp tác can thiệp với những ban ngành khác, ví dụ như công an, toà án và những người làm công tác xã hội để giải quyết triệt để vấn đề bạo lực đối với phụ nữ.

Cần phải có đầy đủ cơ sở vật chất và các nguồn lực tại các cơ sở y tế để xử lý một cách nhạy cảm và phù hợp các trường hợp bệnh nhân bị bạo lực. Cán bộ y tế cần phải được đào tạo đầy đủ và phù hợp để cung cấp các dịch vụ điều trị y tế, tư vấn và theo dõi các trường hợp bạo lực trên cơ sở giới. Các quy trình tiếp đón và phác đồ điều trị phải được xây dựng trên cơ sở đảm bảo tính bảo mật thông tin và an toàn cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực. Việc thu thập số liệu, theo dõi và báo cáo về bạo lực gia đình cần phải được lồng ghép vào trong hệ thống thông tin quản lý y tế (HMIS) (xem bên dưới). Các cơ sở y tế cũng phải làm công tác tiếp cận cộng đồng để nâng cao nhận thức của họ về các dịch vụ y tế mà mình cung cấp.

Ở cấp độ chính sách, tháng 9 năm 2009, BYT đã ban hành Thông tư về "Hướng dẫn tiếp nhận và chăm sóc y tế và báo cáo về người bệnh là nạn nhân của bạo lực gia đình tại các cơ sở y tế công và tư". Thông tư này còn được biết đến với tên là Thông tư 16[54]. Đây là một sáng kiến quan trọng do Ngành Y tế khởi xướng để đáp ứng nhu cầu của phụ nữ và các khách hàng bị các hình thức bạo lực khác nhau khi họ tiếp cận dịch vụ y tế. Mặc dù đã có những nỗ lực nhằm thúc đẩy việc phổ biến

[54] Thông tư 16/2009/TT-BYT (2009)

Thông tư này, nhưng quá trình thực hiện vẫn còn là một thách thức, đặc biệt là khi cần phải có đầu tư nguồn lực tài chính, con người và cam kết thực thi ở tất cả các cấp.

10.3.2. Nâng cao năng lực của hệ thống tư pháp và công an nhằm thực hiện các chính sách và pháp luật có liên quan đến bạo lực trên cơ sở giới

Các kết quả nghiên cứu cho thấy rằng phụ nữ bị bạo lực thường ít khi tiếp cận cơ quan công an và hệ thống pháp lý chính thống (tư pháp và toà án). Bên cạnh sự kỳ thị và xấu hổ, các rào cản lớn đối với việc phụ nữ tiếp cận các dịch vụ tư pháp là: mức độ nhận thức hạn chế của bản thân những người phụ nữ về các dịch vụ trợ giúp pháp lý sẵn có và quy trình tiếp cận các dịch vụ này và sự thiếu kiến thức về bạo lực dựa trên cơ sở giới của những người tiếp đón trong hệ thống tư pháp .

Do năng lực của hệ thống tư pháp và công an vẫn còn các mặt hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu của những người bị bạo lực, nhân viên hỗ trợ pháp lý, các trung tâm hỗ trợ pháp lý, công an, thẩm phán cần phải được nâng cao kiến thức và kỹ năng về chính sách và khung pháp lý liên quan tới bạo lực dựa trên cơ sở giới, cách cung cấp các dịch vụ mang tính nhạy cảm giới cho người bị bạo lực và cách xử lý phù hợp đối với những người gây bạo lực. Nhà nước cần xem xét, mở rộng quyền hạn với các dịch vụ pháp lý để có thể cung cấp các dịch vụ pháp lý rộng rãi hơn tới các cá nhân có liên quan đến bạo lực gia đình khi họ cần đến các dịch vụ này, không chỉ bó hẹp trong các nhóm đối tượng được ghi trong luật.

Tại Việt Nam có một số mô hình thí điểm thành công về nâng cao nhạy cảm và tăng cường năng lực cho các trung tâm trợ giúp pháp lý và công an, nhằm cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho phụ nữ bị bạo lực gia đình mang tính nhạy cảm giới. Các trung tâm trợ giúp pháp lý và công an có thể đóng vai trò tích cực hơn trong việc xác định bạo lực. Luật về hỗ trợ pháp lý nên được nghiên cứu và sửa đổi nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan này trong việc cung cấp các dịch vụ pháp lý rộng rãi đến cộng đồng, nhằm nâng cao nhận thức và khả năng tiếp cận các dịch vụ pháp lý hiện có cho nạn nhân của bạo lực gia đình.

10.4. Hỗ trợ nghiên cứu, thu thập số liệu và hợp tác đa ngành

10.4.1. Xây dựng một cơ sở dữ liệu nhằm giải quyết vấn đề bạo lực dựa trên cơ sở giới phù hợp với điều kiện của Việt Nam

Cần thêm nhiều các hoạt động và dự án nghiên cứu trong thời gian tới để cung cấp các số liệu thống kê phù hợp, cung cấp thông tin về hiện trạng hiểu biết về thái độ giới và những động cơ khác của bạo lực dựa trên cơ sở giới, kể cả trong các nhóm đa số và thiểu số và trong các nhóm yếu thế, ngoài lề mà chưa được đưa vào các chương trình nghiên cứu hiện nay. Vẫn còn một khoảng trống lớn về kiến thức và bằng chứng về bạo lực dựa trên cơ sở giới ở Việt Nam.

Thông tin và dữ liệu từ các ban ngành có liên quan có thể tạo nên một cơ sở bằng chứng vững chắc, để làm nền tảng cho các hoạt động nâng cao nhận thức, vận động chính sách, phát triển chương trình, can thiệp chính sách và theo dõi và đánh giá.

10.4.2. Tăng cường và/hoặc thiết lập một hệ thống thu thập thông tin và một khung lập kế hoạch, theo dõi và đánh giá

Điều hết sức quan trọng là cần có được một khung lập kế hoạch, theo dõi và đánh giá thống nhất ở cấp quốc gia, để điều tiết tất cả các cơ quan bộ, ban, ngành có liên quan và một hệ thống thu thập dữ liệu đồng bộ, bao gồm cả hoạt động theo dõi và giám sát các can thiệp đối với bạo lực trên cơ sở giới. Ví dụ, rất cần phải có những số liệu định kỳ đáng tin cậy về tỷ lệ bị bạo lực, hiện trạng tiếp cận đến hệ thống tư pháp, số phụ nữ bị bạo lực và người gây bạo lực tìm kiếm hỗ trợ (y tế, công an, tư vấn pháp lý, bảo vệ an toàn, hoặc các dịch vụ tư vấn khác…), các khoản chi công cho ngăn ngừa và đối phó bạo lực dựa trên cơ sở giới v.v... Một hệ thống được điều tiết ổn định sẽ đảm bào rằng những dữ liệu thu thập ở cấp quốc gia sẽ mang tính so sánh và do vậy sẽ trở nên rất hữu ích. Nghĩa là, các số liệu này sẽ được sử dụng để nâng cao tính trách nhiệm và phục vụ cho các mục đích định hướng công tác lập kế hoạch về cung cấp dịch vụ và cải thiện chất lượng dịch vụ.

Bộ VHTTDL đã khởi xướng xây dựng một cơ sở dữ liệu cấp bộ về bạo lực gia đình và có thể phát triển thêm thành cơ sở dữ liệu cấp quốc gia. Việc phát triển khung đánh giá và theo dõi thực hiện Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và hướng dẫn hợp tác đa ngành trong thực hiện luật đang được thực hiện. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi để thiết lập hệ thống thu thập dữ liệu thống nhất về bạo lực dựa trên cơ sở giới trên toàn quốc. Các Bộ, ngành hữu quan khác cũng cần có năng lực thu thập, theo dõi và báo cáo số liệu về bạo lực trên cơ sở giới, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, từ cơ sở đến Trung ương.

Xây dựng năng lực về đánh giá và theo dõi, quản lý dữ liệu, phân tích dữ liệu và cải thiện chất lượng dữ liệu, nhằm nâng cao năng lực trong thu thập và phân tích số liệu một cách hiệu quả, là việc cần thiết đối với tất cả các Bộ, ngành, ví dụ Y tế, Tư pháp, dịch vụ xã hội. Hệ thống thu thập dữ liệu cấp quốc gia bao gồm các chỉ số có liên quan tới bạo lực trên cơ sở giới, cần phải được điều chỉnh, cải thiện và cập nhật thường xuyên.

Một điều quan trọng nữa là cần phải tiến hành khảo sát quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ một cách định kỳ, ví dụ 5 năm khảo sát một lần.

PHỤ LỤC 1. NHÓM NGHIÊN CỨU VÀ CÁC CỘNG TÁC VIÊN

Ban Chỉ đạo Điều tra Quốc gia

Tiến sĩ Đỗ Thức, Phó Tổng cục Trưởng Tổng cục Thống kê, Trưởng ban

Ông Nguyễn Phong, Vụ Trưởng Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường, Tổng cục Thống kê. Giám đốc Dự án Thành phần Tổng cục Thống kê thuộc Chương trình chung về Bình đẳng giới, Ủy viên thường trực

Ông Trần Duy Phú, Vụ trưởng vụ Tổ chức cán bộ và đào tạo, Tổng cục Thống kê, Ủy viên.

Ông Trần Đăng Long, Chánh Văn phòng, Tổng cục Thống kê, Ủy viên

Ông Đỗ Anh Kiếm, Phó Vụ Trưởng Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường, Tổng cục Thống kê. Phó giám đốc Dự án Thành phần Tổng cục Thống kê thuộc Chương trình chung về Bình đẳng giới, Ủy viên.

Ông Nguyễn Văn Pháp, Phó Vụ trưởng vụ Công tác Đảng và Quần chúng, Bộ Công An, Ủy Viên.

Ông Nguyễn Hoàng Long, Phó Vụ trưởng vụ Kế hoạch-Tài chính, BYT, Ủy viên

Bà Vũ Ngọc Thủy, Phó Vụ trưởng Vụ Bình Đẳng giới, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Ủy viên

Bà Nguyễn Thu Hà, Chuyên viên Vụ Gia đình, Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch, Ủy viên

Bà Nguyễn Thị Việt Nga, Chuyên viên Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường, Tổng cục Thống kê, Điều phối viên dự án thành phần Tổng cục Thống kê thuộc Chương trình chung về Bình đẳng giới, Ủy viên

Nhóm nghiên cứu

Bà Henrica A.F.M. (Henriette) Jansen, Chuyên gia tư vấn quốc tế về nghiên cứu Bạo lực đối với Phụ nữ, nguyên thành viên nhóm nghiên cứu chính và dịch tễ học trong nghiên cứu Đa quốc gia của Tổ chức Y tế Thế giới về Sức khỏe Phụ nữ và Bạo lực Gia đình với Phụ nữ

Bà Marta Arranz Calamita, Cán bộ Kỹ thuật về Giới và Quyền con người, Văn Phòng Tổ chức Y tế Thế giới tại Việt Nam

Tiến sĩ. Nguyễn Đăng Vững, Chuyên viên chính, Đơn vị Chính sách, Vụ Kế hoạch Tài Chính, Bộ Y tế

Bà Hoàng Tú Anh, Giám đốc, Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIHP), Công ty Tư vấn Đầu tư Y tế (CIHP)

Bà Quách Thu Trang, Cán bộ chương trình Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIHP), Công ty Tư vấn Đầu tư Y tế (CIHP)

Bà Nguyễn Thị Việt Nga, Chuyên viên, Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường, Tổng cục Thống kê, Điều phối viên Dự án Thành phần Tổng cục Thống kê thuộc Chương trình chung về Bình đẳng giới

Ông Đỗ Anh Kiếm, Phó Vụ trưởng Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường, Tổng cục Thống kê, Phó Giám đốc Dự án Thành phần Tổng cục Thống kê thuộc Chương trình chung về Bình đẳng Giới.

Nhóm Tư vấn

Bà Sarah De Hovre, Nguyên Cán bộ Kỹ thuật về Giới và Quyền con người, Văn Phòng Tổ chức Y tế Thế giới tại Việt Nam

Ông Khamsavath Chanthavysouk, Chuyên gia giới, Quĩ Dân số Liên Hợp quốc, Trưởng nhóm làm việc Bạo lực trên cơ sở giới

Bà Ingrid Fitzgerald, Cố vấn giới UN, UNRCO

Aya Matsuura, Chuyên gia về giới, Chương trình hợp tác chung giữa Chính phủ Việt nam và Liên hiệp quốc về Bình đẳng giới

Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng, Chuyên viên Vụ Bình đẳng giới, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Ông Đỗ Hoàng Du, Quyền Vụ Trưởng vụ Gia đình, Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch

Bà Nguyễn Thu Hà, Chuyên viên vụ Gia đình, Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch

Tiến sỹ Vũ Mạnh Lợi, Viện Xã hội học

Các nhân viên và tư vấn khác từ Tổng cục Thống kê

Bà Đoàn Thuận Hòa, chuẩn hóa thủ tục khảo sát, tập huấn điều tra viên, giám sát điều tra thực địa

Bà Nguyễn Thị Loan, chuẩn hóa thủ tục khảo sát, tập huấn điều tra viên, giám sát điều tra thực địa

Bà Tô Thúy Hạnh, chuẩn hóa thủ tục khảo sát, giám sát điều tra thực địa

Bà Nguyễn Thanh Tú, chọn mẫu, giám sát điều tra thực địa

Bà Nguyễn Thanh Tâm, chọn mẫu, giám sát điều tra thực địa

Ông Lê Văn Dụy, Thiết kế mẫu

Ông Ngô Doãn Gác, tính toán quyền số mẫu

Ông Nguyễn Văn Thụy, chọn mẫu, giám sát điều tra thực địa

Bà Phạm Thị Minh Thu, thiết kế chương trình nhập tin, xử lý số liệu

Bà Nguyễn Thị Hơn, giám sát điều tra thực địa

Ông Phạm Xuân Lượng, giám sát điều tra thực địa

Ông Thân Việt Dũng, giám sát điều tra thực địa

Các cán bộ, nhân viên Liên Hợp quốc khác

Tiến sỹ. Jean Marc Olivé, Trưởng đại diện văn phòng Tổ chức Y tế tại Việt Nam

Ông Bruce Campbell, Trưởng đại diện văn phòng quĩ Dân số Liên Hợp quốc tại Việt Nam

Bà Đỗ Thị Minh Châu, Cán bộ chương trình quốc gia, Văn phòng UNFPA Việt nam

Ms. Caroline den Dulk, Quản lý, Nhóm truyền thông Liên Hiệp quốc tại Việt Nam

Ms. Maria F.R. Larringa, Cán bộ truyền thông, nhóm truyền thông Liên Hiệp quốc tại Việt Nam

Danh sách điều tra viên tham gia khảo sát định lượng

Nguyễn Thị Nhung	Nguyễn Thị Lệ Hoài
Nguyễn Thị Thuỷ	Phan Kim Dạ Thảo
Phùng Thị Thủy	Lê Thị An
Nguyễn Thị Bình	Lê Thị Kim Lan
Quách Thị Mùi	Đỗ Thị Thuỳ Linh
Vũ Thị Thành	Nguyễn Thị Kim Thúy
Hoàng Thị Nhung	Hoàng Thị Hương
Phạm Thanh Huyền	Nguyễn Thị Lan
Hoàng Thị Trang	Phạm Thị Thuý
Nguyễn Thị Thu Hằng	Trần Bích Huệ
Trịnh Thị Mai	Lê Thị Nhàn
Trần Thị Thuý	Nguyễn Thị Bình
Nguyễn Thị Xuyến	Nguyễn Thị Thương
TRần Thị Thảo	Đào Thị Thanh Chi
Nguyễn Thị Diệu Hương	Dương Thị Lam
Nguyễn Thị Đào	Nguyễn Thị Khúc
Vũ Thị Nguyệt	Lê Thị Hồng Loan
Vi Thị Lan Hương	Ngô Thị Thuý Kỳ
Hoàng Thị Chít	Nguyễn Thị Khanh
Lưu Thị Kim Dung	Nguyễn Thị Hồng Gấm
Nguyễn Thị Thảo	Hà Thị Ngọc Thanh
Tô Thị Chanh	Nguyễn Thị Duyên
Lê Thị Ngọc	Nguyễn Thị Hồng

Bùi Thị Chăng	Nguyễn Thị Khiêm
Bùi Thị Mười	Văn Thị Ngọc Hân
Nguyễn Thị Loan	Nguyễn Thị Gái
Bùi Thị Ngọc Thuý	Nguyễn Thị Ngọ
Hà Thị Hoa	Hoàng Thị Lại
Phạm Thị Thuận	Bùi Thị Thông
Vũ Thị Xuân	Trịnh Thị Mười
Trần Quỳnh Châu	Nguyễn Bích Thuận
Phan Thị Xuân Hoà	Triệu Thị Anh Đào
Đặng Thị Bích Hoa	Lê Thị Hoàng Oanh
Võ Thị Hống	Vũ Thị Thảo
Lâm Thị Yến	Trần Thị Bình
Nguyễn Thị Quế	

Điều tra viên khác trong điều tra định tính

Bà Hoàng Tú Anh, Giám đốc, Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIHP), Công ty Tư vấn Đầu tư Y tế (CIHP)

Bà Quách Thu Trang, Cán bộ chương trình Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIHP), Công ty Tư vấn Đầu tư Y tế (CIHP)

Bà Vũ Song Hà – Sáng lập viên, Phó giám đốc CCIHP/CIHP

Bà Bùi Thị Thanh Mai – Sáng lập viên, Trưởng phòng đào tạo CCIHP/CIHP

Bà Đặng Huyền Trang – Cán bộ chương trình, CCIHP/CIHP

Bà Nguyễn Thị Vinh – Cán bộ chương trình, CCIHP/CIHP

Bà Đinh Thị Phương Nga – Trợ lý chương trình, CCIHP/CIHP

Tiến Sỹ. Nguyễn Đăng Vững, Chuyên viên chính, Đơn vị Chính sách, Vụ Kế hoạch Tài Chính, BYT

Trợ lý:

Ngô Doãn Thắng, Kế toán Dự án Thành phần Tổng cục Thống kê thuộc Chương trình chung về Bình đẳng giới tại Việt Nam

Trần Thị Tuyết Chinh, Thư ký, Văn phòng Tổ chức Y tế Thế giới tại Việt Nam

Phiên dịch

Ông Vũ Giang Nam

Hiệu đính

Richard C. Gross